

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

NGUYỄN THU HÀ

**KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP CỦA NHÀ BÁO CHÍNH LUẬN
TRUYỀN HÌNH TRONG MÔI TRƯỜNG TRUYỀN THÔNG SỐ**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ BÁO CHÍ HỌC

HÀ NỘI, NĂM - 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

NGUYỄN THU HÀ

**KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP CỦA NHÀ BÁO CHÍNH LUẬN
TRUYỀN HÌNH TRONG MÔI TRƯỜNG TRUYỀN THÔNG SỐ**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ BÁO CHÍ HỌC

Ngành/chuyên ngành : Báo chí học

Mã số : 9 32 01 01

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

GVHD 1

GVHD 2

PGS,TS. Nguyễn Ngọc Oanh

PGS,TS. Trần Quang Diệu

HÀ NỘI, NĂM 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây Luận án “**Kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số**” là công trình nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn của PGS,TS. Nguyễn Ngọc Oanh; PGS, TS. Trần Quang Diệu. Các tài liệu tham khảo, trích dẫn sử dụng trong luận văn là kết quả nghiên cứu của nhiều nhà nghiên cứu có uy tín trong và ngoài nước. Các kết quả nghiên cứu của luận văn tôi thực hiện chưa từng được công bố trước đó.

Học viên

Nguyễn Thu Hà

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BMĐT	Báo mạng điện tử
CLTH	Chính luận truyền hình
ĐH	Đại học
KNNN	Kỹ năng nghề nghiệp
MTTTS	Môi trường truyền thông số
MXH	Mạng xã hội
NBCLTH	Nhà báo chính luận truyền hình
NXB	Nhà xuất bản
PTTH	Phát thanh truyền hình
TT&TT	Thông tin và Truyền thông
TH	Truyền hình
THVN	Truyền hình Việt Nam

DANH MỤC THUẬT NGỮ TIẾNG ANH

AI	Trí tuệ nhân tạo
KOC	Người tiêu dùng có ảnh hưởng trên mạng xã hội
KOL	Người có ảnh hưởng trên mạng xã hội
MOJO	Nhà báo di động
SEO	Tối ưu hóa công cụ tìm kiếm

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1 Các chương trình THCL khảo sát trên VTV1	95
Bảng 2.2 Các chương trình THCL khảo sát trên HTV9	96
Bảng 2.3 Các chương trình THCL khảo sát trên NTV từ 1/2024- 1/2025	97

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1. Các chương trình CLTH có nội dung liên quan tới dư luận trên MXH....	98
Biểu đồ 2.2: Các chương trình CLTH có đề cập phản hồi ý kiến của công chúng	100
Biểu đồ 2.3: Tỷ lệ chương trình CLTH sử dụng thông tin từ nền tảng số	104
Biểu đồ 2.4: Số lượng các chương trình CLTH sử dụng thông tin từ nguồn MXH trong chương trình CLTH.....	104
Biểu đồ 2.5: Chương trình có trích nguồn thông tin từ các trang thông tin chính thống	107
Biểu đồ 2.6: Tỷ lệ các chương trình CLTH có sử dụng tổng hợp dữ liệu	111
Biểu đồ 2.7: Số lượng các chương trình CLTH sử dụng con số thống kê	111
Biểu đồ 2.8: Số lượng các chương trình CLTH sử dụng các dữ liệu thông tin khác ..	112
Biểu đồ 2.9: Tỷ lệ các chương trình có trích dẫn nguồn khi sử dụng dữ liệu	112
Biểu đồ 2.10: Tỷ lệ các chương trình CLTH sử dụng dụng đồ họa minh họa dữ liệu	113
Biểu đồ 2.11: Tỷ lệ các chương trình CLTH sử dụng dụng đồ họa minh họa dữ liệu	116

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1: Những vấn đề chung về truyền thông đa phương tiện.....	29
Hình 1.2: Mối quan hệ thời gian - không gian của 5 ma trận truyền thông chính.....	31
Hình 1.3: Mô hình phẩm chất nghề nghiệp của nhà báo hiện đại	37
Hình 1.4: Bảng tổng hợp các loại- thể báo chí [53, tr.28]	56
Hình 1.5: Chú thích Bảng tổng hợp các loại- thể tác phẩm báo chí [53, tr. 29]	57
Hình 1.6. Nhà báo Trường Phước (trái), Nhà báo Thu Uyên (phải).....	59

Hình 2.1 : Chương trình Đối diện tháng 4/2024 “Phản bác các luận điệu xuyên tạc quyền con người.....	99
Hình 2.2: Thông tin trích từ MXH trong chương trình Đối diện thường đi kèm với dấu gạch chéo	105
Hình 2.3: Chương trình chính luận truyền hình sử dụng nhiều dữ liệu	113

Hình 2.4: Chương trình Bàn tròn thế sự số đặc biệt tháng 11/2024 về diễn biến cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ.....	117
Hình 2.5: chương trình Bàn tròn thế sự trên kênh NTV phỏng vấn khách mời online	117
Hình 2.6: Phóng viên Anh Phương- khách mời online thường xuyên của các chương trình Toàn cảnh thế giới trên VTV1	117
Hình 276: NBCLTH dẫn chương trình Đối diện trên VTV1 (trái) và Góc nhìn HTV trên HTV9 (phải).....	119
Hình 2.8: NBCLTH dẫn chương trình Sự kiện & Bình luận (trái), Vấn đề hôm nay (phải) trên VTV1	119
Hình 2.9: NBCLTH dẫn chương trình Đối thoại (trái), Bàn tròn thế sự (phải) trên NTV	120
Hình 3.1. Chương trình chính luận truyền hình Đối diện trên VTV1.....	133

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Bộ kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình.....	64
Sơ đồ 1.2: Báo chí trong môi trường truyền thông	67
Sơ đồ 1.3. Mô hình KNNN của NBCLTH trong MTTTS	74
Sơ đồ 1.4: Bộ KNNN của NBCLTH trong MTTTS	82

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
TỔNG QUAN KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP CỦA NHÀ BÁO CHÍNH LUẬN TRUYỀN HÌNH TRONG MÔI TRƯỜNG TRUYỀN THÔNG SỐ.....	16
1.1. Hướng nghiên cứu về báo chí chính luận và chính luận truyền hình	16
1.2. Hướng nghiên cứu về báo chí trong môi trường truyền thông số.....	26
1.3. Hướng nghiên cứu về kỹ năng nghề nghiệp nhà báo trong môi trường truyền thông số	36
1.4. Khoảng trống nghiên cứu tồn tại.....	45
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP CỦA NHÀ BÁO CHÍNH LUẬN TRUYỀN HÌNH TRONG MÔI TRƯỜNG TRUYỀN THÔNG SỐ.....	49
1.1. Các khái niệm cơ bản liên quan kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số	49
1.2. Kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số và những thay đổi.....	73
1.3. Những yêu cầu và tiêu chí đánh giá về kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số	82
Chương 2: THỰC TRẠNG KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP CỦA NHÀ BÁO CHÍNH LUẬN TRUYỀN HÌNH TRONG MÔI TRƯỜNG TRUYỀN THÔNG SỐ	94
2.1. Khái quát về các kênh truyền hình trong phạm vi khảo sát	94
2.2. Thực trạng kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số	97
2.3. Đánh giá, nhận xét về kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số	122
Chương 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP CỦA NHÀ BÁO CHÍNH LUẬN TRUYỀN HÌNH TRONG MÔI TRƯỜNG TRUYỀN THÔNG SỐ.....	130
3.1. Một số vấn đề đặt ra về kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số	130

3.2.Một số giải pháp và khuyến nghị nâng cao kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số	139
KẾT LUẬN	171
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI	
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu, hệ sinh thái truyền thông hiện đại đang trải qua những biến đổi sâu sắc cả về cấu trúc công nghệ, mô hình tổ chức sản xuất nội dung và phương thức tiếp nhận thông tin của công chúng. Sự phát triển của internet, mạng xã hội và các nền tảng truyền thông số đã làm thay đổi căn bản cách thức vận hành của báo chí, từ mô hình truyền thông một chiều sang môi trường truyền thông đa nền tảng và tương tác thời gian thực. Nhiều nghiên cứu về truyền thông hiện đại cho rằng sự chuyển dịch này không chỉ là quá trình đổi mới công nghệ mà còn là sự tái cấu trúc toàn diện hoạt động báo chí, trong đó vai trò, chức năng và năng lực nghề nghiệp của nhà báo phải thích ứng với môi trường truyền thông hội tụ [79], [84], [85].

Đối với lĩnh vực truyền hình, quá trình chuyển đổi số càng làm nổi bật sự thay đổi trong phương thức sản xuất và phân phối nội dung. Truyền hình không còn vận hành chủ yếu theo mô hình phát sóng tuyến tính truyền thống, mà đang chuyển dịch sang hệ sinh thái truyền thông đa nền tảng, nơi nội dung được phân phối đồng thời trên truyền hình, mạng xã hội và các nền tảng số. Trong bối cảnh đó, các nghiên cứu quốc tế về báo chí đa phương tiện và báo chí di động đã chỉ ra rằng nhà báo truyền hình ngày càng phải tích hợp nhiều năng lực nghề nghiệp khác nhau như khai thác dữ liệu, sản xuất nội dung đa phương tiện, tương tác với công chúng và thích ứng với môi trường thông tin số [80], [103].

Những thay đổi này đặt ra yêu cầu phải xem xét lại cấu trúc kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo truyền hình trong môi trường truyền thông số.

Ở Việt Nam, trong những năm gần đây đã xuất hiện nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến báo chí truyền hình, báo chí chính luận. Một số nghiên cứu tập trung vào phong cách chính luận, thể loại báo chí chính luận hoặc vai trò của truyền hình trong truyền thông chính sách và định hướng dư luận xã hội. Ngoài ra, một số luận án và công trình khoa học cũng đã khảo sát những khía cạnh cụ thể của hoạt động truyền hình, như ảnh hưởng của thông tin truyền hình đối với công chúng hoặc vai trò của truyền hình trong các hoạt động chính trị - xã hội.

Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu này tiếp cận vấn đề từ góc độ nội dung, thể loại hoặc chức năng xã hội của truyền hình, trong khi những nghiên cứu chuyên sâu về

kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong sự thay đổi của môi trường truyền thông số vẫn còn tương đối hạn chế.

Từ việc tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước có thể nhận thấy một số khoảng trống khoa học đáng chú ý. Thứ nhất, trong hệ thống nghiên cứu về báo chí hiện đại, phần lớn các công trình tập trung vào kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo nói chung, trong khi đối tượng nhà báo chính luận truyền hình, một lực lượng đặc thù trong hệ thống báo chí chưa được khảo sát đầy đủ dưới góc độ cấu trúc kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường truyền thông số. Thứ hai, các nghiên cứu hiện có thường tiếp cận vấn đề từ góc độ công nghệ hoặc truyền thông số, nhưng chưa xây dựng được một khung lý thuyết và khung phân tích hệ thống để nhận diện cấu trúc kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số. Thứ ba, ở Việt Nam vẫn còn thiếu những nghiên cứu thực nghiệm dựa trên khảo sát thực tiễn tại các cơ quan truyền hình nhằm đánh giá một cách toàn diện thực trạng kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số. Trong khi đó, từ góc độ thực tiễn phát triển của báo chí Việt Nam, chính luận truyền hình vẫn giữ vai trò quan trọng trong truyền thông chính sách, định hướng dư luận xã hội và củng cố niềm tin của công chúng đối với hệ thống chính trị.

Trong môi trường truyền thông số, vấn đề đặt ra đối với nhà báo chính luận truyền hình không đơn thuần là bổ sung một số kỹ năng công nghệ để thích ứng với thay đổi của môi trường tác nghiệp. Bản chất của vấn đề sâu xa hơn là sự tái xác lập vị thế nghề nghiệp của một chủ thể truyền thông chính trị - xã hội trong điều kiện quyền lực thông tin đã phân tán, công chúng tham gia phản hồi theo thời gian thực, còn thuật toán nền tảng có khả năng chi phối mạnh mẽ sự chú ý xã hội. Nếu trước đây ưu thế của nhà báo chính luận truyền hình chủ yếu được bảo đảm bởi độ tin cậy của kênh phát sóng và tính chính danh của thiết chế báo chí, thì hiện nay ưu thế ấy chỉ được duy trì khi nhà báo vừa giữ vững bản lĩnh chính trị, năng lực phân tích bình luận, vừa làm chủ dữ liệu, công nghệ và tương tác số để kiến tạo niềm tin công chúng.

Chính vì vậy, nghiên cứu đề tài “***Kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số***” là cần thiết cả về phương diện lý luận và thực tiễn. Nghiên cứu không chỉ góp phần bổ sung cơ sở khoa học cho việc nhận diện cấu trúc kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong bối cảnh chuyển đổi số, mà còn cung cấp các luận cứ khoa học phục vụ công tác đào tạo,

bồi dưỡng và tổ chức hoạt động nghề nghiệp của đội ngũ nhà báo chính luận truyền hình ở Việt Nam hiện nay.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án nhằm nghiên cứu và làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số; trên cơ sở đó nhận diện hệ thống kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số, phân tích thực trạng kỹ năng nghề nghiệp của đội ngũ này tại một số cơ quan truyền hình ở Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu nêu trên, luận án thực hiện các nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, làm rõ một số khái niệm, vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số, qua đó nhận diện bộ kỹ năng và tiêu chí đánh giá kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số.

Thứ hai, khảo sát thực trạng kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình tại kênh VTV1 (Đài Truyền hình Việt Nam), HTV9 (Đài Truyền hình TP Hồ Chí Minh) và NTV (Đài PT-TH Nghệ An nay là Báo và Đài PT-TH Nghệ An), nhằm nhận diện những biểu hiện cụ thể, những kết quả đạt được và những hạn chế trong kỹ năng nghề nghiệp của đội ngũ này.

Thứ ba, trên cơ sở phân tích lý luận và khảo sát thực tiễn, đề xuất một số giải pháp và khuyến nghị nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số.

3 Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các kỹ năng nghề nghiệp của các nhà báo chính luận truyền hình.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về thời gian khảo sát của đề tài từ tháng 1/2023 đến tháng 1/2025. Đây là thời gian các đài truyền hình đã tham gia tích cực vào môi trường truyền thông số, đồng thời tiếp tục đảm nhận nhiệm vụ sản xuất các chương trình chính luận truyền

hình quan trọng.

Tác giả lựa chọn khảo sát hoạt động của các nhà báo chính luận truyền hình tại 3 kênh truyền hình với tiêu chí: là các kênh truyền hình uy tín, có nhiều chương trình truyền hình chính luận nổi bật, đại diện từ trung ương và địa phương, đại diện các vùng miền khác nhau, có nhiều người theo dõi và đang đi đầu trong nỗ lực thay đổi để thích ứng với môi trường truyền thông số:

- Kênh VTV1 của Đài Truyền hình Việt Nam là kênh thông tin thời sự chính luận tổng hợp, đề cập các vấn đề thời sự quan trọng hàng đầu của toàn quốc. Đây cũng là kênh truyền hình đầu tiên của Đài Truyền hình Việt Nam, hiện phát sóng 24/24h hàng ngày. Các nội dung trên kênh VTV1 gồm ... bản tin thời sự hàng ngày và ... chuyên mục, trong đó có những chương trình truyền hình chính luận có bề dày và uy tín như *Vấn đề hôm nay*, *Sự kiện và Bình luận*, *Đối diện*. Kênh VTV1 cũng là nơi có đội ngũ nhà báo chính luận truyền hình có uy tín hàng đầu cả nước. Đồng thời các chương trình chính luận truyền hình của VTV1 đã được phân phối rộng rãi trên các nền tảng số của Đài Truyền hình Việt Nam và có lượng người xem cũng như tương tác cao.

- Kênh HTV9 là một trong hai kênh đầu tiên của Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh, có chức năng là kênh Thời sự- Chính luận- Tổng hợp. Kênh HTV9 là một trong những kênh truyền hình địa phương có bề dày về nội dung chính luận, và là một trong những kênh thiết yếu đối với khán giả Thành phố HCM và các tỉnh lân cận. Kênh HTV9 có các chương trình truyền hình chính luận tiêu biểu như: *Người trong cuộc*, *Góc nhìn HTV* ... Nhiều tác phẩm truyền hình chính luận của HTV9 đã đạt giải cao trong các giải báo chí quốc gia. Ngoài ra các chương trình của HTV9 cũng đang được lan tỏa rộng rãi trên các nền tảng số của Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt là thông qua Nền tảng Tin tức Thế hệ mới, cùng với định dạng tin tức đa phương được triển khai trên nền tảng số của Đài Truyền hình TP Hồ Chí Minh.

- Kênh NTV của Đài PT-TH Nghệ An (sau tháng 6/2025 là Báo và Đài PTTH Nghệ An) là một trong những kênh truyền hình địa phương chú trọng đầu tư xây dựng các chương trình chính luận truyền hình như *Đối thoại*, *Bàn tròn thế sự*... Đáng chú ý các chương trình chính luận truyền hình của NTV đều được phát trực tiếp trên sóng và các nền tảng số, có lượng theo dõi và tương tác lớn. Căn cứ theo tiêu chí đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông năm 2024, NTV cũng là một trong những kênh truyền hình địa phương được đánh giá đạt mức độ xuất sắc trong chuyển đổi số.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên cơ sở hệ thống các quan điểm của chủ nghĩa Mác, Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về báo chí, truyền thông; các quan điểm và chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước phát triển báo chí, truyền hình và chuyển đổi số trong lĩnh vực báo chí. Tham khảo các quan điểm hiện đại và tiếp thu kiến thức từ các công trình khoa học đã được công bố về lý thuyết báo chí truyền thông, báo chí chính luận, chính luận truyền hình, truyền thông số, kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình...

Luận án cũng dựa trên một số lý thuyết truyền thông để tiến hành nghiên cứu, bao gồm:

- *Lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự*

Theo lý thuyết này, truyền thông đại chúng có thể không trực tiếp tạo ra dư luận xã hội, nhưng lại có khả năng xác định chương trình nghị sự (Agenda-setting) cho dư luận xã hội. Bernard Cohen (1963) đã phát hiện ra điều này khi ông viết một câu nổi tiếng là: báo chí có thể không phải lúc nào cũng thành công trong việc nói cho mọi người biết phải nghĩ gì, nhưng báo chí lại cực kỳ thành công trong việc nói cho mọi người biết cần phải nghĩ về điều gì. “Những vấn đề được các hãng truyền thông coi là “chuyện đại sự” để đưa tin thì cũng được coi là “chuyện đại sự” “phản ánh trong nhận thức của công chúng” [21]. Các hãng truyền thông càng quan tâm thì mức độ quan tâm của công chúng về vấn đề này càng cao. Nó tác động tới công chúng nghĩ gì, và tiếp đó là nghĩ như thế nào? “Truyền thông đại chúng có chức năng sắp đặt chương trình nghị sự cho công chúng”. Có 3 con đường để báo chí lên chương trình nghị sự cho công chúng: diện tích (thời lượng), tần suất, và vị trí nổi bật (giờ vàng).

Trong bối cảnh truyền thông số phát triển mạnh mẽ, lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự không chỉ giữ nguyên tầm quan trọng mà còn có những tác động sâu rộng đến kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận. Mặc dù công nghệ số mang lại nhiều cơ hội để tiếp cận và ảnh hưởng đến công chúng, nó cũng đi kèm với những thách thức lớn về đạo đức, tính chính xác, và trách nhiệm xã hội. Nhà báo chính luận nói chung và nhà báo chính luận truyền hình cần nắm rõ lý thuyết này để có thể vận dụng vào việc định hướng dư luận xã hội trong môi trường truyền thông số. Làm sao phải giành được quyền chủ động thiết lập chương trình nghị sự.

Lý thuyết Thiết lập chương trình nghị sự được xác định là hệ quy chiếu lý luận

xuyên suốt và là thước đo cốt lõi để phân tích, kiến giải toàn bộ các kỹ năng nghề nghiệp được đề cập trong luận án. Nó chính là công cụ để trả lời câu hỏi trung tâm: Các kỹ năng của nhà báo chính luận truyền hình phải vận động và biến đổi như thế nào để thực thi được sứ mệnh cốt lõi là dẫn dắt chương trình nghị sự quốc gia trong môi trường số? Toàn bộ hệ thống kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình, từ truyền thống đến hiện đại, sẽ được soi chiếu qua lăng kính của lý thuyết này.

Dựa trên lý thuyết này, các giải pháp mà luận án đề xuất sẽ không mang tính chung chung, hình thức. Thay vào đó, mọi giải pháp về đào tạo, về cơ chế hoạt động, về đầu tư công nghệ... đều nhằm mục tiêu là giúp nhà báo chính luận truyền hình giành lại và giữ vững vai trò kiến tạo, dẫn dắt chương trình nghị sự quốc gia một cách hiệu quả trong bối cảnh cạnh tranh thông tin phức tạp.

- Lý thuyết truyền thông hai bước

Lý thuyết về truyền thông hai bước: Bước một là thông điệp được truyền đến thủ lĩnh ý kiến, đó là người thạo tin, có kiến thức chuyên môn và có uy tín, quyền lực ảnh hưởng đến ý kiến của người khác; và, bước hai là thông điệp được truyền từ thủ lĩnh ý kiến đến công chúng gồm những người khác để từ đó hình thành nên dư luận xã hội (Katz, 1957). Các nghiên cứu thực nghiệm theo lý thuyết này cho thấy thủ lĩnh ý kiến là người thạo tin và có vị thế xã hội trong một cộng đồng nhất định mà các thành viên khác thiếu hoặc không có thông tin và phải tìm đến thủ lĩnh ý kiến để biết thông tin.

Trong bối cảnh truyền thông số hiện đại, lý thuyết này vẫn giữ nguyên giá trị và có những tác động sâu sắc đến kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình. Nhà báo chính luận trở thành “người dẫn dắt dư luận”: Trong môi trường truyền thông số, lượng thông tin khổng lồ và đa dạng khiến công chúng dễ bị quá tải. Nhà báo chính luận có vai trò quan trọng hơn bao giờ hết trong việc chọn lọc, phân tích và trình bày thông tin một cách khách quan, chính xác, giúp công chúng định hình quan điểm [21, tr 134].

Lý thuyết Truyền thông hai bước được vận dụng trong luận án như một công cụ lý luận để lý giải sự biến đổi vai trò và kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình. Trong môi trường truyền thông số, lý thuyết này giúp luận giải tại sao nhà báo không chỉ cần tạo ra nội dung tốt, mà còn phải có kỹ năng để trở thành hoặc hợp tác hiệu quả với các “thủ lĩnh ý kiến” (opinion leaders) thế hệ mới, nhằm khuếch đại và hợp thức hóa thông điệp chính luận.

Lý thuyết này giúp chúng ta luận giải một cách khoa học rằng, nhà báo chính luận truyền hình tự thân họ đã là một “thủ lĩnh ý kiến” có sức ảnh hưởng lớn do vị thế nghề nghiệp. Tuy nhiên, trong môi trường số, vai trò này không còn là mặc định. Để thực sự là “thủ lĩnh”, họ phải phát triển các kỹ năng mới. Lý thuyết này cung cấp cơ sở để khẳng định rằng, một chiến lược truyền thông chính luận hiệu quả không thể bỏ qua các “trạm trung chuyển” thông tin là các thủ lĩnh ý kiến. Dựa trên lý thuyết này, luận án sẽ đề xuất các giải pháp không chỉ tập trung vào cá nhân nhà báo, mà còn vào việc xây dựng hệ sinh thái truyền thông chính luận.

Lý thuyết Truyền thông hai bước chính là chìa khóa để luận giải sự dịch chuyển trong phương thức tác động của nhà báo chính luận truyền hình: từ tác động trực tiếp, đại chúng (mass communication) sang mô hình tác động gián tiếp, có chủ đích thông qua các mạng lưới xã hội và các nút thông tin quan trọng. Nó giúp làm rõ tại sao trong kỷ nguyên số, uy tín cá nhân và năng lực kết nối cộng đồng lại trở thành những kỹ năng sống còn của nhà báo chính luận.

- Lý thuyết xã hội thông tin

Khái niệm và ý tưởng về xã hội thông tin xuất hiện cùng với sự ra đời và phát triển của công nghệ số. Cách mọi người kết nối, giao tiếp, làm việc, học tập và giải trí đã thay đổi do Internet, mạng xã hội, thiết bị di động và các công nghệ khác. Kết quả là, xã hội thông tin đã mang đến những cơ hội chưa từng có cho tinh thần kinh doanh, đổi mới và chuyển đổi xã hội [91].

Các nhà tư tưởng đầu tiên đề cập tới lý thuyết xã hội thông tin như Marshall McLuhan đã tiên đoán về một “ngôi làng toàn cầu”, khi mà sự phát triển không ngừng của các phương tiện thông tin đại chúng (rõ nhất là thời kỳ phát thanh truyền hình và sau này là thời kỳ internet) đã tạo điều kiện cho mọi người ở những nơi khác nhau trên thế giới có một cái nhìn đồng thời và giống nhau về những sự kiện đang diễn ra quanh họ. Từ thập niên 60 và 70 của thế kỷ XX, các nhà nghiên cứu ở các nước phương Tây đã đề cập tới xã hội thời kỳ “hậu công nghiệp”, là thời kỳ thống trị của thông tin và những ngành gắn với thông tin, hay còn gọi là kỷ nguyên thông tin. Alvin Tofler, tác giả của những cuốn sách nổi tiếng như *Cú sốc tương lai*, và *Làn sóng thứ ba* là một trong những nhà tương lai học xuất sắc nhất của thế kỷ XX. Ông cho rằng từ giữa thế kỷ XX nhân loại đã bước vào làn sóng thứ 3- làn sóng hậu công nghiệp với vai trò của cuộc cách mạng khoa học công nghệ. Tác giả Manuel Castells- nhà lý thuyết người Tây Ban Nha với công trình 3 tập *Thời đại thông tin* đã phân tích rất sâu về những xu

hướng nổi bật trong xã hội thông tin. Castells thảo luận về các công nghệ truyền thông và truyền thông mới dựa trên kết nối mạng, cho rằng chúng đang góp phần tạo ra sự thay đổi cơ bản trong văn hóa. Sự phát triển mới được gọi là “văn hóa ảo thực”, mô tả một nền văn hóa được tổ chức xung quanh các phương tiện truyền thông điện tử. Ông nói rằng “không gian của dòng chảy và thời gian vô tận là nền tảng vật chất của một nền văn hóa mới, nền văn hóa của xã hội mạng [113, tr 98-99].

Lý thuyết xã hội thông tin cũng đã làm thay đổi vai trò của cả nhà báo và khán giả. Trong xã hội thông tin, nhà báo không còn là những người độc quyền nắm giữ và truyền tải thông tin, mà họ trở thành những người quản lý và xác thực thông tin từ nhiều nguồn khác nhau. Nhà báo hiện đại phải đối mặt với thách thức về tính xác thực của tin tức, do sự lan truyền nhanh chóng của tin giả và thông tin sai lệch. Khán giả, mặt khác, không còn là những người thụ động tiếp nhận tin tức. Họ có thể tham gia vào quá trình tạo ra thông tin thông qua các nền tảng như blog, mạng xã hội, và các trang tin tức cộng đồng. Điều này dẫn đến sự thay đổi trong mối quan hệ giữa nhà báo và khán giả, từ mối quan hệ một chiều sang mối quan hệ tương tác và hợp tác nhiều chiều. Xã hội thông tin cũng đặt ra những yêu cầu mới về đạo đức và trách nhiệm đối với báo chí. Trong bối cảnh thông tin có thể dễ dàng bị bóp méo hoặc bị lợi dụng cho các mục đích không chính đáng, các tổ chức báo chí và nhà báo phải đề cao trách nhiệm trong việc kiểm chứng thông tin và bảo vệ sự thật. Đồng thời, họ cần phải nhận thức rõ hơn về những ảnh hưởng của tin tức đến xã hội, đảm bảo rằng thông tin mà họ cung cấp không gây hại hoặc tạo ra sự hoang mang trong cộng đồng. Sự phát triển của công nghệ thông tin cũng đã mở ra cơ hội cho các tổ chức báo chí nhỏ, độc lập và các phương tiện truyền thông mới ngày càng phụ thuộc vào thông tin, các nhà báo cần phải tiếp tục đổi mới và thích ứng để có thể thực hiện tốt vai trò của mình trong việc cung cấp thông tin chính xác, khách quan và hữu ích cho công chúng. Đồng thời, báo chí cũng cần phải đối mặt và giải quyết những thách thức về tính phân cực và sự lan truyền của thông tin sai lệch trong xã hội thông tin hiện đại. Đây cũng là những nhiệm vụ quan trọng của các nhà báo chính luận, trong đó có các nhà báo chính luận truyền hình.

Lý thuyết Xã hội thông tin không chỉ mô tả bối cảnh, mà còn cung cấp hệ tọa độ lý luận căn bản để định vị vai trò, chức năng và toàn bộ hệ thống kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong MTTTS. Nó lý giải tại sao các kỹ năng phải biến đổi, đồng thời xác lập những yêu cầu mang tính tất yếu khách quan đối với nghề báo trong một xã hội mà thông tin trở thành nguồn tài nguyên và quyền lực cốt lõi.

Cụ thể, lý thuyết này được vận dụng trực tiếp để:

Luận giải tính cấp thiết và bản chất của sự biến đổi kỹ năng trong Chương II của luận án: Lý thuyết này chính là câu trả lời khoa học cho câu hỏi: Tại sao nhà báo chính luận truyền hình không thể giữ mãi những kỹ năng cũ? Bởi vì toàn bộ cấu trúc xã hội đã thay đổi.

Lý thuyết này cung cấp cơ sở để khẳng định rằng, trong “xã hội mạng” (Castells, 1996), quyền lực không còn nằm ở việc sở hữu kênh phát sóng, mà nằm ở năng lực quản lý và điều hướng thông tin. Điều này trực tiếp dẫn đến yêu cầu về các kỹ năng được phân tích trong chương II.

Lý thuyết này cũng làm cơ sở cho tầm nhìn và các giải pháp mang tính chiến lược trong Chương III của luận án: Hiểu rõ bản chất của xã hội thông tin giúp chúng ta đề xuất những giải pháp không chỉ giải quyết vấn đề trước mắt mà còn mang tính đón đầu. Các đề xuất sẽ không chỉ dừng ở việc đào tạo kỹ năng cụ thể, mà phải là thay đổi tư duy, xây dựng văn hóa số trong các cơ quan báo chí, và thiết lập các quy trình tác nghiệp mới phù hợp với dòng chảy phi tuyến tính.

Lý thuyết Xã hội thông tin giúp luận án vượt lên trên việc chỉ mô tả kỹ năng đơn thuần, để lý giải một cách sâu sắc và hệ thống về sự tái định vị mang tính lịch sử của nhà báo chính luận truyền hình trong một trật tự xã hội và truyền thông đã thay đổi về căn bản.

Việc vận dụng các lý thuyết nêu trên trong luận án không dừng lại ở mức độ trích dẫn hay khái quát khung lý luận, mà được triển khai theo logic sau:

Một là, sử dụng các luận điểm liên quan tới vai trò của nhà báo trong thiết lập chương trình nghị sự, trong cơ chế truyền thông hai bước và xã hội thông tin để phân tích và nhận diện kỹ năng và tiêu chí kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số.

Hai là, thông qua khảo sát thực tiễn tại các cơ quan truyền hình được lựa chọn, luận án đánh giá thực trạng kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình, từ đó xác định những biểu hiện phù hợp hoặc chưa phù hợp với những luận điểm lý thuyết đã nêu.

Ba là, trên cơ sở đối chiếu giữa khung lý thuyết và kết quả khảo sát thực tiễn, luận án chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa lý luận và thực tiễn trong bối cảnh Việt Nam, đặc biệt là những yếu tố đặc thù về chính trị, tổ chức và văn hóa nghề nghiệp của báo chí cách mạng.

Bốn là, các giải pháp được đề xuất không được suy diễn trực tiếp từ lý thuyết, mà được xây dựng trên cơ sở các phát hiện thực tiễn đã được phân tích và đối chiếu với khung lý luận. Theo đó, lý thuyết đóng vai trò là công cụ soi chiếu và định hướng phân tích, còn giải pháp được rút ra từ kết quả nghiên cứu cụ thể trong bối cảnh Việt Nam.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết những nhiệm vụ khoa học đề tài đặt ra, tác giả sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết được sử dụng để tiến hành tra cứu sách, các tài liệu có liên quan đến đề tài nhằm tổng hợp thành cơ sở lý luận và thực tiễn để phục vụ cho mục đích nghiên cứu đề tài. Đây là một trong những phương pháp được sử dụng xuyên suốt quá trình nghiên cứu của luận án, đặc biệt trong quá trình nghiên cứu tổng quan tài liệu. Nghiên cứu sinh đã tiếp cận các tài liệu liên quan đề tài nghiên cứu không chỉ từ góc độ thu thập thông tin và kiến thức, mà còn sử dụng phương pháp phân tích để tìm ra những quan điểm chủ đạo, những điểm tương đồng, những điểm khác biệt và còn tranh luận của các tác giả, tác phẩm nghiên cứu về kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo, về báo chí chính luận và chính luận truyền hình, về môi trường truyền thông số. Từ đó tổng hợp thành các khái niệm chính của đề tài nghiên cứu, cũng như đưa ra những xu hướng quan trọng trong MTTTS, đặc điểm chính, các yêu cầu và tiêu chí của KNNN của NBCLTH trong MTTTS...

Phương pháp phân loại và hệ thống hóa lý thuyết được sử dụng để phân loại các thông tin nghiên cứu thành những chủ đề có liên quan đến nhau, cùng một hướng trong đề tài, bao gồm các hướng nghiên cứu về báo chí và truyền hình chính luận, báo chí trong môi trường truyền thông số, kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo trong môi trường truyền thông số. Phương pháp này được sử dụng chủ đạo trong quá trình tổng quan tài liệu nghiên cứu, giúp xác định các hướng nghiên cứu chính cả ở trong nước và nước ngoài. Thông qua việc sử dụng phương pháp phân loại và hệ thống hóa lý thuyết, tác giả cũng có cơ sở để xây dựng hệ thống khái niệm cơ bản, đồng thời nhận diện được những khoảng trống nghiên cứu, xác định đề tài nghiên cứu bù lấp khoảng trống đó, và nhận thức sâu sắc hơn tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu.

Phương pháp quan sát tham dự theo thời gian và không gian đã đề ra trong phạm vi nghiên cứu để nắm được chi tiết và đặc điểm về KNNN của NBCLTH trong MTTTS. Đây là một trong những phương pháp rất thuận lợi đối với tác giả, vốn là một

nhà báo chính luận truyền hình nhiều năm tại kênh VTV1. Với gần 28 năm làm việc trong lĩnh vực chính luận truyền hình, bao gồm trực tiếp tham gia các chương trình chính luận truyền hình và đào tạo tại nhiều đài truyền hình trên cả nước. Vô hình trung tác giả cũng có từng đó năm thực hành phương pháp quan sát tham dự đối với kỹ năng nghề nghiệp của NBCLTH. Qua đó lượng thông tin thu được khá lớn, rất chi tiết, toàn diện và có độ chính xác cao.

Phương pháp phân tích nội dung định lượng và định tính, sử dụng để khảo sát các chương trình chính luận truyền hình trong phạm vi nghiên cứu, ghi nhận, liệt kê và mô tả các yếu tố biểu hiện trong nội dung và hình thức của các chương trình liên quan tới và tiêu chí đánh giá KNNN của NBCLTH trong MTTTS. Tác giả sử dụng phương pháp này để khảo sát và phân tích 700 chương trình chính luận truyền hình trên kênh VTV1, HTV9 và NTV. Ví dụ, phương pháp phân tích nội dung định lượng được sử dụng để thống kê các chương trình có sử dụng dữ liệu, có minh họa đồ họa, có sử dụng phương pháp phỏng vấn online... Trong khi đó phương pháp phân tích nội dung định tính được sử dụng để nhận định phong cách dẫn của NBCLTH, sắc thái của lời dẫn ... Từ đó sử dụng phương pháp thống kê, phân tích, so sánh các số liệu thu được trong quá trình khảo sát các tác phẩm chính luận truyền hình, để có những phân tích nhận định phù hợp và khoa học về biểu hiện KNNN của NBCLTH trong MTTTS thông qua các chương trình.

Phương pháp phỏng vấn sâu các đối tượng liên quan, trong đó có các nhà báo chính luận truyền hình, lãnh đạo Ban biên tập, chuyên gia về chính luận truyền hình... để biết được thông tin mô tả, nhận thức, tư duy, lý giải, các quan điểm khác nhau, nguyên nhân và giải pháp cho các vấn đề về KNNN của NBCLTH trong MTTTS. Đối tượng phỏng vấn gồm: 20 nhà báo chính luận truyền hình đang trực tiếp thực hiện các chương trình chính luận truyền hình tại các kênh truyền hình được khảo sát trong thời điểm khảo sát, 5 lãnh đạo kênh truyền hình được khảo sát là những người trực tiếp duyệt và phụ trách các chương trình chính luận truyền hình được khảo sát, 5 chuyên gia về chính luận truyền hình và truyền thông số là những người có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chính luận truyền hình, đồng thời có tham gia nghiên cứu và kinh nghiệm về lĩnh vực truyền thông số. Đây là một trong những phương pháp được tác giả chú trọng nhất, dựa trên kinh nghiệm và hiểu biết sâu về thực tiễn trong lĩnh vực chính luận truyền hình. Các câu hỏi phỏng vấn sâu được thiết kế dựa trên nhu cầu nghiên cứu toàn diện về thực trạng, nguyên nhân và giải pháp nâng cao KNNN của NBCLTH trong MTTTS. Đồng thời được gia cố và bổ sung trong quá trình nghiên cứu, hỗ trợ cho các kết quả

nghiên cứu từ các phương pháp khác, đặc biệt là phương pháp phân tích nội dung định lượng và định tính.

Phương pháp chuyên gia nhằm tiếp cận và tiếp thu trí tuệ của đội ngũ chuyên gia là các nhà báo chính luận và chính luận truyền hình có tên tuổi không phải trong nhóm đối tượng nghiên cứu, và các chuyên gia hàng đầu về báo chí chính luận và truyền thông số, nhằm thu thập thông tin khoa học, ghi chép các nhận định đánh giá về kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số, làm cơ sở để bổ sung chỉnh sửa cho vấn đề nghiên cứu.

Phương pháp nghiên cứu trường hợp khi tiếp cận một vài chương trình chính luận truyền hình ở các kênh khác nhau, một vài nhà báo chính luận truyền hình có yếu tố đặc thù như phương pháp tác nghiệp, phụ trách chương trình có tính chất đặc thù.. để kiểm chứng cho việc áp dụng lý thuyết, cũng như có những thông tin mở rộng khi nghiên cứu.

5. Câu hỏi nghiên cứu

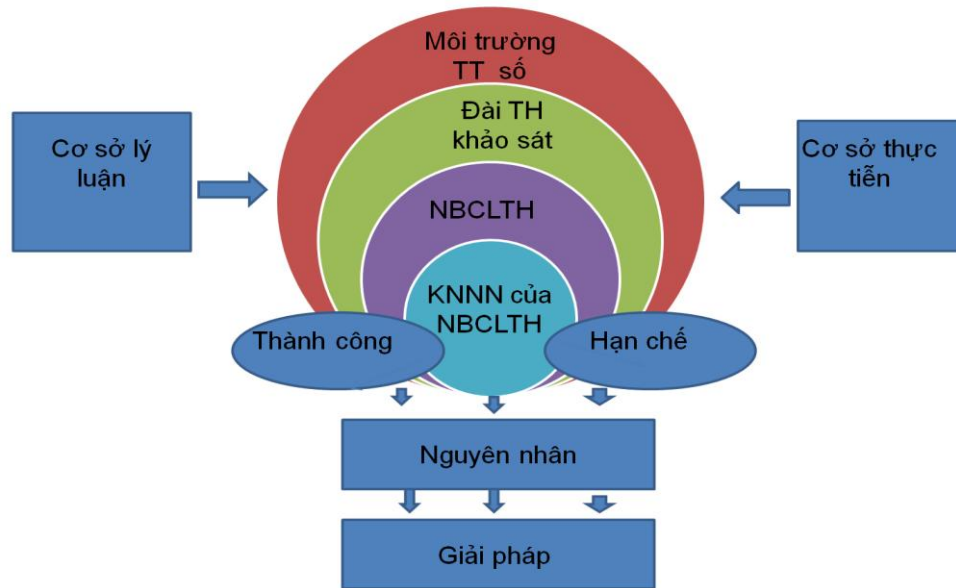
Câu hỏi 1: Kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số cần được hiểu như thế nào và bao gồm những thành tố cơ bản nào?

Câu hỏi 2: Thực trạng kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình tại các cơ quan truyền hình được khảo sát hiện nay ra sao?

Câu hỏi 3: Những vấn đề đặt ra đối với kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số là gì?

Câu hỏi 4: Cần có những giải pháp và khuyến nghị nào nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số?

6. Mô hình phân tích



7. Đóng góp mới của đề tài

Luận án góp phần bổ sung và làm rõ hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn về kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình, đồng thời làm sâu sắc thêm các khái niệm liên quan đến báo chí chính luận, chính luận truyền hình và truyền thông số. Đặc biệt, luận án tập trung phân tích, luận giải để đề ra bộ KNNN của NBCLTH trong MTTTS, những tiêu chí và yêu cầu cụ thể đối với kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong bối cảnh môi trường truyền thông số đang phát triển mạnh mẽ và tác động sâu rộng đến hoạt động báo chí hiện nay. Các hướng nghiên cứu này góp phần bù lấp những khoảng trống còn tồn tại trong lĩnh vực báo chí học liên quan tới kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong MTTTS.

Trên cơ sở khảo sát, phân tích thực tiễn và tổng kết kinh nghiệm nghề nghiệp, luận án cung cấp những kết quả nghiên cứu thực chứng về thực trạng kỹ năng nghề nghiệp của đội ngũ nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số tại một số đơn vị chính luận truyền hình tiêu biểu và có ảnh hưởng lớn ở Việt Nam, gồm: kênh Thời sự - Chính luận tổng hợp VTV1 (Đài Truyền hình Việt Nam), kênh HTV9 (Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh) và kênh NTV (Đài Phát thanh - Truyền hình Nghệ An, nay là Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Nghệ An). Các kết quả này góp phần phản ánh tương đối toàn diện bức tranh thực tiễn về năng lực, phương thức tác nghiệp và những thách thức đặt ra đối với nhà báo chính luận truyền

hình trong giai đoạn chuyển đổi số.

Từ việc chỉ ra những hạn chế, bất cập và vấn đề đặt ra trong thực tiễn tác nghiệp, luận án đề xuất hệ thống kiến nghị và giải pháp nhằm bổ sung, hoàn thiện và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số. Đặc biệt, luận án xây dựng các yêu cầu và tiêu chí đánh giá kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong MTTTS, làm cơ sở tham khảo cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và thực hành nghề nghiệp. Từ đây, luận án không chỉ góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả các sản phẩm chính luận trên truyền hình, đóng góp mô hình phát triển hiệu quả cho các kênh truyền hình chính luận trong môi trường truyền thông số, mà còn là nguồn thông tin hữu ích cho các cơ sở đào tạo báo chí truyền thông. Qua đó đóng góp thiết thực vào việc củng cố vai trò, uy tín và sức mạnh của nền báo chí cách mạng Việt Nam trong môi trường truyền thông số nhiều thách thức.

8. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

8.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần bổ sung và làm rõ cơ sở lý luận về kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số, một vấn đề còn thiếu những nghiên cứu trực tiếp và hệ thống trong chuyên ngành Báo chí học. Trên cơ sở tổng quan nghiên cứu, luận án chỉ ra khoảng trống học thuật đối với đối tượng nhà báo chính luận truyền hình và đối với hệ thống kỹ năng nghề nghiệp của lực lượng này trong bối cảnh truyền thông số. Từ đó, luận án góp phần cụ thể hóa các khái niệm trung tâm, nhận diện bộ kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số, đồng thời xây dựng yêu cầu và tiêu chí đánh giá tương ứng. Theo nghĩa đó, nghiên cứu không thiết lập lý thuyết mới, nhưng góp phần mở rộng và hệ thống hóa lý luận chuyên ngành về báo chí chính luận truyền hình trong điều kiện chuyển đổi số.

8.2. Ý nghĩa thực tiễn

Các kết quả nghiên cứu có thể ứng dụng trong thực tế các đài truyền hình ở Việt Nam. Luận án là cơ sở kiểm chứng, đồng thời tổng kết đánh giá lại kỹ năng nghề nghiệp của các nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số, soi chiếu với các vấn đề lý thuyết và cơ sở lý luận, tìm ra những khoảng trống cần bù lấp, nhưng xu hướng cần cập nhật, những tư duy và cách làm mới mẻ trong lĩnh vực chính luận truyền hình. Thông tin có thể giúp các đài truyền hình có thêm những gợi ý hữu

ích trong quá trình xây dựng, củng cố đội ngũ nhà báo chính luận và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả của các chương trình chính luận trong môi trường truyền thông. Từ đó phát triển các chương trình chính luận truyền hình như một trong những công cụ chủ lực để truyền thông các chủ trương chính sách của Đảng, nhà nước, bảo vệ nền tảng tư tưởng, đấu tranh phản bác thông tin xấu độc, đồng thời cũng là kênh giám sát, phản biện xã hội sắc bén. Đây cũng sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích cho những người đang giảng dạy, học tập, nghiên cứu trong lĩnh vực báo chí truyền thông, cụ thể là các nội dung liên quan tới báo chí chính luận, chính luận truyền hình và truyền thông số. Ngoài ra luận án cũng sẽ là nguồn tham khảo hữu ích cho những người làm trong lĩnh vực hoạch định chính sách về văn hóa tư tưởng, những người làm công tác tuyên giáo, giúp họ có thêm thông tin về những kỹ năng cần có của người làm báo chí chính luận và chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số. Từ đó có những chỉ đạo sát với thực tế, nhằm phát huy sức mạnh của báo chí chính luận trên mặt trận văn hóa tư tưởng.

9. Cấu trúc của luận án

Luận án “*Kỹ năng nghề nghiệp nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số*” ngoài các phần Mở đầu, Tổng quan, Kết luận, Tài liệu tham khảo, Phụ lục, Luận án gồm có 3 chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận liên quan tới kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số

Chương 2: Thực trạng kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số

Chương 3: Giải pháp, khuyến nghị nâng cao kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số

TỔNG QUAN
KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP
CỦA NHÀ BÁO CHÍNH LUẬN TRUYỀN HÌNH
TRONG MÔI TRƯỜNG TRUYỀN THÔNG SỐ

1.1. Hướng nghiên cứu về báo chí chính luận và chính luận truyền hình

1.1.1 Các tác phẩm nghiên cứu trong nước

Nổi bật trong hướng nghiên cứu về báo chí chính luận là các tuyển tập các tác phẩm chính luận của những cây bút chính luận xuất sắc của Việt Nam trong những giai đoạn phát triển của báo chí thế kỷ 20. Tiếp cận các tuyển tập này, độc giả và các nhà nghiên cứu có thể hình dung một cách rõ nét tính chất, vai trò và văn phong của báo chí chính luận và các cây bút chính luận lớn. Cuốn sách “*Sự nghiệp báo chí và văn học của Hồ Chí Minh*” của Giáo sư Hà Minh Đức được Nhà xuất bản Giáo dục phát hành năm 2003 là một công trình nghiên cứu sâu sắc, toàn diện về sự nghiệp báo chí và văn học của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cuốn sách nêu bật những đóng góp của Hồ Chí Minh với tư cách là nhà báo vô sản lớn nhất của báo chí cách mạng Việt Nam. Người đã tham gia hoạt động báo chí liên tục trong suốt cuộc đời. Tổng số bài báo Người đã viết là trên 2.000 bài. Hồ Chí Minh còn là người sáng lập nhiều tờ báo như: Người cùng khổ, Việt Nam độc lập... và tham gia viết cho nhiều tờ báo trong nước, nước ngoài. Sách cũng phân tích những sự thay đổi ở văn phong và ngôn ngữ của nhà báo Hồ Chí Minh ở mỗi thời kỳ lịch sử, để phục vụ nhiệm vụ cách mạng. Từ đây các nhà nghiên cứu có thể nhận thức sâu sắc về những bài học trong nghề báo và báo chí chính luận. Đó là những câu hỏi cốt lõi về sứ mệnh của báo chí cách mạng: Vì ai mà viết? Mục đích viết làm gì? Viết cái gì?... “*Muốn cho người xem hiểu được, nhớ được, làm được thì phải viết cho đúng trình độ của người xem, viết rõ ràng, gọn gàng, chớ dùng nhiều chữ*”. Với Người báo chí chính là vũ khí sắc bén để đấu tranh cách mạng, cho hòa bình, độc lập và tự do cho nhân dân [11].

Các cuốn tuyển tập các tác phẩm của các cây bút chính luận của báo chí cách mạng Việt Nam thế kỷ 20 như *Theo bước chân đổi mới (Bình luận báo chí)* của Hữu Thọ, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 2002. Cuốn sách tuyển chọn những bài bình luận, thuyết trình, tham luận, nghiên cứu của nhà báo Hữu Thọ - một trong những cây bút chính luận xuất sắc nhất của làng báo Việt Nam nửa cuối thế kỷ 20. Qua đó người đọc có thể hiểu hơn về thể loại báo chí chính luận, bản chất, chức năng, và ngôn ngữ

chính luận. Đặc biệt, tác giả có đề cập đến thể loại bình luận trong bài *Viết luận để bàn luận*. Trong tác phẩm này cây bút chính luận hàng đầu của báo chí Việt Nam những năm 80-90 của thế kỷ trước viết rõ: “*luận*” là một thể tài rất quan trọng của tờ báo, thể hiện trực tiếp, kịp thời quan điểm đánh giá của tờ báo đối với các sự kiện quan trọng diễn ra hằng ngày, đó cũng là một mặt quan trọng thể hiện phẩm chất của tờ báo. “*Người bình luận*” thường là một chức danh nghề nghiệp cao quý của báo chí.” [65] Đây được cho là những nhận định mang tính nền tảng về đặc trưng nổi bật nhất của báo chí chính luận: Đó là bộc lộ quan điểm và phẩm chất của tờ báo.

Các nhà nghiên cứu cũng có thể tham khảo trực tiếp đặc trưng này qua các tác phẩm chính luận mẫu mực trong cuốn *Thời cuộc và Văn hóa* của nhà báo Hồ Quang Lợi do Nhà xuất bản Hà Nội ấn hành kỷ niệm 89 năm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam 21/6/2019. Cuốn sách tuyển chọn 56 bài báo của Hồ Quang Lợi viết thời gian qua, bình luận về những sự kiện lớn diễn ra trên thế giới và ở nước ta khoảng một phần tư thế kỷ - những năm tháng chuyển giao thiên niên kỷ. Các bài viết tiêu biểu cho một phong cách chính luận sắc sảo, bình luận thời sự quốc tế với quan điểm rõ ràng và lập luận thuyết phục, tạo nên uy tín cho tờ báo Quân đội nhân dân.

Trong mảng nghiên cứu học thuật về thể loại báo chính luận (bao gồm truyền hình chính luận) các công trình nghiên cứu trong nước khá phong phú, dày dặn và mang tính kế thừa.

Từ cuối thế kỷ 20, các công trình của các nhà nghiên cứu lớn đã phát triển hệ thống lý luận báo chí cách mạng Việt Nam, trong đó báo chí chính luận chiếm một vị trí trọng yếu. GS.TS. Tạ Ngọc Tấn trong cuốn “*Cơ sở lý luận báo chí truyền thông*” (1995) xác lập vai trò “*định hướng chính trị - tư tưởng*” là chức năng cốt lõi và tự giác của báo chí cách mạng [53]. Tác giả luận giải sâu sắc rằng thông tin báo chí không chỉ phản ánh hiện thực mà còn giúp công chúng “*nhìn nhận, đánh giá bức tranh ấy*” và “*định hướng các hành vi ý thức, các hành động tương lai*”. Tác giả nhận định: “...Ở đây yêu cầu về sự định hướng toàn diện của quần chúng xã hội trở thành chức năng, mục đích có ý nghĩa quyết định trong toàn bộ hoạt động tư tưởng của các phương tiện thông tin đại chúng” [53]. Tác giả đã nhấn mạnh trong các nhóm thể loại báo chí, chính luận phải là nhóm tiên phong trong định hướng tư tưởng quần chúng, “*sức mạnh định hướng của báo chí chúng ta thể hiện ở khả năng trở thành diễn đàn rộng lớn cho toàn Đảng, toàn dân tham gia thảo luận và giải quyết những vấn đề quan trọng của đất nước, phê bình và đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực cản sự phát triển của xã*

hội trong từng lĩnh vực, địa phương cụ thể” [53]. Đây là một trong những công trình cung cấp khung lý thuyết vĩ mô về báo chí chính luận. Trong đó tác giả làm rõ vai trò nhiệm vụ, đặc trưng và tính chất của báo chí chính luận, qua đó xây nên tiền đề lý luận quan trọng cho mọi nghiên cứu sau này.

Tiếp tục nghiên cứu sâu về báo chí chính luận, tác giả Nguyễn Đức Dũng nêu bật yếu tố thông tin “*lý lẽ và lập luận*”. Tác giả nhận định, nhóm báo chí chính luận khá ổn định với các thể loại vừa có khả năng thông tin sự kiện thời sự, nhưng mục đích thật sự lại là năng lực thông tin lý lẽ. Tất nhiên lý lẽ phải gắn với liền với sự kiện và đáp ứng yêu cầu thời sự [11]. Trong khi đó tác giả Trần Thế Phiệt trong cuốn *Tác phẩm báo chí tập III* thì nhấn mạnh hơn tới đặc trưng “*lập trường, quan điểm*” của báo chí chính luận. Theo tác giả, bản chất đặc trưng của tác phẩm báo chí chính luận là “*Tập trung một cách rõ nhất, nhiều nhất lập trường, quan điểm trong sứ mệnh định hướng tư tưởng và hành động theo mục đích của từng tờ báo*”, và “*Có lẽ không có loại thể nào có một thái độ, có quan điểm, lập trường bộc lộ rõ ràng, công khai, trực diện như loại thể chính luận báo chí*” [53]. Tác giả Trần Thế Phiệt cũng phân tách ra ba thể loại chính của chính luận báo chí là xã luận, bình luận và chuyên luận. Qua đó làm rõ những đặc trưng chung và nét đặc thù của từng thể loại. Tác phẩm cũng đã bắt đầu đề cập tới thể loại bình luận truyền hình (dù còn rất khiêm tốn với khoảng 2 trang viết), trong đó nhấn mạnh tới yếu tố hình ảnh, âm thanh, và người dẫn có tác động mạnh và là những công cụ rất hiệu quả của các chương trình bình luận truyền hình. Ngoài bình luận và xã luận, tác giả cũng lần đầu tiên đề cập tới thể loại Đàm luận (tọa đàm) chính luận trên các loại hình báo chí, và coi đây là thể mạnh của truyền hình.

Nếu như tác giả Trần Thế Phiệt đã phân loại nhóm báo chí chính luận, thì tác giả Trần Quang trong cuốn *Các thể loại chính luận báo chí*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 2000, đã tiếp tục hệ thống một cách đầy đủ, chi tiết và bám sát thực tiễn hơn nữa. Tác giả đưa ra 3 nhóm thể loại báo chí chính, gồm Nhóm Thông tấn, nhóm Chính luận, nhóm Chính luận- nghệ thuật. Tác giả dành các chương riêng cho các thể loại điển hình trong nhóm Báo chí Chính luận như Bình luận, Xã luận. Trong đó làm rõ sự hình thành và phát triển của từng thể loại báo Bình luận, Xã luận, đặc điểm của từng thể loại, các dạng bài, một số vấn đề cần chú ý. Đặc biệt trong cuốn sách này tác giả phân tích rất kỹ các yêu cầu của một tác phẩm báo chí bình luận ở các cấp độ khác nhau. Ví dụ đối với bình luận dạng tổng hợp là thống kê, so sánh, đối chiếu các sự kiện và thông tin, với bình luận dạng phân tích thì cần làm rõ mối quan hệ nhân quả

của các sự kiện, để làm sáng tỏ vấn đề. Dù sau này có những tranh luận về cách phân chia nhóm thể loại, nhưng các tác giả đều thống nhất quan điểm về vị trí và tầm quan trọng đặc biệt của báo chí chính luận. *“Trên báo chí hiện nay, những bài bình luận giữ một vai trò quan trọng trong việc định hướng cho công chúng bằng cách tái tạo những bức tranh sinh động của hiện thực xã hội và nêu thái độ, quan điểm của tòa soạn về hiện thực đó. ..Có thể nói rằng, có bao nhiêu bài bình luận được công bố thì cũng sẽ có bấy nhiêu vấn đề được đề cập đến trong tác phẩm được công chúng nhận thức đầy đủ và chính xác, có bao nhiêu vấn đề được phân tích sâu sắc và sáng tỏ thì cũng có bấy nhiêu ấn tượng tốt đẹp và niềm tin được rút ra nhờ có sự định hướng đúng đắn của báo chí”* [57, tr113].

Có thể thấy các nghiên cứu về báo chí chính luận của các tác giả trong nước đã triển khai ở nhiều khía cạnh với những quan điểm tương đối nhất quán. Các tác giả đều chỉ ra rằng, chính luận không chỉ là thể loại mà còn là một nghệ thuật lập luận, một hành vi diễn ngôn quyền lực gắn với đạo đức và nhân tâm. Tuy nhiên các công trình này vẫn chủ yếu phân tích văn bản tĩnh (báo in, văn bản lịch sử), chưa thực sự bước vào không gian động của truyền hình và truyền thông số.

Trong khi các công trình nghiên cứu về báo chí chính luận phong phú đa dạng, thì các công trình nghiên cứu về chính luận truyền hình khiêm tốn hơn rất nhiều. Nghiên cứu trực diện về nội dung chính luận truyền hình có cuốn *Chính luận truyền hình - Lý thuyết và kỹ năng sáng tạo tác phẩm* của tác giả PGS.TS Nguyễn Ngọc Oanh. Cuốn chuyên khảo này ngoài hệ thống hóa các khái niệm về báo chí chính luận, các chương trình chính luận truyền hình, còn bổ sung các thông tin về lịch sử của truyền hình và chính luận truyền hình, trong đó có truyền hình ở Việt Nam. Tác giả quan sát và đưa ra những nhận định về sự phát triển của hệ thống các chương trình chính luận trên truyền hình, nêu những đặc trưng về đề tài, ngôn ngữ, thể hiện, tính chất của các chương trình chính luận truyền hình. Tác giả đi sâu phân tích các dạng chính luận truyền hình, bao gồm bình luận truyền hình và đàm luận truyền hình. Ở cuốn sách này bạn đọc có thể tìm được những phần mô tả kỹ lưỡng và tổng hợp thành mô hình quy trình sáng tạo các tác phẩm chính luận truyền hình như bình luận và đàm luận truyền hình, trong đó đề cập các khâu từ đề tài, chủ đề, đến nghiên cứu, kịch bản, ngôn ngữ bình luận, hậu kỳ và một số yếu tố kỹ thuật... Đối với đàm luận truyền hình, tác giả phân tích và so sánh kỹ để phân biệt giữa phỏng vấn thông thường với cuộc đàm luận truyền hình, đồng thời nhấn mạnh vai trò và tác động của các chương trình đàm luận

truyền hình đối với khán giả. Tác giả tái khẳng định vai trò của chính luận truyền hình: “...*bình luận xuất hiện và cung cấp các thông tin lý lẽ, thông qua phân tích, so sánh, đánh giá, bàn luận, bình phẩm... để chuyển tải thông tin một cách có định hướng cho công chúng.*” [43] Và tác giả đi đến kết luận: “*Do vậy rõ ràng là không thể thiếu các tác phẩm bình luận truyền hình. Vai trò của bình luận càng được khẳng định vững chắc hơn trong hệ thống các thể loại báo chí và trong đời sống xã hội hiện đại*” [43]. Một điểm thú vị là tác giả dành nguyên một chương VI trong cuốn sách để đề cập Tâm lý giao tiếp và ảnh hưởng của ngôn ngữ đến công chúng truyền hình. Trong đó có lưu ý một số lỗi về giao tiếp và ngôn ngữ lời nói cũng như ngôn ngữ cơ thể của biên tập viên khi thực hiện chương trình. Đây được xem là tài liệu quan trọng và tương đối đầy đủ về chính luận truyền hình và quá trình sáng tạo tác phẩm.

Đối với chương trình chính luận truyền hình, cần phải kể đến cuốn *Phỏng vấn trong chính luận truyền hình*, NXB Thông tin và Truyền thông - 2020 của nhóm tác giả công tác tại Đài THVN, chủ biên là TS.Trần Bảo Khánh. Bởi lẽ phỏng vấn truyền hình là một cấu phần quan trọng của các tác phẩm chính luận truyền hình. Nhóm tác giả tập trung vào các cuộc phỏng vấn trong các chuyên mục chính luận như *Đối thoại chính sách, Sự kiện và Bình luận, Vấn đề hôm nay*. Các tác giả cũng chung nhận định, ngày nay các cuộc phỏng vấn ngày càng phổ biến và dày đặc trên truyền hình. “*Phỏng vấn truyền hình đem đến cho khán giả những thông tin chân thật nhất, có sức thuyết phục cao*” [36], và nhấn mạnh tới tính thời sự, và phản biện cao của thể loại phỏng vấn truyền hình. Chương 3 của cuốn sách nêu ra một số khuyến nghị và đề xuất nhằm nâng cao chất lượng phỏng vấn trong các chương trình thời sự, chính luận trên kênh VTV1 của Đài THVN. Đây là tác phẩm mang tính thực tiễn cao và giúp làm sáng tỏ một mảng quan trọng trong các chương trình chính luận truyền hình.

Tiếp tục hướng nghiên cứu này phải kể đến Luận án Tiến sĩ bảo vệ năm 2021 của tác giả Nguyễn Nga Huyền, về đề tài *Tính chính luận trong chương trình Đàm thoại truyền hình ở Việt Nam hiện nay* (Khảo sát chương trình Đối thoại chính sách trên VTV1, Sự kiện và Bình luận trên VTV1, 45 phút trên HTV9 trong năm 2014 và 2015). Tác giả đã đặt giả thiết nghiên cứu: Đàm thoại truyền hình là một chương trình có tính chính luận, và để nâng cao tính chính luận, sự hấp dẫn của tính chính luận trong đàm thoại truyền hình, cần phụ thuộc vào nhiều yếu tố như kịch bản, khách mời, người dẫn chương trình... của đàm thoại truyền hình. Tác giả đi sâu phân tích về yếu tố chính luận trong các chương trình đàm thoại truyền hình, các yêu cầu về tính chính luận, tác

động vai trò của các chương trình đàm thoại truyền hình trong định hướng dư luận. Đáng chú ý là ở Chương 3 tác giả nêu những yêu cầu đối với việc nâng cao tính chính luận trong các chương trình Đàm thoại, trong đó nhấn mạnh yêu cầu phải duy trì được ưu thế tính chính luận trong thông tin như một nhu cầu quan trọng đối với các chương trình đàm thoại truyền hình [30]. Luận án của tác giả tiếp tục khẳng định vai trò và tầm quan trọng của các chương trình đàm thoại truyền hình, cũng như nêu cao yêu cầu về tính chính luận trong bối cảnh hiện nay. Tác giả đã có đề xuất những giải pháp thiết thực để nâng cao chất lượng của các chương trình chính luận truyền hình có đàm thoại.

Năm 2021, hai luận án tiến sĩ quan trọng đã trực tiếp soi chiếu vào các vấn đề của truyền hình đương đại. Luận án “*Truyền hình với hoạt động lập pháp của Quốc hội Việt Nam hiện nay*” của Vũ Thị Khuyên [38] đã định vị vai trò của chính luận truyền hình như một chủ thể tham gia kiến tạo chính sách công. Công trình cung cấp nền tảng lý thuyết về năng lực thông tin, phản biện, định hướng dư luận, những yếu tố cốt lõi của báo chí chính luận, của các chương trình chính luận truyền hình. Các nghiên cứu này đã đưa nghiên cứu chính luận đến gần hơn với thực tiễn báo chí và truyền hình, tập trung vào các vấn đề cụ thể như phong cách cá nhân, truyền thông chính sách, và tác động xã hội.

Về thành tựu, các nhà khoa học Việt Nam đã xây dựng được một nền tảng lý luận vững chắc về báo chí chính luận, từ việc định danh vai trò, chức năng, phân loại thể loại, đến việc truy nguyên cội nguồn lịch sử, phân tích chiều sâu ngôn ngữ và bắt đầu chạm đến các vấn đề thực tiễn trong bối cảnh đương đại. Tuy nhiên các nghiên cứu về chính luận truyền hình còn thiếu vắng về số lượng cũng như chất lượng.

1.1.2 Các tác phẩm nghiên cứu của nước ngoài

Nếu như khái niệm báo chí chính luận và chính luận truyền hình được nghiên cứu trong các công trình nghiên cứu trong nước, thì các tác phẩm nghiên cứu của các tác giả nước ngoài không đề cập trực tiếp đến những khái niệm này. Trong các tài liệu nghiên cứu của nước ngoài chỉ có thể tìm thấy các khái niệm có nhiều đặc trưng tương đồng như “*báo chí chiều sâu*”, “*báo chí phân tích*”, “*báo chí quan điểm*”. Cũng như các nghiên cứu trong nước, các nghiên cứu nước ngoài đều nhấn mạnh tới tầm quan trọng và vị trí của thể loại báo chí này đối với xã hội cũng như mỗi tòa soạn. *The British Approach to Public Service Broadcasting* (Tiếp cận nước Anh với truyền hình phục vụ công chúng) của tác giả Blumler, G.Jay (1993), NXB Longman, New York & London [77], bàn về những nét đặc thù của truyền hình công, đối tượng phục vụ, các

chương trình tiêu biểu, trong đó có các chương trình bày tỏ quan điểm, phân tích và bình luận.

Television Requires Responsibility (Truyền hình đòi hỏi trách nhiệm xã hội). Tác giả Blumler, G.Jay (1995), NXB Bertelsmann Foundation [76]. Cuốn sách nhắc tới trách nhiệm xã hội của truyền hình trong việc đưa tin, đồng thời phải thể hiện quan điểm và thái độ trách nhiệm của bản đài đối với các vấn đề trong xã hội. Điều này được thể hiện rõ nhất qua cách chọn lọc tin tức, và đặc biệt là qua phần bình luận trong các chương trình chính luận của Đài Truyền hình đó.

Nghiên cứu *The changing TV news landscape* (Sự thay đổi của bức tranh đưa tin trên TV) của các tác giả Amy Mitchell, Laura Houston Santhanam, Steve Adams, Monica Anderson và Nancy Vogt [93], khảo sát các chương trình tin tức trên các kênh truyền hình nổi tiếng nhất của Mỹ trong một giai đoạn, nhận ra những sự thay đổi trong những năm gần đây, và khẳng định về xu thế tăng các chương trình bình luận so với đưa tin thông thường. Đây là một nhận định quan trọng trong bối cảnh truyền thông số đang có xu thế lấn át báo chí chính thống.

Đáng chú ý trong các nghiên cứu quốc tế, nhiều cuộc tranh luận học thuật xoay quanh tương lai của báo chí. Trong đó một số bài nghiên cứu khẳng định, chính “*báo chí quan điểm*”, báo chí phân tích sẽ là thể loại báo chí tiếp tục tồn tại và phát triển tốt, thậm chí trở thành xu hướng trong môi trường truyền thông số bởi tính cần thiết của nó. Quan điểm này được khẳng định ở nhiều công trình nghiên cứu từ nhiều quốc gia khác nhau. Bài báo *In opinioned times what is the future of opinion journalism* (Trong thời đại bày tỏ quan điểm thì tương lai của báo chí quan điểm sẽ ra sao) đăng trên trang <https://ethics.journalism> của tác giả Abigail Steinberg, 2020 [105], cho thấy trong bối cảnh ai cũng có thể bày tỏ quan điểm và phân tích trên mạng xã hội, thì các tòa soạn, các ban biên tập càng cần chú trọng mục bình luận chất lượng cao, bởi khán giả sẽ trông đợi những phân tích của các chuyên gia và các nhà báo uy tín, định hướng cho họ trong sự nhiễu loạn thông tin và quan điểm.

Bài nghiên cứu *How the Style and Language of News Presentation Is Changing in the Digital Age* (Phong cách và ngôn ngữ trình bày tin tức thay đổi ra sao trong thời đại số) của tác giả Jennifer Kavanagh, William Marcellino, Jonathan S. Blake, Shawn Smith, Steven Davenport, Mahlet Gizaw [94]. Nghiên cứu khảo sát các chương trình tin tức và bình luận trên các kênh truyền hình lớn nhất của Mỹ những thập kỷ 90 thế kỷ trước và thập kỷ đầu thế kỷ 21, cho thấy sự thay đổi ngôn ngữ và phong cách tin tức

giờ đây nghiêng sang tính bình luận và bày tỏ quan điểm của tòa soạn và phóng viên hơn rất nhiều.

Trang web <https://www.americanpressinstitute.org>, mục nghiên cứu cũng đăng bài viết thú vị *Confusion about whats news and whats opinion is a big problem but journalists can help solve it* (Khó phân biệt giữa tin tức và bình luận là một vấn đề lớn và hướng các nhà báo có thể giúp giải quyết vấn đề đó) của tác giả Kevin Loker, 2018 [96]. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp để các tòa soạn, các ban biên tập thực hiện các chương trình chính luận hay, nhưng cũng giúp khán giả phân biệt giữa tin tức đơn thuần và bình luận.

Các tác giả Australia có diễn đàn thảo luận khá sôi nổi về tương lai của báo chí chiều sâu hay là báo chí chính luận và công việc của nhà báo, cũng như những thách thức hiện nay. Trong *Báo cáo năm 2021 về Tương lai của công việc trong lĩnh vực báo chí ở Australia*, các chuyên gia truyền thông nước này cho rằng, để phân biệt với lượng thông tin khổng lồ và lộn xộn tràn ngập trên mạng xã hội, báo chí chính thống cần phát triển bền vững và cần được coi như những “sản phẩm hàng hóa công”. Báo cáo này liệt kê 8 chức năng của báo chí chính thống để so sánh cho thấy sự tương đồng với “sản phẩm hàng hóa công”, bao gồm: Thông tin khẩn cấp và cảnh báo cả ngắn hạn và dài hạn; thông tin về y tế và phúc lợi xã hội đối với cả các nhóm yếu thế; thông tin giáo dục trong đó có thông tin về chất lượng trường học và những sự lựa chọn cho cha mẹ; thông tin về giao thông; cơ hội kinh tế, việc làm, đào tạo nghề và hỗ trợ khởi nghiệp; Môi trường sống, chất lượng không khí, nước; các thông tin về quyền công dân; và thông tin về các vấn đề chính trị, các chính sách chủ trương ảnh hưởng tới người dân [104]. So sánh với đặc điểm của báo chí chính luận thì đây đều là những lĩnh vực mà báo chí chính luận bao quát, đặc biệt là chức năng cuối cùng liên quan tới các vấn đề chính trị, chủ trương chính sách. Báo cáo cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của báo chí chính thống với những thông tin chính xác, có trách nhiệm, có chiều sâu đã được minh chứng rõ rệt ra sao trong những năm diễn ra đại dịch Covid 19. Chính các tác phẩm báo chí chính luận và các nhà báo chân chính đã góp phần đẩy lùi hiện tượng “misinfodemic” (nạn dịch thông tin giả, thông tin sai), qua đó góp phần giúp nhân loại vượt qua đại dịch Covid 19 và giảm bớt tổn thất. Thế nhưng nền báo chí đó lại đang gặp phải thất bại thị trường. Báo cáo nhận định, thông tin báo chí vì lợi ích công là nhu cầu thiết yếu của xã hội, nhu cầu này lớn hơn bao giờ hết, nhưng nếu để cơ chế tư nhân sẽ không đáp ứng được nhu cầu này. Xin được nhấn mạnh rằng, Australia là một trong

những quốc gia rất quan tâm tới sự phát triển của báo chí chính thống. Đây cũng là quốc gia đầu tiên thông qua “*Bộ quy tắc Thương lượng truyền thông tin tức*”, yêu cầu các nền tảng mạng xã hội xuyên biên giới trả phí cho việc sử dụng những tin tức của báo chí cung cấp, nhằm cứu vãn nguồn thu cho báo chí chính thống.

Nhiều học giả ngành truyền thông Australia nghiêng về phương án duy trì và phát triển một nền báo chí công, truyền hình công mà trong đó sản phẩm nòng cốt là các tác phẩm chính luận. Trong bài báo *Who control our media?* (Ai đang kiểm soát nền truyền thông của chúng ta?), các tác giả Benedetta Brevini và Michael Ward cảnh báo, 2 tập đoàn truyền thông lớn của Australia đang kiểm soát ngành truyền thông nước này, và chi phối quá mức đối với tư tưởng của công chúng và có thể thao túng chính trị. Đó là lý do vì sao cần phải ủng hộ các cơ quan báo chí công, truyền hình công phát triển để cân bằng dư luận xã hội, vì mục tiêu phát triển bền vững và vì lợi ích của cộng đồng thay vì chịu sự chi phối của các nhóm lợi ích tư nhân.

Các tác giả bài báo *What is the role of public service journalism today* (Báo chí dịch vụ công có vai trò gì ngày nay) [112], đăng trên website của mạng lưới tổ chức truyền thông toàn cầu waccglobal.org nhấn mạnh, rõ ràng báo chí vì lợi ích công rất quan trọng, nhưng lại rất khó giành được sự chú ý của công chúng, mà kể cả có công chúng thì cũng không có được doanh thu, do các nền tảng xuyên biên giới đã kiểm soát toàn bộ lĩnh vực này. Bên cạnh đó, báo chí cũng phải đối mặt với cuộc khủng hoảng niềm tin, khi người dân không còn tin rằng báo chí thực sự công bằng và vì cộng đồng.

Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc UNESCO coi sự phát triển của báo chí chính thống, báo chí chiều sâu là một lĩnh vực quan trọng tác động tới sự phát triển bền vững trên toàn cầu. Trong một báo cáo quy mô của UNESCO về Tự do Ngôn luận và Phát triển truyền thông năm 2021-2022, chủ đề xuyên suốt được đề cập là “Báo chí với tư cách là dịch vụ công”. Đây có thể coi là một trong những công trình nghiên cứu sâu sắc và khá toàn diện về bức tranh báo chí đương đại, trong đó có mảng báo chí phân tích, báo chí chiều sâu, dựa trên phương pháp tổng hợp phân tích và khảo sát ở một số quốc gia. Báo cáo nêu bật “*tính khẩn cấp của sự tồn vong, sự độc lập và phát triển bền vững của báo chí*” [108, tr18]. “*Lĩnh vực kỹ thuật số hiện đang bị choáng ngợp bởi vô số nhà sản xuất nội dung, các nguồn thông tin tổ chức, những người sử dụng phương tiện truyền thông mới, các nhà hoạt động, nhà quảng cáo, những người có ảnh hưởng, các bác sĩ và chính trị gia đang cạnh tranh để giành được sự chú ý của công chúng. Các giá trị truyền thống làm nền*

tảng cho hoạt động báo chí về tính khách quan và chính xác đang chịu áp lực lớn hơn từ sự phân cực chính trị và xã hội” [108, tr 19]. Báo cáo cũng khẳng định trong bối cảnh đó, báo chí cần được coi là dịch vụ thiết yếu không khác gì các dịch vụ điện, nước và chăm sóc y tế. Sứ mệnh của báo chí là làm sáng tỏ những vấn đề của cộng đồng, vì sự phát triển bền vững, trong đó có các vấn đề về biến đổi khí hậu, về y tế cộng đồng, về chiến tranh và hòa bình ... Trong đại dịch Covid 19 việc tiếp cận thông tin báo chí chính thống có ý nghĩa sinh tử đối với nhiều người dân. Báo chí cũng tham gia cuộc chiến chống tham nhũng, gia tăng sự quan tâm của công chúng tới các vấn đề của đất nước, nâng cao ý thức chính trị và trách nhiệm công dân, nhất là trong các cuộc bầu cử quan trọng. Có thể nhận thấy các luận điểm này trong Báo cáo của UNESCO đều gần gũi với những yêu tố của nhóm thể loại báo chí chiều sâu hay báo chí chính luận. Vì thế những nghiên cứu này có thể được bóc tách và vận dụng cho nghiên cứu về báo chí chính luận nói chung và chính luận truyền hình nói riêng.

Một góc nhìn nghiên cứu khá thú vị và khác biệt về báo chí chiều sâu của tác giả Edward J. Lopez trong bài viết *Is the Decline of Newspapers a Market Failure?* (Sự suy thoái của báo chí có phải là một thất bại thị trường?) công bố năm 2010 tại tạp chí *The Freeman*. Tác giả so sánh báo chí chiều sâu với những ngọn hải đăng [97]. Tại nước Anh trước đây vận hành những ngọn hải đăng từng là một dịch vụ cần thiết cho người đi biển, nhưng dịch vụ đó đã không còn tác dụng nữa kể từ khi xuất hiện định vị. Người ta không cần những ngọn hải đăng nữa vì có phương tiện khác tốt hơn, hiện đại hơn, và đó là sự tiến bộ. Vì thế quan điểm của tác giả là ngày nay báo chí gặp suy thoái không phải vì thiếu sự hỗ trợ của chính phủ, mà vì nó đã bị thay thế bởi những phương thức thông tin mới tốt hơn. Vấn đề là cần tìm ra một hình thức mới cho thông tin báo chí tồn tại chứ không phải đi tìm nguồn kinh phí hỗ trợ. Tuy nhiên ngay dưới link bài viết này là những ý kiến bình luận phản biện của độc giả. Đa phần các ý kiến này cho rằng không thể để cho báo chí phải tự xoay sở trong thị trường khốc liệt, vẫn cần phải nguồn hỗ trợ để duy trì báo chí điều tra, báo chí chiều sâu vì sự phát triển tiến bộ của xã hội và vì lợi ích cộng đồng.

Một trong những cuốn sách khảo cứu rất hay về báo chí chiều sâu được trường Đại học tổng hợp Columbia, Mỹ xuất bản năm 2014, có tựa đề *Beyond the news- The future of journalism* (Hơn cả tin tức- Tương lai của báo chí). Cuốn sách dành nhiều trang phân tích về khái niệm “*wisdom journalism*” (báo chí thông thái), kêu gọi báo chí đầu tư nhiều chất xám hơn, để không chỉ đưa tin, mà còn đưa ra lập luận thuyết phục,

phân tích lý giải hiện thực và hình thành quan điểm rõ ràng. Đây là khái niệm được cho là gần sát nhất với khái niệm báo chí chính luận ở nền báo chí Việt Nam. “*Báo chí thông thái là một thể loại trong báo chí mà nhà báo phải đầu tư nhiều công sức hơn, để tác phẩm báo chí cung cấp nhiều điều hơn là tin tức đơn thuần, hơn là chỉ kể lại những gì diễn ra. Theo tôi đó là một tiêu chuẩn chất lượng báo chí mới, khác biệt, đòi hỏi cao hơn. Tiêu chuẩn này sẽ giúp các nhà báo đối mặt với khủng hoảng hiện nay và vươn tới tương lai*” [106, tr 14]. Tác giả Mitchell Stephens dẫn ra rất nhiều ví dụ cụ thể trong các thời kỳ phát triển của báo chí ở Mỹ, Anh và châu Âu, để minh chứng cho sự cần thiết của báo chí chiều sâu, báo chí thông thái. Với những lập luận thuyết phục, tác giả đi đến kết luận rằng chỉ có báo chí thông thái mới tồn tại được trong bối cảnh công chúng luôn bội thực với thông tin trên mạng xã hội, bởi vì chỉ có như vậy báo chí mới chứng tỏ được những giá trị cần thiết cho công chúng. Trong các câu hỏi cơ bản của báo chí gồm 5W (What, Where, When, Who, Why) và 1H (How), hiện giờ có 4 W là What, Where, When, Who đã không còn nhiều giá trị nữa vì thông tin trên mạng xã hội có thể đáp ứng nhanh hơn báo chí. Báo chí thông thái chỉ cần tập trung trả lời câu hỏi Why và How, đặc biệt là lý giải nguyên nhân sự việc, và dự báo những gì sẽ diễn ra tiếp theo.

Có thể nói dù không dung khái niệm “*báo chí chính luận*” hay “*chính luận truyền hình*”, song các tác phẩm nghiên cứu quốc tế đã đưa ra những góc nhìn đa chiều và toàn diện về nhóm báo chí tương đồng. Qua đó cho thấy dù ở chính thể nào báo chí chính luận cũng có vai trò đặc biệt quan trọng đối với các tòa soạn và đối với xã hội. Các nghiên cứu quốc tế cũng bổ sung thêm những khảo cứu hiện đại và mang tính dự báo về sự phát triển của báo chí chính luận trong môi trường truyền thông mới- điều còn thiếu vắng trong các nghiên cứu trong nước.

1.2. Hướng nghiên cứu về báo chí trong môi trường truyền thông số

Các tác phẩm nghiên cứu về chủ đề báo chí trong môi trường truyền thông số khá phong phú ở cả trong nước và quốc tế, tuy nhiên tác giả chỉ tập trung vào những nghiên cứu đề cập các khái niệm mới, và phân tích sự thay đổi và phát triển của báo chí trong môi trường truyền thông số.

1.2.1 Các tác phẩm nghiên cứu trong nước

Vào những năm đầu của thế kỷ 21, các tác phẩm nghiên cứu về báo chí trong môi trường truyền thông số đã hình thành một dòng chảy nghiên cứu mới, tập trung vào việc phân tích những tác động toàn diện của môi trường truyền thông số lên ngành

báo chí truyền thông. Dòng nghiên cứu này có thể được khảo sát qua các giai đoạn, phản ánh sự trưởng thành trong nhận thức lý luận, từ việc định danh các khái niệm ban đầu đến việc xây dựng các mô hình và lý thuyết ứng dụng trong bối cảnh mới.

Những năm đầu của thế kỷ 21 đánh dấu sự ra đời của các công trình tiên phong, nỗ lực định danh và mô tả những biểu hiện đầu tiên của báo chí trong môi trường số. Các nghiên cứu giai đoạn này tập trung vào khái niệm “đa phương tiện” (multimedia) và các đặc tính kỹ thuật của nó.

Tiêu biểu là cuốn “*Truyền thông đa phương tiện*” của Lê Đắc Như và Nguyễn Gia Như. Đây là một trong những tài liệu sớm nhất ở trong nước định nghĩa đa phương tiện là “*dạng tích hợp của văn bản, âm thanh, hình ảnh, phim trong một môi trường thông tin số*” [43]. Công trình này có giá trị ở việc tiếp cận từ góc độ kỹ thuật, giới thiệu các mô hình truyền dữ liệu như OSI, TCP/IP, đặt nền móng cho việc hiểu biết về hạ tầng công nghệ của truyền thông số.

Cùng trong giai đoạn này, các nhà lý luận bắt đầu cập nhật và bổ sung các yếu tố số vào hệ thống lý thuyết của mình. Trong cuốn “*Báo chí truyền thông hiện đại (Từ hàn lâm đến đời thường)*” (2011) và phiên bản tái bản của “*Cơ sở lý luận báo chí*” (2013), PGS,TS. Nguyễn Văn Dũng [15] đã bổ sung các đặc tính quan trọng như “tính tương tác” và “tính đa phương tiện” vào hệ thống đặc điểm của thông tin báo chí. Tác giả cũng dành những phân tích quan trọng về mối quan hệ giữa báo chí và mạng xã hội, cũng như sự thay đổi trong nhu cầu và hành vi của công chúng, cư dân mạng. Thông tin mang tính bổ sung song đã nêu rõ bản chất nổi bật của truyền thông số.

Các nghiên cứu giai đoạn này đã “*gọi tên*” và mô tả các hiện tượng mới, giúp giới học thuật và thực hành làm quen với các khái niệm kỹ thuật. Tuy nhiên, các phân tích còn dừng ở mức độ mô tả, chủ yếu nhìn từ góc độ công nghệ, chưa thực sự đi sâu vào sự thay đổi trong phương thức tác nghiệp, tư duy sản xuất nội dung hay kỹ năng của nhà báo.

Tiếp đó là sự ra đời của các công trình có quy mô lớn hơn, mang tính hệ thống hóa cao, không chỉ mô tả mà còn phân tích sâu các xu hướng và tác động của môi trường số đến báo chí.

Công trình “*Báo chí và Truyền thông đa phương tiện*” (2017) do PGS,TS. Nguyễn Thị Trường Giang [19] chủ biên có thể được xem là một tác phẩm quan trọng. Cuốn sách dày dặn đã đề cập một cách toàn diện, chi tiết và cập nhật các vấn đề lý luận. Đáng chú ý tác giả đã tổng kết và nhận diện một cách hệ thống các xu thế phát

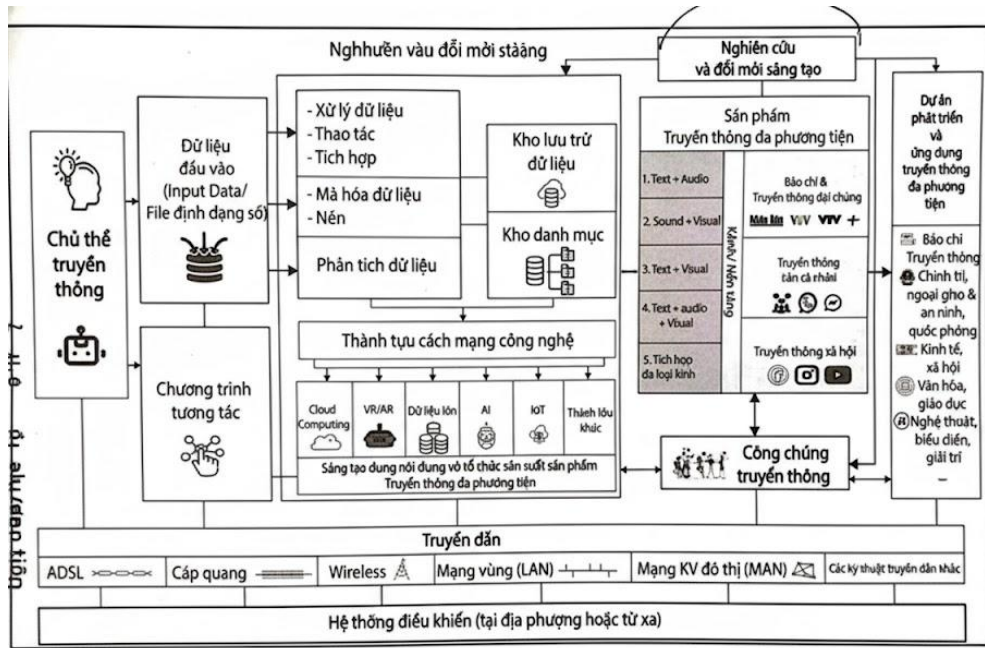
triển của báo chí trong kỷ nguyên số, bao gồm: báo chí đa nền tảng, báo chí di động, báo chí xã hội, báo chí dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI), và tòa soạn hội tụ. Công trình cũng phân tích sâu về sự thay đổi của công chúng trong môi trường số, mô tả họ là những người có trình độ nhận thức cao, chủ động và có nhu cầu thông tin cá nhân hóa. Đặc biệt, cuốn sách đã bước đầu đề cập đến vấn nạn tin giả (fake news), một chủ đề trở nên nóng bỏng trong những năm tiếp theo.

Cùng năm, cuốn sách *"Kinh tế báo chí"* (2017) của Bùi Chí Trung [63] đã dành một chương quan trọng để phân tích nền tảng số từ góc độ kinh tế và phương thức tiếp cận công chúng. Tác giả đã phân tích thấu đáo về sự thay đổi trong cách công chúng tiếp nhận thông tin, nhấn mạnh các yếu tố "đa sở thích" và "cá nhân hóa", gợi mở nhiều ý tưởng về hướng phát triển nội dung trong môi trường số.

Tuyển tập *"Báo chí truyền thông - Những điểm nhìn từ thực tiễn"* (2017) do PGS.TS. Nguyễn Văn Dũng [13] chủ biên và *"Báo chí truyền thông - Những vấn đề trọng yếu"* (2018) của Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông tiếp tục quy tụ các bài viết của nhiều học giả hàng đầu, đào sâu vào các khía cạnh cụ thể. Đáng chú ý, các bài viết bắt đầu chạm đến mối liên hệ giữa chính luận và môi trường số, như vai trò của các *"think tanks"* trong truyền thông chính trị hay vấn nạn tin giả và sự áp đảo của mạng xã hội so với báo chí truyền thông.

Có thể thấy các nghiên cứu từ mô tả hiện tượng sang hệ thống hóa lý thuyết và nhận diện các xu hướng lớn, cung cấp một bức tranh toàn cảnh về sự chuyển đổi của hệ sinh thái báo chí. Các nghiên cứu gần đây nhất đã đi vào chiều sâu, tập trung vào việc xây dựng các mô hình ứng dụng, phân tích các kỹ năng cụ thể và khảo sát thực tiễn chuyển đổi số tại các cơ quan báo chí.

Cuốn *"Giáo trình Nhập môn truyền thông đa phương tiện"* (2022) do PGS, TS. Đỗ Thị Thu Hằng [20] chủ biên đã hệ thống hóa một cách khoa học các khái niệm, đặc điểm và vai trò của truyền thông đa phương tiện. Giá trị nổi bật là đã xây dựng một mô hình vận hành của truyền thông đa phương tiện từ góc nhìn khoa học truyền thông, cho thấy mối liên kết chặt chẽ giữa các thành tố từ chủ thể, dữ liệu, công nghệ đến công chúng. Mô hình này cung cấp một khung lý thuyết vững chắc để soi chiếu vào hoạt động nghề nghiệp



Hình 1: Những vấn đề chung về truyền thông đa phương tiện 51

Hình 1.1: Những vấn đề chung về truyền thông đa phương tiện

Công trình chuyên khảo “*Công nghệ truyền thông số*” (2023) của PGS.TS Trần Quang Diệu [18] là một trong số ít tài liệu hệ thống đầy đủ và cập nhật nhất các khái niệm cốt lõi. Đặc biệt, tác giả đã phân tích rõ các tác động của công nghệ đến vai trò của nhà báo, nhấn mạnh sự dịch chuyển từ “*chủ thể quyết định nội dung*” sang “*chủ thể giúp công chúng kiểm chứng thông tin*”, một điểm tựa tin cậy trong môi trường quá tải thông tin.

Các bài viết học thuật của PGS,TS. Đỗ Thị Thu Hằng về “*Tri tuệ nhân tạo và báo chí*” và “*Sáng tạo nội dung báo chí đa nền tảng trong kỷ nguyên số*” (2024) [28] [24] mang giá trị ứng dụng cao. Tác giả không chỉ làm rõ các khái niệm như “*Báo chí số*”, “*Tòa soạn số*” mà còn đề xuất mô hình quy trình sáng tạo 5 bước (ý tưởng -> thu thập -> sản xuất -> biên tập -> phản hồi). Các số liệu thực tế về việc các đài truyền hình lớn vẫn chủ yếu “*khai thác lại nội dung gốc*” là một luận chứng quan trọng, chỉ ra khoảng cách giữa việc có mặt trên đa nền tảng và năng lực sáng tạo nội dung thực thụ, một vấn đề trực tiếp liên quan đến kỹ năng của nhà báo.

Bên cạnh các tác phẩm về cơ sở lý luận, các bài báo về thực tiễn chuyển đổi tại các tòa soạn ở Việt Nam cũng góp phần quan trọng trong bức tranh nghiên cứu chung. *Nghiên cứu trường hợp (case study) về quá trình chuyển đổi số* tại Báo Nhân Dân do nhà báo Ngô Việt Anh [2] trình bày cung cấp những luận cứ thực tiễn sống động. Các dự án truyền thông lớn như “*Panorama Điện Biên Phủ*” là minh chứng thuyết phục cho thấy sự thành công của báo chí hiện đại đòi hỏi sự hội tụ của ba nhóm tư duy: tư duy

chính luận (chọn đề tài lớn), tư duy số (ứng dụng công nghệ AR, 3D) và tư duy nhân văn (cách kể chuyện sáng tạo).

Cuối cùng, việc Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành “*Cẩm nang Chuyển đổi số*” và bảo trợ xuất bản cuốn sách nghiệp vụ “*Báo chí trên thiết bị di động và nền tảng truyền thông xã hội*” cho thấy chiến lược chuyển đổi số trong lĩnh vực báo chí là một vấn đề rất được quan tâm [7].

Có thể nói các nghiên cứu trong nước về báo chí trong môi trường truyền thông số đa dạng và cập nhật cả về cơ sở lý luận và thực tiễn. Các tác giả đã nhanh chóng bắt kịp các xu thế mới trong môi trường truyền thông số, soi chiếu, phân tích và lý giải tác động tới báo chí nói chung và báo chí chính luận nói riêng. Tuy nhiên chưa có nhiều tác phẩm đề cập tới giải pháp và mô hình báo chí mới để vượt qua những thách thức trong môi trường truyền thông số.

1.2.2. Các tác phẩm nghiên cứu của nước ngoài

So với các tác phẩm nghiên cứu trong nước thì các tác phẩm nước ngoài về chủ đề báo chí và truyền thông số xuất hiện sớm hơn với nội dung đa chiều hơn. Các tác phẩm nghiên cứu tập hợp thành hai dòng chính, bao gồm: Dòng nghiên cứu tập hợp các sáng kiến, mô hình báo chí thế giới trong môi trường truyền thông số, và dòng nghiên cứu về nền tảng cơ sở lý luận và lý thuyết truyền thông trong môi trường số. Có nhiều điểm tương đồng với các nghiên cứu trong nước, nên ở phần tổng thuật này chú trọng hơn tới một số điểm mới và khác biệt trong các nghiên cứu của các tác giả nước ngoài về báo chí trong môi trường truyền thông số.

Trong những năm đầu của thế kỷ 21, các nhà nghiên cứu nhắc nhiều tới khái niệm “*truyền thông đa phương tiện*” và “*hội tụ truyền thông*”. Trong bài nghiên cứu *What is Multimedia Journalism? (Báo chí đa phương tiện là gì?)* đăng năm 2004, TS. Mark Deuze của ĐH Tổng hợp Amsterdam, Hà Lan [87] đã phân tích khá chi tiết về khái niệm truyền thông và báo chí đa phương tiện, đồng thời khảo sát mô hình hội tụ truyền thông đa phương tiện và tòa soạn hội tụ đa phương tiện đã xuất hiện ngày càng nhiều ở Mỹ và châu Âu. Theo Mark Deuze, hội tụ là một đặc trưng của truyền thông đa phương tiện. Hội tụ được nhận xét từ góc độ cơ chế, góc độ tổ chức bộ máy, góc độ công nghệ, góc độ tư duy và tác nghiệp của nhân lực, hội tụ sản xuất và phân phối sản phẩm truyền thông... Trong đó điều khó nhất đối với các tòa soạn trở nên hội tụ không phải là công nghệ, bởi công nghệ đang ngày một trở nên “*dễ hơn, nhanh hơn và tốt hơn*”. Điều khó nhất là các nhà báo phải có “*khả năng hiểu và suy nghĩ xuyên phương tiện*” [87].

Trong các tác phẩm ra mắt những năm gần đây, các chuyên gia nghiên cứu đã đề cập sâu hơn và rõ hơn về các khái niệm mới hình thành từ thực tiễn sinh động. Trong cuốn *The principles of Multimedia Journalism- Packaging Digital news* (Các nguyên tắc của báo chí đa phương tiện - Đóng gói tin tức Số) xuất bản tại New York năm 2016, các tác giả Richard Hernandez và Jeremy Rue đã mô tả khá chi tiết về các mô hình gói tin tức số qua những ví dụ thực tiễn và sinh động của các tòa soạn lớn trên thế giới. Theo đó các gói số hay còn gọi là gói đa phương tiện là những thực thể mới xuất hiện trong lĩnh vực tin tức đã cho phép nhà báo có thể kể chuyện bằng các phương tiện tốt nhất. “Các nhà báo có thể kể câu chuyện của mình một cách hoàn chỉnh hơn, và hay hơn ở mọi khía cạnh. Họ kể câu chuyện để công chúng có thể đọc, nghe, xem, hoặc bằng cách nào đó mà có thể gây tác động mạnh mẽ nhất” [87].

Nhưng đáng chú ý phải đề đến các công trình nghiên cứu có chiều sâu về cơ sở lý luận và lý thuyết báo chí trong môi trường truyền thông số. Giáo sư người Đan Mạch Niels Finnemann trong cuốn sách *Mediatization theory and Digital Media* (Lý thuyết truyền thông hóa và truyền thông số) đã đưa ra cái nhìn tổng quan về sự phát triển của truyền thông qua 5 thời kỳ, tương ứng 5 ma trận truyền thông. Trong đó ma trận truyền thông hiện nay có trung tâm là truyền thông số, với những phương tiện mới, tính năng mới và quỹ đạo mới.

Table 1. *Time-space relations for the five major matrices of media.*

Oral Societies	Script Cultures	Print	Analog Electronic Media	Digital Media
Local synchronicity; the here and now condition of embodied human existence	Separation of time and space; asynchronous communication added to local synchronicity	Separation of time and space reinforced and the reach widened by many copies, economy, etc.	Separation of speed of communication from speed of transportation of humans and goods; global synchronicity	Integration of storage capacities of print with transmission speed of electronic media; both asynchronous and synchronous formats allowing optional mixtures

Hình 1.2: Mối quan hệ thời gian - không gian của 5 ma trận truyền thông chính

Tác giả phân tích rất sâu sắc và thấu đáo về đặc tính của từng ma trận truyền thông, đặc biệt chú trọng tới giai đoạn hiện nay là chuyển đổi từ ma trận truyền thông lấy truyền hình làm trung tâm sang ma trận truyền thông lấy số làm trung tâm. Trong giai đoạn này “xuất hiện những thể loại truyền thông mới, không phải là phương tiện thông tin đại chúng. Những người sáng tạo nội dung mới tham gia và sẽ tiếp tục có vai trò trong những năm tới. Các phương tiện truyền thông cũ vẫn có tiếng nói ở cả cấp độ địa phương và khu vực và có ảnh hưởng trong việc thiết lập chương trình nghị sự của quốc gia. Nhưng sẽ phải thay đổi thích ứng và giữ vững vai trò của mình” [84]. Trong thời kỳ ma trận truyền thông số, báo chí phải đón nhận cách tiếp cận mới. Những logic

phi tuyến sẽ thay thế logic tuyến tính trước đây. Các chuyên gia đồng thời là các nhà báo nổi tiếng và thành thạo công nghệ đề xuất mô hình báo chí mới, tích hợp phản hồi của độc giả trong thời gian thực gọi là “*interactive journalism*” (tạm dịch là báo chí tương tác thời gian thực) [38, tr 21]. Điều này đòi hỏi một tư duy mới, một quy trình mới và phương thức làm báo hoàn toàn mới. Tác giả Francesco Marconi- nhà báo, nhà nghiên cứu khoa học của Wall Street Journal gọi đó là “*một thế giới mới của Người làm báo.. thế giới của sự cộng tác giữa con người và máy móc*” [38, tr 22].

Sang đến những năm 20 của thế kỷ này, các công trình nghiên cứu đề cập tới các khái niệm mới như truyền thông số, báo chí số, báo chí di động... thay vì báo chí đa phương tiện. Nhiều tác phẩm phân tích quá trình chuyển đổi số của báo chí, đặc biệt là lĩnh vực tin tức và chính luận. Trong cuốn *Digital Transformation in Journalism and News media, Media Management, Media Convergence, and Globalization* (Chuyển đổi số trong báo chí và tin tức, quản lý truyền thông, Hội tụ truyền thông và toàn cầu hóa) của NXB Springer International xuất bản năm 2017, các tác giả đã đưa ra những nhận định về sự khác biệt rất lớn trong môi trường truyền thông số, đó là “*cách chúng ta tiếp cận tin tức và giải trí ngày càng số hóa, ngày càng cá nhân hóa, và ngày càng tương tác*” [85, tr 6]. Các khái niệm mới không ngừng xuất hiện song hành với sự phát triển của các công nghệ số. Từ báo chí đa phương tiện đến báo chí số, báo chí di động, báo chí dữ liệu, báo chí tự động, báo chí liếc nhìn...

Một trong các nội dung nghiên cứu rất quan trọng về truyền thông số là đặc điểm của công chúng số. Trong cuốn *Content Production for Digital Media* (Sản xuất nội dung cho truyền thông số) xuất bản năm 2022, các tác giả Jay Daniel Thompson và John Weldon đã mô tả khá kỹ lưỡng và công chúng ngày nay qua các bộ câu hỏi nghiên cứu công chúng. Các tác giả cũng đưa ra quan điểm báo chí là một quá trình phát triển không ngừng, và ngày nay đã có sự xóa mờ ranh giới giữa nhà báo và công chúng, giữa tin tức báo chí và các thông tin trên số có tương tác [107]. Các phỏng vấn sâu với nhà báo giàu kinh nghiệm cũng cho thấy giờ đây các nhà báo phải giữ mối quan hệ ngang hàng, bình đẳng với công chúng thay vì từ trên xuống như trước đây. Thông tin báo chí giờ đây không nên là một bài giảng mà phải là một cuộc đối thoại với công chúng. Công chúng không đứng ngoài cuộc mà còn tham gia vào việc đưa tin và trở thành các nhà sáng tạo nội dung. Bên cạnh các báo chí chuyên nghiệp còn có báo chí công dân với sự tham gia đưa tin trực tiếp của công chúng. Sự thay đổi vị thế và vai trò của công chúng lớn đến nỗi cả ngành công nghiệp báo chí phải thay đổi toàn bộ luật

chơi. Giờ đây, “thương hiệu một tờ báo giờ chỉ là một trong rất nhiều thương hiệu, một trang blog cá nhân giờ cũng có thể là đối thủ của cơ quan báo chí. Thương hiệu lâu đời không có nghĩa là sẽ có sự trung thành của độc giả mà chúng ta phải nỗ lực giành lấy... Sự trỗi dậy của công nghệ thông minh đã khiến ai cũng có thể tạo và phân phối nội dung, hạ thấp rào cản gia nhập ngành công nghiệp báo chí” [38].

Mối quan hệ giữa báo chí với mạng xã hội trong môi trường truyền thông số cũng là một chủ đề được nghiên cứu nhiều. Các học giả thường đưa ra khái niệm “frienemy” nghĩa là vừa là hợp tác vừa cạnh tranh để nói về mối quan hệ này. Cuốn *Journalism and Digital Content in Emerging Media Markets* (Báo chí và nội dung số ở các thị trường truyền thông mới nổi) xuất bản năm 2022 có khảo cứu của các tác giả từ nhiều quốc gia về vấn đề này. Tác giả Tofalvy mô tả thực tế là “facebook từ mạng xã hội đã trở thành một trong những nền tảng truyền thông lớn nhất hiện nay”. “Facebook và Youtube lại đang trở thành tờ báo và đài truyền hình lớn nhất toàn cầu, đồng thời thu thập thông tin và theo dõi hành vi người dùng, qua đó tác động và điều chỉnh hành vi của họ qua cách áp dụng những thuật toán của mình” [89, tr 39] “Mối quan hệ đầy mâu thuẫn giữa báo chí truyền thống với facebook về ngắn hạn thì có vẻ như nền tảng này quảng bá rộng rãi cho báo chí truyền thống, song về lâu dài nó lại giữ chân người dùng ở lại nền tảng của mình, và ngón luôn phần lớn nhất trong chiếc bánh quảng cáo số - vì thế gọi là mối quan hệ “frenemy” (nửa bạn nửa thù hay là vừa hợp tác vừa cạnh tranh) [89, tr 72]. Paul Bradshaw, một chuyên gia hàng đầu về báo chí dữ liệu, báo chí di động và báo chí đa nền tảng của Anh, trong cuốn sách *Cảm nang báo chí trực tuyến- Kỹ năng sinh tồn và lớn mạnh trong kỷ nguyên số*, đã nhận định về tầm quan trọng của việc quản trị mối quan hệ này, bởi dù muốn hay không báo chí vẫn đang phải đẩy mạnh việc xuất bản trên các nền tảng xuyên biên giới. “Các tổ chức tin tức ngày càng phải quản trị nhiều hơn với các công ty công nghệ như Facebook và Snapchat, đồng thời liên tục theo dõi những thay đổi về thuật toán của công cụ tìm kiếm và nền tảng mạng xã hội, đồng thời thử nghiệm xuất bản trên các thiết bị kết nối mới” [7, tr 2]. Về những vấn đề này các học giả nước ngoài và trong nước đều có nhiều nhận định và phân tích tương đồng.

Ở một khía cạnh khác, khi các nghiên cứu trong nước mới chỉ nói về khó khăn thách thức của báo chí, thì các tác giả nước ngoài đã sớm gọi tên một cuộc khủng hoảng báo chí, thậm chí là suy thoái của báo chí khi đối mặt với tình trạng mất nguồn thu trong môi trường truyền thông số. Theo thống kê của trang Statista nguồn thu

quảng cáo của internet năm 2022 đã chiếm tới gần 62%, trong khi đó nguồn thu quảng cáo của báo chí chỉ còn hơn 30%. Các chuyên gia gọi tình trạng hiện nay là “*cú sốc thể thảm*” [109] của ngành truyền thông. Không ít các cơ quan báo chí không thể thích ứng được với sự thay đổi kỹ thuật số nhanh chóng và rơi vào suy thoái, thậm chí bế tắc. Đến mức Trung tâm Nhà báo Quốc tế (ICFJ) đã mô tả tác động của cuộc khủng hoảng như một nguy cơ dẫn đến “*sự tuyệt chủng*” đối với nghề báo [102]. Dường như đây là nguyên nhân khiến ngày càng nhiều nhà nghiên cứu truyền thông và các nhà báo gào cọi dành công sức và thời gian để đi tìm những giải pháp giúp cho báo chí thích nghi, tồn tại và phát triển trong môi trường truyền thông số.

Trong số đó đáng chú ý có các báo cáo toàn cầu thường kỳ của Mạng lưới truyền thông quốc tế FIPP đề cập các vấn đề mới nổi và phân tích những xu hướng mới, những sáng kiến mới mang tính giải pháp trong báo chí truyền thông. Báo cáo toàn cầu năm 2018-2019 với chủ đề *Những sáng tạo trong báo chí*, khẳng định để tiếp tục thu hút công chúng trong bối cảnh truyền thông số, “*các cơ quan báo chí không những phải làm chủ các công cụ kể chuyện mới, mà còn phải phá bỏ những văn hóa cũ nhằm tạo ra mảnh đất màu mỡ để tận dụng tối đa các công cụ mới*”. Cũng theo báo cáo này, nhiều tờ báo chính luận hàng đầu trên thế giới đã nhanh chóng đổi mới trong bối cảnh truyền thông số, sử dụng 7 nền tảng hoặc cách tiếp cận nội dung kỹ thuật số hàng đầu, bao gồm: Âm thanh, báo chí tự động, chatbot, kể chuyện theo chiều ngang, kể chuyện tương tác, video trực tiếp, kể chuyện đa phương tiện. Trong báo cáo này các chuyên gia báo chí truyền thông hàng đầu nhấn nhủ tới các đồng nghiệp rằng phải thay đổi nếu không muốn “*đứng nhìn Kỷ nguyên vàng bỏ lại bạn phía sau*”.

Những năm gần đây, Viện Nghiên cứu báo chí Reuters cũng ra báo cáo chuyên đề hàng năm về Tin tức trong bối cảnh truyền thông Số (Digital News). Giáo sư Rasmus Kleis Nielsen - Giám đốc Viện Nghiên cứu báo chí Reuters nhận định: “*Chúng ta đang sống trong thời đại của những diễn biến cực đoan. Biến đổi khí hậu, dịch bệnh, chiến tranh tạo ra những thách thức to lớn. Chính lúc này các nhà báo, có thể nỗ lực nhất để giúp xã hội hiểu về những điều đang xảy ra, và từ đó có thái độ và hành vi đúng đắn. Các cơ quan báo chí cũng đang nỗ lực chuyển đổi số để có thể đưa các tác phẩm báo chí đến với công chúng trên những nền tảng số đầy cạnh tranh... Mặc dù báo chí chính thống với sự chuyên nghiệp và khách quan đang giúp công chúng hiểu rõ hơn những gì đang diễn ra, nhưng sự quan tâm của công chúng với tin tức chính luận đang giảm. Nhiều người cho là báo chí là chủ đề của tranh giành ảnh hưởng chính trị,*

chỉ có một số ít người tin rằng các cơ quan báo chí đang nỗ lực vì lợi ích của người dân hơn là những lợi ích thương mại” [102, tr 5]. Báo cáo khảo sát ở hơn 40 quốc gia ở nhiều châu lục khác nhau và các dữ liệu đều cho thấy xu hướng giảm sự quan tâm và niềm tin vào báo chí chính thống, xu hướng lảng tránh tin tức ở một bộ phận công chúng, và xu hướng tiếp cận tin tức thông qua “cửa ngách” là các mạng xã hội thay vì truy cập vào trang web hoặc ứng dụng của chính các cơ quan báo chí. Các chuyên gia của Viện Nghiên cứu Báo chí Reuters khuyến cáo, để đến gần với khán giả trong bối cảnh truyền thông đa phương tiện, báo chí chính luận cần tiếp cận các vấn đề lớn từ góc nhìn gần gũi, dân sinh hơn, sử dụng các công cụ đa phương tiện một cách nhanh nhạy, đồng thời sử dụng phương pháp báo chí chỉ dẫn, báo chí giải thích để các thông tin chính luận trở nên dễ hiểu và trực diện đối với quá trình tiếp nhận của công chúng.

Một trong các giải pháp được nhiều nhà nghiên cứu nước ngoài đề cập tới là trong môi trường truyền thông số, báo chí cần trở thành một loại dịch vụ công, và khẳng định báo chí chuyên nghiệp, báo chí chính luận, báo chí điều tra cần được hỗ trợ để tồn tại trong môi trường truyền thông số vì vai trò to lớn của nó đối với sự phát triển tiến bộ và bền vững của xã hội. Bài nghiên cứu *The future of work in journalism (Trương lai của công việc trong lĩnh vực báo chí)* của Học viện Australia năm 2021 của tác giả Jim Stanford nhấn mạnh: “Các tin tức của báo chí chính thống và bền vững phải được coi là sản phẩm công” [104]. Loại sản phẩm công này có 8 chức năng, trong đó có chức năng: thông tin chính luận. Xã hội vẫn rất cần sản phẩm công đặc biệt này và tầm quan trọng của thông tin chính xác, cần trọng và đáng tin cậy đã được minh chứng trong đại dịch Covid. Thông tin công cũng rất cần với xã hội tương tự như nước sạch, y tế công cộng, như an toàn giao thông, song nó lại đang gặp phải thách thức và có thể thất bại trong cơ chế thị trường. Tác giả nhận định: “Nhu cầu có tin tức chính thống chuẩn xác và có trách nhiệm trong xã hội lớn hơn bao giờ hết, nhưng để cơ chế tư nhân sẽ không đáp ứng được nhu cầu này” [104]. Trong cuốn sách *Cẩm nang báo chí trực tuyến - Kỹ năng sinh tồn và lớn mạnh trong Kỷ nguyên số*, nhà báo gạo cội người Anh Paul Bradshaw cũng nỗ lực chứng minh vai trò của báo chí đang ngày càng quan trọng trong thời đại số. Trong đó có vai trò đại diện cho những người không có được tiếng nói, soi rọi những “điểm mù” trong thế giới số, kết nối công đồng giúp họ thoát khỏi sự cô lập bởi tình trạng “thiên kiến xác nhận”, và đặc biệt là vai trò của báo chí trong việc xác minh và vạch trần các nội dung lừa đảo và tin giả [7, tr 4].

Các chuyên gia đã gửi rất nhiều lời kêu gọi tới các chính phủ, các tổ chức công và

cộng đồng về việc cần phải ủng hộ báo chí phát triển trong MTTTS. Trong Báo cáo năm 2021-2022 của UNESCO về *Tự do Ngôn luận và sự phát triển của Truyền thông* nhấn mạnh, thực chất trong môi trường truyền thông số có thể quá tải thông tin, song tin tức đúng nghĩa thì lại ngày càng ít đi, do bị các thuật toán chi phối. Tình trạng tin sai, tin giả ngày càng lan tràn. Vì vậy, “...*xã hội phải thấy giá trị của tin tức báo chí chính xác và có kiểm chứng. Hai là báo chí phải năng động tìm nguồn thu mới và thích ứng với công nghệ. Nhưng quan trọng là các cơ quan chính quyền cần thấy rõ cuộc khủng hoảng của báo chí để có giải pháp hỗ trợ kịp thời bằng hỗ trợ trực tiếp và gián tiếp*” [109] ...

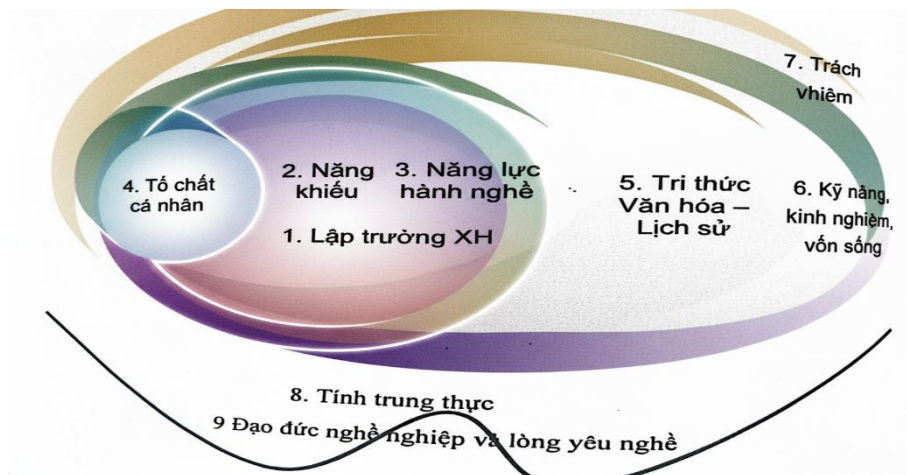
Tổng quan các công trình nghiên cứu về báo chí trong môi trường truyền thông số cho thấy một sự phát triển mạnh mẽ và logic trong tư duy học thuật. Từ việc định danh các khái niệm công nghệ ban đầu, giới nghiên cứu đã tiến tới hệ thống hóa các xu hướng lớn, phân tích sự thay đổi của công chúng, và gần đây nhất là đi sâu vào các mô hình ứng dụng, quy trình sáng tạo và kỹ năng tác nghiệp cụ thể. Các nghiên cứu đã khẳng định rằng môi trường truyền thông số không chỉ thay đổi công cụ, mà đã tái định hình vai trò, chức năng và phương thức hoạt động của nhà báo. Tuy nhiên, khi đối chiếu với hướng nghiên cứu về báo chí chính luận đã phân tích ở mục trước, một khoảng trống nghiên cứu hiện ra một cách rõ ràng: Một là, các nghiên cứu về chính luận thường có chiều sâu về tư tưởng, lịch sử, ngôn ngữ nhưng lại chưa thực sự bắt kịp với những biến đổi của môi trường số. Hai là, các nghiên cứu về môi trường số rất cập nhật về công nghệ, xu hướng, nhưng lại thường xem xét đối tượng báo chí nói chung, chưa có sự phân tích chuyên biệt và sâu sắc dành cho lĩnh vực báo chí chính luận với những yêu cầu đặc thù về lập trường, tư duy phản biện và sứ mệnh định hướng.

1.3. Hướng nghiên cứu về kỹ năng nghề nghiệp nhà báo trong môi trường truyền thông số

1.3.1. Các sản phẩm nghiên cứu trong nước

Nếu các hướng nghiên cứu trong mục 1.1 tập trung vào việc định danh lý luận chính luận và mô tả sự biến đổi của hệ sinh thái truyền thông, thì hướng nghiên cứu này đi thẳng vào trung tâm của hoạt động báo chí, đó là nhà báo. Môi trường truyền thông số đã tạo ra một cuộc cách mạng sâu sắc, buộc nhà báo phải tái định vị vai trò và trang bị một hệ thống kỹ năng mới để tồn tại và phát huy giá trị. Các công trình tại Việt Nam đã nhanh chóng nắm bắt xu hướng này, hình thành nên một dòng chảy phân tích ngày càng chuyên sâu và cụ thể.

Trong công trình “*Báo chí truyền thông hiện đại - Từ hàn lâm đến đời thường*” (2011), PGS.TS. Nguyễn Văn Dũng [15] đã có những phân tích sâu sắc về năng lực nhà báo trong bối cảnh mới. Tác giả đã xây dựng mô hình phẩm chất nghề nghiệp nhà báo hiện đại, trong đó nhấn mạnh đến lớp phẩm chất về tri thức, bao gồm năng lực cập nhật những tri thức mới của thời đại. Quan trọng hơn, ông đã đưa ra một luận điểm mang tính dự báo: “Báo chí hiện đại với khả năng tích hợp nhiều loại hình truyền thông đã và đang đặt ra cho nhà báo hiện đại khả năng tích hợp đa kỹ năng”. Luận điểm này đã mở ra một hướng nghiên cứu mới, chuyển trọng tâm từ việc am hiểu một loại hình sang khả năng làm chủ nhiều kỹ năng khác nhau.



Hình 1.3: Mô hình phẩm chất nghề nghiệp của nhà báo hiện đại

Công trình đã sớm xác lập tầm quan trọng của việc “tích hợp đa kỹ năng” như một yêu cầu tất yếu.

Cuốn sách “*Báo chí và truyền thông đa phương tiện*” (2017) do PGS,TS. Nguyễn Thị Trường Giang [19] chủ biên đã dành một chương quan trọng để định nghĩa và phân tích về “*nhà báo đa phương tiện*”. Tác giả định nghĩa đây là “*nhà báo biết làm chủ công nghệ và biết khai thác, sử dụng linh hoạt các thiết bị thông minh*”. Điểm khác biệt cốt lõi được nhấn mạnh là sự thay đổi trong tư duy: nhà báo phải có “*tư duy, suy nghĩ đa phương tiện*”, tức là khi tiếp cận một sự kiện, họ phải hình dung được cách thể hiện nó trên nhiều loại hình khác nhau. Công trình đã phân tích chi tiết các kỹ năng cụ thể và nguyên tắc tác nghiệp của mô hình nhà báo này.

Cũng trong giai đoạn này, tác giả Nguyễn Thành Lợi [37] với cuốn “*Tác nghiệp báo chí trong môi trường truyền thông hiện đại*” đã đi xa hơn trong các khái niệm. Ông không chỉ nhấn mạnh đến “*tư duy đa phương tiện*”, “*tư duy hội tụ*” mà còn đưa ra một

yêu cầu mới, mang tính thời đại: “*tu duy mobile*”. Đây là một trong những công trình đầu tiên ở Việt Nam đề cập một cách hệ thống đến khái niệm MOJO (Mobile Journalist - nhà báo di động), phân tích các kỹ năng cần có và hướng dẫn quy trình tác nghiệp chi tiết, từ thu thập thông tin, quay phim, đồ họa đến sản xuất và phân phối nội dung đa nền tảng.

Các tham luận tại các hội thảo khoa học quốc tế gần đây, đặc biệt là Hội thảo “*Quản trị tòa soạn báo chí số*”, đã cung cấp những luận cứ thực tiễn sống động từ chính các cơ quan báo chí đang trong quá trình chuyển đổi. Tham luận của nhà báo Ngô Trần Thịnh (HTV) về mô hình “*Tòa soạn thế hệ mới, tin tức thế hệ mới và nhà báo thế hệ mới*” [46] là một minh chứng điển hình. Mô hình tác nghiệp “*đi 1 về 3*” (một ê-kíp sản xuất nội dung cho ba nền tảng) và công thức “*phóng viên x AI*” đã cụ thể hóa yêu cầu về năng lực đa nhiệm và khả năng làm chủ công nghệ của nhà báo. Các chuyên gia đào tạo từ Học viện Báo chí và Tuyên truyền cũng khẳng định khối kiến thức về công nghệ là một trong bốn trụ cột kiến thức, xem công nghệ là yếu tố “*giải phóng sức sáng tạo*” và quyết định sự thành công của người làm truyền thông.

Bài viết “*Năng lực truyền thông chính trị của báo chí số*” của tác giả Trương Thị Kiên [37] tiếp tục khẳng định, nhà báo trong môi trường số không chỉ “*tiêu dùng công nghệ*” mà phải “*sử dụng công nghệ phục vụ cho sự sáng tạo*”, phải chủ động nắm bắt và thích nghi với những thách thức mới.

Bài viết trên Tạp chí Cộng sản của PGS,TS. Đỗ Thị Thu Hằng (2024) [24], “*Sáng tạo nội dung báo chí đa nền tảng trong kỷ nguyên số*”, cung cấp một khung lý luận chính trị và học thuật vững chắc. Luận điểm xem chuyển đổi số là một “*cuộc cách mạng*” đòi hỏi “*đổi mới tư duy*” và các khái niệm “*nhà báo đa kỹ năng*”, “*nhà báo đa năng*”, “*tích hợp đa kỹ năng*” sẽ được sử dụng làm hệ thống khái niệm công cụ cho luận án.

Các công trình trong giai đoạn này đã thành công trong việc xây dựng một bức tranh chi tiết về mô hình “*nhà báo đa phương tiện/đa năng*”. Các kỹ năng số, kỹ năng công nghệ đã được nhận diện, phân tích và hệ thống hóa. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chủ yếu xem xét nhà báo nói chung trong môi trường truyền thông số. Các phân tích chưa đi sâu vào đặc thù của các lĩnh vực chuyên biệt. Câu hỏi đặt ra là: Liệu các kỹ năng của một nhà báo chính luận có hoàn toàn đồng nhất với bộ kỹ năng của một nhà báo văn hóa, thể thao hay giải trí trong môi trường truyền thông số không? Hay lĩnh vực chính luận đòi hỏi một sự tích hợp và biến đổi kỹ năng nghề nghiệp theo một cách riêng biệt? Đây chính là khoảng trống mà các

nghiên cứu hiện tại chưa giải quyết triệt để.

Đối với kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo truyền hình trong môi trường truyền thông số, thông tin chủ yếu được đề cập trong khuôn khổ các hội thảo chuyên ngành. Bài viết tường thuật hội thảo “*Kỹ năng của nhà báo truyền hình trong môi trường số: Chuyển đổi số không chỉ là thay đổi công nghệ*” của báo điện tử vtv.vn cho biết: các chuyên gia và các tổ chức báo chí khu vực khẳng định chuyển đổi số không đơn thuần là thay đổi công nghệ, mà là quá trình tái cấu trúc tư duy nghề nghiệp và chuẩn mực lao động của nhà báo truyền hình. Từ lập luận của các nhà báo Nguyễn Thanh Lâm, Lê Quốc Minh, Phạm Anh Chiến, bài viết cho thấy môi trường số đã làm sụp đổ mô hình truyền hình tuyến tính, đòi hỏi nhà báo hình phải dịch chuyển sang hệ tác nghiệp đa nền tảng, sử dụng công nghệ AI, dữ liệu người xem và kỹ thuật sản xuất tức thời (Minh Trang, 2025). Đồng thời, các diễn giả nhấn mạnh mặt đối lập biện chứng của tiến trình này: Công nghệ mở rộng khả năng biểu đạt nhưng cũng đặt ra nguy cơ lệ thuộc thuật toán, suy giảm tính chính xác và rủi ro đạo đức nghề nghiệp nếu thiếu bản lĩnh chính trị và khả năng kiểm soát thông tin. Tham luận của các chuyên gia mở ra nhận thức quan trọng về kỹ năng số, kỹ năng dữ liệu, kỹ năng sáng tạo đa nền tảng như những thành tố không thể thiếu của cấu trúc kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo truyền hình trong MTTTS.

Bài viết của Văn Khánh và Mạnh Trình (2023) “*Tác phẩm truyền hình chính luận: Đào sâu sáng tạo về nội dung và hình thức*”, cung cấp một minh chứng thực tiễn quan trọng về cách thức sản xuất tác phẩm chính luận truyền hình trong bối cảnh nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng theo Nghị quyết 35-NQ/TW và Đề án 05-ĐA/TU. Tác giả khẳng định rằng sản xuất chính luận truyền hình không chỉ là hoạt động thông tin mà là quá trình kết hợp nghiên cứu chính trị, tư tưởng, phân tích thời sự và sáng tạo truyền hình, đòi hỏi ở phóng viên, biên tập viên năng lực lập luận chính trị vững vàng, khả năng xử lý hình ảnh, bối cảnh, tư liệu phức tạp và bản lĩnh tư tưởng kiên định (Văn Khánh, Mạnh Trình, 2023), Nhóm thực hiện chuyên mục “*Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng*” phải đồng thời làm chủ tri thức xây dựng Đảng, cập nhật quy định Trung ương, tổ chức hình ảnh minh họa phù hợp và chuyên tải thông điệp đến nhiều đối tượng khán giả với độ chính xác chính trị tuyệt đối.

Nhóm tác giả Nguyễn Tấn Phú, Lâm Thanh Toàn, Từ Thái Bảo (2024) có bài viết “*Giải pháp phân loại chủ đề tự động cho bản tin thời sự truyền hình bằng kỹ thuật học máy*”, *Tạp chí Khoa học, Công nghệ Cần Thơ*, số 5/2024. Bài viết tiếp cận vấn đề

phân loại chủ đề bản tin thời sự truyền hình bằng các mô hình học máy như KNN, SVM, CNN và đặc biệt là PhoBERT, mô hình ngôn ngữ tiếng Việt đạt độ chính xác 98%. Công trình khẳng định xu thế tự động hóa quy trình sản xuất bản tin, trong đó thao tác phân loại, gắn thẻ, tổ chức dữ liệu và tối ưu hóa thư viện tư liệu trở thành nền tảng cho các tòa soạn truyền hình trong thời đại số (Nguyễn Tấn Phú, 2024). Kết quả này cho thấy dữ liệu và thuật toán đang mở rộng vai trò từ khâu hỗ trợ sang khâu quyết định trong tổ chức nội dung truyền hình. Mặc dù nghiên cứu không trực tiếp đề cập đến nghề báo, nhưng hàm chứa một luận điểm có giá trị đối với kỹ năng nghề nghiệp nhà báo trong MTTTS: nhà báo ngày nay phải hiểu, sử dụng và giám sát các hệ thống thuật toán để khai thác tư liệu, phân tích nội dung và đảm bảo độ chính xác chính trị của bản tin. Đối với nhà báo việc nắm vững nguyên tắc hoạt động của các mô hình phân loại tự động trở thành một yêu cầu nhằm kiểm soát rủi ro sai lệch chủ đề, sai lệch ngữ nghĩa hoặc thiên kiến thuật toán.

Nhìn nhận từ một góc độ khác, Hội thảo chuyên đề (2025), “*Kỹ năng ứng xử và đạo đức nghề nghiệp trong môi trường truyền thông hiện đại*”, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam là một diễn đàn chuyên môn về kỹ năng ứng xử và đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh truyền thông hiện đại, nơi áp lực cạnh tranh thông tin, tốc độ lan truyền và các hình thức thao túng nhận thức càng trở nên phức tạp. Các diễn giả, trong đó có Nhà báo Đỗ Công Định và Chuyên gia Nguyễn Đình Thành, nhấn mạnh rằng môi trường truyền thông số buộc người làm nghề phải kiểm soát phát ngôn, nắm vững quy tắc ứng xử trực tuyến và duy trì chuẩn mực đạo đức như nền tảng của uy tín nghề nghiệp (VYA, 2025). Sự bùng nổ mạng xã hội, tin giả và thuật toán lan truyền mang tính cảm xúc được xác định là những nhân tố làm gia tăng nguy cơ lệch chuẩn, đòi hỏi mỗi chủ thể thông tin phải rèn luyện năng lực nhận diện, tự vệ và điều chỉnh hành vi.

Các tác giả Trần Thị Yến Minh, Phạm Thị Hương (2022) có bài viết “Một số kỹ năng thẩm định thông tin cho người dùng internet và mạng xã hội” đăng trên *Tạp chí khoa học xã hội, nhân văn và giáo dục. Tập 10, số đặc biệt (2020), 112-119*. Tài liệu tập trung phân tích nhóm kỹ năng thẩm định thông tin (news literacy) trong môi trường truyền thông số, gồm khả năng nhận diện nguồn tin, kiểm tra độ tin cậy, đánh giá tính xác thực, phát hiện thao túng, phân biệt tin giả, tin thật và hiểu cơ chế lan truyền của thông tin trên nền tảng mạng xã hội. Tác giả chỉ ra rằng thông tin trên internet không chỉ dày đặc mà còn bị chi phối bởi thuật toán, cảm xúc và các chiến dịch thao túng có chủ đích, khiến người dùng dễ rơi vào bẫy thông tin nếu thiếu năng lực phân tích và đối

chiếu bằng chứng. Vì vậy, kỹ năng thẩm định không phải là thao tác kỹ thuật, mà là năng lực tư duy phân biện, năng lực kiểm chứng và năng lực hiểu biết về hoạt động truyền thông trong không gian số.

Tác giả Vũ Hải Quang (2025) trong bài viết “Nhu cầu kỹ năng số trong ngành Báo chí, Truyền thông tại Việt Nam” đăng trên *VietTimes* phân tích yêu cầu kỹ năng số như nền tảng tất yếu để báo chí Việt Nam thích ứng với giai đoạn chuyển đổi số 2026-2030 và tầm nhìn 2045. Tác giả khẳng định rằng báo chí không còn vận hành theo mô hình truyền thống mà đang chịu chi phối sâu sắc của dữ liệu lớn, AI, blockchain, XR và các nền tảng truyền thông số. Trong bối cảnh đó, người làm báo buộc phải sở hữu các nhóm năng lực cốt lõi như: sản xuất đa phương tiện, phân tích dữ liệu, quản trị phân phối nội dung, ứng dụng AI, bảo mật và đạo đức số. Bài viết đặt vấn đề ở cấp độ chiến lược, khi báo chí được yêu cầu tiên phong trong chuyển đổi số để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và giữ vững vai trò định hướng dư luận.

Công chúng số là một đối tượng quan trọng tác động tới KNNN của nhà báo trong MTTTS. Tác giả Đinh Khắc Quỳnh Giang (2023) có bài viết “Thế hệ công chúng thông minh và áp lực thích nghi của truyền thông chính thống”, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Tập 126, số 26, 2017, tr 179-190. Bài viết phân tích sự nổi lên của “thế hệ công chúng thông minh”, nhóm công chúng có trình độ công nghệ cao, kỹ năng số tốt, khả năng kiểm chứng độc lập và thói quen tiếp nhận thông tin đa tầng từ nhiều nguồn khác nhau. Công chúng thông minh đặt ra sức ép lớn đối với truyền thông chính thống, bởi họ không còn tiếp nhận thụ động mà liên tục đối chiếu, kiểm chứng và phản biện nội dung báo chí. Tác giả cho rằng trong môi trường số, truyền thông chính thống chỉ duy trì được uy tín khi thích ứng bằng sự minh bạch, nâng cao chất lượng lập luận, tăng chiều sâu nội dung và đổi mới phương thức tiếp cận công chúng. Điều này đòi hỏi nhà báo phải biết chuyển từ cách truyền đạt một chiều sang cách tương tác, giải thích, đồng kiến tạo thông tin với công chúng.

Có thể nhận định rằng, các tác giả trong nước đã đề cập khá toàn diện tới nhiều khía cạnh KNNN của nhà báo trong MTTTS, song còn dừng ở các hiện tượng và biểu hiện cụ thể. Vẫn còn thiếu những nghiên cứu chuyên sâu về định hướng KNNN của nhà báo, các mô hình KNNN mới và giải pháp cho các tòa soạn trong MTTTS.

1.3.2 Các tác phẩm nghiên cứu của nước ngoài

So với các nghiên cứu trong nước, số lượng các tác phẩm nghiên cứu và hướng dẫn kỹ năng của nhà báo trong môi trường truyền thông số có phần sắc nét hơn. Có

nhieu ấn phẩm cũng như các tài liệu online giới thiệu và hướng dẫn về các kỹ năng cho nhà báo thế hệ mới như: kỹ năng sản xuất sản phẩm báo chí đa phương tiện, kỹ năng khai thác và biên tập thông tin từ mạng xã hội, các kỹ năng nhà báo di động (MOJO), kỹ năng SEO (tối ưu hóa công cụ tìm kiếm)... Như tác giả Norman Zafra từ Đại học tổng hợp Auckland dùng khái niệm “ban nhạc chỉ có một người” (one man band) để mô tả công việc của nhà báo trong môi trường truyền thông số [114]. Họ phải trở nên đa nhiệm và đa năng. Họ cùng lúc vừa làm biên tập, vừa quay phim, chụp ảnh, vừa dựng, đọc, làm đồ họa, xuất bản lên các nền tảng, và cả quảng bá cho các sản phẩm báo chí cũng như tương tác và trả lời bạn đọc... Tuy nhiên điều đó chưa đủ để nhà báo có thể sinh tồn trong môi trường truyền thông số.

Để “sinh tồn và lớn mạnh trong kỷ nguyên số”, theo nhà báo- nhà nghiên cứu báo chí đa nền tảng Paul Bradshaw, điều cần nhất là phải có khả năng thích ứng cao. Theo tác giả, khi báo chí truyền thông thay đổi, hàng ngàn công việc truyền thông đã mất đi, nhưng lại tạo ra hàng ngàn việc mới như đội ngũ xử lý dữ liệu, đội ngũ quản trị mạng xã hội, quản trị công đồng. Đã xuất hiện những tòa soạn mới chỉ hoàn toàn là báo chí trực tuyến như Buzzfeed, Vox... Họ đã đi đầu trong khám phá các mô hình mới và đã có những thành công cũng như thất bại. “Nhà báo đã có tinh thần tự chủ, tự doanh hơn nhiều, họ được trông đợi đảm nhận nhiều trách nhiệm hơn cả một nhà xuất bản khi trước... Những yêu cầu này không chỉ đòi hỏi khả năng chuyên môn (biên tập, kỹ thuật, công nghệ), mà còn cả các kỹ năng quản lý dự án và chiến lược” [7, tr 2]. Vì vậy tác giả đã cung cấp kiến thức và hướng dẫn cho các nhà báo các kỹ năng toàn diện bao gồm luật truyền thông trực tuyến, các kỹ năng sáng tạo tác phẩm đa nền tảng, báo chí dữ liệu, quản lý mạng xã hội, cộng đồng, kỹ năng đối phó với tấn công và quấy rối trên mạng... Rất nhiều kỹ năng cần thiết cho nhà báo, đi kèm với rất nhiều kỳ vọng đối với nhà báo trong môi trường truyền thông số.

Nhà báo kỳ cựu người Anh David Randall- cựu thư ký tòa soạn của The Observer, thì chia sẻ: “Tôi phải quăng mình vào thế giới trực tuyến ngay từ giai đoạn sơ khởi... tôi luôn ý thức được rằng việc nắm bắt các công nghệ và kỹ thuật tân tiến là một phần thiết yếu để trở thành phóng viên giỏi” [7]. Trong cuốn *Nhà báo toàn cầu*- một trong những cuốn sách được coi là giáo khoa cho nhà báo trong thời đại số- ông đã tập trung vào những kỹ năng giúp nhà báo hoạt động tốt nhất trên mạng xã hội, tận dụng sức mạnh của các nền tảng xuyên biên giới nhưng không bị thuật toán chi phối, đồng thời đưa ra những chỉ dẫn cho công việc phân tích, bình luận trong môi trường truyền thông số.

Trong cuốn *Content Production for Digital Media* (Sản xuất nội dung cho truyền thông số) của Jay Daniel Thompson và John Weldon thì nhắc đến văn hóa trách nhiệm, quy tắc ứng xử trên mạng xã hội của các nhà báo. Sách phân tích và nêu ví dụ các bảng quy tắc ứng xử trên mạng xã hội dành cho nhà báo của các cơ quan báo chí lớn như New York Times và BBC. Tương tự như vậy các tác giả Anoop Kumar và Mohamed Haneef (Ấn Độ) chia sẻ, trong thời đại số, bên cạnh vốn văn hóa và uy tín nghề nghiệp, các nhà báo phải có vốn xã hội dày dặn. Vốn xã hội ở đây chính là độ phủ, cường độ hoạt động và tương tác của nhà báo trên các nền tảng mạng xã hội [107]. Đây được coi là một đòi hỏi quan trọng đối với các nhà báo di động - các MOJO, bởi vì di động gắn liền với mạng xã hội.

Thực tiễn làm báo trong môi trường số rất đa dạng và phong phú. Với nhà báo Saran đến từ Thổ Nhĩ Kỳ chia sẻ về việc các nhà báo phải hiểu về kỹ năng SEO (tối ưu hóa chức năng tìm kiếm), để có thể vừa lan tỏa nội dung của mình trên số mà vừa giữ được những tiêu chí của nghề báo. Để tồn tại trong bối cảnh mạng xã hội trở thành những đối thủ cạnh tranh quá mạnh mẽ, báo chí đã buộc phải hòa mình trở thành một dòng chảy trên mạng xã hội. Việc của nhà báo là viết bài, nhưng việc của người làm SEO là “*làm sao có được cú kích chuột vào tiêu đề bài báo*” [89, tr 39]. Trong các tòa soạn đã xảy ra tranh cãi mâu thuẫn giữa tư duy báo chí và tư duy SEO, không ít trường hợp các tòa soạn đã ra những quyết định hy sinh nội dung báo chí để có được SEO tốt.

Những năm gần đây, trí tuệ nhân tạo (AI) được nói tới như trợ lý và đối thủ đáng gờm của những người làm báo. Tác giả Franceso Marconi trong cuốn *Người làm báo, Trí tuệ nhân tạo và tương lai của báo chí* đã đưa ra mô hình làm báo mới khi mà AI can thiệp ở mọi công đoạn từ thu thập tin tức, sản xuất tin bài và phân phối. Trong mô hình làm báo mới khi mà công nghệ ngày càng can thiệp sâu hơn như vậy, nhà báo buộc phải thay đổi tư duy và tìm cách kết hợp nhịp nhàng với công nghệ, thay vì chối bỏ nó. F.Marconi đưa ra khái niệm “*interactive journalism*” tạm dịch là báo chí tương tác và theo thời gian thực [38]. Theo đó nhà báo phải hoàn toàn thoát khỏi tư duy báo chí truyền thống là định kỳ và tuyến tính để chuyển sang cách làm báo thời gian thực và tương tác chặt chẽ với cộng đồng mạng. Nói cách khác như các tác giả người Ấn độ trong *Is MOJO (en)de-skilling?* (Báo chí di động là nâng nghề hay mất nghề?) gọi đây là sự “*định vị lại của nhà báo trong môi trường truyền thông số*” [95]. Đây cũng là ý kiến của TS.Mark Deuzer của Đại học Tổng hợp Amsterdam, Hà Lan. Ông cho rằng điều khó nhất đối với các tòa soạn trở nên hội tụ không phải là công nghệ, bởi công

nghệ đang ngày một trở nên “*đễ hơn, nhanh hơn và tốt hơn*”. Điều khó nhất là các nhà báo phải có “*khả năng hiểu và suy nghĩ xuyên phương tiện*”. Khảo sát cho thấy 31% cho rằng trở ngại nằm ở chính “*tố chất bản thể riêng của các nhà báo*” [87].

Tác giả Alan Rusbridger- Chủ tịch Viện Nghiên cứu báo chí Reuter thì nhấn mạnh tầm quan trọng của các kỹ năng báo chí chân chính trong môi trường truyền thông số ngập tràn tin giả. Ông dự báo “*Không sớm thì muộn người ta sẽ phải ùn ùn trở lại nơi trú ẩn của nghề báo chân chính*” [2]. Nhưng còn quá sớm để hy vọng vì giờ đây nghề báo đang là một trong những công việc mong manh nhất, nhiều rủi ro và thậm chí đang bị suy giảm lòng tin nghiêm trọng. Theo ông, nhà báo vừa phải hòa nhập với môi trường truyền thông số, vừa phải giữ vững những giá trị của nghề báo chân chính để trở thành điểm tựa khi công chúng quay trở lại sau những mệt mỏi giữa đại dương tin giả.

Đây cũng là quan điểm mà tác giả Mitchell Stephens trong cuốn *Beyond News-The future of journalism* (Hơn cả tin tức - tương lai của báo chí), chứng minh một cách thuyết phục qua rất nhiều ví dụ được khảo sát trong suốt lịch sử báo chí từ thế kỷ 18 đến thời kỳ báo chí truyền thông số hiện nay. Ông cho rằng để tồn tại và phát triển, song song với việc nắm vững công nghệ và tư duy số, nhà báo hơn lúc nào hết cần phải nâng cao chất lượng báo chí. Báo chí phải thực sự chất lượng, các tác phẩm báo chí phải đạt tiêu chí “*thông thái*”, giúp nâng cao nhận thức và cả đạo đức cho xã hội [106]. Muốn như vậy nhà báo phải là đáp ứng được những tiêu chuẩn cao cả về phong cách, kiến thức, hiểu biết, diễn ngôn, có đầy đủ bằng chứng thuyết phục, đưa vấn đề một cách lôgic, và phải có bản sắc riêng. Việc của các nhà báo không còn là đưa tin (bởi sự kiện thường được đưa tin nhanh chóng trên mạng xã hội) mà phải trở thành các nhà phân tích bình luận để lý giải, dự báo, dẫn dắt quan điểm và định hướng dư luận một cách ấn tượng. Đây chính là quan điểm nhấn mạnh tầm quan trọng của báo chí chính luận, báo chí chiều sâu trong môi trường truyền thông số.

Có thể nhận định các tác phẩm nghiên cứu quốc tế về KNNN của nhà báo trong MTTTS rất đa dạng và đi sâu vào bản chất của nghề báo hiện đại. Không chỉ đề cập các kỹ năng mới, các tác giả đã phân tích và lý giải vì sao nhà báo cần thay đổi KNNN. Qua đó giúp tìm ra lời giải và tầm nhìn mang tính chiến lược đối với sự phát triển của báo chí và KNNN của nhà báo trong mô hình truyền thông mới: Đó là cập nhật kỹ năng mới, sử dụng công nghệ đi đôi với nâng cao chất lượng nội dung, củng cố những thế mạnh của báo chí so với mạng xã hội.

1.4. Khoảng trống nghiên cứu tồn tại

Từ ba hướng nghiên cứu tổng quan của luận án gồm: (1) báo chí chính luận và chính luận truyền hình; (2) báo chí trong môi trường truyền thông số; (3) kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo trong môi trường truyền thông số, có thể khẳng định rằng hệ thống các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến báo chí chính luận, kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo và môi trường truyền thông số là rất phong phú, đa chiều và có chiều sâu. Các nghiên cứu này đã góp phần phân tích tương đối đầy đủ tiến trình hình thành và phát triển của báo chí chính luận qua các giai đoạn lịch sử khác nhau, làm rõ các giá trị cốt lõi của báo chí chính luận và nhà báo chính luận trong từng bối cảnh chính trị - xã hội cụ thể, đồng thời cập nhật những biến đổi mạnh mẽ của công nghệ số và môi trường truyền thông số đối với báo chí chính luận và nhà báo chính luận.

Ở bình diện chung, các nghiên cứu đã chỉ ra rằng báo chí, với tư cách là một thiết chế xã hội đặc thù, luôn vận động và biến đổi cùng với sự phát triển của khoa học - công nghệ và nhu cầu thông tin của xã hội. Trong môi trường truyền thông số, những tác động mang tính cách mạng của công nghệ số đã làm thay đổi sâu sắc phương thức sản xuất, phân phối và tiếp nhận thông tin báo chí. Báo chí không còn hoạt động trong không gian truyền thông tương đối khép kín như trước, mà phải tham gia trực tiếp vào một môi trường truyền thông mở, đa trung tâm, nơi công chúng không chỉ là đối tượng tiếp nhận mà còn là chủ thể tham gia sản xuất, lan tỏa và phản biện thông tin. Những biến đổi này tác động trực tiếp đến vai trò xã hội của báo chí, đến vị thế nghề nghiệp của nhà báo và đến các yêu cầu về kỹ năng nghề nghiệp trong bối cảnh mới.

Đối với báo chí chính luận, các nghiên cứu trong nước đã bước đầu làm rõ đặc trưng loại hình, chức năng chính trị - tư tưởng, vai trò định hướng dư luận xã hội và vị trí của chính luận trong hệ thống báo chí cách mạng Việt Nam. Nhiều công trình đã phân tích nội dung, hình thức thể hiện, hiệu quả xã hội của các tác phẩm báo chí chính luận, qua đó khẳng định vai trò quan trọng của chính luận trong việc truyền tải quan điểm, đường lối, chính sách, cũng như trong việc tham gia giải thích, phân tích và bình luận các vấn đề chính trị - xã hội quan trọng. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu cả trong nước và quốc tế vẫn tập trung nhiều vào sản phẩm báo chí nói chung mà chưa có nhiều nghiên cứu riêng cho lĩnh vực truyền hình và chính luận truyền hình. Trong khi chính luận truyền hình có nhiều tính năng đặc thù so với báo chí chính luận nói chung, trong đó đặc biệt là phương thức thể hiện, ngôn ngữ truyền hình và vai trò của người

dẫn dắt...

Từ hướng nghiên cứu về báo chí trong môi trường truyền thông số, có thể thấy rằng các công trình trong và ngoài nước đã phân tích khá toàn diện những tác động của công nghệ số đối với báo chí truyền thông. Các nghiên cứu đã chỉ ra sự thay đổi của mô hình tòa soạn, quy trình sản xuất nội dung, mối quan hệ giữa báo chí và công chúng, cũng như những thách thức mới liên quan đến tính chính xác, độ tin cậy và vai trò định hướng của báo chí trong môi trường thông tin đa chiều. Qua đó, có thể hình dung khá rõ những xu hướng nổi bật trong MTTTS như báo chí đa phương tiện, báo chí di động, báo chí dữ liệu, báo chí đa nền tảng, làm báo với AI, truyền thông xã hội, công chúng số... Đây là cơ sở khoa học quan trọng và cũng là điểm thuận lợi cho các nghiên cứu tiếp theo của luận án.

Tuy nhiên, một hạn chế dễ nhận thấy là phần lớn các nghiên cứu về báo chí trong môi trường truyền thông số vẫn mang tính khái quát, tập trung vào báo chí nói chung hoặc vào các loại hình báo chí phổ biến như báo chí tin tức, báo chí trực tuyến, báo chí đa phương tiện. Các nghiên cứu chuyên sâu về từng lĩnh vực báo chí cụ thể, đặc biệt là truyền hình và chính luận truyền hình, còn tương đối ít. Những vấn đề mang tính đặc thù của chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số như áp lực cạnh tranh thông tin, sự lan truyền nhanh chóng của dư luận trên không gian mạng, hay yêu cầu vừa bảo đảm tính định hướng chính trị - tư tưởng vừa thích ứng với logic truyền thông số, chưa được phân tích đầy đủ dưới góc độ khoa học. Đây là khoảng trống nghiên cứu lớn còn tồn tại và cũng là nhu cầu thông tin của những người nghiên cứu cũng như làm nghề.

Ở hướng nghiên cứu về kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo trong môi trường truyền thông số, nhiều công trình đã làm rõ sự thay đổi về yêu cầu năng lực nghề nghiệp của nhà báo trước sự phát triển của công nghệ và truyền thông số. Các nghiên cứu này nhấn mạnh vai trò của các kỹ năng số, kỹ năng tác nghiệp đa phương tiện, kỹ năng tương tác với công chúng và kỹ năng xử lý thông tin trong môi trường mạng. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu vẫn tiếp cận kỹ năng nghề nghiệp theo nghĩa chung, áp dụng cho đội ngũ nhà báo nói chung, mà chưa phân biệt rõ sự khác nhau về yêu cầu kỹ năng giữa các loại hình báo chí và các lĩnh vực nội dung. Thiếu vắng những tác phẩm nghiên cứu về kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận, cũng như kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số. Đặc biệt còn thiếu những nghiên cứu chuyên sâu về định hướng KNNN của nhà báo chính luận

nói chung và nhà báo chính luận truyền hình nói riêng, các mô hình KNNN mới và giải pháp cho các tòa soạn và các đài truyền hình trong MTTTS. Đây chính là khoảng trống cốt lõi mà luận án hướng tới làm rõ thông qua việc khảo sát và phân tích thực tiễn hoạt động nghề nghiệp của đội ngũ nhà báo chính luận truyền hình ở Việt Nam trong môi trường truyền thông số.

Như vậy, có thể thấy rằng mặc dù ba hướng nghiên cứu tổng quan của luận án đều cung cấp lượng tri thức phong phú và có giá trị, song cả trong nước và trên thế giới vẫn còn thiếu vắng các công trình nghiên cứu trực tiếp, chuyên sâu về lĩnh vực chính luận truyền hình, về nhà báo chính luận truyền hình và đặc biệt là về hệ thống kỹ năng nghề nghiệp của họ trong bối cảnh truyền thông số. Đây vừa là khó khăn đối với tác giả luận án do thiếu các công trình làm điểm tựa trực tiếp, vừa là cơ hội để luận án có thể đóng góp những kết quả nghiên cứu mới, bổ sung vào kho tàng nghiên cứu chung về báo chí. Từ phần tổng quan nghiên cứu, luận án tiếp tục đi sâu phân tích cơ sở lý luận liên quan đến kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số. Việc tập trung nghiên cứu một lĩnh vực hoạt động báo chí tương đối hẹp nhưng mang tính tiêu biểu như chính luận truyền hình đặt ra nhiều thách thức về mặt lý luận và phương pháp nghiên cứu. Tuy nhiên, với cách tiếp cận phù hợp và sự gắn kết chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn, tác giả luận án tin tưởng rằng các kết quả nghiên cứu không chỉ có ý nghĩa đối với lĩnh vực chính luận truyền hình, mà còn có thể được soi chiếu, tham khảo cho nhiều lĩnh vực hoạt động báo chí khác trong bối cảnh truyền thông số hiện nay. Chính luận truyền hình, với vai trò là một trong những tuyến báo chí quan trọng và tiêu biểu của truyền hình Việt Nam, đang đứng trước yêu cầu phải đổi mới mạnh mẽ; do đó, việc nghiên cứu kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình mang ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc trong giai đoạn hiện nay. Từ việc chỉ ra các khoảng trống nghiên cứu nêu trên, có thể khẳng định rằng việc tiếp tục nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống về kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số là yêu cầu mang tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn. Đây cũng chính là cơ sở khoa học quan trọng để luận án xác lập hướng tiếp cận, xây dựng khung lý thuyết và triển khai nghiên cứu thực tiễn trong các chương tiếp theo.

Tiểu kết tổng quan nghiên cứu

Chương Tổng quan đã hệ thống hóa một cách công phu, logic và có chiều sâu ba hướng nghiên cứu lớn: báo chí chính luận và chính luận truyền hình; báo chí trong môi

trường truyền thông số; kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo trong môi trường truyền thông số. Các công trình trong và ngoài nước cho thấy báo chí chính luận được xác lập như một loại hình báo chí mang tính lý lẽ, lập trường và sức thuyết phục cao, giữ vai trò đặc biệt trong định hướng dư luận và đời sống chính trị xã hội. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu vẫn dừng lại ở phân tích văn bản, báo in hoặc lý luận chung, trong khi chính luận truyền hình với đặc trưng hình ảnh, âm thanh và tương tác chưa được khảo cứu tương xứng. Ở hướng nghiên cứu về báo chí trong môi trường truyền thông số, các học giả đã làm rõ những biến đổi căn bản của hệ sinh thái báo chí, từ công nghệ, mô hình tòa soạn đến hành vi công chúng. Môi trường truyền thông số không chỉ thay đổi công cụ mà còn tái cấu trúc vai trò và sứ mệnh của báo chí. Song, các nghiên cứu này thường tiếp cận báo chí nói chung, chưa đi sâu vào những yêu cầu đặc thù của chính luận truyền hình. Đặc biệt, các nghiên cứu về kỹ năng nghề nghiệp mới chủ yếu bàn đến nhà báo đa năng, đa phương tiện, còn thiếu những phân tích chuyên biệt về kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số. Chính khoảng trống này đặt ra yêu cầu khoa học cấp thiết và là cơ sở trực tiếp để luận án triển khai nghiên cứu tiếp theo.

CHƯƠNG 1
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP
CỦA NHÀ BÁO CHÍNH LUẬN TRUYỀN HÌNH
TRONG MÔI TRƯỜNG TRUYỀN THÔNG SỐ

1.1. Các khái niệm cơ bản liên quan kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản về kỹ năng nghề nghiệp

+ Kỹ năng

Ở tầng nghĩa phổ thông nhất, kỹ năng được hiểu là năng lực vận dụng tri thức vào thực tiễn. Từ điển Tiếng Việt định nghĩa kỹ năng là “*khả năng vận dụng những hiểu biết có được để thực hiện một công việc nào đó*” [48, tr 644]. Cũng theo định nghĩa này kỹ năng thể hiện ở hai thao tác: Thao tác tư duy và thao tác hành vi. Thao tác tư duy là phương pháp đạt đến sự thuần thục trong nhận thức, giúp ta nhận thức được bản chất sự việc, ví dụ như kỹ năng phân tích dự báo. Thao tác hành vi là những hành động mang tính vật chất, ví dụ như kỹ năng thu thập thông tin. Kỹ năng được hình thành từ 3 yếu tố chính: năng khiếu, học hỏi và kinh nghiệm.

Theo từ điển Oxford thì kỹ năng (skill) là “*năng lực làm tốt điều gì đó*” [99] Tác giả N.D. Levitoxam thì cho rằng kỹ năng gắn liền với hành động. Theo ông người có kỹ năng hành động là người phải nắm được và vận dụng đúng đắn các cách thức hành động và hành động có kết quả. Còn tác giả A.V.Petroxki, I.Bitelxon thì quan niệm kỹ năng là cách thức hành động dựa trên cơ sở tổ hợp những tri thức và kỹ xảo. Kỹ năng được hình thành bằng con đường luyện tập, tạo khả năng cho con người thực hiện hành động không chỉ trong điều kiện quen thuộc mà cả trong điều kiện thay đổi. Hai tác giả K.K.Phatonov và G.G. Golubev thì đưa ra cấu trúc của kỹ năng gồm có: Tri thức, kỹ xảo và tư duy sáng tạo. Như vậy các tác giả đều nhấn mạnh đến cách thức hành động và kết quả hành động khi nói về kỹ năng [45].

Còn theo Học viện Quản lý PACE-một đơn vị đào tạo uy tín tại Việt Nam, thì kỹ năng là “*những khả năng, kiến thức và năng lực mà một người sử dụng để thực hiện công việc, giải quyết một vấn đề nào đó. Kỹ năng có thể bao gồm cả khả năng vận dụng kiến thức và kinh nghiệm vào thực tế, cũng như khả năng thích nghi và học hỏi trong các tình huống mới*” [101]. Một số loại kỹ năng phổ biến gồm có: Kỹ năng cứng và kỹ năng mềm. Kỹ năng cứng là những kỹ năng thiên về kỹ thuật, liên quan tới việc sử dụng các công cụ, và có thể định lượng và dạy được. Kỹ năng mềm là những kỹ

năng phi kỹ thuật, thường là đặc tính cá nhân như sự tự tin, sáng tạo, giao tiếp...

Theo các chuyên gia đào tạo thì có các mức độ phát triển kỹ năng gồm:

LÀM QUEN Tiếp cận kiến thức mới, học cách thực hiện ► ÁP DỤNG Thực hành thường xuyên trong công việc ► THUẬN THỤC có các kỹ năng chuyên sâu và nâng cao ► CHIA SẺ đào tạo huấn luyện kỹ năng cho những người khác.

Đi sâu hơn vào bản chất tâm lý học, các học giả như A.V. Petrovsky đã luận giải rằng, kỹ năng là một phương thức hành động dựa trên sự tổng hợp của tri thức và kỹ xảo, được hình thành thông qua luyện tập, cho phép con người thực hiện hành động hiệu quả không chỉ trong điều kiện quen thuộc mà cả trong những bối cảnh biến đổi. Quan điểm này cho thấy kỹ năng không phải là một trạng thái tĩnh, mà là một năng lực động, có khả năng thích ứng.

Trong luận án này, tác giả xem xét kỹ năng ở góc độ hành động *“là các thao tác bằng hành động được thực hiện để làm tốt công việc, được đánh giá theo các cấp độ khác nhau.”*

+ *Nghề nghiệp*

Nghề nghiệp trong từ điển tiếng Việt là *“nghề làm để mưu sống”*. Tác giả Đỗ Hữu Châu trong cuốn *“Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt”* cho rằng *“Từ vựng nghề nghiệp bao gồm những đơn vị từ vựng được sử dụng để phục vụ các hoạt động sản xuất và hành nghề của các ngành sản xuất tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp và các ngành lao động trí óc”* [8]. Tác giả Nguyễn Thiện Giáp thì cho rằng *“Từ nghề nghiệp là những từ ngữ biểu thị những công cụ, sản phẩm lao động và quá trình sản xuất của một nghề nào đó trong xã hội”* [20]. Tác giả Nguyễn Hùng thì định nghĩa *“Nghề là một lĩnh vực hoạt động lao động mà trong đó, nhờ được đào tạo, con người có được những tri thức, kỹ năng để làm ra các loại sản phẩm tinh thần hay vật chất nào đó, đáp ứng được những nhu cầu của xã hội”* [32, tr.11]. Theo căn cứ pháp luật, Phụ lục 2 Nội dung danh mục nghề nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định 34/2020/QĐ-ĐTg có định nghĩa nghề nghiệp như sau: *“Nghề nghiệp (occupation) là tập hợp các công việc cụ thể (job) giống nhau về các nhiệm vụ hoặc mức độ tương đồng cao về nhiệm vụ chính”* [56]. Còn trên trang web chính thức của Học viện Hành chính quốc gia có đưa ra định nghĩa *“Hiểu một cách đơn giản nghề nghiệp là công việc được xã hội chấp nhận, tạo nên thu nhập cho bản thân và đem lại giá trị cho cộng đồng”* [29].

Từ những định nghĩa trên trong luận án tác giả sẽ đề cập khái niệm *nghề nghiệp* là *“lĩnh vực hoạt động lao động bao gồm các công việc tương tự về tính chất và mục*

đích, mà con người ứng dụng các hiểu biết và kỹ năng của mình, để làm ra những giá trị tinh thần và vật chất đáp ứng nhu cầu xã hội”.

+ Kỹ năng nghề nghiệp

Kỹ năng nghề nghiệp là gộp từ hai khái niệm kỹ năng và nghề nghiệp. Trong đề tài khoa học về Xây dựng kỹ năng nghề cho sinh viên Giáo dục chính trị Học viện Báo chí và Tuyên truyền năm 2014, nhóm tác giả đưa ra quan điểm: “*Kỹ năng nghề nghiệp là khả năng chuyên môn của chủ thể ở một lĩnh vực nào đó được thể hiện trên thực tế*” [45, tr, 16].

Theo định nghĩa của Vietnamwork- trang web tuyển dụng hàng đầu Việt Nam, “*kỹ năng nghề nghiệp là năng lực làm việc, khả năng hoàn thành một nhiệm vụ của một người trong một ngành nghề cụ thể nào đó*” [111] Còn theo Viện Nghiên cứu Phát triển nguồn lực Việt, “*kỹ năng nghề nghiệp (professional skills) được hiểu theo nghĩa rộng đó là hướng tới khả năng, năng lực thực hiện hành động của con người trong lĩnh vực nghề nghiệp cụ thể nào đó, hay còn được hiểu là khả năng thực hiện công việc nghề nghiệp một cách có hiệu quả trong một thời gian phù hợp dựa vào sự kết hợp thuần thực các yếu tố Kiến thức chuyên môn (Knowledge), các Kỹ năng phục vụ công việc (Skills) và Thái độ (Attitude)*” [90].

Tác giả Tạ Ngọc Tấn trong cuốn “*Từ lý luận đến thực tiễn báo chí*” định nghĩa “*Kỹ năng nghề nghiệp bao gồm những động tác, hành vi nhằm thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, các thao tác xử lý các phương tiện kỹ thuật chuyên ngành*” [69, tr.146].

Tác giả Lê Thị Nhã trong cuốn Lao động nhà báo - lý thuyết và kỹ năng cơ bản, phân tích về kỹ năng nghề nghiệp trong tổng thể hệ thống lý luận nghề nghiệp. Theo đó, “*kỹ năng nghề nghiệp: là những thao tác hành vi cụ thể nhằm thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn. Nói đến kỹ năng là nói đến khả năng vận dụng những kiến thức thu nhận được vào hoạt động thực tế*” [44, tr.78].

Trong khuôn khổ luận án này, tác giả nhìn nhận kỹ năng nghề nghiệp theo nghĩa hẹp để sát với chủ đề và thực tiễn công việc của nhà báo chính luận truyền hình. Tác giả xem xét nghiên cứu kỹ năng nghề nghiệp như là các thao tác hành động để thực hiện công việc chuyên môn một cách hiệu quả trong khoảng thời gian cho phép. Kỹ năng nghề nghiệp có thể phân loại theo các công đoạn sáng tạo tác phẩm chính luận truyền hình và theo cấp độ khác nhau.

1.1.2. Một số khái niệm cơ bản về nhà báo chính luận truyền hình

+ Nhà báo

Nhà báo được định nghĩa theo rất nhiều cách khác nhau với những góc nhìn phong phú. Theo định nghĩa trong Đại từ điển Tiếng Việt thì “*Nhà báo là người làm nghề viết báo chuyên nghiệp*” [73, tr.1225]. Từ điển Oxford thì định nghĩa nhà báo (journalist) “*là người mà công việc của họ là thu thập và viết các bài báo đưa tin cho các báo, tạp chí, trang web tin tức, đài phát thanh hoặc đài truyền hình*” [99]. Còn theo cuốn *Thuật ngữ báo chí truyền thông* của tác giả Phạm Thành Hưng thì nhà báo được mô tả chi tiết hơn, đó là “*người làm việc một cách sáng tạo, có tính độc lập tương đối, được biên chế trong một cơ quan tổ chức truyền thông nào đó, với tư cách là phóng viên chuyên nghiệp hoặc biên tập viên*” [33, tr.156]. Trong Luật Báo chí sửa đổi năm 2016 của Việt Nam quy định, “*nhà báo là người hoạt động báo chí được cấp thẻ nhà báo*” [55]. Với quy định này nhà báo phải là người hoạt động báo chí, được cấp thẻ hành nghề báo chí và được pháp luật bảo vệ. Tác giả Nguyễn Thị Trường Giang trong cuốn *Báo chí và truyền thông đa phương tiện* đưa ra khái niệm “*nhà báo có thể hiểu là để chỉ những người hoạt động thường xuyên, chuyên nghiệp trong một cơ quan báo chí, có nhiệm vụ làm ra sản phẩm báo chí và được cấp thẻ nhà báo. Việc được cấp thẻ nhà báo nhằm phân định trách nhiệm và quyền hạn của người làm nên sản phẩm báo chí, là người của một tổ chức có tư cách pháp nhân.*” [19, tr.280].

Bên cạnh đó cũng có những định nghĩa mang tính hình tượng hơn về bản chất của nhà báo. Tác giả Nguyễn Văn Dũng trong cuốn *Báo chí truyền thông hiện đại- Từ hàn lâm đến đời thường* phác thảo nhà báo “*là người luôn quan tâm đến những vấn đề thời sự. Là người biết một cái gì đó về tất cả và biết tất cả về một cái gì đó... Trước mắt anh ta là những câu hỏi và hàng triệu công chúng đang chờ câu trả lời, giải đáp. Sau lưng anh ta là sự thúc bách của thời gian, không được chần chừ và về lương tâm, không được chối bỏ*” [14, tr 242].

Hồ Chủ tịch khi sinh thời cũng đặc biệt chú trọng tới các nhà báo với vai trò không chỉ là người cầm bút, mà là những chiến sĩ cách mạng trên mặt trận tư tưởng. Người đã khẳng định: “*Báo chí là một mặt trận. Cán bộ báo chí là chiến sĩ cách mạng, cây bút trang giấy là vũ khí sắc bén của họ, bài báo là tờ hịch cách mạng...*”

Mỗi định nghĩa đều mang lại những tầng ý nghĩa riêng làm rõ khái niệm nhà báo, tuy nhiên trong khuôn khổ luận án này, tác giả tập trung nghiên cứu khái niệm *nhà báo là những người hoạt động báo chí thường xuyên trong cơ quan báo chí, được cấp*

thể nhà báo, có công việc là sáng tạo các tác phẩm báo chí để công bố trên các sản phẩm báo chí.

+ *Chính luận truyền hình*

Chính luận

Chính luận, về bản chất, không chỉ là một nhóm thể loại báo chí, mà là một phương thức tư duy và diễn ngôn đặc thù, có mục đích, mang tính chiến đấu cao, nhằm phân tích, kiến giải và định hướng dư luận xã hội về những vấn đề thời sự cấp thiết, thông qua hệ thống lập luận chặt chẽ, kết hợp giữa lý lẽ, chứng cứ và sức lay động của hình tượng nghệ thuật. Để phù hợp với mục đích nghiên cứu, ở chuyên đề này tác giả tập trung vào khái niệm chính luận trong báo chí.

Từ điển Bách khoa Việt Nam tập 1 thì định nghĩa “*chính luận (báo chí) là thể loại văn nghị luận để phân tích, bình luận các vấn đề chính trị- xã hội- văn hóa nổi bật trong từng thời gian nhất định. Chính luận có ý nghĩa rất quan trọng đối với vai trò tuyên truyền và cổ động báo chí*” [71]. Nhà báo Hữu Thọ nêu rõ chính luận “*là một thể tài rất quan trọng của tờ báo, thể hiện trực tiếp, kịp thời quan điểm đánh giá của tờ báo đối với các sự kiện quan trọng diễn ra hằng ngày, đó cũng là một mặt quan trọng thể hiện phẩm chất của tờ báo*” [65]. Tác giả nhấn mạnh “*viết các thể luận phải tỏ rõ thái độ trực tiếp*”, và “*sử dụng hình thức luận là sử dụng phương pháp logic trực tiếp phân tích, bàn luận*”.

Trong cuốn *Các thể loại chính luận báo chí* của Trần Quang, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000 nêu chính luận là một trong 3 nhóm thể loại báo chí chính cùng với nhóm Thông tấn và nhóm Chính luận- nghệ thuật. Đặc điểm của nhóm thể loại này là nhà báo sử dụng bút pháp chính luận rõ hơn và tầm bao quát sự kiện, vấn đề rộng hơn. Tác giả đúc kết “*Tư duy sắc sảo, tầm nhìn rộng, kết luận vấn đề xác đáng là những yêu cầu bắt buộc đối với nhóm thể loại chính luận... Tư tưởng của tác giả (của tòa soạn) về những vấn đề quan trọng của xã hội phải được thể hiện rõ ràng, nhất quán, bởi vì mục đích của nhóm thể loại này là dùng lý lẽ soi vào sự kiện, hiện tượng, để giúp công chúng hiểu đúng sự thật, khiến học hành động tích cực phù hợp với mong muốn của tác giả*” [72, tr 63-68].

Tác giả Trần Thế Phiệt trong cuốn *Tác phẩm báo chí tập III* nêu rõ “*chính luận báo chí là một loại thể tác phẩm cơ bản của loại hình báo chí. Nó lấy những sự kiện, hiện tượng, vấn đề chính yếu mà xã hội quan tâm để phân tích, lý giải, luận bàn...*” [52, tr 30]. Tác giả nêu bản chất đặc trưng của tác phẩm báo chí chính luận là “*Tập*

trung một cách rõ nhất, nhiều nhất lập trường, quan điểm trong sứ mệnh định hướng tư tưởng và hành động theo mục đích của từng tờ báo” [52, tr 30].

Một điểm chung là các tác giả đều nhận định báo chí chính luận có tầm quan trọng đặc biệt. Tác giả Tạ Ngọc Tấn trong cuốn *Cơ sở lý luận báo chí truyền thông* xuất bản năm 1995 cho rằng chính luận phải là nhóm tiên phong trong định hướng tư tưởng quần chúng.

Tác giả Nguyễn Ngọc Oanh khẳng định, đây là phương thức không thể thiếu của báo chí và vai trò của nó ngày càng quan trọng. Trong cuốn *Chính luận truyền hình- Lý thuyết, kỹ năng, sáng tạo* xuất bản năm 2014, tác giả làm rõ cội nguồn của chính luận báo chí: *“Thực tiễn đấu tranh cách mạng ở Việt Nam đã tạo ra nhu cầu cần đến một ác phẩm báo chí có khả năng vừa thông tin, vừa phân tích, lý giải, bình luận một cách cặn kẽ những diễn biến phức tạp, sôi động của cuộc sống. Từ đó nhằm giáo dục nhận thức trong quần chúng nhân dân” [43, tr.9].*

Đối tượng phản ánh của chính luận, như PGS.TS Dương Xuân Sơn (2011) đã khẳng định, là *“những vấn đề có tính thời sự về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, văn học, tư tưởng”*. Sự gắn kết với *“tính thời sự”* và *“tính vấn đề”* là đặc trưng không thể tách rời của chính luận [61].

Mục tiêu tối thượng của báo chí chính luận là sự thuyết phục. Mọi hoạt động từ lựa chọn chi tiết, cấu trúc lập luận đến sử dụng ngôn từ đều hướng đến việc tác động vào nhận thức và tình cảm của công chúng, khiến họ đồng thuận với quan điểm mà tác giả đưa ra. Như TS. Nguyễn Quang Hòa (2016) [31] đã phân tích trong chuyên khảo về phóng sự, sức mạnh của tác phẩm báo chí chính luận nằm ở khả năng *“làm cho công chúng thay đổi nhận thức của con người”*. Đây chính là sự biểu hiện cụ thể của chức năng giao tiếp chính trị, sử dụng diễn ngôn để tác động và định hướng hành động.

Mục tiêu của chính luận là sự tác động trực tiếp vào thực tiễn chính trị - xã hội. Theo PGS.TS Nguyễn Xuân Phong (2017), bản chất của chính trị là mối quan hệ xoay quanh lợi ích và quyền lực. Trong bối cảnh của hệ thống chính trị Việt Nam, mục tiêu này gắn liền với nhiệm vụ của báo chí cách mạng, đó là tuyên truyền, bảo vệ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần tạo sự đồng thuận xã hội và thực hiện các nhiệm vụ chính trị - xã hội mà Đảng và Nhà nước đề ra.

Một trong những luận điểm có giá trị khoa học sâu sắc nhất về chính luận là sự nhận diện nó như một địa hạt giao thoa. PGS.TS Dương Xuân Sơn (2011) cho rằng chính luận là *“một loại hình tác phẩm liên thông giữa hai địa hạt báo chí và văn học*

nghệ thuật” [61, tr. 13]. Sự giao thoa này được thể hiện ở chỗ, để đạt được mục tiêu thuyết phục, chính luận không chỉ sử dụng các công cụ của báo chí (tính xác thực của sự kiện, tính logic của lập luận, tính chặt chẽ của chứng cứ), mà còn vận dụng các công cụ của nghệ thuật (tính hình tượng, sức mạnh biểu cảm của ngôn ngữ, nghệ thuật xây dựng nhân vật điển hình, cấu trúc tự sự...). PGS.TS Dương Xuân Sơn nhấn mạnh, phong cách chính luận trong các tác phẩm báo chí nổi bật ở “*tính khuynh hướng, tính luận chiến, tính cảm xúc, rất gần gũi với giọng điệu, kết cấu và chức năng của lời diễn thuyết hay hùng biện*” [61, tr. 12].

Từ những định nghĩa trên, đặc biệt là các định nghĩa của các tác giả nghiên cứu báo chí Việt Nam, trong khuôn khổ nghiên cứu này, tác giả luận án nhận định: *Chính luận là một nhóm thể loại báo chí quan trọng, có chức năng phân tích sâu sắc, lý giải cặn kẽ và đưa ra một lập trường, quan điểm rõ ràng đối với những sự kiện, vấn đề quan trọng và xã hội đang quan tâm. Mục tiêu cuối cùng của chính luận không chỉ dừng lại ở việc cung cấp thông tin mà là thuyết phục công chúng mà là thực hiện sứ mệnh định hướng tư tưởng và hành động, góp phần tạo dựng sự đồng thuận xã hội theo một định hướng cụ thể.*

Truyền hình

Thuật ngữ truyền hình có nguồn gốc từ tiếng La tinh là Televidere có nghĩa nhìn thấy được từ xa. Trong từ điển Cambridge định nghĩa truyền hình (television) là một phương pháp truyền hình ảnh và âm thanh thông qua các tín hiệu điện tử [78]. Trong giáo trình báo chí truyền hình, tác giả Dương Xuân Sơn định nghĩa “*truyền hình là một loại hình truyền thông đại chúng truyền tải thông tin bằng hình ảnh và âm thanh về một vật thể hoặc một cảnh đi xa bằng sóng vô tuyến điện*” [60, tr.9]. Xuất hiện từ đầu thế kỷ 20 truyền hình đã làm thay đổi cơ bản phương thức thông tin và giải trí của công chúng, và nhanh chóng trở thành phương tiện thiết yếu cho mỗi gia đình, mỗi quốc gia. Cùng với sự ra đời và phát triển mạnh mẽ của truyền hình, thế giới trong thế kỷ XX đã bước vào thời kỳ mô hình truyền thông nghe nhìn lấy trung tâm là truyền hình [84]. Ở góc độ loại hình báo chí, tác giả Dương Xuân Sơn nêu ra những đặc điểm riêng nổi bật của truyền hình bên cạnh những đặc điểm chung của báo chí. Đó là:

Tính thời sự bởi truyền hình có thể phát sóng trực tiếp 24/24h

Ngôn ngữ truyền hình bao gồm cả hình ảnh và âm thanh

Tính phổ cập, quảng bá: Cùng lúc hàng tỉ người có thể xem một chương trình truyền hình, đồng thời một sự kiện ở bất kỳ đâu trên thế giới cũng được biết đến thông

qua truyền hình

Khả năng thuyết phục công chúng vì cung cấp hình ảnh âm thanh chân thực, có độ tin cậy cao

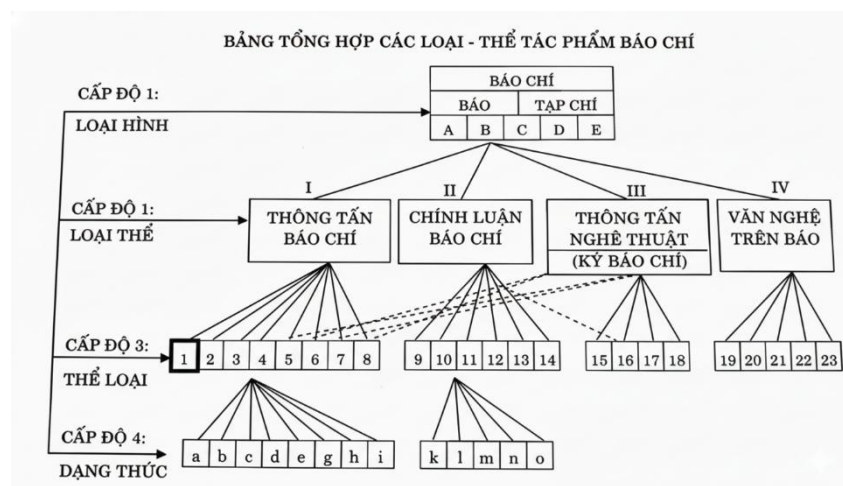
Khả năng tác động dư luận xã hội mạnh mẽ và trở thành diễn đàn của nhân dân

Tác giả Nguyễn Ngọc Oanh thì nhấn mạnh, truyền hình không chỉ có vai trò của một phương tiện truyền thông mang đến những sản phẩm nghe nhìn mang tính giải trí, mà còn là “loại hình báo chí khi đem đến các tin tức, thời sự, bình luận, chuyên đề” [43, tr.17]. Theo đó cần phân tách khái niệm truyền hình nói chung và khái niệm báo chí truyền hình là nơi cung cấp các chương trình, tác phẩm chuyên đến công chúng những thông tin thời sự, phản ánh chân thực cuộc sống. Với những đặc điểm riêng nổi bật của mình, truyền hình được coi như một tờ báo cung cấp thông tin thời sự chính trị xã hội với sức lan tỏa mạnh mẽ.

Trong khuôn khổ nghiên cứu của luận án này, tác giả đề cập *truyền hình với tư cách là một loại hình báo chí quan trọng với những đặc điểm nổi bật giúp phát huy mức độ phổ cập, cập nhật, chân thực, sinh động và thuyết phục đối với công chúng.*

- Chính luận truyền hình

Tác giả Trần Thế Phiệt trong cuốn *Tác phẩm chính luận báo chí* cho rằng chính luận truyền hình thể hiện ở các chương trình bình luận và đàm luận truyền hình. Tác giả đưa ra Bảng tổng hợp các loại- thể tác phẩm báo chí theo cấp độ, trong đó có chính luận truyền hình như sau:



Hình 1.4: Bảng tổng hợp các loại- thể báo chí [50, tr.28]

Chú thích:

- A - Báo in;
- B - Báo ảnh;
- C - Báo nói;
- D - Báo hình;
- E - Báo mạng điện tử;
- Đường chấm chấm (...) thể hiện sự giao thoa giữa các thể loại.

1 - Tin; 2 - Tường thuật; 3 - Ghi nhanh; 4 - Bài phản ánh; 5 - Phóng vấn; 6 - Phóng sự;
 7 - Điều tra; 8 - Phóng sự điều tra; 9 - Xã luận; 10 - Bình luận; 11 - Chuyên luận;
 12 - Đàm luận; 13 - Phiếm luận; 14 - Ký chính luận; 15 - Ký chân dung; 16 - Nhật ký phóng viên;
 17 - Sổ tay phóng viên; 18 - Thư phóng viên; 19 - Tiểu phẩm; 20 - Tạp văn; 21 - Tranh vui; 22 -
 Tranh châm biếm; 23 - Văn vần...;
 a - Tin vắn; b - Tin ngắn; c - Tin sâu; d - Tin tường thuật; e - Điểm tin; g - Tin tổng hợp; h - Tin vệt;
 i - Tin giật gân;
 k - Các lĩnh vực hoạt động của đời sống; l - Tính chất và phương pháp; m - Nội dung phản ánh; n -
 Thời gian; o - Dung lượng.

Hình 1.5: Chú thích Bảng tổng hợp các loại- thể tác phẩm báo chí [50, tr. 29]

Như vậy theo bảng tổng hợp này có thể xác định chính luận truyền hình sẽ bao gồm các loại tác phẩm xã luận (gần như ít xuất hiện trên truyền hình), bình luận, chuyên luận, đàm luận, phiếm luận, ký chính luận và sẽ được phân biệt theo biểu hiện ở các mặt: lĩnh vực hoạt động của đời sống, tính chất và phương pháp, nội dung phản ánh, thời gian, dung lượng.

Tác giả Nguyễn Ngọc Oanh một trong những chuyên gia nghiên cứu sâu về lĩnh vực chính luận truyền hình nhận định, ở Việt Nam trong những năm đầu của truyền hình các tác phẩm chính luận truyền hình độc lập chưa xuất hiện, chủ yếu là tin tức và phóng sự. Sau này từ cuối thập niên 80 của thế kỷ trước các tác phẩm chính luận truyền hình mới ra đời và ngày càng nở rộ như *Vấn đề hôm nay*, *Sự kiện & Bình luận*, *Câu chuyện quốc tế*... Các đài truyền hình ngày càng tăng thời lượng các chương trình chính luận. Các tác phẩm chính luận trở thành một loại chương trình hết sức quan trọng trong hệ thống truyền hình ở Việt Nam và có tác động to lớn tới mọi lĩnh vực của đời sống. Đối tượng của chính luận truyền hình là các vấn đề thời sự mà xã hội quan tâm, muốn nhận thức về những “*mối quan hệ phức tạp, tính chất quy luật, nguyên nhân cũng như xu hướng vận động của chúng*” [43, tr.25]. Tác giả cũng nêu rõ đặc điểm về hình thức thể hiện phù hợp với mục đích thông tin của chính luận truyền hình: “*Với tính chất thông tin và cách chuyển tải thông tin lý lẽ mang tính đặc trưng, chính luận truyền hình thiên về hội thoại. Nghĩa là thông tin chuyển tải đến công chúng dù được sử dụng hình ảnh sống động minh họa nhưng cốt lõi thì sự tiếp nhận của công chúng phụ thuộc vào tính lý lẽ của những lập luận mà biên tập viên mang đến cho họ*” [43, tr.15]. So với các tác phẩm chính luận trên các loại hình báo chí khác, các chương trình chính luận trên

truyền hình có sức thu hút và thuyết phục cao, nhờ các yếu tố hình ảnh và âm thanh sinh động, chân thực. Chính luận truyền hình cũng khác với chuyên luận truyền hình ở chỗ: Chính luận truyền hình phát sóng định kỳ, còn chuyên luận phát sóng theo từng chương trình đơn lẻ phục vụ cho sự kiện hoặc một dịp tuyên truyền đặc biệt.

Ở Việt Nam, trên các kênh truyền hình, đặc biệt là truyền hình quốc gia VTV, các chương trình chính luận ngày càng nhiều và đa dạng hơn. Đối với chính luận truyền hình, các chuyên gia đặc biệt chú trọng đến 2 thể loại tác phẩm phổ biến nhất là Bình luận và Đàm luận trên truyền hình.

Như vậy có thể hiểu *chính luận truyền hình là một nhóm loại thể trong loại hình truyền hình, với đầy đủ các đặc trưng của chính luận báo chí được phát huy tối đa nhờ các thế mạnh riêng của truyền hình, thể hiện phổ biến nhất trong thể loại tác phẩm bình luận và đàm luận truyền hình được phát sóng định kỳ.*

+ Nhà báo chính luận truyền hình

Nhà báo Hữu Thọ dùng từ “*Người bình luận*” để nói về nhà báo chính luận. Ông khẳng định “*Người bình luận thường là một chức danh nghề nghiệp cao quý của báo chí*” [65].

Tác giả Trần Quang cũng nêu rõ: “*Trên báo chí hiện nay, những bài bình luận giữ một vai trò quan trọng trong việc định hướng cho công chúng bằng cách tái tạo những bức tranh sinh động của hiện thực xã hội và nêu thái độ, quan điểm của tòa soạn về hiện thực đó. Vì vậy mỗi cơ quan báo chí thường có những nhà báo làm công tác bình luận chuyên nghiệp.*” [72, tr 113]

Về phần mình tác giả Nguyễn Văn Dũng trong cuốn *Báo chí truyền thông hiện đại, Từ hàn lâm đến đời thường*: đưa ra khái niệm “*nhà báo có thẩm quyền*” để nói về nhà báo chính luận. “*Đó là nhà báo có tri thức tổng hợp rộng, có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực được theo dõi, nhận thức sâu sắc và tự giác về nghề nghiệp báo chí, về trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp và có năng khiếu báo chí...*” “*có khả năng chi phối dư luận xã hội trong thời kỳ toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*” [14, tr.246].

Tương tự như vậy, tác giả Nguyễn Ngọc Oanh trong cuốn sách chuyên khảo *Chính luận truyền hình- Lý thuyết, kỹ năng sáng tạo tác phẩm* đưa ra khái niệm nhà báo chính luận truyền hình với tư cách bình luận viên. Theo đó với chương trình chính luận truyền hình “*thì bao giờ người thể hiện lời bình cũng nên chính là người sáng tạo tác phẩm. Trong bình luận truyền hình, bình luận viên là người theo dõi và thấu hiểu về sự kiện.*” [43, tr.60] “*Mỗi bình luận viên trước hết phải là một phóng viên giỏi, am*

hiểu nghề nghiệp và có tư cách đạo đức tốt.” [43, Tr.63]. Từ phát hiện vấn đề đến đưa ra lập luận chứng cứ, thuyết phục và định hướng công chúng, tất cả đòi hỏi người làm chính luận truyền hình phải có một tinh thần lao động nghiêm túc, hiểu biết sâu sắc về chủ đề chính luận và có những kỹ năng nghề nghiệp vững vàng.

Tác giả Nguyễn Nga Huyền cho rằng người dẫn các chương trình chính luận truyền hình không chỉ có tư duy chặt chẽ, logic của một nhà báo chính luận, mà còn phải biết dẫn dắt, tạo không khí cho cuộc thảo luận và phản ứng trước những tình huống phát sinh. Tóm lại người dẫn chính là linh hồn và người quyết định thành công của tác phẩm chính luận truyền hình.

Tương tự như vậy trong báo chí phương tây có khái niệm bình luận viên trên truyền hình “*TV commentator*”. Theo định nghĩa từ điển Cambridge *TV commentator* (bình luận viên truyền hình) là người mô tả và thảo luận trên truyền hình các sự kiện tin tức, thể thao hoặc các chủ đề khác [78]. Cũng từ điển này đưa ra khái niệm “*TV host*”, nghĩa là những người giới thiệu và trò chuyện với khách mời trên truyền hình. Có thể thấy ở nhà báo chính luận truyền hình hội tụ cả hai chức năng bình luận viên truyền hình và người dẫn chương trình có khách mời.

Ở Việt Nam có những người dẫn, người bình luận trong các chương trình chính luận truyền hình của Đài Truyền hình Việt Nam để lại ấn tượng sâu sắc với công chúng. Họ được coi như những “ *gương mặt chính luận*” tiêu biểu của Đài Truyền hình Việt Nam qua các thời kỳ.



Hình 1.6. Nhà báo Trường Phước (trái), Nhà báo Thu Uyên (phải)

Từ những nghiên cứu trong và ngoài nước cộng với những quan sát của bản thân, trong khuôn khổ nghiên cứu này, tác giả nhận định: *nhà báo chính luận truyền hình người trực tiếp viết kịch bản, dẫn dắt, bình luận hoặc đối thoại với khách mời*

trong các tác phẩm bình luận và đàm luận truyền hình được phát sóng định kỳ, nhằm phân tích, lý giải, thuyết phục và đưa ra quan điểm rõ ràng đối với các sự kiện và vấn đề mà xã hội quan tâm, với mục đích định hướng tư tưởng và hành động của công chúng.

1.1.3. Kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình

Đặc điểm của thể loại chính luận là tác phẩm thể hiện trình độ, năng lực, bộc lộ rõ hệ tư tưởng, lập trường chính trị, gu thẩm mỹ của nhà báo chính luận. Bởi vì về nguyên tắc chính luận là bày tỏ lập trường, lý giải, phân tích sự kiện phải chặt chẽ, nhưng đồng thời cũng có nhiều dư địa để nhà báo chính luận truyền hình thể hiện các kỹ năng nghề nghiệp, thể hiện bản lĩnh, kiến thức, sức sáng tạo và phong thái dẫn chương trình. Tác giả Trần Thế Phiệt trong Tác phẩm báo chí tập III đưa ra các thao tác hành động thể hiện kỹ năng của nhà báo chính luận trong các khâu sáng tạo tác phẩm bình luận gồm [51]:

- Kỹ năng thu thập tư liệu sao cho phù hợp, phong phú và sâu sát.
- Kỹ năng chọn đề tài sao cho trúng vấn đề cuộc sống đang đặt ra cần nhà báo chính luận định hướng.
- Kỹ năng sử dụng các phương pháp trong nghị luận, dù thể nào cũng phải có những lập luận logic chặt chẽ, dựa trên chứng cứ nguồn tin chính xác, không dựa vào cảm tính.
- Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong tác phẩm chính luận, sao cho cách diễn đạt phải súc tích, chính xác và giàu sức biểu cảm.
- Nhà báo chính luận cũng phải biết “*bắt mạch đúng nhu cầu của công chúng*”, biết tương tác với dư luận để hiểu dư luận quan tâm gì, thắc mắc hay tranh luận gì

Cũng theo tác giả Trần Thế Phiệt, trong các kỹ năng này thì yếu tố hàng đầu chi phối chất lượng tác phẩm chính luận là quy mô, tính chất của sự kiện khách quan. Có nghĩa là kỹ năng chọn đề tài trúng và có tầm là một kỹ năng quan trọng hàng đầu đối với nhà báo chính luận.

Tác giả Lê Thị Nhã nghiên cứu về lao động nhà báo và đưa ra các kỹ năng tương tự đối với nhà báo chính luận, đồng thời bổ sung các kỹ năng cụ thể như kỹ năng sử dụng ngôn ngữ bao gồm cả lời nói và hình ảnh đối với truyền hình, kỹ năng biên tập tác phẩm [44].

Trong giáo trình *Tác phẩm báo chí truyền hình* của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, tác giả Đinh Ngọc Sơn liệt kê bổ sung các kỹ năng sáng tạo tác phẩm bình luận

truyền hình, trong đó có thêm các kỹ năng đặc thù của truyền hình bao gồm: kỹ năng liên hệ khách mời và phỏng vấn; kỹ năng lên đề cương tác phẩm; kỹ năng viết kịch bản chi tiết trong đó chú trọng khả năng lập luận logic; kỹ năng ghi hình, lên hình tự nhiên trôi chảy, phản ứng nhanh xử lý tình huống, nhất là với các chương trình truyền hình trực tiếp [58].

Tác giả Nguyễn Ngọc Oanh trong cuốn *Chính luận truyền hình, lý thuyết và kỹ năng sáng tạo tác phẩm*, đi sâu phân tích đặc thù của chính luận truyền hình. Theo đó tác giả bổ sung kỹ năng tương tác, tạo diễn đàn thảo luận để tìm hiểu nhu cầu công chúng và bảo vệ quyền lợi của người dân [43]. Về kỹ năng tương tác tác giả Nguyễn Văn Dũng trong cuốn *Báo chí và Tư luận xã hội* cũng nhấn mạnh, nhà báo chính luận “*cần tạo lập diễn đàn và thông tin để có thể giải thích, giải đáp, nhằm gia tăng sự đồng thuận xã hội và giảm dần sự khác biệt*” [16, tr 331].

Từ những kết quả nghiên cứu đã được trình bày, kết hợp với những thông tin từ quan sát thực tiễn trong lĩnh vực chính luận truyền hình của tác giả, có thể hệ thống hóa thành bộ kỹ năng nghề nghiệp cốt lõi của nhà báo chính luận truyền hình, biểu hiện qua chuỗi thao tác sáng tạo ở từng khâu của quá trình sản xuất tác phẩm báo chí chính luận.

- *Kỹ năng chọn đề tài*: Trong rất nhiều chủ đề thời sự cùng thời điểm, nhà báo chính luận truyền hình cần biết chọn đề tài nào đáp ứng được hai tiêu chí: Có tính thời sự, thu hút sự quan tâm của dư luận và cần những lý giải kiến giải bàn luận [58]. Chọn được đề tài trúng được cho là đảm bảo được 50% thành công của tác phẩm. Chọn đề tài trúng nghĩa là nhà báo đã bắt mạch đúng nhu cầu của công chúng, nghĩa là nhà báo có những kênh thông tin nắm bắt dư luận đang quan tâm gì và có những thắc mắc hay tranh luận gì [51]. Để làm được điều này đòi hỏi nhà báo chính luận truyền hình luôn nắm vững các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, luôn cập nhật và nhạy bén với các vấn đề thực tiễn, có kiến thức sâu về nhiều lĩnh vực, tư duy sắc sảo. Họ cũng phải trả lời câu hỏi: Đề tài đó có hội đủ các thông tin, lập luận, lý lẽ để trở thành tác phẩm chính luận hay không? Có cần thiết phải phân tích vấn đề đó để đưa ra công luận hay không? Tác động tới công chúng ra sao? Nhà báo chính luận truyền hình phải dự báo được tác động tích cực của chương trình đối với công chúng. Có như thế họ mới phát hiện được những đề tài trúng và đúng, có ý nghĩa với xã hội và cần được phân tích, lý giải, định hướng.

- *Kỹ năng thu thập, thẩm định, nghiên cứu và xử lý thông tin*: Nhà báo chính luận truyền hình cần biết cách tìm kiếm, nghiên cứu, thu thập, tổng hợp thông tin một

cách chính xác, nhanh chóng và toàn diện về chủ đề lựa chọn. Để có được tác phẩm chính luận truyền hình cần “*hội đủ các điều kiện về thông tin, lập luận, lý lẽ, chứng cứ*”. “*Sẽ thật vô nghĩa và thậm chí là tiêu cực khi khán giả phải tiếp nhận những chương trình được coi là chính luận với những lời lẽ hô hào chung chung, những thông tin tản mạn, những kiểu luận bàn suông, thiếu tính thuyết phục*” [43]. Chính vì thế nhà báo chính luận truyền hình không chỉ biết tìm kiếm, thu thập thông tin chính xác như mọi nhà báo, mà còn phải có quá trình tích lũy, nghiên cứu để có kiến thức sâu và hệ thống về lĩnh vực được đề cập, đồng thời biết tổng hợp và sắp xếp thành các luận cứ xác đáng. Phạm vi dữ liệu bao gồm cả thông tin, các dữ liệu và hình ảnh, cả nguồn mới và nguồn tư liệu, cả từ các nguồn thông tin ở bên trong và bên ngoài Đài truyền hình.

- *Kỹ năng xây dựng ý tưởng*: Là cách nhà báo chính luận truyền hình triển khai đề tài thành đề cương chương trình, bao gồm các hai thành phần chính như: cấu trúc, trình tự lập luận và các ý chính trong nội dung sao cho chặt chẽ thuyết phục [44]; đồng thời xác định các phương thức thể hiện đường dây nội dung đó sao cho hấp dẫn lôi cuốn, trong đó có chất liệu phóng sự, hình ảnh, đồ họa, dự kiến khách mời (nếu chương trình tọa đàm). Nội dung thông tin lý lẽ ở các tác phẩm chính luận truyền hình không chỉ được lựa chọn chính xác, mà còn được tập hợp và sắp xếp thành bố cục chặt chẽ, logic, phối hợp giữa lập luận chính xác và chứng cứ sinh động, tạo nên hệ thống lý lẽ sắc bén để giúp thuyết phục và định hướng công chúng.

- *Kỹ năng viết lời bình*: Là cách nhà báo chính luận truyền hình viết nội dung bình luận, hoặc câu hỏi (đối với chương trình đàm luận). Kỹ năng này đòi hỏi nhà báo phải biết sử dụng ngôn ngữ một cách chính xác, biểu cảm, và sắc bén để thuyết phục công chúng. “*Các sự việc, hiện tượng luận điểm, luận cứ trong lập luận cần được trình bày một cách súc tích, chính xác nhất và giàu sức biểu hiện nhất để thu hút sự chú ý của độc giả. Sự lựa chọn ngôn ngữ vừa phải chính xác và phù hợp văn phong diễn đạt*” [51, tr 134]. NBCLTH vừa phải thẳng thắn bày tỏ quan điểm, nhưng phải hết sức thận trọng trong từng từ ngữ, lồng ghép giữa “*cái tôi cộng đồng*” và “*cái tôi cá nhân*” một cách hợp lý.

- *Kỹ năng xử lý video*: Đặc trưng của báo chí truyền hình là truyền tải thông tin tới công chúng thông qua hình ảnh và âm thanh sống động, chân thực. Do vậy trong các tác phẩm chính luận truyền hình, bên cạnh phần bình luận hoặc đàm luận, luôn có các đoạn hình ảnh, phóng sự xen kẽ là chứng cứ minh họa cho các lý lẽ được nêu. Những đoạn video này giúp làm tăng tính xác thực, tính thuyết phục và sức lôi cuốn

công chúng. Những chương trình chính luận truyền hình thành công đều phải có những hình ảnh ấn tượng, thuyết phục. Vì thế trong nhiều trường hợp nhà báo chính luận truyền hình cũng cần có kỹ năng thực hiện các chất liệu hình ảnh này, bao gồm quay và xử lý, biên tập video.

- *Kỹ năng phỏng vấn*: Đây là một trong những kỹ năng quan trọng đối với nhà báo chính luận truyền hình. Trong những năm gần đây các chương trình chính luận truyền hình có xu hướng gia tăng hình thức đàm luận, để tăng tính khách quan, đa chiều trong khi phân tích, bình luận vấn đề. Khi các khách mời trong chương trình chính luận truyền hình là những chuyên gia thì nội dung đàm luận không chỉ chứa đựng thông tin mà còn có thể coi là những luận điểm quan trọng làm nên giá trị tác phẩm chính luận. Vì thế nhà báo chính luận truyền hình cần có mạng lưới chuyên gia khách mời rộng và chất lượng, mời đúng người phù hợp, và cần biết cách đặt những câu hỏi hay để dẫn dắt cuộc đàm luận đi trúng chủ đề của chương trình và cung cấp nhiều thông tin làm sáng tỏ các nội dung và quan điểm cần định hướng dư luận [43].

- *Kỹ năng dẫn chương trình*: NBCLTH chính là người trực tiếp sáng tạo tác phẩm, theo dõi và thấu hiểu sự kiện, là người dẫn, người thể hiện lời bình. Vì thế NBCLTH phải có kỹ năng về dẫn dắt và trình bày chương trình của mình, biết xử lý các tình huống phát sinh khi chương trình được phát trực tiếp, và có phong cách chính luận thể hiện qua ngôn ngữ đanh thép, phong thái dẫn tự tin đĩnh đạc [43]. Không sai khi nói rằng hiệu quả của tác phẩm chính luận truyền hình phụ thuộc vào khả năng của NBCLTH khi dẫn thông qua giọng nói thuyết phục, ngôn từ chính xác, phong thái và lập luận sắc sảo... Trong các chương trình chính luận được phát trực tiếp, sức ép về tâm lý đối với NBCLTH khi dẫn chương trình là rất lớn. Họ vừa phải quản lý chính xác về mặt thời gian, vừa phải tinh táo và khéo léo kiểm soát diễn biến cuộc đàm luận, sao cho trên sóng không xảy ra những sự cố đáng tiếc và nhạy cảm về mặt chính trị.

- *Kỹ năng tương tác với công chúng*: Để thực hiện tốt nhất nhiệm vụ của mình, các nhà báo chính luận truyền hình còn phải biết “*tạo lập diễn đàn tương tác và thông tin để có thể giải thích và giải đáp, nhằm gia tăng sự tương đồng, đồng thuận xã hội và giảm dần sự khác biệt.*” [43]. Thông qua việc công chúng được bày tỏ ý kiến sẽ giúp đẩy mạnh sức lan tỏa của chương trình chính luận truyền hình. Tạo diễn đàn tương tác cho khán giả sẽ tạo môi trường thông tin đa chiều, giúp mang lại hiệu ứng xã hội cao cho chương trình. Tuy nhiên để đạt được điều này, nhà báo không chỉ biết tạo diễn đàn, mà còn có đủ kiến thức, bản lĩnh và xây dựng uy tín để có thể tranh luận, giải đáp các ý

kiến đa chiều của công chúng, chèo lái và định hướng các cuộc tranh luận trên diễn đàn theo mục tiêu của chương trình chính luận. Trong quá trình này nhà báo chính luận truyền hình cũng phải biết xử lý các tình huống không để xảy ra khủng hoảng truyền thông, nguy cơ làm mất uy tín của nhà báo và của đài truyền hình. Điều này đặc biệt thách thức khi các chủ đề của chương trình chính luận truyền hình hầu hết đều là những vấn đề có tính thời sự và có những luồng ý kiến gây tranh cãi trong dư luận. Thương hiệu hay uy tín của NBCLTH cũng là một yếu tố quan trọng cần được khai thác trong quá trình tương tác với công chúng. Uy tín đó phải được xây dựng bằng chính phẩm chất và năng lực của NBCLTH.



Sơ đồ 1.1: Bộ kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình

1.1.4. Một số khái niệm cơ bản về môi trường truyền thông số

Môi trường

Môi trường có thể hiểu theo nghĩa rộng hoặc nghĩa hẹp. Theo nghĩa rộng thì môi trường là các yếu tố tự nhiên và yếu tố vật chất (nhân tạo) quan hệ mật thiết với nhau bao quanh con người, có ảnh hưởng tới đời sống sản xuất, sự phát triển của con người và sinh vật [54]. Theo từ điển Lạc Việt, môi trường là nơi diễn ra một hiện tượng, một quá trình. Khái niệm môi trường không thể tách rời với đối tượng hay hệ thống mà nó bao quanh. Môi trường không chỉ bao quanh mà còn tác động tới hệ thống mà nó bao quanh, xác định xu hướng và tình trạng tồn tại của hệ thống. Như vậy khi nói tới một chủ thể “trong môi trường” nào đó, nghĩa là đề cập tới việc chủ thể đang bị tác động và thay đổi ra sao, thích ứng như thế nào trước những cơ hội và thách thức mà môi trường đó mang lại.

Truyền thông

Truyền thông: Thuật ngữ truyền thông có nguồn gốc từ tiếng La-tinh “commune” nghĩa là chung hay cộng đồng. Nội hàm của nó là nội dung, cách thức, con đường, phương tiện để đạt được sự hiểu biết lẫn nhau, giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với cộng đồng, xã hội. Nhờ truyền thông mà con người tự nhiên trở thành con người xã hội. Truyền thông (communication) theo từ điển Oxford là quá trình truyền đạt hoặc trao đổi thông tin hoặc tin tức. Truyền thông cũng có thể chỉ các phương tiện phát ra và tiếp nhận thông tin, như là đường dây điện thoại hoặc máy tính [100]. Trong Đại từ điển tiếng Việt, truyền thông là quá trình truyền tải thông tin, ý kiến, tin tức.. giữa hai hoặc nhiều người với nhau nhằm giao tiếp, kết nối tăng sự hiểu biết, nhận thức. Tác giả Nguyễn Văn Dũng trong cuốn Cơ sở lý luận báo chí năm 2013 đưa ra định nghĩa tương đối đầy đủ và chi tiết: “*Truyền thông là quá trình liên tục trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm..., chia sẻ kỹ năng và kinh nghiệm giữa hai hoặc nhiều người với nhau nhằm mở rộng hiểu biết, nâng cao nhận thức, tiến tới điều chỉnh hành vi và thái độ phù hợp với nhu cầu phát triển của cá nhân, của nhóm và của cộng đồng xã hội nói chung, bảo đảm sự phát triển bền vững*”.

Tác giả Dương Xuân Sơn trong cuốn Cơ sở Lý luận báo chí truyền thông cũng đưa ra định nghĩa khá tương đồng, đồng thời lưu ý đến những khía cạnh: “*Truyền thông là một quá trình liên tục, truyền thông phải dẫn đến sự hiểu biết lẫn nhau và cuối cùng truyền thông phải đem lại sự thay đổi trong nhận thức và hành vi, nếu không sẽ vô nghĩa.*” [59]. Trong Đề tài cơ sở trọng điểm Quy trình tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông trong môi trường truyền thông số hiện nay, của Học viện Báo chí và Tuyên truyền do PGS.TS. Đỗ Thị Thu Hằng chủ nhiệm, nhận định: “*Bởi truyền thông là quá trình gửi và nhận thông tin, các mốc phát triển truyền thông thường gắn liền với tiến bộ công nghệ*” [25]. Tác giả Dương Xuân Sơn trước đó cũng mô tả: “*Từ những hình thức truyền thông đơn giản, người ta đi đến những hình thức hiện đại và phức tạp của truyền thông như truyền hình, vệ tinh, internet...*” [59, tr.13]

Truyền thông số

Giáo sư truyền thông người Đan Mạch Niels Finnemann đưa ra mô hình phát triển gồm 5 ma trận truyền thông trong lịch sử loài người. Theo đó hiện nay loài người đang chuyển từ ma trận truyền thông lấy truyền hình làm trung tâm sang ma trận truyền thông số. Truyền thông số đang mở ra những quỹ đạo mới, với những tính năng siêu việt và vô cùng linh hoạt. Vì thế có những ý kiến cho rằng rất khó có thể định nghĩa cặn kẽ về

truyền thông số. Tuy nhiên Niels Finnemann cũng đưa ra một định nghĩa như sau: “*Truyền thông số (Digital media) tích hợp khả năng lưu trữ của báo viết với tốc độ của truyền thông điện tử, từ đó mở ra những sự lai tạo vô cùng phong phú thể loại*” [84].

Tác giả Trần Quang Diệu khi đề cập khái niệm truyền thông số đã phân tích: “*Công nghệ số, qua đó làm cho việc truyền thông tin, truyền dữ liệu và lưu trữ, xử lý thông tin, dữ liệu một cách dễ dàng hơn. Công nghệ số trong lĩnh vực báo chí, truyền thông được hiểu là việc ứng dụng các kỹ thuật, công nghệ dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông hiện đại trong các khâu tổ chức, xử lý và sản xuất các sản phẩm báo chí, truyền thông.*” [18, tr 15]. Nói cách khác, công nghệ truyền thông số là việc ứng dụng các công nghệ trong hoạt động truyền thông dựa trên nền tảng số. Theo đó, các hoạt động truyền thông được thực hiện thông qua môi trường số hóa. Tác giả Đỗ Thị Thu Hằng trong Giáo trình tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng ra mắt năm 2022 định nghĩa một cách chi tiết và cụ thể: “*Truyền thông số (Digital media) là các hoạt động, quá trình, chương trình, chiến dịch truyền thông được thực hiện với nội dung số (digital content) trên nền tảng và môi trường kỹ thuật và công nghệ số (digital technology)... đặc trưng của nội dung số là dữ liệu được số hóa, được sáng tạo bởi các phần mềm và thiết bị số, được truyền dẫn trong môi trường mạng toàn cầu, người tiếp nhận bằng hệ thống thiết bị đọc, nghe xem thích hợp và cá nhân hóa*” [26, tr.15].

Trong khuôn khổ luận án này tác giả xin đưa ra nhận định ngắn gọn và phù hợp với khuôn khổ đề tài nghiên cứu của mình: *Truyền thông số là các hoạt động truyền thông được thực hiện với các công nghệ số. Điều này có thể xảy ra ở tất cả hoặc bất kỳ khâu nào trong quá trình truyền thông.*

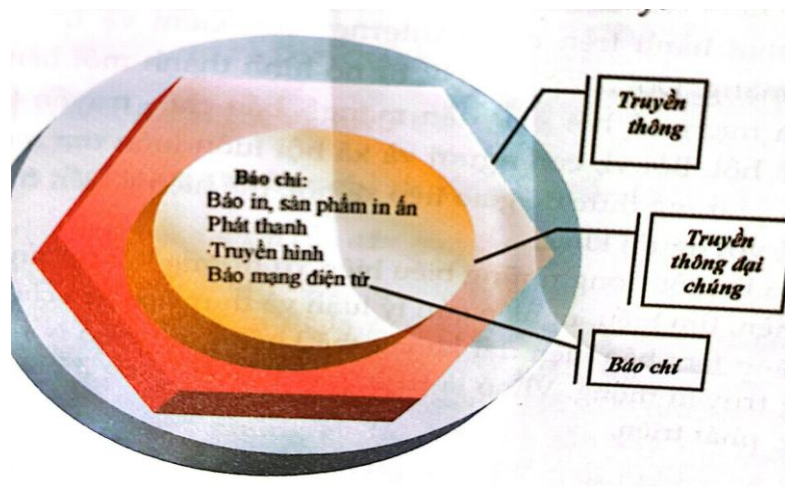
Truyền thông số có những đặc tính hoàn toàn mới mang tính cách mạng, hay còn gọi là những tính năng siêu việt so với truyền thông truyền cũ. Có thể kể đến những tính năng như: siêu kết nối, siêu văn bản, siêu lưu trữ, siêu tương tác, siêu tìm kiếm. Từ những tính năng siêu việt này, truyền thông số có được những đặc tính hoàn toàn mới so với truyền thông cũ.

Cùng với truyền thông số có rất nhiều hiện tượng, nhiều khái niệm mới xuất hiện và ngày càng phổ biến trong lĩnh vực báo chí và truyền thông, phản ánh những thay đổi to lớn của thời kỳ truyền thông số, bao gồm: truyền thông đa phương tiện và báo chí đa phương tiện, báo chí đa nền tảng, mạng xã hội và truyền thông xã hội, hội tụ truyền thông và tòa soạn hội tụ, báo chí di động, trí tuệ nhân tạo AI, báo chí số và công chúng số...

Môi trường truyền thông số

Sự hình thành và phát triển của kỹ năng nghề nghiệp không diễn ra trong chân không, mà luôn chịu sự quy định và tác động biện chứng bởi môi trường hành nghề. Trong lịch sử báo chí, môi trường truyền thông truyền thống (traditional media environment) với các loại hình báo in, phát thanh, truyền hình tuyến tính đã từng định hình nên một hệ thống kỹ năng nghề nghiệp tương đối ổn định.

Tác giả Nguyễn Văn Dũng đề cập trong Cơ sở lý luận báo chí về môi trường truyền thông: Bất kỳ quá trình truyền thông nào cũng xảy ra trong môi trường xác định.. Trong môi trường truyền thông có hệ thống truyền thông đại chúng, và trong vị trí lõi trung tâm của truyền thông đại chúng là hệ thống báo chí theo mô hình dưới đây. “..Môi trường này ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của truyền thông đại chúng và báo chí. Ngược lại hoạt động của báo chí cũng có ảnh hưởng và tác động môi trường truyền thông nói chung trên nền tảng các yếu tố chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội.” [16,tr 52]



Sơ đồ 1.2: Báo chí trong môi trường truyền thông

Tuy nhiên, “con sóng thần số hóa” [35] đã kiến tạo nên một môi trường truyền thông hoàn toàn mới, môi trường truyền thông số (digital media environment). Môi trường truyền thông chuyển sang thời đại số với những sự thay đổi mang tính bước ngoặt cuộc cách mạng công nghệ internet, chắc chắn đang tạo nên những tác động trực tiếp và vô cùng to lớn đối với hệ thống truyền thông đại chúng, và nhất là hệ thống báo chí nằm trong lõi trung tâm này. Nói đến môi trường truyền thông là các chủ thể truyền thông phải tính toán sao cho khai thác triệt để các điều kiện thuận lợi và hạn chế những khó khăn. Hơn ai hết, các nhà báo cần hiểu rõ và tận dụng các tính năng siêu việt của công nghệ số mang lại, nhưng cũng biết ứng phó với những tác động không mong

muốn, hạn chế tối đa những nguy cơ và rủi ro có thể gặp phải trong môi trường truyền thông số. Việc luận giải một cách khoa học về bản chất, cấu trúc và các thuộc tính của môi trường này không chỉ là một yêu cầu lý luận, mà còn nhận diện và phân tích sự biến đổi sâu sắc của hệ thống kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo.

Môi trường truyền thông số không đơn thuần là một kênh phân phối mới hay số hóa các phương tiện truyền thông, mà về bản chất, là một hệ sinh thái truyền thông phức hợp, được kiến tạo trên nền tảng công nghệ hội tụ, vận hành theo logic phi tuyến tính và tương tác đa chiều, trong đó vị thế và vai trò của công chúng được tái định vị một cách nền tảng.

Trước hết, nền tảng vật chất, kỹ thuật của môi trường truyền thông số là sự hội tụ của công nghệ thông tin, viễn thông và truyền thông. Sự ra đời của Internet, đặc biệt là cuộc cách mạng Web 2.0, đã xóa nhòa ranh giới giữa các loại hình báo chí vốn tồn tại biệt lập. Mô hình “cơ quan báo chí-công nghệ” đang trở thành xu hướng tất yếu mà các tập đoàn báo chí lớn như New York Times, Washington Post đang theo đuổi [4]. Trong hệ sinh thái này, một sản phẩm báo chí không còn tồn tại dưới một định dạng duy nhất, mà được phân phối đồng thời trên một hệ thống đa nền tảng: từ website, ứng dụng di động, đến các nền tảng mạng xã hội (Facebook, YouTube, TikTok) và các nền tảng OTT [66]. Sự trỗi dậy của các công nghệ mới như Trí tuệ nhân tạo (AI) và Dữ liệu lớn (Big Data) đang tiếp tục định hình lại quy trình sản xuất và phân phối nội dung, biến tòa soạn truyền thống thành “*tòa soạn số*” [28]. Đối với nhà báo, điều này có nghĩa là họ không còn là nhà báo truyền hình đơn thuần, mà buộc phải trở thành “*nhà báo đa nền tảng*”, “*nhà báo đa kỹ năng*” [66] có năng lực sáng tạo nội dung cho nhiều định dạng và môi trường phân phối khác nhau.

Nếu môi trường truyền thông vận hành theo logic “*tuyến tính*”, nơi công chúng tiếp nhận thông tin theo một lịch trình và cấu trúc được lập trình sẵn, thì môi trường số lại vận hành theo logic “*phi tuyến tính*”. Công chúng giờ đây nắm quyền chủ động trong việc lựa chọn họ sẽ tiêu thụ nội dung gì, ở đâu, khi nào và trên thiết bị nào. Dòng chảy thông tin bị phân mảnh và cá nhân hóa cao độ.

Quan trọng hơn, thuộc tính cốt lõi của môi trường số là tính tương tác. Mối quan hệ một chiều từ nhà báo đến công chúng đã bị phá vỡ, thay vào đó là mối quan hệ đa chiều, nơi công chúng có thể bình luận, chia sẻ, phản hồi, và thậm chí là chất vấn thông tin một cách tức thời. “*Tính đối thoại*” mà Lê Thị Như Quỳnh (2017) [53, tr 30-39] phân tích trong môi trường truyền hình truyền thống, nay được khuếch đại lên một

tầm mức mới trong môi trường số, biến mỗi sản phẩm báo chí thành một không gian đối thoại công cộng. Điều này đặt ra yêu cầu nhà báo không chỉ là người sản xuất nội dung, mà còn phải là người quản trị cộng đồng, người điều phối thảo luận, có kỹ năng lắng nghe và tương tác với các luồng ý kiến đa dạng, phức tạp từ công chúng.

Hệ quả trực tiếp và sâu sắc nhất của tính tương tác là sự tái định vị vai trò của công chúng. Họ đã chuyển hóa từ vị thế của một “*đối tượng tiếp nhận*” thụ động thành một “*chủ thể tham gia*” tích cực, thậm chí là “*người dùng*” và “*người đồng sáng tạo*”. Hiện tượng nội dung do người dùng tạo ra đã trở thành một nguồn tin quan trọng, thách thức vai trò độc quyền thông tin của các cơ quan báo chí.

Vai trò “*người gác cổng*” (gatekeeper) truyền thống của nhà báo bị thách thức nghiêm trọng. Công chúng không còn thụ động tin vào mọi thông tin được cung cấp; thay vào đó, họ chủ động kiểm chứng thông tin từ nhiều nguồn khác nhau. Như nhà báo Lê Quốc Minh đã nhận định, độc giả sau khi đọc tin trên mạng xã hội thường có xu hướng quay trở lại các trang báo chính thống để kiểm chứng [17]. Nhà báo chính luận trong môi trường số phải là người xác thực thông tin và là người dẫn dắt, định hướng các cuộc thảo luận công chúng bằng uy tín và bản lĩnh nghề nghiệp.

Từ những phân tích về khái niệm Môi trường và khái niệm Truyền thông số cũng như kết cấu của môi trường truyền thông và mối tương quan với hệ thống báo chí, tác giả luận án trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu đưa ra góc nhìn như sau: *Môi trường truyền thông số là môi trường trong đó các hoạt động truyền thông được thực hiện bởi công nghệ số, có tác động mạnh mẽ tới hệ thống báo chí mà nó bao quanh, xác định những xu hướng mới trong hoạt động báo chí, đồng thời tạo nên những cơ hội to lớn cũng như thách thức đối với hoạt động báo chí.*

1.1.5. Một số xu hướng tác động tới kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số

Cùng với truyền thông số có rất nhiều xu hướng mới xuất hiện và ngày càng phổ biến trong lĩnh vực báo chí và truyền thông. Trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu của luận án này tác giả tổng hợp từ các nghiên cứu đi trước một số xu hướng có tác động trực tiếp tới kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo, trong đó có các nhà báo chính luận truyền hình:

- *Báo chí đa phương tiện*: Xuất phát từ từ “*multimedia*” trong từ điển Oxford nghĩa là “*sử dụng nhiều hơn một loại phương tiện để truyền thông*”. “*Đa phương tiện là sự kết hợp của nhiều loại phương tiện: văn bản, hình ảnh tĩnh, hình ảnh động, đồ họa, âm thanh tổng hợp, video và chương trình tương tác nhằm gây sự chú ý, tăng độ hấp*

dẫn, bảo đảm độ tin cậy, chân thực, khách quan và nâng cao tính thuyết phục trong truyền tải thông điệp.” [Error! Reference source not found., tr.20] “*Báo chí đa phương tiện là loại hình báo chí có chứa các sản phẩm báo chí sử dụng đồng thời nhiều hình thức như: văn bản, các loại hình ảnh, âm thanh tổng hợp, video, đồ họa, và các chương trình tương tác để chuyển tải thông tin*” [99, tr.21]. Để làm tốt nhất nhiệm vụ định hướng dư luận, các nhà báo chính luận truyền hình hơn ai hết cũng cần nắm bắt các kỹ năng làm báo đa phương tiện. Ngoài sản xuất video, các nhà báo chính luận truyền hình cũng cần có kỹ năng viết báo, sử dụng ảnh, âm thanh, đồ họa, và các nội dung tương tác trên các nền tảng số.

- *Báo chí đa nền tảng*: Đó là khi nội dung báo chí không chỉ được sản xuất đa phương tiện, mà còn được phân phối trên các nền tảng khác nhau như báo giấy, báo mạng, phát thanh, truyền hình, ứng dụng điện thoại di động, cách mạng xã hội... Mục đích là tiếp cận được tối đa công chúng, “sao cho công chúng có thể tiếp cận thông tin bất cứ nơi đâu, bất cứ lúc nào họ muốn, trên bất cứ nền tảng nào mà họ có”. Sự lên ngôi của các nền tảng mạng xã hội và di động đã khiến cho các nhà báo nói chung và các nhà báo chính luận truyền hình bắt buộc phải thay đổi mạnh mẽ, phải có kiến thức và kỹ năng tác nghiệp để sản phẩm của mình phù hợp trên đa nền tảng chứ không chỉ hướng tới một nền tảng truyền thống là truyền hình. Mục tiêu là tác phẩm chính luận phải tìm được con đường đến với công chúng nhanh nhất, hiệu quả nhất. Các nhà báo chính luận truyền hình trong tất cả các kỹ năng nghề nghiệp ngay từ lên ý tưởng, viết kịch bản, xử lý hình ảnh, cho đến dẫn chương trình, tương tác với công chúng, đều phải hướng tới việc tác phẩm sẽ tiếp cận công chúng trên đa nền tảng, đặc biệt là các nền tảng mạng xã hội và di động.

- *Mạng xã hội*: Công nghệ số đã nhanh chóng làm xuất hiện các nền tảng trực tuyến hoặc ứng dụng mà người dùng có thể kết nối và tương tác với nhau qua internet. Các nền tảng xuyên biên giới như Facebook, Twiter, Instagram, Youtube, Tiktok... đã nhanh chóng có được hàng tỉ người dùng tham gia trên toàn thế giới, trong đó có hơn 70 triệu người dùng ở Việt Nam. Truyền thông xã hội dựa trên công nghệ số ngày càng phát triển nhiều tính năng vượt trội như: chứa đựng lượng thông tin vô cùng lớn, phong phú, đa dạng, nhiều chiều, cập nhật trực tiếp, đặc biệt là dễ dàng tương tác, chia sẻ và lan tỏa, mang tính cá nhân cao.... Mạng xã hội và truyền thông xã hội cũng làm xuất hiện những thế lực truyền thông mới. Đó là những người có tầm ảnh hưởng trên mạng xã hội hay còn gọi là các KOL (key opinion leader), hay KOC (key opinion consumer).

Các KOL và KOC đã phát huy tối đặc tính của truyền thông số là cá nhân hóa và tương tác cao, qua đó trở thành những đối thủ cạnh tranh đáng gờm đối với các cơ quan báo chí và tổ chức truyền thông khác. Tuy nhiên thông tin trên mạng xã hội thường không được kiểm chứng, thiếu chính xác và thiếu tính khách quan chân thật, có ẩn chứa nhiều nguy cơ như lừa đảo, vi phạm quyền riêng tư, thu thập và theo dõi trái phép thông tin cá nhân và cộng đồng, cũng như các dạng thức tội phạm mạng nguy hiểm khác. Mạng xã hội cũng là môi trường mà vấn nạn tin giả (fake news), thông tin sai sự thật (disinformation), thông tin xuyên tạc (misinformation) ngày càng phổ biến [99, tr.480]. Trong điều kiện mới với xu thế phát triển nhanh của MXH và các nền tảng MXH xuyên biên giới, kéo theo việc các thế lực thù địch tăng cường lợi dụng, tung tin giả ngày càng phổ biến với nhiều chiêu trò, cách thức, thậm chí rất khó nhận diện, đấu tranh, đẩy lùi [65]. Trong bối cảnh đó các nhà báo chính luận truyền hình cần cập nhật một số kỹ năng như: tìm chủ đề trùng và đúng với sự quan tâm của công chúng trên mạng xã hội, tìm kiếm và thẩm định thông tin từ nguồn MXH, quảng bá chương trình và tương tác với công chúng trên các nền tảng này, đồng thời có thể hoạt động tích cực trên nền tảng MXH như các KOL để tham gia định hướng thông tin. Các nhà báo chính luận truyền hình cũng được xem là một lực lượng nòng cốt để thực hiện các hoạt động trong khuôn khổ Ban chỉ đạo 35 nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Các chương trình chính luận truyền hình chính là một diễn đàn quan trọng để đấu tranh với nạn tin giả, tin sai sự thật tràn lan trên mạng xã hội, góp phần định hướng dư luận xã hội.

- *Báo chí di động*: Trong một thập kỷ trở lại đây, công nghệ di động đã chiếm ưu thế nổi bật trong làn sóng các công nghệ số. Công nghệ di động cho phép người dùng có thể tiếp cận thông tin trực tuyến và tương tác dễ dàng, thậm chí tham gia sản xuất nội dung chỉ bằng những thiết bị nhỏ gọn như điện thoại thông minh. Theo tác giả Nguyễn Thị Trường Giang, giờ đây thiết bị di động đang trở thành nền tảng tiếp cận thông tin báo chí số một, và cũng thay đổi cách thức sản xuất và phân phối thông tin của các cơ quan báo chí. Từ đây xuất hiện khái niệm báo chí di động (MOJO), nghĩa là “báo chí sử dụng các thiết bị di động làm công cụ tác nghiệp [81]. Ngày càng nhiều nhà báo có kỹ năng và trở thành các nhà báo di động hay còn gọi là MOJO (mobile journalist). Họ thành thạo công nghệ để có thể sử dụng điện thoại di động để tác nghiệp và xuất bản tin tức với mức độ phức tạp và chất lượng ngày càng cao và dễ dàng hơn. Các nhà báo, trong đó có các nhà báo chính luận truyền hình ít nhiều đều phải biết một

trong các kỹ năng làm báo trên điện thoại di động [41]. Ví dụ như các kỹ năng sử dụng điện thoại di động để ghi âm, chụp ảnh, ghi hình, phỏng vấn, xử lý video bằng các phần mềm trên điện thoại di động.

- *Làm báo với AI*: Bắt đầu từ những năm đầu của thập kỷ 20, trí tuệ nhân tạo đã bắt đầu được ứng dụng nhiều trong lĩnh vực báo chí truyền thông. Đặc biệt từ khi ra đời Chat GPT và các phần mềm tương tự có khả năng trả lời các câu hỏi và thực hiện ngày càng nhiều nhiệm vụ mà con người đề ra, thông qua ngôn ngữ tự nhiên như giữa người với người. Tiếp đến các công cụ AI khác liên tục ra mắt giúp người dùng có thể thực hiện các công vụ như làm đồ họa, tạo hình ảnh, tạo video, dịch thuật, tạo phụ đề, lồng tiếng... chỉ trong tích tắc. Tác giả Đỗ Thị Thu Hằng gọi “AI là trợ lý ảo đắc lực cho nhà báo”, giúp nhà báo tăng năng suất trong mọi công đoạn từ thu thập thông tin, tìm ý tưởng, sản xuất tin bài cho đến việc tối ưu hóa phân phối tin tức tới công chúng. Một số Đài truyền hình như Đài TH Thành phố Hồ Chí Minh đã bắt đầu sản xuất các chương trình do AI viết kịch bản, dựng và đọc. Các phóng viên được yêu cầu phổ cập kiến thức và kỹ năng sử dụng AI trong sản xuất chương trình. Tuy nhiên, trí tuệ nhân tạo cũng tạo ra thách thức không nhỏ đối với báo chí, khi dữ liệu và thông tin đưa ra có thể không chính xác, thiếu nhân văn và thiếu trách nhiệm xã hội cũng như đạo đức nghề nghiệp. Như vậy khi sử dụng AI làm công cụ hỗ trợ, các nhà báo chính luận truyền hình cần nắm rõ điểm yếu, điểm mạnh của AI, sao cho AI hỗ trợ tốt nhất chứ không gây ra sai sót trong quá trình sản xuất chương trình.

- *Báo chí dữ liệu*: Trong dòng chảy thông tin ngày càng khổng lồ ở môi trường truyền thông số, các nhà báo giờ đây cần tìm một cách thức mới để chuyển tải thông tin. “*Báo chí dữ liệu với sự kết hợp của những thao tác thu thập, phân tích, sàng lọc, và trực quan hóa những thông tin thu thập được giúp các nhà báo thực hiện điều này*” [24, tr.142]. Đó là việc tìm kiếm câu chuyện trong các dữ liệu, sử dụng dữ liệu để giải thích các vấn đề phức tạp, hay nói một cách đơn giản là xây dựng tác phẩm báo chí dựa trên những con số. Báo chí dữ liệu có nhiều cấp độ khác nhau, song xu hướng này đều có tác động tới các nhà báo, trong đó có các nhà báo chính luận truyền hình. Các nhà báo chính luận truyền hình cũng cần hiểu rõ vai trò của dữ liệu trong các tác phẩm chính luận truyền hình, kỹ năng phân tích, tổng hợp dữ liệu, tính thuyết phục của dữ liệu đối với công chúng, cũng như cách trình bày dữ liệu thông qua các hình thức thể hiện trực quan như biểu đồ, bản đồ, đồ thị, đồ họa.

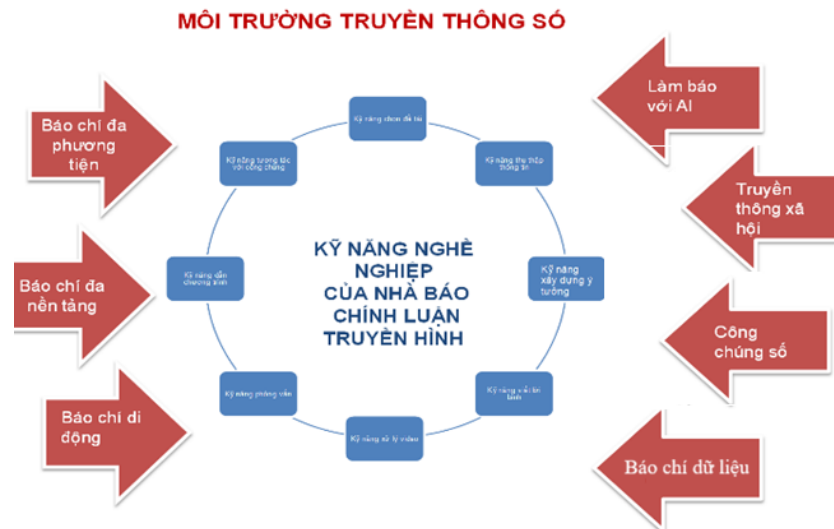
- *Công chúng số*: Công chúng của báo chí ngày nay phần nhiều là công chúng số, “là nhóm đối tượng có năng lực sử dụng kỹ thuật và công nghệ, các nền tảng số, chủ động trong tiếp cận và tiếp nhận thông tin, có khả năng cao hơn trong tham gia và tương tác truyền thông với nhiều nhóm đối tượng, ở nhiều mức độ, cấp độ, nhiều hình thức biểu hiện khác nhau. Công chúng số là người tiếp nhận tác phẩm báo chí số, đồng thời có thể chính là nguồn phát - người tạo nội dung báo chí số” [27]. “Lớp công chúng này đòi hỏi các loại hình báo chí, truyền thông và các phương tiện truyền thông phải thay đổi để đáp ứng được yêu cầu thông tin cũng như yêu cầu chuyển tải thông tin” [24, tr.24.]”...Nhà báo phải có kênh nắm bắt được dư luận trên các nền tảng số, đồng thời phải “nghĩ về báo chí như một cuộc trò chuyện và tương tác hơn là một bài giảng..” [2]. Đây là lý do khiến các nhà báo chính luận truyền hình cần thay đổi kỹ năng để tiếp cận công chúng hiệu quả hơn. Đó là dẫn dắt và bình luận bằng ngôn ngữ trò chuyện nhiều hơn là sử dụng ngôn ngữ chính luận truyền thống. Ngoài ra nhà báo chính luận truyền hình cũng cần có kỹ năng tương tác với công chúng trước, trong và sau khi thực hiện chương trình, nhằm tăng cường sự tham gia chủ động của công chúng thông qua việc đóng góp thông tin, ý tưởng, đặt câu hỏi, chia sẻ và bình luận về nội dung chương trình.

1.2. Kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số và những thay đổi

1.2.1. Khái niệm KNNN của NBCLTH trong MTTTS

Từ việc thao tác các khái niệm liên quan, tác giả luận án này đưa ra khái niệm trung tâm: *KNNN của NBCLTH trong MTTTS là những thao tác hành động trong các khâu sáng tạo tác phẩm của nhà báo chính luận truyền hình khi trực tiếp thực hiện các tác phẩm bình luận và đàm luận truyền hình, có thay đổi từ những tác động mạnh mẽ bởi những xu hướng mới trong môi trường truyền thông số.*

Như vậy từ góc nhìn của luận án, kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số không chỉ bao gồm các kỹ năng truyền thống như lựa chọn đề tài, thu thập và thẩm định thông tin, xây dựng ý tưởng, viết lời bình, tổ chức đàm luận và dẫn chương trình, mà là những kỹ năng đó đã chịu tác động và thay đổi từ những xu hướng môi trường truyền thông số như trong sơ đồ dưới đây.



Sơ đồ 1.3. Mô hình KNNN của NBCLTH trong MTTTS

1.2.2. Những thay đổi đối với KNNN của NBCLTH trong MTTTS:

Môi trường truyền thông số đã tạo ra một cuộc phá vỡ mô hình sản xuất truyền hình truyền thống. Hệ quả tất yếu là sự biến đổi đặc điểm kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình. Để làm tốt nhiệm vụ của mình, NBCLTH phải thay đổi và cập nhật kỹ năng nghề nghiệp một cách toàn diện, hiểu biết về các xu hướng mới trong truyền thông số và tích hợp trong quá trình sáng tạo tác phẩm.

- Trong môi trường truyền thông, kỹ năng chọn đề tài của NBCLTH đóng vai trò quan trọng hàng đầu, vì đề tài trùng với sự quan tâm của xã hội sẽ mang ý nghĩa quyết định đối với sự thành công của một chương trình chính luận truyền hình. NBCLTH phải bắt mạch đúng nhu cầu của công chúng qua những kênh thông tin phong phú và tin cậy. Trước đây NBCLTH có thể sử dụng các kênh thông tin truyền thống như báo chí, thư từ khán giả, thông tin từ cộng tác viên, và thực tế tìm hiểu của chính nhà báo... Ngày nay, trong môi trường truyền thông số, MXH chính là diễn đàn nơi công chúng bộc lộ sự quan tâm và ý kiến tranh luận đối với các vấn đề thời cuộc. Vì vậy để hiểu được sự quan tâm cũng như tranh luận của dư luận xã hội, NBCLTH cần có kỹ năng nắm bắt dư luận và tương tác với công chúng số. Điều này trở thành một kỹ năng nghề nghiệp cốt lõi của nhà báo chính luận truyền hình hiện đại. Đây không chỉ là kỹ năng kỹ thuật, mà còn là năng lực nhận thức, phân tích, phản hồi xã hội trong bối cảnh thông tin lan tỏa phi tuyến và công chúng tham gia đồng kiến tạo thông điệp. Nhà báo chính luận hiện đại phải chuyển từ vị thế “người truyền đạt” sang “người đối thoại”, nắm bắt chính xác diễn biến dư luận, quản trị cảm xúc xã hội, và điều phối dòng thông tin theo định hướng chính trị, tư tưởng đúng đắn. Thứ nhất, về phương diện lý luận truyền thông, kỹ năng nắm bắt dư luận là khả năng nhận diện xu hướng ý kiến,

thái độ và cảm xúc của công chúng trong dòng tương tác xã hội số. Theo khung phân tích của Anthony Adornato (2023), mạng xã hội đã biến khán giả thành “người tham gia” trong quy trình sản xuất tin tức, và việc theo dõi, giải mã hành vi công chúng trực tuyến là điều kiện tiên quyết để lựa chọn đề tài và xây dựng nội dung phù hợp.

- Trong môi trường truyền thông, NBCLTH cũng đã phải có kỹ năng tương tác với công chúng, tạo các diễn đàn nhằm đẩy mạnh sức lan tỏa của chương trình chính luận truyền hình, tạo hiệu ứng xã hội. Trong môi trường truyền thông số mang đặc tính siêu tương tác, NBCLTH tiếp tục phát huy kỹ năng này khi tương tác với công chúng số trên các nền tảng số và sử dụng công cụ số. Lúc này tương tác số không còn là kết quả thụ động của truyền thông, mà là sản phẩm của các “vòng phản hồi liên tục” giữa nhà báo và người dùng. NBCLTH phải “quảng mình” vào thế giới số, “lặn lội” trên MXH với kỹ năng nắm bắt dư luận MXH và tương tác với công chúng số. Đây là bộ kỹ năng nghề nghiệp mang tính chất kép và được thực hiện đồng thời trong suốt quá trình tác nghiệp của NBCLTH, từ khi chọn đề tài, khi quảng bá cho chương trình, sản xuất chương trình và lan tỏa sau chương trình... Bộ kỹ năng này vừa phản ánh năng lực tác nghiệp số, vừa thể hiện bản lĩnh chính luận của NBCLTH. Như Đỗ Chí Nghĩa (2021) khẳng định, báo chí chính luận Việt Nam phải đảm nhận “*chức năng nhận thức xã hội trong môi trường đa chiều*”, trong đó nhà báo không thể đứng ngoài “*đối thoại xã hội*” mà phải chủ động tạo ra tương tác định hướng, qua đó củng cố niềm tin của công chúng vào thông tin chính thống. MTTTS đã thay đổi quan hệ một chiều, thụ động giữa nhà báo và công chúng trong kỷ nguyên truyền thông, thay thế bằng một mô hình quan hệ tương tác hai chiều, đa chiều, tức thời và liên tục. Điều này buộc nhà báo chính luận truyền hình phải phát triển kỹ năng tương tác với công chúng lên một tầm cao mới: năng lực của một người chủ động lắng nghe, một nhà đối thoại bản lĩnh và một người quản trị cộng đồng số có trách nhiệm, nhằm mục tiêu cao nhất là duy trì và củng cố vai trò định hướng tư tưởng trong một không gian đối thoại mở. Trong quá trình này, NBCLTH vừa có thể phát hiện đề tài mang tính thời sự, những vấn đề “nóng” mà xã hội thực sự quan tâm và tranh luận, từ đó tạo ra những sản phẩm chính luận đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân. Hai là giúp đo lường và kiểm chứng hiệu quả thông điệp. Bằng cách phân tích các luồng bình luận dưới một tác phẩm đã đăng tải, nhà báo có thể nhận biết được công chúng đã hiểu đúng, hiểu đủ thông điệp hay chưa, đâu là những điểm gây tranh cãi cần làm rõ thêm. Bà là nó cung cấp một kênh thông tin thực tiễn vô giá để phục vụ cho công tác phản biện xã hội, giúp

tiếng nói của người dân được truyền tải tới các cơ quan chức năng. Theo Axel Bruns (2008), công chúng giờ đây không còn là những người tiêu thụ thụ động mà đã trở thành những người đồng sản xuất tin tức, và việc lắng nghe họ là một yêu cầu bắt buộc của báo chí hiện đại. Sau khi một tác phẩm chính luận truyền hình được phát sóng và đăng tải trên nền tảng số, công việc của nhà báo chính luận truyền hình không kết thúc mà vẫn tiếp tục. Không gian bình luận lập tức trở thành một diễn đàn công cộng thu nhỏ, nơi các luồng ý kiến đồng thuận, trái chiều, thậm chí chống đối, xuyên tạc sẽ va đập dữ dội. Nhà báo chính luận truyền hình không thể im lặng hay đứng trên cao phán xét. Họ phải có bản lĩnh và phương pháp để “*nhập cuộc*”, trở thành người dẫn dắt, điều phối cuộc tranh luận đó. Họ cần có kỹ năng: chủ động phản hồi các bình luận có giá trị, làm sâu sắc thêm các luận điểm, cung cấp thêm thông tin để củng cố quan điểm đúng đắn; nhận diện và phản ứng nhanh chóng, chuyên nghiệp; vận dụng lý lẽ sắc bén, bằng chứng xác thực để trực tiếp phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc ngay tại nơi chúng xuất hiện. Đây là cuộc đấu tranh tư tưởng trên tuyến đầu, đòi hỏi sự nhanh nhạy, kiên định và am hiểu sâu sắc vấn đề [75]. Việc bỏ trống không gian tương tác này đồng nghĩa với việc từ bỏ mặt trận, để các quan điểm sai trái tự do lan truyền và chiếm lĩnh diễn đàn. Kỹ năng nắm bắt dư luận và tương tác với công chúng số đánh dấu sự biến đổi sâu sắc trong vai trò xã hội của nhà báo chính luận truyền hình. Từ một chủ thể độc thoại, họ buộc phải trở thành một chủ thể đối thoại. Sức mạnh định hướng dư luận không còn chỉ đến từ nội dung của tác phẩm, mà còn đến từ chính năng lực và bản lĩnh của NBCLTH trong quá trình tương tác trực tiếp, công khai với công chúng. Việc làm chủ các kỹ năng này không chỉ là một yêu cầu về mặt nghiệp vụ, mà còn là một đòi hỏi mang tính chính trị cấp thiết, nhằm đảm bảo báo chí cách mạng có thể giữ vững vai trò dẫn dắt và kiến tạo sự đồng thuận xã hội trong một kỷ nguyên truyền thông dân chủ hóa, cởi mở và phức tạp.

- Trong môi trường truyền thông kỹ năng thu thập, thẩm định, nghiên cứu và xử lý thông tin giúp NBCLTH có thể “*hội đủ các điều kiện về thông tin, lập luận, lý lẽ, chứng cứ*”, phục vụ cho việc sản xuất được những chương trình chính luận truyền hình có sức thuyết phục nhất. Khi đó NBCLTH có thể dùng các phương pháp nghiên cứu truyền thống như phân tích, tổng hợp, so sánh... thì nay trong môi trường truyền thông số, NBCLTH phải có được *kỹ năng sử dụng các công cụ để thu thập, thẩm định, nghiên cứu và xử lý thông tin, tư liệu trên các nền tảng số*. Để thu thập và xác minh thông tin phục vụ cho chương trình chính luận truyền hình, NBCLTH giờ đây không

chỉ cần nắm vững những nghiệp vụ truyền thông, mà cần am hiểu công cụ tìm kiếm, phần mềm xác minh và hệ thống pháp lý về bản quyền trong không gian mạng. Việc sử dụng thành thạo các công cụ số giúp nhà báo nâng cao hiệu quả công việc, tính chính xác, khách quan, minh bạch của thông tin, nền tảng tạo nên uy tín và sức thuyết phục của chính luận trong kỷ nguyên truyền thông dữ liệu. Việc nắm vững kỹ năng mới này giúp NBCLTH có thể thực hiện các công việc nghiên cứu và thu thập thông tin nhanh chóng và hiệu quả hơn trước đây gấp nhiều lần, bởi đặc tính của truyền thông số là siêu lưu trữ, siêu tìm kiếm. Tất nhiên đi kèm với đó là kỹ năng thẩm định và xử lý thông tin, tư liệu bao gồm cả các dữ liệu thông tin và hình ảnh. Trong MTTTS và xu hướng làm báo với AI, NBCLTH cũng có thể sử dụng AI để hỗ trợ thực hiện các thao tác hành vi này, bao gồm sử dụng AI để tìm kiếm thu thập thông tin và sắp xếp, phân loại, xác minh, thẩm định thông tin. Kỹ năng sử dụng AI đang trở thành một KNNN ngày càng quan trọng để hỗ trợ xuyên suốt quá trình tác nghiệp của NBCLTH.

- Đối với công việc của NBCLTH, kỹ năng xây dựng ý tưởng và kỹ năng viết lời bình là những thao tác hành vi rất quan trọng, quyết định sự thành công của chương trình chính luận truyền hình. Các thông tin bao gồm bình luận, hình ảnh, đàm thoại, phải được sắp xếp và trình bày một cách sáng tạo, lập luận phải chặt chẽ và thuyết phục, quan điểm phải được bày tỏ rõ ràng nhưng vẫn đảm bảo tính hấp dẫn của một chương trình truyền hình đối với khán giả. Đây là các KNNN thể hiện rõ nhất trình độ, bản lĩnh, tính sáng tạo của mỗi NBCLTH. Giờ đây trong MTTTS, các NBCLTH vẫn cần nắm vững các kỹ năng truyền thông như trên, đồng thời rất cần có kỹ năng sử dụng AI để hỗ trợ toàn diện. Đối với nhà báo chính luận truyền hình, kỹ năng sử dụng AI không chỉ giúp tối ưu hóa quy trình sản xuất mà còn mở rộng năng lực nghiên cứu, dự báo và trình bày thông tin một cách sinh động, trực quan và có tính thuyết phục cao. Tuy nhiên, bản chất của chính luận là tư duy độc lập, lý lẽ chính trị, xã hội chính xác và nhân văn, do đó NBCLTH phải làm chủ công nghệ, sử dụng AI như phương tiện phục vụ lập luận, chứ không để AI chi phối tư duy và bản sắc nghề nghiệp. Theo xu hướng toàn cầu về làm báo với AI, các công cụ trí tuệ nhân tạo đang hỗ trợ nhà báo ở nhiều công đoạn: thu thập, phân tích dữ liệu, xây dựng ý tưởng, viết lời bình, dựng hình ảnh, đồ họa... Ở Việt Nam, nhiều kênh truyền hình ở trung ương và địa phương đã thử nghiệm ứng dụng AI trong các khâu sản xuất chương trình truyền hình. Kỹ năng sử dụng AI của NBCLTH cần được hiểu không phải ở mức thao tác kỹ thuật, mà ở tầm năng lực sáng tạo có định hướng chính trị, tư tưởng. AI chỉ là công cụ, còn giá trị chính

luận nằm ở khả năng xác lập luận điểm, xây dựng lập luận và truyền tải tư tưởng bằng tư duy phản biện khoa học.

- Trong quá trình xây dựng ý tưởng và kịch bản, thông tin tư liệu đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập các lý lẽ và luận cứ, tăng tính thuyết phục và sắc bén của chương trình chính luận truyền hình. Trong MTTTS với các xu hướng của báo chí dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, đang trở thành một đặc điểm năng lực mang tính đột phá, tạo ra lợi thế cạnh tranh chiến lược và nâng cao một cách căn bản chiều sâu, tính khách quan và sức thuyết phục cho tác phẩm báo chí chính luận truyền hình, vượt qua giới hạn của các phương pháp tác nghiệp truyền thống. NBCLTH có kỹ năng sử dụng dữ liệu sẽ giúp chuyển hóa lập luận chính luận từ định tính sang định lượng, từ quan điểm sang bằng chứng thuyết phục. Báo chí chính luận truyền thống thường dựa nhiều vào lập luận logic, trích dẫn ý kiến chuyên gia và các ví dụ điển hình. Tuy nhiên, trong một môi trường thông tin bội thực, công chúng ngày càng đòi hỏi những bằng chứng xác thực, khách quan và có hệ thống. Dữ liệu cung cấp cho nhà báo năng lực để đáp ứng yêu cầu đó. Kỹ năng này không chỉ dừng ở việc biết sử dụng một biểu đồ, mà có thể bao gồm toàn bộ quy trình: từ thu thập, sử dụng các công cụ thống kê để phân tích, phát hiện ra các quy luật, các mối tương quan ẩn giấu, và cuối cùng là sử dụng các công nghệ trực quan hóa dữ liệu để “kể câu chuyện” bằng những con số một cách sinh động, dễ hiểu trên nền tảng truyền hình. Để chứng minh hiệu quả của một chính sách, thay vì chỉ phỏng vấn một vài điển hình, một nhà báo chính luận truyền hình am hiểu về dữ liệu có thể phân tích những dữ liệu về thu nhập. Họ có thể tạo ra một bản đồ tương tác cho thấy sự thay đổi tích cực ở từng vùng miền, hay một biểu đồ động thể hiện mối tương quan chặt chẽ giữa đầu tư của nhà nước và tỷ lệ. Những luận cứ được xây dựng trên nền tảng dữ liệu lớn như vậy mang một sức nặng khoa học và một tính khách quan vượt trội, có khả năng thuyết phục công chúng một cách mạnh mẽ, đặc biệt là giới trí thức và các nhà hoạch định chính sách [86].

- Nhà báo chính luận truyền hình phải sở hữu một “*thị giác chính trị*” sắc bén, có khả năng nhận diện, lựa chọn và xâu chuỗi các hình ảnh phối hợp với phân bình luận hoặc phỏng vấn để tạo thành một dòng chảy lập luận logic, thuyết phục. Trong môi trường truyền thông số, họ có thể sử dụng công nghệ báo chí di động để phát huy kỹ năng xử lý video phục vụ cho các chương trình chính luận truyền hình. Trong mô hình sản xuất truyền hình truyền thống, một NBCLTH là một mắt xích phụ thuộc trong một cỗ máy sản xuất phức tạp, đòi hỏi sự phối hợp của cả một ê-kíp. Tuy nhiên, sự phổ

cập của các thiết bị di động thông minh đòi hỏi nhà báo phải có kỹ năng ghi hình và xử lý video bằng điện thoại di động. Họ được trao quyền, và đồng thời cũng bị đặt ra yêu cầu, phải có khả năng tác nghiệp độc lập ở nhiều công đoạn mà trước đây thuộc về các bộ phận khác nhau. Khi có một sự kiện chính trị đột xuất, một nhà báo theo mô hình MOJO có thể ngay lập tức có mặt tại hiện trường, sử dụng điện thoại thông minh để ghi hình, thực hiện phỏng vấn, tự biên tập một video ngắn gọn, súc tích ngay trên thiết bị. Như Stephen Quinn (2012) [103], một trong những học giả tiên phong về MOJO, đã chỉ ra, đây là một sự thay đổi mô thức, đòi hỏi nhà báo phải tích hợp kỹ năng của một phóng viên, một quay phim và một biên tập viên dựng phim. Năng lực này không chỉ gia tăng tốc độ và tính linh hoạt trong việc đưa tin, mà còn buộc nhà báo phải có tư duy tổng thể về sản phẩm ngay từ khâu tác nghiệp ban đầu, thay vì chỉ tập trung vào phần việc chuyên môn của mình.

- Kỹ năng phỏng vấn là một trong những KNNN quan trọng của NBCLTH, vì đàm thoại là một trong những thể loại quan trọng của chính luận truyền hình. Những câu hỏi sắc bén của NBCLTH có thể giúp gọi mở nhiều thông tin quan trọng, dẫn dắt cuộc đàm thoại đi tới mục tiêu chứng minh những luận điểm, hoặc phản bác những luận điệu sai lệch xuyên tạc. Trong MTTTS khi những xu hướng báo chí đa phương tiện và báo chí đa nền tảng, báo chí di động tác động mạnh mẽ, các cuộc đàm thoại và phỏng vấn trong chương trình chính luận truyền hình cũng cần cập nhật và thay đổi. Trường quay truyền hình truyền thống giờ có thể trở thành một trung tâm kết nối giữa các vị khách mời ở khắp nơi trên thế giới online, thay vì phải kết nối bằng vệ tinh hay cáp quang vốn rất khó khăn và tốn kém trước kia. Các cuộc tọa đàm có thể tiến hành bằng các phương tiện và hình thức xuất hiện khác nhau, bao gồm cả sử dụng điện thoại di động. Môi trường truyền thông số đã áp đặt một sự thay đổi mang tính kiến tạo lại trong tư duy sản xuất của nhà báo chính luận truyền hình, buộc họ phải dịch chuyển từ logic “*chương trình*” sang logic “*nội dung*”, logic “*trường quay vật lý*” sang logic “*trường quay online*”. Việc mở rộng cơ hội bằng công nghệ số này giúp cho NBCLTH có thể dễ dàng vươn tới mọi khách mời đàm thoại, vượt qua mọi khoảng cách địa lý và điều kiện kỹ thuật, với mục đích nâng cao chất lượng các cuộc phỏng vấn của chương trình chính luận truyền hình. Như vậy trong MTTTS, các NBCLTH cần có kỹ năng kết nối và phỏng vấn online, để vận dụng hiệu quả của công nghệ số và các xu hướng mới của báo chí trong MTTTS.

- Trong hệ sinh thái truyền thông, kỹ năng dẫn chương trình chính luận truyền

hình là một kỹ năng nghề nghiệp quan trọng của NBCLTH. NBCLTH phải là người trực tiếp dẫn dắt, bình luận, đàm thoại với tư cách là nhà bình luận và “nhà báo có thẩm quyền”, trình bày lập luận và bày tỏ quan điểm tạo ra sức nặng của chương trình chính luận truyền hình. Làm chủ không gian trường quay và nghệ thuật dẫn chương trình của nhà báo chính luận truyền hình không phải là một kỹ năng phụ trợ về hình thức, mà là một năng lực cốt lõi. Đây là đặc điểm nghề nghiệp mang tính riêng có, nơi nhà báo chuyên hóa từ vai trò một tác giả ẩn sau văn bản (như báo in) thành một chủ thể hiện diện, một “*hiện thân của diễn ngôn*”, sử dụng chính gương mặt, giọng nói, ngôn ngữ cử chỉ của mình và không gian trường quay để truyền tải các giá trị, lập luận, và quan điểm mang tính chính luận. Năng lực làm chủ không gian trường quay và nghệ thuật dẫn chương trình đã nâng nhà báo chính luận truyền hình lên một vị thế khác biệt về bản chất so với các đồng nghiệp ở loại hình khác. Họ không chỉ là “*nhà báo có thẩm quyền*” mà còn trở thành “*gương mặt có thẩm quyền*”, “*gương mặt chính luận*”. Thẩm quyền và sức lan tỏa của họ không chỉ đến từ tri thức và lập trường chính trị, mà còn thông qua việc kiểm soát không gian trường quay và nắm được nghệ thuật kể chuyện và dẫn dắt, bình luận. Trong MTTTS Để làm tốt nhiệm vụ của mình, NBCLTH phải tiếp tục thay đổi vai trò từ một “*gương mặt chính luận*” sang một “*nhà sáng tạo nội dung*” đa năng, toàn diện, hiểu biết về nội dung số, dẫn dắt các nội dung chính luận phù hợp với thị hiếu của công chúng số và trên các nền tảng số. Nói cách khác NBCLTH cũng phải có kỹ năng dẫn chương trình phù hợp với công chúng số. NBCLTH không chỉ dẫn các chương trình chính luận truyền hình truyền thống, mà còn phải hiểu và có kỹ năng dẫn phù hợp với tâm lý và thị hiếu, phương thức tiếp nhận thông tin của công chúng số. Bởi lẽ các chương trình chính luận truyền hình ngày nay đều cùng lúc được phân phối trên các nền tảng số như website, ứng dụng trên điện thoại di động, hoặc các nền tảng MXH khác. Để lan tỏa các nội dung chính luận, định hướng dư luận và phản bác các luận điệu xuyên tạc, thù địch, NBCLTH cũng có thể dẫn các phiên live stream trên nền tảng MXH, các đoạn podcast hoặc các video theo hình thức phù hợp với trên nền tảng số. Kỹ nguyên truyền hình truyền thống được đặc trưng bởi mô hình truyền thông đại chúng một đến nhiều, nơi một sản phẩm phát sóng có thể tiếp cận đồng thời hàng triệu khán giả. Ngày nay, công chúng đã di chuyển và phân mảnh trên vô số nền tảng số khác nhau, từ mạng xã hội Facebook, YouTube, nền tảng video ngắn TikTok đến các kênh podcast. Mỗi nền tảng này lại có một “*ngữ pháp*”, một văn hóa và một tệp công chúng đặc thù. Do đó, nhà báo chính luận truyền hình không thể giữ tư duy sản xuất và

dẫn “*một sản phẩm cho mọi nền tảng*”. Khi được thể hiện trên sóng truyền hình dưới một vấn đề chính luận phức tạp dạng cuộc bình luận hay đàm thoại 30 phút, sẽ phải được chuyển đổi lại một cách sáng tạo cho các nền tảng khác. Theo Henry Jenkins (2006) [92] trong lý thuyết về “*văn hóa hội tụ*”, nội dung giờ đây phải chảy trên nhiều nền tảng truyền thông khác nhau. Điều này đòi hỏi nhà báo chính luận truyền hình không chỉ am hiểu về chính trị, biết lên kịch bản và dẫn dắt chương trình bình luận hay tọa đàm, mà còn phải là một chuyên gia về truyền thông số, hiểu biết về thói quen người dùng và các kỹ thuật kể chuyện đặc thù của từng nền tảng để đảm bảo thông điệp chính luận có thể tiếp cận và thấm thấu đến nhiều nhóm công chúng nhất có thể.

Có thể nói sự tích hợp và hội tụ kỹ năng là đặc điểm biến đổi mang tính cách mạng và không thể đảo ngược của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số. Sự chuyển dịch từ chuyên môn hóa sâu sang đa năng hóa toàn diện không đơn thuần là việc học thêm vài công cụ mới, mà là một sự thay đổi căn bản trong tư duy, vai trò và vị thế nghề nghiệp. NBCLTH không chỉ là những cây chính luận của các kênh truyền hình mà còn là những nhà sáng tạo nội dung đa nền tảng, chịu trách nhiệm cho toàn bộ vòng đời của thông điệp chính luận, từ khâu ý tưởng, sản xuất đến phân phối và tương tác. Đây là một thách thức to lớn, nhưng cũng là cơ hội để họ khẳng định vai trò không thể thiếu trong việc định hướng dư luận trên một mặt trận truyền thông rộng lớn và phức tạp hơn bao giờ hết. Môi trường truyền thông số đã áp đặt một sự thay đổi mang tính kiến tạo lại trong tư duy sản xuất của nhà báo chính luận truyền hình, buộc họ phải dịch chuyển từ logic “*chương trình*” sang logic “*nội dung*”. Năng lực mới này thể hiện ở khả năng tư duy sản xuất một cách phi tuyến tính, “*phá vỡ*” một chủ đề chính luận lớn thành các đơn vị thông tin vi mô, và triển khai một chiến lược phân phối đa nền tảng, lấy hành vi của công chúng mục tiêu làm trung tâm để tối ưu hóa hiệu quả định hướng. Rõ ràng trong môi trường truyền thông số, một nội dung chính luận dù sâu sắc đến đâu nhưng nếu không được phân phối một cách thông minh, có chủ đích, thì tầm ảnh hưởng của nó sẽ vô cùng hạn chế. Do đó, việc làm chủ các kỹ năng mới này chính là chìa khóa để nhà báo chính luận truyền hình có thể thực thi hiệu quả sứ mệnh định hướng dư luận trong bối cảnh truyền thông hiện đại. Cũng từ những phân tích về sự tác động và thay đổi nói trên đối với KNNN của NBCLTH trong MTTTS, tác giả có thể bước đầu đưa ra bộ KNNN của NBCLTH trong MTTTS như sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 1.4: Bộ KNNN của NBCLTH trong MTTTS

1.3. Những yêu cầu và tiêu chí đánh giá về kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số

Từ bộ KNNN của NBCLTH trong MTTTS được đề ra trong mục 1.2, tác giả tiếp tục phân tích về những yêu cầu cụ thể và tiêu chí đánh giá đối từng từng nhóm KNNN của NBCLTH trong MTTTS, nhằm làm căn cứ để tiến hành khảo sát thực trạng trong chương tiếp theo của luận án.

1.3.1. Kỹ năng nắm bắt dư luận và tương tác với công chúng trên MXH

Nắm bắt dư luận trên MXH không đơn thuần là việc đọc bình luận hay thống kê lượt xem, mà là quá trình phân tích hành vi truyền thông và tâm lý công chúng số dựa trên dữ liệu định tính và định lượng. Nhà báo chính luận truyền hình cần biết và thành thạo các công cụ phân tích xu hướng, từ khóa, cảm xúc, đồng thời hiểu được quy luật hình thành “điểm nóng dư luận” trong hệ sinh thái mạng.

Theo kết quả từ dự án “*Phát triển báo chí Việt Nam giai đoạn 2020-2024*”, việc trang bị kỹ năng số cho đội ngũ nhà báo được xác định là yếu tố then chốt giúp nâng cao năng lực nắm bắt dòng chảy thông tin xã hội. Các khóa tập huấn của Bộ Thông tin và Truyền thông đã nhấn mạnh rằng “*phóng viên không thể phản ánh đúng nếu không hiểu cách công chúng đang phản ứng*”, một nguyên tắc đặt nền móng cho kỹ năng phân tích dư luận thời kỹ thuật số.

Trong môi trường truyền thông số, nhà báo chính luận phải vận dụng kỹ năng tương tác không chỉ trên fanpage của kênh, mà cả trên các nền tảng cá nhân, nơi họ trở thành đại diện hình ảnh công chúng của thông tin chính luận. Báo cáo “Tập huấn kỹ năng tổ chức và vận hành tòa soạn hội tụ” của Quảng Ngãi TV (2025) nhấn mạnh: “*Kỹ năng tương tác công chúng không chỉ là phản hồi bình luận, mà là nghệ thuật duy trì niềm tin vào giá trị thông tin chuẩn mực trong không gian số*” [41].

Kỹ năng nắm bắt dư luận và tương tác với công chúng trên mạng xã hội là biểu hiện tập trung của năng lực truyền thông chính luận trong thời đại số. Từ góc độ khoa học báo chí, kỹ năng này đánh dấu sự dịch chuyển từ mô hình “*truyền thông một chiều*” sang “*truyền thông tương tác, đối thoại*”, mở ra hướng phát triển mới cho nghề báo chính luận Việt Nam: báo chí không chỉ nói cho công chúng nghe, mà còn lắng nghe để nói đúng, nói trúng, nói thuyết phục. Hơn thế nữa họ phải xây dựng được hình ảnh và uy tín cá nhân trên các nền tảng MXH để góp phần định hướng và bày tỏ quan điểm, đấu tranh chống lại các luận điệu sai trái thù địch.

Từ những phân tích trên có thể liệt kê một số biểu hiện và tiêu chí của kỹ năng này của NBCLTH cụ thể như sau:

- NBCLTH có các kênh nắm bắt dư luận với tư cách người dùng mạng xã hội, tham gia các nhóm, diễn đàn nhằm cập nhật, theo dõi để biết được một cách chính xác các vấn đề đang được quan tâm và những ý kiến của công chúng xung quanh vấn đề đó, từ đó lựa chọn được những đề tài chương trình dựa trên sự quan tâm và tranh luận của công chúng số.

- NBCLTH chủ động tạo diễn đàn thăm dò dư luận như khảo sát, bình chọn, đặt câu hỏi thảo luận trên các nền tảng số... để biết được sâu hơn vấn đề công chúng quan tâm, các câu hỏi đặt ra, quan điểm của công chúng, và dự báo tác động của vấn đề ..., từ đó sử dụng các thông tin phục vụ cho quá trình sáng tạo tác phẩm, bao gồm cả khâu chọn đề tài, lên ý tưởng, viết kịch bản, và tương tác công chúng.

- NBCLTH cần có kỹ năng phản hồi thường xuyên và trả lời và định hướng kịp thời đối với ý kiến của công chúng tại các diễn đàn tương tác trên nền tảng số. Đồng thời xử lý được các tình huống và sự cố có thể làm ảnh hưởng tới uy tín của nhà báo và đài truyền hình trong quá trình tương tác.

- NBCLTH cần biết xây dựng hồ sơ trên MXH với tư cách một nhà báo chính luận có tầm ảnh hưởng, tham gia đăng tải các nội dung phân tích, bình luận, bày tỏ quan điểm, góp phần định hướng dư luận và đấu tranh phản bác chống lại những thông

tin xấu độc, xuyên tạc.

- NBCLTH cũng cần biết ứng dụng các kỹ thuật SEO (Search Engine Optimization) tức là tối ưu hóa giúp nội dung của mình dễ dàng được tìm thấy trên các công cụ tìm kiếm.

1.3.2. Kỹ năng tìm kiếm, thu thập, thẩm định thông tin trên nền tảng số

Thứ nhất, thu thập thông tin trong thời đại số không còn giới hạn ở phỏng vấn trực tiếp hay tư liệu lưu trữ truyền thống, mà mở rộng sang không gian mạng xã hội (Google, Facebook, X, YouTube, TikTok, Instagram...), nơi dữ liệu được sản sinh liên tục và phi tập trung. Nhà báo phải có năng lực truy xuất, lọc và tổng hợp thông tin bằng các công cụ tìm kiếm nâng cao, từ thao tác từ khóa, truy vấn theo phạm vi thời gian, địa điểm, đến khai thác dữ liệu hình ảnh, video, đồ họa.

Thứ hai, quá trình sử dụng công cụ số không chỉ nhằm “tìm kiếm nhanh” mà còn để phát hiện vấn đề, xác lập các hướng tiếp cận mới cho chương trình chính luận. Theo Adornato (2023), “*kỹ năng sử dụng công nghệ di động và nền tảng số cho phép nhà báo dự báo và định hình câu chuyện ngay trong dòng dữ liệu công chúng*” [1, tr. 112].

Thứ ba, kỹ năng số của NBCLTH gắn liền với năng lực thẩm định thông tin. Trong bối cảnh lan truyền giả mạo, việc xác minh nguồn tin, kiểm chứng hình ảnh, dữ liệu và nhân vật là yêu cầu mang tính đạo đức nghề nghiệp. Đây là điểm phân biệt giữa nhà báo dữ liệu có trách nhiệm và người sử dụng mạng thông thường.

Từ những phân tích có thể liệt kê một số biểu hiện và tiêu chí đánh giá Kỹ năng này của NBCLTH trong MTTTS như sau:

-Kỹ năng thu thập thông tin bằng công cụ số

NBCLTH cần thành thạo các công cụ tìm kiếm chuyên sâu như Google Advanced Search, Google Lens, TinEye, Yandex Image Search, InVID (xác minh video), Crowdtangle (phân tích xu hướng Facebook)... Việc sử dụng các công cụ này không chỉ giúp mở rộng phạm vi nguồn tin mà còn rút ngắn quy trình thu thập, đặc biệt trong điều kiện tin tức diễn biến nhanh, đa nền tảng.

Ngoài ra, xu hướng tích hợp AI hỗ trợ nghiên cứu, như ChatGPT, Perplexity, Gemini hay công cụ ngữ nghĩa (Semantic Scholar, Connected Papers), giúp nhà báo truy vấn thông tin học thuật, so sánh nguồn dữ liệu và hệ thống hóa tư liệu phục vụ cho lập luận. Tuy nhiên, việc sử dụng các công cụ này phải tuân thủ nguyên tắc kiểm chứng chéo, không phụ thuộc hoàn toàn vào kết quả tự động.

- Kỹ năng thẩm định và xác minh thông tin

Thẩm định thông tin là giai đoạn trung tâm trong quy trình tác nghiệp chính luận. Nhà báo phải xác định độ tin cậy, tính xác thực và nguồn gốc dữ liệu trước khi sử dụng trong chương trình.

Các kỹ năng cơ bản gồm:

Kiểm tra nguồn gốc hình ảnh/video: sử dụng phần mềm truy ngược hình ảnh (Google Reverse Image, TinEye, FotoForensics) để xác định thời gian, địa điểm, thiết bị ghi hình; phát hiện hình ảnh bị chỉnh sửa hoặc tái sử dụng sai bối cảnh.

Kiểm chứng thông tin nhân vật: đối chiếu phát ngôn trên nhiều nền tảng, kiểm tra qua cơ quan báo chí chính thống hoặc hồ sơ tổ chức; tránh trích dẫn từ nguồn ẩn danh, nhóm kín.

Đối chiếu dữ liệu: so sánh thông tin với các báo cáo chính thức, cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành, hoặc tổ chức quốc tế; kiểm tra tính hợp lý giữa dữ kiện và ngữ cảnh.

Từ góc độ pháp lý, đạo đức, việc thẩm định không chỉ là kỹ thuật mà còn là biểu hiện của trách nhiệm chính luận. Sai sót trong xác thực dữ liệu không chỉ ảnh hưởng uy tín cá nhân, mà còn gây tổn hại tới niềm tin xã hội. Nhiều cơ quan báo chí hiện đã ban hành quy trình “bốn bước xác minh”, nguồn, ngữ cảnh, xác thực, trách nhiệm, như chuẩn bắt buộc trong quy trình phát sóng chính luận truyền hình.

- Kỹ năng nhận diện và tuân thủ bản quyền trong môi trường số

Trong không gian truyền thông số, mọi hành vi sử dụng thông tin, hình ảnh, video, đồ họa đều chịu sự điều chỉnh của pháp luật về sở hữu trí tuệ và bản quyền nội dung số. NBCLTH phải nắm vững Luật Sở hữu trí tuệ (2005, sửa đổi 2022), Luật Báo chí (2016), và các quy định về trích dẫn, dẫn nguồn, sử dụng hợp pháp tác phẩm.

Khi sử dụng tư liệu trực tuyến, nhà báo cần:

Xác minh nguồn gốc bản quyền của hình ảnh/video;

Liên hệ trực tiếp với chủ sở hữu nội dung hoặc cơ quan phát hành để xin phép;

Ghi rõ nguồn dẫn trong phóng sự, đồ họa hoặc phần mô tả chương trình;

Lưu lại văn bản cho phép sử dụng để chứng minh tính hợp pháp trong quá trình kiểm duyệt.

Theo Hà Nhung (2023), “chuyển đổi số báo chí không chỉ là câu chuyện công nghệ, mà còn là thách thức về chuẩn mực bản quyền và đạo đức sử dụng thông tin” (Báo Hà nội mới, 17/11/2023). Do đó, kỹ năng nắm bản quyền không chỉ giúp bảo vệ quyền tác giả mà còn thể hiện tinh thần tôn trọng tri thức và chuẩn mực pháp lý của nhà báo chính luận.

1.3.3. Kỹ năng sử dụng AI

Thứ ba, năng lực làm chủ AI đòi hỏi sự kết hợp giữa kiến thức công nghệ, năng lực thẩm định thông tin, bản lĩnh nghề nghiệp. Nhà báo chính luận phải hiểu cách AI tạo ra nội dung (AI-generated content), giới hạn của mô hình ngôn ngữ và các rủi ro về sai lệch dữ liệu, định kiến thuật toán (algorithmic bias), từ đó chủ động kiểm chứng, chỉnh sửa và chịu trách nhiệm về sản phẩm cuối cùng.

- Ứng dụng AI trong các công đoạn sản xuất chương trình

AI đang hỗ trợ nhà báo ở năm công đoạn chính:

Một là, tìm kiếm và phân tích dữ liệu:

Các công cụ như Google Bard, Bing Copilot, Perplexity AI, ChatGPT, Feedly AI, CrowdTangle AI Search giúp NBCLTH truy vấn thông tin, tổng hợp xu hướng dư luận, phân tích hành vi người xem và xác định chủ đề chính trị, xã hội nổi bật. Khác với tìm kiếm truyền thống, AI có thể xử lý ngôn ngữ tự nhiên, tổng hợp hàng nghìn nguồn trong vài giây, giúp phóng viên tiết kiệm thời gian trong khâu nghiên cứu.

Hai là, xây dựng ý tưởng và thảo kịch bản:

AI hỗ trợ NBCLTH khởi tạo dàn ý, đề xuất khung kịch bản hoặc cách triển khai nội dung theo cấu trúc logic, đồng thời cung cấp gợi ý về dữ kiện, nhân vật, hoặc góc nhìn mới. Tuy nhiên, kịch bản chính luận, vốn đòi hỏi lập luận chính trị và phân tích xã hội sâu sắc, chỉ có thể hoàn thiện bằng tư duy con người. Do đó, AI cần được xem là “trợ lý sáng tạo” chứ không thay thế vai trò “người viết tư tưởng”.

Ba là, sản xuất hình ảnh, đồ họa và video:

Công nghệ Generative AI (như Midjourney, Runway, D-ID, Synthesia, HeyGen, Kaiber) giúp tạo ra hình ảnh, đồ họa chuyên động, bản đồ số và clip mô phỏng để minh họa vấn đề phức tạp. Trong chương trình chính luận, các ứng dụng này có thể hỗ trợ thể hiện số liệu kinh tế, bản đồ địa chính trị hoặc tái hiện sự kiện lịch sử.

Bốn là, tự động hóa khâu biên tập và hậu kỳ:

AI có thể chấm tiếng, lọc tạp âm, đề xuất cắt ghép, thêm phụ đề, đồng thời hỗ trợ nhận diện ngữ điệu giọng đọc. Tuy nhiên, NBCLTH phải kiểm soát toàn bộ quá trình để bảo đảm tính biểu cảm, tính nhân văn và giọng điệu chính luận đặc thù của phát thanh, truyền hình cách mạng Việt Nam.

Năm là, phân tích phản hồi công chúng:

AI giúp thu thập, phân loại và đo lường mức độ tương tác, cảm xúc, chia sẻ của khán giả, từ đó NBCLTH có cơ sở điều chỉnh chiến lược truyền thông hoặc chọn

hướng phản biện phù hợp.

Như vậy, kỹ năng sử dụng AI của nhà báo không chỉ là thao tác kỹ thuật, mà là năng lực tích hợp công nghệ vào quy trình sáng tạo chính luận, đảm bảo hiệu quả thông tin mà không đánh mất chiều sâu tư tưởng.

- Kiểm soát và thẩm định nội dung do AI tạo ra

AI có thể gợi ý, tổng hợp và thậm chí “*sáng tác*” nội dung, nhưng độ chính xác luôn phụ thuộc vào dữ liệu gốc. Nếu không kiểm chứng, NBCLTH có thể vô tình sử dụng thông tin sai lệch, gây hậu quả nghiêm trọng trong lĩnh vực chính trị, xã hội.

Luôn minh bạch trong việc sử dụng hình ảnh do AI tạo ra, có chú thích rõ ràng “*hình ảnh minh họa, mô phỏng*”;

Theo Tập huấn kỹ năng tổ chức và vận hành tòa soạn hội tụ [39], “*AI chỉ hỗ trợ con người, không thể thay thế phán đoán đạo đức và trách nhiệm xã hội của nhà báo*”. Điều này khẳng định vai trò làm chủ công nghệ của NBCLTH là yếu tố quyết định chất lượng tư tưởng của tác phẩm.

Theo Hà Nhung (2023), “*báo chí thời đại số phải song hành giữa chuyển đổi công nghệ và chuẩn hóa đạo đức nghề nghiệp, nếu không, công nghệ sẽ tạo ra khủng hoảng niềm tin*” (Báo Hà nội mới, 17/11/2023) [42]. Nhận thức được giới hạn đạo đức là điều kiện tiên quyết để NBCLTH phát triển kỹ năng số bền vững.

Kỹ năng sử dụng AI trong sản xuất chương trình chính luận truyền hình không chỉ là năng lực kỹ thuật, mà là biểu hiện của trình độ tư duy chính luận hiện đại, nơi nhà báo biết kết hợp sức mạnh công nghệ với bản lĩnh chính trị và tri thức xã hội. Việc làm chủ AI giúp NBCLTH mở rộng năng lực sáng tạo, trực quan hóa thông tin, nâng cao tính thuyết phục của thông điệp; song quan trọng hơn, đó là khả năng kiểm soát, thẩm định, định hướng công nghệ phục vụ cho mục tiêu tuyên truyền và phát triển con người.

Nói cách khác, AI là công cụ, còn tư tưởng là linh hồn của báo chí chính luận. Khi nhà báo làm chủ được công cụ nhưng vẫn giữ vững bản lĩnh chính trị, họ không chỉ thích ứng với thời đại số, mà còn khẳng định vai trò tiên phong của báo chí cách mạng trong việc định hình nhận thức xã hội, bảo vệ chân lý và củng cố niềm tin nhân dân đối với Đảng và Nhà nước..

1.3.4. Kỹ năng sử dụng dữ liệu trong chương trình

Trong môi trường truyền thông, xây dựng kịch bản chương trình chặt chẽ đầy đủ lập luận và chứng cứ thuyết phục là một thước đo quan trọng đối với KNNN của NBCLTH. Trong MTTTS, NBCLTH cần nắm bắt được xu hướng báo chí dữ liệu, có

năng lực khai thác, phân tích và trực quan hóa dữ liệu để làm sáng tỏ vấn đề, củng cố lý lẽ và gia tăng sức thuyết phục của chương trình. Dữ liệu giúp chương trình không chỉ “*nói có căn cứ*” mà còn “*thấy được sự thật*”, biến thông tin thành tri thức có giá trị định hướng xã hội.

Theo Adornato (2023), “*nhà báo hiện đại phải biết sử dụng dữ liệu để kể chuyện, storytelling with data, bởi trong môi trường nhiều thông tin, con số có sức mạnh khôi phục niềm tin công chúng*” [1, tr. 148]. Trong chính luận truyền hình, dữ liệu giúp biến các khái niệm chính trị, xã hội trừu tượng thành hình ảnh cụ thể, dễ tiếp nhận.

Mặt khác, các báo cáo tập huấn của Bộ Thông tin và Truyền thông (2023) cũng khẳng định, kỹ năng dữ liệu là một tiêu chí nghề nghiệp bắt buộc trong hệ thống năng lực nhà báo số. NBCLTH phải không chỉ hiểu “*nội dung chính trị*” mà còn biết “*chứng minh chính trị bằng số liệu khách quan*” [6].

Một số biểu hiện và tiêu chí đánh giá Kỹ năng này của NBCLTH trong MTTTS như sau:

- Kỹ năng khai thác và phân tích dữ liệu

NBCLTH cần thành thạo các công cụ khai thác và phân tích dữ liệu phổ biến như Google Dataset Search, Data.gov.vn, Our World in Data, Statista, World Bank Data, cùng các bộ dữ liệu mở của các Bộ, ngành Việt Nam. Việc truy xuất và lọc dữ liệu theo thời gian, vùng miền, lĩnh vực giúp nhà báo nhận diện xu hướng, xác định nguyên nhân, hệ quả và đưa ra đánh giá có cơ sở khoa học.

- Kỹ năng trực quan hóa dữ liệu

Trực quan hóa dữ liệu là kỹ năng biến con số khô khan thành hình ảnh dễ hiểu, dễ nhớ. NBCLTH phải biết sử dụng biểu đồ, bản đồ, đồ thị, đồ họa động để minh họa cho các luận cứ trong chương trình chính luận. Một đồ thị xu hướng kinh tế, một bản đồ di cư lao động, hay sơ đồ so sánh chi ngân sách qua các năm đều giúp công chúng “*thấy*” vấn đề thay vì chỉ “*nghe*” diễn giải.

Theo chương trình tập huấn Tổ chức và vận hành tòa soạn hội tụ [39], “*đồ họa dữ liệu không chỉ là minh họa, mà là cách kể chuyện bằng chứng cứ*”. Chính luận truyền hình khi được hỗ trợ bởi các hình thức thể hiện trực quan sẽ giảm tải khối lượng lời dẫn, tăng tính khách quan và giúp công chúng hình thành nhận thức nhanh hơn.

Kỹ năng sử dụng dữ liệu trong chương trình chính luận truyền hình là năng lực kết hợp giữa tư duy khoa học, công nghệ và chính luận. Khi NBCLTH biết thu thập, phân tích và trực quan hóa dữ liệu một cách có chọn lọc, họ không chỉ nâng cao chất

lượng lập luận mà còn làm giàu thêm năng lực phản biện, giúp thông tin chính luận vượt qua giới hạn tuyên truyền để trở thành minh chứng khoa học cho chân lý xã hội.

Dữ liệu, khi được vận dụng đúng, trở thành “*ngôn ngữ mới*” của chính luận, giúp báo chí cách mạng Việt Nam thuyết phục công chúng bằng tri thức, không chỉ bằng cảm xúc hay khẩu hiệu. Đó cũng chính là biểu hiện của một nhà báo chính luận hiện đại: có bản lĩnh chính trị, có tư duy dữ liệu, và có trách nhiệm xã hội cao.

1.3.5. Kỹ năng ghi hình, xử lý video bằng điện thoại di động

Trong môi trường truyền thông số, điện thoại di động không chỉ là phương tiện giao tiếp, mà đã trở thành thiết bị tác nghiệp cơ bản của nhà báo hiện đại. Đối với NBCLTH, việc sử dụng điện thoại để ghi hình, dựng và xuất bản video là một kỹ năng quan trọng, giúp tăng tính linh hoạt, giảm chi phí sản xuất và phản ứng nhanh với các sự kiện chính trị, xã hội đang diễn ra.

Mặt khác, công nghệ quay và dựng trên điện thoại hiện nay có chất lượng cao, tích hợp phần mềm chỉnh màu, chèn phụ đề, đồ họa và hiệu ứng. Điều đó giúp nhà báo sản xuất nhanh, chuẩn xác, và phù hợp định dạng đa nền tảng, đặc biệt với các chuyên mục chính luận ngắn, phóng sự phân tích hoặc bình luận chính trị, xã hội trên mạng xã hội.

NBCLTH cần nắm vững hai nhóm kỹ năng chính:

- Một là, kỹ năng ghi hình bằng điện thoại di động:

Biết sử dụng thiết bị ở các chế độ thủ công (manual), lựa chọn khung hình, bố cục, ánh sáng, góc quay phù hợp; sử dụng micro rời, chân máy và đèn hỗ trợ để đảm bảo chất lượng hình ảnh, âm thanh. Trong tác nghiệp chính luận, nhà báo phải tuân thủ nguyên tắc: hình ảnh không chỉ “đẹp” mà phải “chân thực, có giá trị thông tin và minh chứng lập luận”.

- Hai là, kỹ năng dựng và xử lý video trên điện thoại:

Sử dụng thành thạo các phần mềm dựng chuyên dụng như CapCut, để cắt ghép, chèn logo, đồ họa, phụ đề và thuyết minh. NBCLTH cần bảo đảm tốc độ xử lý nhanh nhưng vẫn duy trì độ chính xác về ngữ cảnh, lời bình và thông điệp chính trị của chương trình.

Bên cạnh đó, kỹ năng xuất bản video trực tiếp từ điện thoại lên nền tảng số (YouTube, Facebook, X, TikTok) giúp nhà báo đưa thông tin chính luận đến công chúng kịp thời, đồng thời giám sát phản hồi dư luận tức thì, yếu tố quan trọng trong công tác định hướng xã hội.

Kỹ năng ghi hình và xử lý video bằng điện thoại di động là biểu hiện cụ thể của

năng lực tác nghiệp linh hoạt và hội tụ của NBCLTH. Khi làm chủ công nghệ di động, nhà báo có thể phản ứng nhanh, kể chuyện trực quan và lan tỏa thông tin chính luận đến mọi đối tượng công chúng. Quan trọng hơn, đây là cách giúp báo chí chính luận giữ vững tính chiến đấu, kịp thời và nhân văn trong kỷ nguyên truyền thông di động, nơi hình ảnh và tốc độ trở thành công cụ định hình nhận thức xã hội.

1.3.6. Kỹ năng kết nối và tiến hành các cuộc phỏng vấn online

Phỏng vấn là một trong những kỹ năng cơ bản, đặc trưng của các chương trình chính luận truyền hình, đặc biệt là trong các chương trình đàm thoại. Trong MTTTS, kỹ năng kết nối và phỏng vấn online trở thành yêu cầu tất yếu, giúp NBCLTH mở rộng phạm vi khai thác nguồn tin, tiếp cận chuyên gia trên toàn cầu, và duy trì tính thời sự, tương tác, đa chiều của chương trình, ngay cả khi điều kiện không cho phép ghi hình trực tiếp tại trường quay.

Theo Sedorkin và Forbes (2023), *“phỏng vấn trong báo chí hiện đại không chỉ là nghệ thuật đặt câu hỏi, mà còn là kỹ năng tổ chức tương tác hiệu quả giữa người dẫn và nhân vật trong mọi không gian truyền thông”* [62, tr. 56].

- Với NBCLTH, kỹ năng kết nối trực tuyến không chỉ nhằm tiết kiệm chi phí hay thời gian, mà quan trọng hơn là mở rộng *“biên độ tri thức”* của chương trình, tạo điều kiện để nhiều tiếng nói học thuật, chính trị và xã hội cùng tham gia phản biện chính sách, định hướng dư luận.

Ngoài ra, trong bối cảnh hội tụ truyền thông, việc sử dụng các nền tảng trực tuyến như Zoom, Google Meet, Microsoft Teams... giúp chương trình chính luận duy trì tính linh hoạt, đảm bảo kết nối đa điểm cầu, đa khung hình, tạo cảm giác đồng thời giữa *“truyền hình truyền thống”* và *“không gian số”*.

-Xây dựng mạng lưới khách mời và chuyên gia số

NBCLTH cần chủ động xây dựng mạng lưới chuyên gia đa lĩnh vực trên nền tảng số, bao gồm các nhà nghiên cứu, chính trị gia, nhà quản lý, học giả, nhà báo quốc tế, để phục vụ cho các chương trình tọa đàm, bình luận, phân tích chính trị, kinh tế, xã hội. Việc liên hệ, trao đổi, đặt lịch, và thỏa thuận phỏng vấn có thể tiến hành qua thư điện tử, nền tảng mạng xã hội nghề nghiệp (LinkedIn, X, Facebook), hoặc qua các cơ quan đại diện báo chí, ngoại giao.

Đây không chỉ là kỹ năng tổ chức mà còn thể hiện năng lực quan hệ công chúng chuyên nghiệp của nhà báo chính luận, người có khả năng huy động tri thức xã hội vào quá trình phản biện và định hướng truyền thông.

Theo *Tập huấn kỹ năng tổ chức và vận hành tòa soạn hội tụ* [39], việc “*ứng dụng công nghệ để duy trì tương tác trực tiếp giữa nhà báo và chuyên gia ở nhiều không gian khác nhau chính là cách mở rộng tầm nhìn xã hội của chương trình chính luận truyền hình*”.

Kỹ năng kết nối và phỏng vấn online của NBCLTH là biểu hiện sinh động của năng lực hội tụ giữa công nghệ, giao tiếp và tư duy chính luận. Khi làm chủ công cụ kỹ thuật và phương pháp đối thoại trực tuyến, nhà báo không chỉ mở rộng biên độ tiếp cận thông tin, mà còn tạo dựng một không gian phản biện công khai, minh bạch, đa chiều, góp phần nâng cao chất lượng và tầm ảnh hưởng của chương trình chính luận truyền hình.

Sự kết hợp hài hòa giữa trí tuệ con người, công nghệ số và bản lĩnh chính trị trong phỏng vấn online sẽ giúp nhà báo hiện đại đưa chính luận truyền hình Việt Nam tiến gần hơn tới chuẩn mực báo chí quốc tế mà vẫn giữ trọn tính định hướng, nhân văn và cách mạng.

1.3.7. Kỹ năng dẫn chương trình phù hợp với công chúng số

Trong môi trường truyền thống, NBCLTH cần nắm vững kỹ năng làm chủ không gian trường quay và dẫn chương trình, truyền tải thông điệp mang tính thuyết phục và lay động công chúng. Trong MTTTS, NBCLTH cần đổi mới phong cách dẫn để phù hợp với công chúng số. Một số biểu hiện và tiêu chí đánh giá kỹ năng này như sau:

- Trước hết NBCLTH cần thay đổi phong cách dẫn mang tính chất đối thoại nhiều hơn là giảng giải, thể hiện qua việc sử dụng ngôn ngữ “*ứng khẩu*”, bớt lệ thuộc vào kịch bản soạn sẵn [49]. Đồng thời có ngôn ngữ cơ thể linh hoạt để tạo mối quan hệ gần gũi và bình đẳng với khán giả.

- NBCLTH không chỉ biết dẫn chương trình bình luận hay đàm luận truyền hình, mà còn cần biết dẫn các nội dung chính luận đa phương tiện và trên đa nền tảng như phát thanh, podcast, ...NBCLTH cũng có thể thực hiện livestream về các nội dung chính luận trên các nền tảng số khi cần thiết.

Trong MTTTS với những xu hướng làm báo hiện đại tác động khiến các NBCLTH hơn ai hết phải đổi mới và tận dụng tối đa những thành tựu của truyền thông số đưa vào kỹ năng nghề nghiệp của mình để thực hiện tốt nhiệm vụ trong bối cảnh mới. Trong đó có những kỹ năng mới như sử dụng MXH, làm việc bằng AI, nhưng kết hợp và nâng cao hiệu quả của những kỹ năng nghề nghiệp truyền thống. Hay nói cách khác NBCLTH cũng phải số hóa các kỹ năng nghề nghiệp của mình.

Tiểu kết chương 1

Chương I “Cơ sở lý luận liên quan tới kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số” đã đặt nền tảng khoa học cho việc nhận diện, phân tích và hệ thống hóa các vấn đề lý luận cốt lõi liên quan đến KNNN của NBCLTH trong bối cảnh truyền thông hiện đại. Trên cơ sở kế thừa những kết quả nghiên cứu đi trước, kết hợp với quan sát thực tiễn hoạt động báo chí truyền hình ở Việt Nam, chương I đã khái quát được một cách rõ ràng khung khái niệm, hệ lý thuyết và định hướng nghiên cứu cho những phần khảo sát và ứng dụng tiếp theo.

Trước hết, về phương diện lý luận khái niệm, tác giả đã tiến hành thao tác hóa và chuẩn hóa các khái niệm nền tảng: kỹ năng, nghề nghiệp, kỹ năng nghề nghiệp, nhà báo, chính luận, truyền hình, chính luận truyền hình, nhà báo chính luận truyền hình, môi trường truyền thông số. Các khái niệm này được xem xét trong mối quan hệ biện chứng giữa năng lực nghề nghiệp và điều kiện truyền thông mới, thể hiện sự thích ứng của báo chí chính luận với bối cảnh hội tụ công nghệ. Trên cơ sở những khái niệm cơ bản này tạo nên một trường nhận thức rõ ràng về khái niệm trung tâm, đó là KNNN của NBCLTH trong MTTTS.

Thứ hai, về nội dung trọng tâm, trong chương này tác giả đã phân tích những thay đổi và tác động trong MTTTS đối với KNNN của NBCLTH, qua đó giúp hình thành Bộ KNNN của NBCLTH trong MTTTS.

Từ đó trong chương I cũng đã phân tích cơ sở và liệt kê những yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể đối với từng nhóm kỹ năng nghề nghiệp của NBCLTH trong MTTTS. Đó là các nhóm những thao tác hành động của nhà báo trong quá trình sản xuất chương trình chính luận TH đã thay đổi và thích ứng trong MTTTS, phản ánh toàn bộ tiến trình sáng tạo báo chí trong môi trường số: kỹ năng nắm bắt dư luận và tương tác công chúng số; kỹ năng thu thập, thẩm định, xử lý thông tin trên nền tảng số; kỹ năng khai thác dữ liệu và trực quan hóa thông tin; kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và thiết bị di động trong sản xuất chương trình; kỹ năng tổ chức phỏng vấn trực tuyến. Những kỹ năng này vừa là tiêu chí năng lực nghề nghiệp, vừa là thước đo bản lĩnh và tư duy chính luận của nhà báo hiện đại.

Đây là những cơ sở lý luận nền tảng được xây dựng để tiếp tục triển khai các bước nghiên cứu tiếp theo: khảo sát thực trạng kỹ năng nghề nghiệp của NBCLTH tại các đài truyền hình trung ương và địa phương; xác định các hạn chế, khoảng trống kỹ năng; và đề xuất mô hình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số báo

chí. Đây là hướng tiếp cận mang tính hệ thống, kết hợp giữa phân tích lý luận, đánh giá thực tiễn và định hướng chính sách truyền thông. Đây chính là tiền đề để tiến hành khảo sát thực trạng, phân tích tác động của môi trường truyền thông số đến KNNN của nhà báo chính luận truyền hình Việt Nam, qua đó đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực báo chí, phục vụ công cuộc chuyển đổi số quốc gia và phát triển nền báo chí nhân văn, hiện đại, chuyên nghiệp.

Chương 2

THỰC TRẠNG KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP CỦA NHÀ BÁO CHÍNH LUẬN TRUYỀN HÌNH TRONG MÔI TRƯỜNG TRUYỀN THÔNG SỐ

2.1. Khái quát về các kênh truyền hình trong phạm vi khảo sát

2.1.1. Kênh truyền hình VTV1

Căn cứ theo giấy phép của Bộ Thông tin và Truyền thông cấp năm 2020, kênh Truyền hình VTV1 là một kênh thuộc Đài Truyền hình Việt Nam, có tên là Kênh Thời sự- Chính trị tổng hợp. Mục đích của kênh là thực hiện chức năng báo hình, là phương tiện truyền thông đại chúng thiết yếu đối với đời sống xã hội, là cơ quan ngôn luận của Đảng, Nhà nước, là diễn đàn của Nhân dân. Kênh VTV1 hoạt động theo tôn chỉ mục đích là: Thông tin tuyên truyền chủ trương chính sách đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thông tin về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng và các vấn đề quan trọng của đất nước. VTV1 cũng là kênh đầu tiên và có lịch sử ra đời sớm nhất trong các kênh của Đài Truyền hình Việt Nam, được phát sóng từ ngày 7/9/1970. Nếu ví Đài THVN như một tờ báo thì kênh VTV1 chính là trang nhất, với nòng cốt là hệ thống gần 20 các bản tin thời sự được phát trực tiếp và liên tục, cùng các chuyên mục chính luận và phim tài liệu. Các chương trình chính luận truyền hình trên kênh VTV1 luôn được đánh giá cao về chất lượng cũng như tính định hướng dư luận. Trong đó có các chương trình đã được xây dựng và phát sóng nhiều năm như *Vấn đề hôm nay*, *Sự kiện và Bình luận*, *Thế giới toàn cảnh*, *Đối diện*, *Tiêu điểm kinh tế*... Các chương trình chính luận truyền hình đều có thời lượng dài từ 20 phút như *Vấn đề hôm nay* đến 60 phút như *Tiêu điểm kinh tế*. Có chương trình được phát sóng hàng ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu như *Vấn đề hôm nay*, nhưng phần nhiều là phát sóng hàng tuần vào một ngày cố định như *Sự kiện và Bình luận* phát sóng sáng thứ Bảy hàng tuần, hay *Toàn cảnh thế giới* phát sóng sáng Chủ nhật hàng tuần. Một số chương trình chính luận phát một số/ tháng như *Đối diện*, *Tiêu điểm kinh tế*. VTV1 cũng là nơi quy tụ nhiều gương mặt nhà báo chính luận truyền hình nổi tiếng và có uy tín ... Đáng chú ý là các chương trình chính luận truyền hình trên VTV1 đều do Ban Thời sự sản xuất, và hầu hết được phát sóng trực tiếp. Điều đó có nghĩa là các nhà báo chính luận truyền hình đều có kỹ năng dẫn dắt các chương trình bình luận và tọa đàm trực tiếp. Đây là yêu cầu khó hơn, đòi hỏi nhà báo chính luận truyền hình không chỉ có năng lực sản xuất và dẫn dắt các nội dung chính luận truyền hình, mà còn có năng lực phản ứng nhanh nhạy, chắc chắn và chính xác trong các chương trình được phát sóng trực tiếp.

**Bảng 2.1 Các chương trình THCL khảo sát trên VTV1
trong thời gian từ 1/2023- 1/2025**

Chương trình	Thời gian phát	Thời lượng	NBCLTH	Hình thức phát sóng	Nội dung chính
Vấn đề hôm nay	22h10 Hàng ngày trừ T7, CN	20 phút	Nữ 42 tuổi Nữ 39 tuổi Nữ 39 tuổi Nam 37 tuổi Nam 40 tuổi	Trực tiếp VTV1	Đàm thoại về chủ đề thời sự trong nước nổi bật trong ngày
Sự kiện & Bình luận	9h15 sáng Thứ Bảy hàng tuần	30 phút	Nam 42 tuổi Nữ 43 tuổi Nữ 37 tuổi	Trực tiếp VTV1	Đàm thoại về chủ đề thời sự trong nước nổi bật trong tuần
Toàn cảnh thế giới	9h15 sáng Chủ nhật hàng tuần	30 phút	Nữ 49 tuổi Nam 38 tuổi Nam 35 tuổi	Trực tiếp VTV1	Đàm thoại về chủ đề thời sự quốc tế nổi bật trong tuần
Đối diện	20h10 tối Thứ Tư cuối tháng	30 phút	Nam 40 tuổi	Ghi băng	Bình luận phản bác thông tin xấu độc và luận điệu xuyên tạc
Tiêu điểm kinh tế	20h35 phút thứ Tư cuối tháng	22 phút	Nữ 49 tuổi	Ghi băng	Bình luận mang tính phản biện về vấn đề kinh tế nổi bật

2.1.2. Kênh truyền hình HTV9 của Đài TH TP HCM

Đài Truyền hình thành phố Hồ Chí Minh (HTV) là cơ quan báo chí, kênh thông tin tuyên truyền quan trọng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố. HTV9 là một trong hai kênh truyền hình đầu tiên của Đài HTV, với chức năng là kênh thông tin tổng hợp, thực hiện nhiệm vụ thông tin tuyên truyền các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tình hình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, hoạt động đối ngoại của thành phố và đất nước; cung cấp các chương trình văn hóa, văn nghệ, khoa học, giáo dục, y tế, xã hội phục vụ đời sống văn hóa tinh thần, chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân. Với chức năng như trên, HTV9 là kênh phát sóng nhiều chương trình tin tức đa dạng và các chương trình truyền hình chính luận. Các chương trình này được đầu tư nguồn lực và được xếp phát sóng vào các khung giờ quan trọng trên kênh HTV9. Hai đơn vị chủ lực sản xuất các chương trình này là Trung tâm Tin tức và Ban Chuyên đề, với những nhà báo chính luận tiêu biểu của HTV đảm trách dẫn chương trình. Mặc dù vậy số đầu mũ chương trình chính luận truyền hình được phát sóng định kỳ trên kênh HTV9 không nhiều. Có thể kể đến

hai chương trình phát sóng hàng tuần là *Góc nhìn HTV* và *Người trong cuộc*. Ngoài việc phát sóng trên các kênh HTV9, các chương trình chính luận của Đài HTV còn được sản xuất để phát trên hạ tầng nội dung số (Facebook, Youtube) để phục vụ nhu cầu đa dạng của các nhóm đối tượng khán giả.

Bảng 2.2 Các chương trình THCL khảo sát trên HTV9

trong thời gian từ 1/2023- 1/2025

Chương trình	Phát lần đầu	Thời lượng	NBCLTH	Hình thức phát sóng	Nội dung chính
Góc nhìn HTV	20h45 tối thứ Sáu hàng tuần	15 phút	Nữ 34 tuổi Nam 35 tuổi Nữ 36 tuổi Nữ 35 tuổi	Ghi băng	Bình luận xen kẽ Đàm thoại về chủ đề thời sự nổi bật trong tuần, ưu tiên của TP HCM
Người trong cuộc	14h30 Thứ Sáu hàng tuần	20 phút	Nữ 42 tuổi Nữ 41 tuổi Nam 39 tuổi Nam 34 tuổi	Ghi băng	Băng xen kẽ Đàm thoại phân tích và làm rõ giải pháp đối với các vấn đề đang được xã hội quan tâm.

2.1.3. Kênh truyền hình NTV của Đài PTTH Nghệ An (từ tháng 6/2025 là Báo và Đài PTTH Nghệ An)

Kênh truyền hình NTV thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình Nghệ An (NTV), sau này là Báo và Đài PTTH Nghệ An, là một trong những đài truyền hình địa phương tiêu biểu ở miền Trung của Việt Nam. NTV chính thức phát sóng từ năm 1977, với nhiệm vụ ban đầu là phục vụ nhu cầu thông tin, giải trí và tuyên truyền chính sách của Đảng và Nhà nước đến người dân tỉnh Nghệ An. Trải qua hơn 4 thập kỷ, NTV đã không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng nội dung và kỹ thuật, trở thành kênh truyền hình uy tín, được đông đảo khán giả đón nhận.

Từ những ngày đầu phát sóng với điều kiện còn nhiều khó khăn, NTV đã dần khẳng định vị thế bằng việc xây dựng các chương trình tin tức, chính luận, văn hóa, xã hội đặc sắc, phản ánh chân thực đời sống người dân trong tỉnh. Mặc dù là kênh truyền hình duy nhất của Đài PTTH Nghệ An (sau này là Báo và Đài PTTH Nghệ An) song NTV dành nhiều thời lượng và khung giờ tốt cho các bản tin thời sự và chương trình chính luận. Nổi bật trong số đó là hai chương trình *Bàn tròn thế sự* và *Đối thoại cùng chúng tôi* do đội ngũ các nhà báo chính luận ở Phòng Thời sự và Phòng Chuyên đề của đơn vị đảm nhận. Đây là hai chương trình phát sóng định kỳ mỗi tháng một số, tuy nhiên cũng có thể nhiều số hơn tùy theo sự kiện được quan tâm. Thời lượng các chương trình cũng có thể kéo dài hơn bình thường tùy thuộc vào mức độ quan tâm của công chúng. Đặc biệt cả hai chương trình này đều phát sóng trực tiếp trên kênh NTV, điều

rất hiếm có đối với các báo đài địa phương. Hơn thế nữa các chương trình này còn phát live trên các nền tảng số của đơn vị. Từ đó nhận được sự quan tâm và tương tác tích cực của công chúng ở trong và ngoài tỉnh. NTV cũng tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ hiện đại, chuyển đổi số để nâng cao chất lượng phát sóng và đa dạng hóa hình thức truyền tải. Đây cũng là kênh truyền hình được đánh giá đạt mức xuất sắc về chuyển đổi số, căn cứ theo bộ tiêu chí của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành năm 2023 và 2024.

Bảng 2. 3 Các chương trình THCL khảo sát trên NTV từ 1/2024- 1/2025

Chương trình	Thời gian phát	Thời lượng	NBCLTH	Hình thức phát sóng	Nội dung chính
Bàn tròn thể sự	21h20 tối thứ Sáu cuối tháng	30 phút hoặc hơn	Nữ 42 tuổi	Trực tiếp NTV và live trên kênh youtube NgheanTV, FP Truyền hình Nghệ an	Đàm thoại về chủ đề thời sự quốc tế nổi bật
Đổi thoại cùng chúng tôi	20h15 tối thứ Năm thứ hai của tháng	30 phút hoặc hơn	Nam 47 tuổi Nữ 49 tuổi Nữ 32 tuổi	Trực tiếp NTV và live trên kênh youtube NgheanTV, FP Truyền hình Nghệ An	Đàm thoại về chủ đề thời sự nổi bật của tỉnh

2.2. Thực trạng kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số

Dựa trên kết quả nghiên cứu cơ sở lý luận tại chương 1, tác giả đã đưa ra những yêu cầu và tiêu chí đánh giá KNNN của NBCLTH trong MTTTS. Trên cơ sở đó, tác giả đã khảo sát, phân tích và đánh giá 7 nhóm kỹ năng nghề nghiệp của các NBCLTH trong MTTTS tại kênh VTV1, kênh HTV9 và kênh NTV trong thời gian nghiên cứu, bao gồm: Kỹ năng nắm bắt dư luận và tương tác với công chúng số; Kỹ năng thu thập thông tin, tư liệu trên nền tảng số; Kỹ năng sử dụng AI; Kỹ năng sử dụng dữ liệu; Kỹ năng xử lý video bằng điện thoại di động; Kỹ năng kết nối và phỏng vấn online; Kỹ năng dẫn chương trình phù hợp với công chúng số.

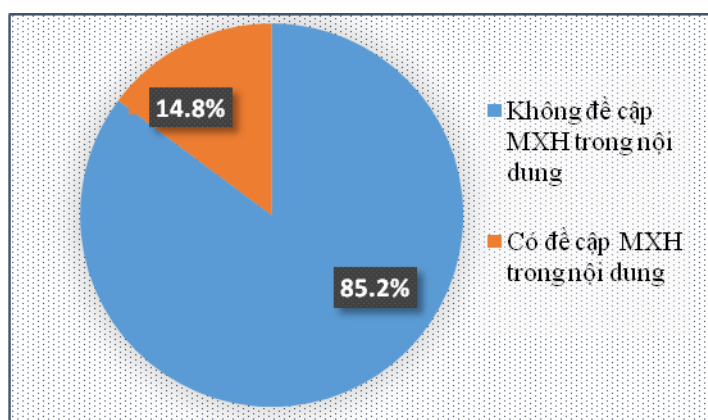
2.2.1. Kỹ năng nắm bắt dư luận và tương tác với công chúng trên MXH

2.2.1.1. Kỹ năng nắm bắt dư luận

Một trong những yêu cầu và tiêu chí đối với KNNN của NBCLTH trong MTTTS là biết nắm bắt dư luận với tư cách người dùng mạng xã hội, tham gia các nhóm, diễn đàn nhằm cập nhật, theo dõi để biết được các vấn đề đang được quan tâm và những ý kiến của công chúng xung quanh vấn đề đó, từ đó lựa chọn được những đề tài chương trình dựa trên sự quan tâm của công chúng số.

- Trong các phỏng vấn sâu, trả lời câu hỏi “Ông/bà đánh giá như thế nào về vai trò của việc nắm bắt dư luận trên MXH trong việc lựa chọn đề tài và xây dựng nội dung chương trình chính luận truyền hình?”, tất cả các NBCLTH đều nhận định công việc này có vai trò quan trọng hoặc rất quan trọng đối với NBCLTH và giúp nâng cao chất lượng các chương trình CLTH. “Việc lắng nghe và phân tích dư luận trên MXH đóng vai trò quan trọng trong quá trình lựa chọn đề tài và xây dựng nội dung chương trình CLTH, giúp chúng ta bắt xu hướng và mối quan tâm của công chúng, xác định góc tiếp cận phù hợp, tăng tính tương tác và hiệu quả truyền thông. Việc lắng nghe sớm giúp chương trình chính luận phát hiện và phản ứng kịp thời, thể hiện vai trò định hướng dư luận đúng đắn, kiểm soát và xử lý thông tin sai lệch”. (Trích PVS 01, NBCLTH HTV9). “Điều này giúp các chương trình chính luận sẽ đạt được tiêu chí trúng, đúng. Tức là nói trúng được những nhu cầu, giải tỏa tâm tư của cộng đồng..” (Trích PVS 18 NBCLTH VTV1). “MXH là nguồn thông tin phong phú... giúp người làm báo nắm bắt được nhiều góc nhìn, khía cạnh khác nhau của một vấn đề, từ đó có cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn... người làm báo có thể phát hiện ra những vấn đề được xã hội quan tâm, từ đó lựa chọn được những đề tài phù hợp” (Trích PVS 03 NBCLTH HTV9).

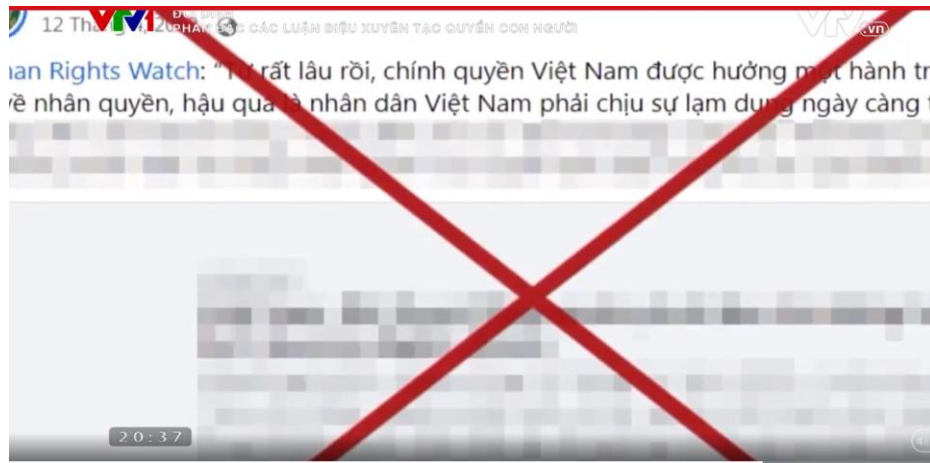
- Tuy nhiên qua khảo sát thực trạng các chương trình CLTH tại kênh VTV1, HTV9 và NTV lại cho thấy số lượng các chương trình CLTH có nội dung đề cập tới dư luận trên MXH (thông qua tit, lời dẫn, phóng sự, tọa đàm, bảng chữ..) khá ít, chỉ chưa tới 15%. Trong đó chủ yếu rơi vào các chương trình phát sóng trực tiếp như *Vấn đề hôm nay* của VTV1, *Bàn tròn thế sự* của NTV, và chương trình *Đối diện* của VTV1 là chương trình có nhiệm vụ phản bác trực diện các thông tin xấu độc và luận điệu xuyên tạc trên MXH.



Biểu đồ 2.1. Các chương trình CLTH có nội dung liên quan tới dư luận trên MXH

Điều này cho thấy đối với Kỹ năng nắm bắt dư luận MXH của các NBCLTH có

khoảng cách lớn giữ việc nhận thức về tầm quan trọng và thực tế áp dụng và thể hiện trong chương trình. Đối với vấn đề này, một số NBCLTH lý giải dư luận MXH quan trọng nhưng không mang ý nghĩa quyết định trong việc lựa chọn đề tài: “*Tôi thường bắt đầu với thông tin mang tính chính thống hơn như từ các phóng viên phụ trách các lĩnh vực, hệ thống các cổng thông tin điện tử... để xác quyết rằng vấn đề đó có thực, chính xác hay không. Sau đó giữa nhiều lựa chọn, MXH mới là thước đo xem vấn đề này được dư luận quan tâm nhiều hơn.*” (Trích PVS 17 NBCLTH). Một số nhà báo bày tỏ thái độ thận trọng với dư luận MXH: “*Cần cẩn thận trong sàng lọc, kiểm chứng xác thực thông tin để tránh chạy theo hiệu ứng đám đông hoặc tin giả*” (Trích PVS 15 NBCLTH); “*với tính chất phức tạp của MXH, nên chỉ coi đây là nguồn tham khảo, ... còn chương trình chính luận vẫn phải bám theo nguồn thông tin chính thống từ các đơn vị và cá nhân có uy tín*” (Trích PVS 10 NBCLTH).



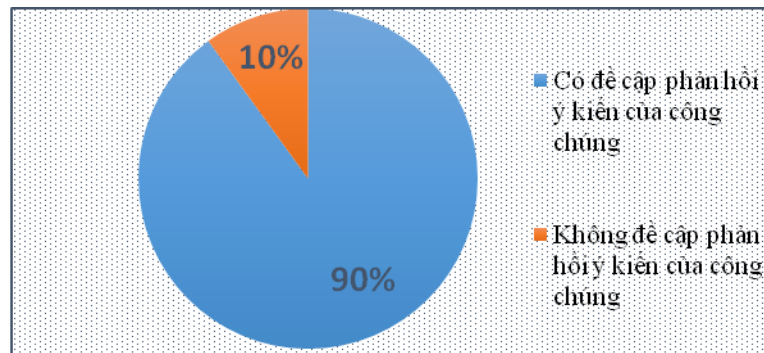
Hình 2.1 : Chương trình Đối diện tháng 4/2024 “Phản bác các luận điệu xuyên tạc quyền con người”

Trong số 14.8% số chương trình có đề cập tới dư luận trên MXH có các chương trình thuộc mũ *Vấn đề hôm nay* (kênh VTV1), *Đối diện* (VTV1) và *Bàn tròn thế sự* (NTV). Điểm chung của các chương trình này là có tính phản biện cao. Trong đó chương trình *Vấn đề hôm nay* và *Bàn tròn thế sự* là thực hiện theo phương thức phát sóng trực tiếp (live), đề cập tới các chủ đề thời sự chính trị trong nước và quốc tế đang được dư luận quan tâm dưới những góc nhìn đa chiều. Tuy nhiên chương trình *Đối diện* là trường hợp đặc biệt hơn cả với tỷ lệ 100% chương trình đề cập và phân tích dư luận MXH. Bởi lẽ đối tượng nghiên cứu và phân tích của chương trình này chính là các luồng dư luận trên MXH, để làm rõ đúng sai, đấu tranh trực diện phản bác các thông tin xấu độc, luận điệu sai trái thù địch, đồng thời chứng minh và lan tỏa các luận cứ để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Chương trình *Đối diện* chủ đề “Phản bác các luận điệu xuyên tạc quyền con người” tháng 4 năm 2024 đã phản bác các luận điệu phát tán

trên MXH bôi nhọ về quyền con người ở Việt Nam. Các nhà báo chính luận truyền hình thực hiện chương trình đã chỉ ra những thông tin vô căn cứ trên MXH, phân tích động cơ của những kẻ phát tán thông tin này và đề ra các chứng cứ, lập luận xác đáng để phản bác một cách trực diện và mạnh mẽ.

2.2.1.2. Phản hồi thường xuyên và kịp thời đối với ý kiến của công chúng số

Trong 700 chương trình được khảo sát chỉ có 70 chương trình có đề cập và phản hồi ý kiến của công chúng trong lời dẫn hoặc đàm thoại, phóng sự, và các hình thức khác.



Biểu đồ 2.2: Các chương trình CLTH có đề cập phản hồi ý kiến của công chúng

Cũng theo khảo sát, các kênh MXH của các đài truyền hình khi đăng tải lại các nội dung chương trình chính luận hầu hết đều tắt tính năng bình luận, không tạo cơ hội cho việc tương tác với công chúng.

Một nhà báo của HTV9 cho biết: “Tôi đang dừng lại ở việc đưa link lên trang youtube của đơn vị, thỉnh thoảng có sinh viên thực tập giúp đưa giới thiệu ngắn lên FB... nhóm sinh viên thực tập khoảng 3 tháng thì thay nhóm mới, chính biên tập cũng không biết hết đường đi tác phẩm của mình... Thỉnh thoảng tôi xem qua sản phẩm của mình được bao nhiêu lượt view, nhưng hiếm có thời gian trả lời comment về bài của mình.” (PVS 05 NBCLTH).

Các ý kiến trả lời phỏng vấn sâu đều nêu một trong những thách thức khi tương tác với công chúng trên nền tảng số là quản lý phản hồi tiêu cực. “Các ý kiến trái chiều có thể lan truyền nhanh chóng, ảnh hưởng đến chương trình” (PVS07 NBCLTH HTV9). “Chúng tôi từng gặp phải những bình luận tiêu cực, thậm chí là công kích... Thậm chí tin giả, thông tin sai lệch dễ lan truyền, đôi khi chính khán giả hiểu sai nội dung chính luận.” (PVS 09 NBCLTH NTV).

Tuy nhiên có một trường hợp đặc biệt là chương trình *Đối thoại cùng chúng tôi* của kênh NTV lại có tỷ lệ 100% chương trình có đề cập và phản hồi ý kiến của công chúng. Đây là chương trình đối thoại được truyền hình trực tiếp cả trên sóng và trên nền

tảng MXH. Trong kết cấu chương trình có phần khách mời trả lời trực tiếp các câu hỏi qua đường dây nóng hoặc nêu các bình luận qua MXH. Ví dụ chương trình *Đối thoại cùng chúng tôi* năm 2024 về chủ đề “*Đặt tên đơn vị hành chính sau sáp nhập*”, nhà báo chính luận truyền hình đã trực tiếp nêu các ý kiến của công chúng gửi tới chương trình thông qua đường dây nóng và các trang MXH của chương trình liên quan tới chủ đề. Không những thế các bình luận còn được hiện trực tiếp trên màn hình thông qua các phần chạy chữ và đồ họa. Đây là cách làm đặc biệt bởi các chương trình khác được khảo sát đều không phát sóng trực tiếp, hoặc có phát trực tiếp trên sóng, thì cũng không phát trực tuyến trên MXH. Đồng thời trong kết cấu không có nội dung trả lời câu hỏi và bình luận qua MXH. Điều này cho thấy cách thức phân phối chương trình và kết cấu chương trình có tác động rất quan trọng tới việc phản hồi thường xuyên và kịp thời ý kiến của công chúng. Trả lời PVS, một nhà báo tham gia chương trình *Đối thoại cùng chúng tôi* của NTV cho biết: “*MXH đòi hỏi tương tác hai chiều, nêu chỉ đăng bài mà không trả lời bình luận công chúng sẽ mất hứng thú.*” (PVS NBCLTH 09). Một nhà báo khác tham gia chương trình này chia sẻ giải pháp đề tương tác với công chúng MXH mà vẫn hạn chế được những tình huống tiêu cực là: “*... dùng chế độ lọc comment, có đội ngũ xử lý và trả lời các bình luận, khi cần có thể hẹn trả lời bằng văn bản hoặc sẽ tiếp tục trong một chương trình khác phù hợp hơn*” (PVS 08 NBCLTH).

2.2.1.3. Xây dựng hồ sơ trên MXH với tư cách một NBCLTH để đăng tải các nội dung phân tích, bình luận, bày tỏ quan điểm

Trả lời câu hỏi về việc NBCLTH có nên tham gia MXH với tư cách là một NBCLTH và đăng tải các nội dung chính luận hay không, các nhà báo chia làm hai quan điểm:

- Quan điểm thứ nhất là NBCLTH không nên đăng tải các nội dung chính luận trên tài khoản MXH của mình, vì “*các bình luận đã có trong chương trình đã phát, đã đăng trên các kênh chính thống của Đài. Việc đăng bình luận, phân tích, quan điểm trên MXH nếu không chuẩn sẽ ảnh hưởng đến uy tín nhà báo, cơ quan báo chí*”. (PVS 08 NBCLTH). “*... Đây là vấn đề rất phức tạp, cần cân nhắc để bảo đảm tính định hướng và sự lan tỏa*” (PVS 10 NBCLTH)

- Quan điểm thứ hai mà nhiều người ủng hộ là NBCLTH nên đăng tải các nội dung chính luận lên MXH của mình. “*Để thông tin tuyên truyền tác phẩm truyền hình được tiếp cận nhiều hơn với khán giả, chắc chắn phải mở rộng việc đăng tải trên MXH.*” (PVS 05 NBCLTH). Một nhà báo khác cho biết: “*NBCLTH có thể đăng tải các nội dung bình luận, phân tích và quan điểm đối với các vấn đề thời sự. Bởi họ thường là những người có hiểu biết, có sức ảnh hưởng đối với dư luận, sẽ tạo nên sự lan tỏa*

tích cực nếu những điều họ chia sẻ đóng góp cho sự phát triển xã hội, đất nước". (PVS 02 NBCLTH). Có ý kiến thậm chí nhấn mạnh MXH là kênh tuyệt vời để tạo dựng uy tín cho các nhà báo định hướng dư luận và trở thành các KOL: *"Nếu nhà báo có những phân tích sâu sắc, bình luận, sắc sảo, họ có thể tạo dựng được uy tín và trở thành người có ảnh hưởng trong cộng đồng"* (PVS 03 NBCLTH).

Như vậy khá nhiều nhà báo ủng hộ và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đăng tải nội dung chính luận lên tài khoản MXH cá nhân, song khảo sát cho thấy tất cả các NBCLTH đều mới sử dụng MXH để giao tiếp cá nhân. Trên tài khoản MXH của mình họ hầu như không đăng tải các nội dung báo chí chính luận như các phân tích, bình luận và bày tỏ quan điểm đối với các vấn đề dư luận quan tâm. Nếu có cũng chỉ là chia sẻ một vài thông tin giới thiệu nhằm mục đích quảng bá chương trình để thu hút khán giả xem truyền hình. Lý giải về điều này, có nhà báo đề cập tới *"áp lực dư luận"* như là một trong những thách thức khiến NBCLTH ngại bày tỏ các vấn đề chính luận trên MXH của mình. Ngoài ra còn có một số trở ngại khác như: nguy cơ bị tấn công mạng, thiếu kỹ năng xử lý xung đột trên MXH, nguy cơ ảnh hưởng tới cơ quan báo chí mà nhà báo đang làm việc, thiếu kỹ năng sáng tạo nội dung phù hợp với nền tảng MXH... Đề xuất giải pháp, một số nhà báo đưa ra nguyên tắc như: *"đăng tải nội dung trên MXH cũng cần tuân thủ quy định đạo đức nghề nghiệp"* (PVS 07 NBCLTH), *"mỗi nhà báo có thể sử dụng các câu miễn trừ trách nhiệm dành cho đài của họ như đây chỉ là quan điểm cá nhân tôi, không liên quan tới tờ báo/ đài nơi tôi công tác"* (PVS 06 NBCLTH), *"liên tục học hỏi, cập nhật các xu hướng mới, tham gia các khóa đào tạo kỹ năng sáng tạo nội dung số"* (PVS 12 NBCLTH).

2.2.1.4. Sử dụng ứng dụng các kỹ thuật SEO (Search Engine Optimization) trong quảng bá chương trình trên nền tảng số

Qua phỏng vấn với các NBCLTH ở cả 3 đơn vị khảo sát, hiểu ý kiến nhất trí cho rằng *"quảng bá chương trình trên các nền tảng số là một chiến lược quan trọng để tăng cường sức lan tỏa và ảnh hưởng"* (PVS 07 NBCLTH). Tuy nhiên hầu hết chỉ nêu tầm quan trọng của việc quảng bá chương trình trên các nền tảng MXH, nhưng không thực hành nhiều hoạt động này. *"Lâu nay việc quảng bá chương trình chưa thực sự phổ biến"* (PVS 11 NBCLTH). Một nhà báo tham gia chương trình *Toàn cảnh thế giới* trên kênh VTV1 nêu ra một số lý do: *"..trải nghiệm quảng bá trên số của tôi không nhiều do thời gian thực hiện gấp và nhân lực có hạn...chương trình có tuổi đời hơn 20 năm có lượng khán giả trung thành rồi nên chúng tôi ít quảng bá... còn quảng bá trên trang cá nhân thì chúng tôi cũng ngại vì những quy định của đơn vị về sử dụng MXH, và lo ngại khán giả bộc lộ quan điểm khiến mình mất thời gian tranh cãi"* (PVS 14

NBCLTH). Trong số 19 cuộc phỏng vấn sâu với các NBCLTH chỉ có 4 nhà báo mô tả về kinh nghiệm quảng bá chương trình trên nền tảng số, trong đó có 3 người cho biết có sử dụng kỹ thuật SEO. Một nhà báo tham gia chương trình *Vấn đề hôm nay* trên kênh VTV1 cho biết: *“Tôi thường xuyên đăng tin quảng bá chủ đề chương trình trên trang FB, Zalo cá nhân... Với 26 nghìn người theo dõi trên FB tôi chắc rằng số người có thể tiếp cận được thông tin là đáng kể. Tôi thường đăng trước khi chương trình diễn ra vài giờ... Còn công cụ SEO tôi chưa sử dụng”* (PVS 17 NBCLTH). Một nhà báo trẻ hơn đến từ NTV cho biết: *“Để quảng bá cho chương trình tôi thường làm các clip hậu trường trước hoặc sau khi chương trình diễn ra. Các clip mang pha yếu tố hài hước và phong cách cá nhân... Tôi không ngần ngại tạo những bức ảnh chế của bản thân để tạo sự tương tác tốt hơn của bạn bè và người theo dõi”* (PVS 06 NBCLTH).

Với câu hỏi về việc sử dụng kỹ thuật SEO, hầu hết bỏ qua hoặc cho biết không sử dụng. Chỉ có 3 người trả lời có sử dụng kỹ thuật SEO, song chỉ dừng lại ở mô tả kỹ thuật này là gì chứ không chia sẻ kinh nghiệm sử dụng trên thực tế.

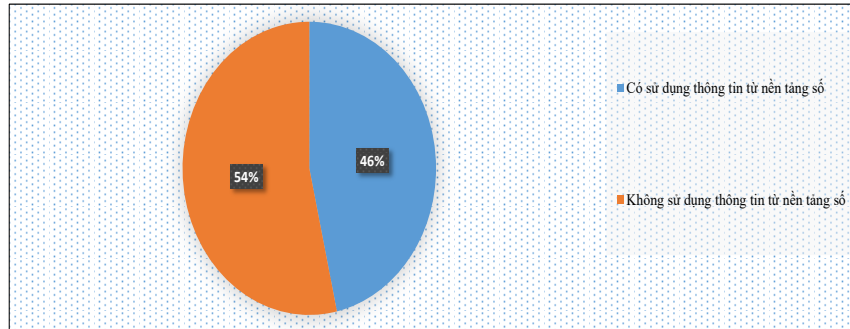
Kết quả khảo sát cho thấy tồn tại một khoảng cách đáng kể giữa nhận thức nghề nghiệp và hành vi tác nghiệp của NBCLTH trong môi trường truyền thông số. Nhiều nhà báo đã thừa nhận vai trò của tương tác hai chiều, nắm bắt dư luận trên mạng xã hội và hiện diện chủ động trên nền tảng số; tuy nhiên, mức độ hiện thực hóa các yếu tố này trong chương trình vẫn còn thấp. Khoảng cách ấy không thể giải thích giản đơn bằng nguyên nhân thiếu kỹ năng kỹ thuật. Sâu xa hơn, đó là biểu hiện của một quán tính nghề nghiệp được hình thành trong mô hình truyền thông tuyến tính, nơi chuẩn mực nghề nghiệp lâu nay gắn với phát ngôn chặt chẽ, khoảng cách thể chế và quy trình kiểm soát nhiều tầng. Khi bước sang môi trường truyền thông số, chính quán tính ấy tạo ra tâm lý dè dặt trước phản hồi tức thời, lo ngại bị kéo vào những tranh luận thiếu chuẩn mực, thậm chí sợ bị đánh đồng với các nguồn tin phi chính thống. Vì vậy, rào cản lớn nhất không chỉ là thiếu công cụ tương tác, mà là sự kháng cự tư duy đối với việc chuyển từ vị thế ‘người phát ngôn trên sóng’ sang vị thế ‘chủ thể điều phối thảo luận xã hội’ trong không gian số.”

Ngoài ra, năng lực ứng dụng các công cụ số như SEO hay sáng tạo nội dung phù hợp với đặc trưng nền tảng vẫn còn yếu, đặc biệt trong nhóm nhà báo lớn tuổi. Những rào cản về quy định của đơn vị, kỹ năng và tâm lý nghề nghiệp đang khiến các nhà báo chính luận chưa thực sự khai thác hiệu quả tiềm năng tương tác và lan tỏa của môi trường số. Tuy nhiên khi rào cản này được dỡ bỏ như trường hợp chương trình *Đối thoại cùng chúng tôi* trên kênh NTV thì việc triển khai kỹ năng tương tác với công chúng số lại tỏ ra rất sôi nổi.

2.2.2. Kỹ năng thu thập thông tin, tư liệu trên nền tảng số

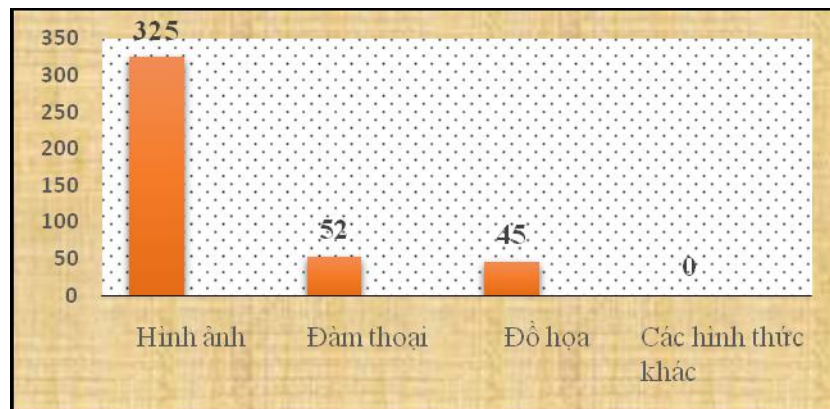
2.2.2.1. Sử dụng các công cụ tìm kiếm thu thập thông tin trên các nền tảng số để sử dụng trong chương trình

Qua phân tích nội dung các chương trình CLTH trong phạm vi khảo sát, tỷ lệ các chương trình có sử dụng nội dung hoặc hình ảnh từ nguồn các nền tảng số là không nhỏ.



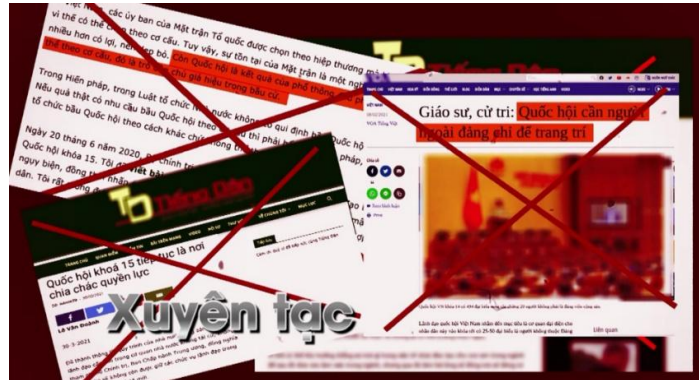
Biểu đồ 2.3: Tỷ lệ chương trình CLTH sử dụng thông tin từ nền tảng số

Phương thức xuất hiện chủ yếu nhất là hình ảnh và video từ nguồn các nền tảng số được trích trong các phóng sự minh họa.



Biểu đồ 2.4: Số lượng các chương trình CLTH sử dụng thông tin từ nguồn MXH trong chương trình CLTH

Cá biệt có chương trình *Đối diện* của kênh VTV1 luôn luôn có trích thông tin trên MXH ở các hình thức khác nhau. Tuy nhiên đây là chương trình đưa ra các lập luận phản bác thông tin xấu độc và luận điệu xuyên tạc trên MXH, nên các thông tin trích dẫn hầu hết đều là các thông tin tiêu cực và cần lên án, bác bỏ.



Hình 2.2: Thông tin trích từ MXH trong chương trình Đồi diện thường đi kèm với dấu gạch chéo

Thông qua phỏng vấn sâu cũng cho thấy tất cả các nhà báo được hỏi đều thường xuyên sử dụng công cụ để tìm kiếm và thu thập thông tin trên mạng để sử dụng trong chương trình. Các công cụ phổ biến nhất được nhắc tới là Google, Bing, Zalo. Tiếp đó là các công cụ AI như Chat GPT, Gemini. Một số nhắc tới các công cụ tìm kiếm chuyên sâu trên MXH như Crowd Tangle, hoặc các phần mềm tìm kiếm thông tin chuyên sâu như Statista cung cấp thông tin kinh tế, OpenCorporate tra cứu thông tin doanh nghiệp, Sci-Hub tìm kiếm thông tin nghiên cứu khoa học..

Một điểm chung là tất cả các ý kiến đều nhận định: Điểm mạnh của việc tìm kiếm thu thập thông tin trên nền tảng số là nhanh, đa dạng, dễ dàng, miễn phí, nhưng hạn chế là khối lượng thông tin quá lớn, khó kiểm chứng thông tin thật, dễ bị thao túng, rủi ro bảo mật và vấn đề bản quyền.

2.2.2.2. Kỹ năng thẩm định chính xác của thông tin tư liệu trên mạng

Trước tiên cần ghi nhận là trong số các chương trình CLTH khảo sát, chưa có trường hợp nào được ghi nhận có sự cố liên quan tới tính chính xác của thông tin tư liệu sử dụng trong chương trình. Đây là một biểu hiện cho thấy các NBCLTH sử dụng thông tin tư liệu khá an toàn và chính xác.

Cụ thể hơn trong các cuộc phỏng vấn sâu, một số nhà báo chia sẻ kinh nghiệm phong phú của mình trong việc sử dụng các công cụ tìm kiếm thu thập thông tin trên nền tảng số một cách hiệu quả và an toàn nhất:

- “*Khi tìm kiếm thông tin cần quan sát dư luận, người viết cần tỉnh táo và có cái nhìn đa chiều*” (PVS 04 NBCLTH)

- “*Luôn kiểm tra độ tin cậy của nguồn thông tin trước khi sử dụng. Đối chiếu thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để có cái nhìn toàn diện và chính xác. Chú ý tới ngày tháng đảm bảo thông tin là mới và phù hợp với bối cảnh hiện tại. Cần bảo vệ thông tin cá nhân và không chia sẻ thông tin nhạy cảm*” (PVS 12 NBCLTH)

- *“Cần có cái nhìn tỉnh táo và không cuốn theo dư luận”* (PVS 14 NBCLTH)

- *“Cần kết hợp nhiều công cụ khác nhau để có thông tin đa dạng, phong phú. Cần sử dụng từ khóa chính xác, liên quan tới chủ đề. Cần đánh giá uy tín của nguồn tin trước khi sử dụng thông tin. Có nhiều công cụ hỗ trợ việc thu thập và phân tích thông tin trên nền tảng số, hãy tìm hiểu và sử dụng chúng một cách hiệu quả.”* (PVS 03 NBCLTH).

Một số nhà báo chia sẻ các lời khuyên hữu ích xuất phát từ thực tiễn như: nên truy cập thẳng vào các nền tảng số của các cơ quan chức năng và tổ chức có uy tín, đối chiếu các nguồn thông tin khác nhau, sử dụng từ khóa phù hợp và liên tục cập nhật học hỏi các công cụ mới để tìm kiếm hiệu quả và thẩm định chính xác các thông tin và hình ảnh trên nền tảng số.

2.2.2.3. Nắm được các quy định về bản quyền trong môi trường số

Trong các chương trình CLTH được khảo sát cũng không ghi nhận trường hợp nào có sự cố liên quan tới vi phạm bản quyền. Đây là một biểu hiện cho thấy các NBCLTH đều nắm được và tuân thủ quy định bản quyền.

Trong các cuộc phỏng vấn sâu, các NBCLTH đều khẳng định tầm quan trọng của việc tuân thủ các quy định về bản quyền trong môi trường số. Khi trả lời về những điều cần làm để có thể sử dụng thông tin tư liệu thu thập trên các nền tảng số mà không vi phạm bản quyền, các nhà báo thống nhất một số điểm chung như:

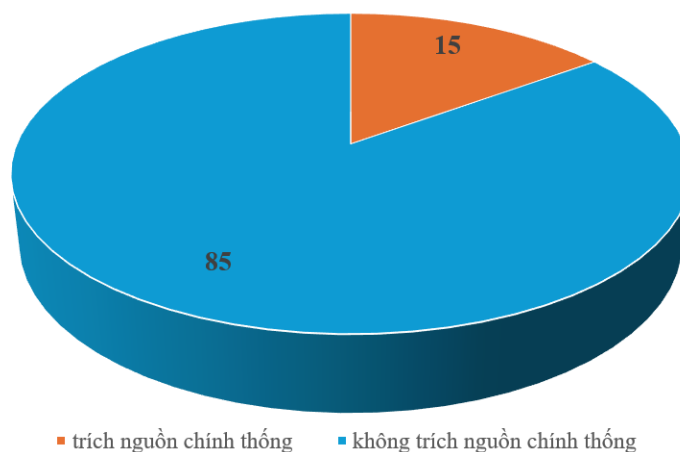
- *“Luôn cần trích dẫn nguồn gốc của thông tin đó”* (PVS 08 NBCLTH)

- *“Trường hợp sử dụng một đoạn dài hình ảnh, cần tìm cách liên hệ với chủ sở hữu để được phép sử dụng”* (PVS 13 NBCLTH)

Tuy nhiên khi trả lời câu hỏi về việc *“anh/chị có nắm được các quy định về bản quyền trên nền tảng số không? Đó là những quy định nào”*, các câu trả lời đều dừng ở mức chung chung của các NBCLTH là *“có”*, và *“tương tự như các quy định chung về bản quyền”*. Có ý kiến cho biết thêm: *“Nền tảng số có thể khiến chúng ta hiểu nhầm về bản quyền gốc khi nhiều tài khoản chỉ đơn thuần đưa lại nội dung gốc hoặc có biên tập chỉnh sửa lại nội dung gốc. Trường hợp này chúng ta cần xác minh uy tín của nguồn tin và đối chiếu các nguồn thông tin khác nhau để tìm ra sự thật.”* (PVS 19 NBCLTH).

Tuy nhiên thực tế khảo sát các chương trình CLTH cho thấy, các đoạn sử dụng hình ảnh bao gồm ảnh và video từ các nền tảng số chia làm hai dạng:

- Các thông tin thu thập từ các nguồn chính thống trên nền tảng số như các trang thông tin chính thống, các trang báo điện tử thì có trích nguồn gồm 105/700 chương trình, tương đương 15%.



Biểu đồ 2.5: Chương trình có trích nguồn thông tin từ các trang thông tin chính thống

- Trong khi đó các thông tin bao gồm cả hình ảnh thu thập từ nguồn MXH đều không nêu hoặc chú thích rõ về nguồn. Hầu hết chỉ có lời bình chung chung cho biết đây là những hình ảnh và thông tin trên MXH. Ví dụ như chương trình *Vấn đề hôm nay* phát sóng tháng 1/2025 trên kênh VTV1 với chủ đề “*Xử phạt*”, bàn về việc triển khai nghị định 68 đối với hoạt động tham gia giao thông. NBCLTH có sử dụng thông tin từ nguồn mạng xã hội trong quá trình đàm thoại, đồng thời sử dụng hình ảnh người tham gia giao thông từ nguồn MXH, nhưng chỉ nêu chung chung: “*đur luận trên mạng xã hội*”, hay: “*hình ảnh đang lan truyền trên MXH*”. Qua quan sát của tác giả, đây là câu dẫn khá phổ biến trong các chương trình truyền hình khi đề cập tới thông tin khai thác từ MXH. Điều này cho thấy các NBCLTH đều chưa coi trọng vấn đề nêu rõ nguồn gốc, xuất xứ, tác giả của các thông tin trên MXH. Lý do dẫn đến thực trạng này, theo các NBCLTH là: “*MXH là nguồn thông tin không chính thống nên chỉ mô tả mà không nêu rõ nguồn cụ thể*” (PVS 13 NBCLTH).

Từ khảo sát thực tiễn và phỏng vấn sâu, có thể khẳng định rằng kỹ năng thu thập và xử lý thông tin trên nền tảng số đã trở thành một phần không thể thiếu trong hoạt động nghiệp vụ của NBCTLH. Các nhà báo đã bước đầu khai thác hiệu quả các công cụ tìm kiếm và nền tảng số nhằm phục vụ việc xây dựng nội dung chương trình, đặc biệt trong việc sử dụng hình ảnh và video minh họa từ mạng xã hội và internet. Tuy nhiên, việc ứng dụng này vẫn chủ yếu mang tính cá nhân, thiếu quy chuẩn chung và chưa được đồng bộ hóa trong quy trình sản xuất. Nói cách khác, chương trình có ‘con số’, nhưng chưa có ‘lý lẽ được chứng minh bằng dữ liệu’. Hạn chế này biểu hiện ở ba

điểm: một là, dữ liệu thường được nêu ra như dẫn chứng rời rạc, thiếu phân tích ngữ cảnh và thiếu đối chiếu; hai là, việc trích dẫn nguồn dữ liệu còn sơ sài hoặc không đầy đủ, làm suy giảm tính minh bạch và độ tin cậy; ba là, dữ liệu chưa được chuyển hóa thành hình thức kể chuyện trực quan, dễ tiếp nhận nhưng vẫn giữ được chiều sâu phân tích. Đối với nhà báo chính luận truyền hình, kỹ năng dữ liệu không chỉ là biết sử dụng biểu đồ, bảng số hay đồ họa, mà quan trọng hơn là biết lựa chọn dữ liệu thích hợp, giải thích ý nghĩa của dữ liệu, liên kết dữ liệu với lập luận và dùng dữ liệu để củng cố sức thuyết phục của quan điểm chính luận. Khi thiếu năng lực đó, dữ liệu chỉ làm đầy màn hình, chứ chưa làm sâu tư tưởng.

Điều này cho thấy, bên cạnh sự chủ động cá nhân, cần có các chương trình đào tạo chuyên sâu về kỹ năng tìm kiếm, xác thực thông tin, phân tích dữ liệu và xử lý bản quyền trong môi trường số. Đồng thời, các cơ quan báo chí cũng cần xây dựng quy trình kiểm chứng và sử dụng tư liệu số một cách bài bản, nhằm bảo đảm tính chính xác, hợp pháp và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động báo chí chính luận trong bối cảnh truyền thông hiện đại.

2.2.3. Kỹ năng sử dụng AI

2.2.3.1. Sử dụng các công cụ AI trong các công đoạn sản xuất chương trình

Trong các chương trình CLTH phạm vi khảo sát, không có chương trình nào sử dụng chất liệu có dán nhãn hoặc giới thiệu rõ là có sử dụng AI.

Tuy nhiên trong các PVS, hầu hết các NBCLTH được hỏi đều đánh giá AI có thể là công cụ tuyệt vời giúp cho các NBCLTH tiết kiệm đáng kể thời gian và công sức. Đại đa số các nhà báo được hỏi đều cho biết đã ít nhiều có kinh nghiệm sử dụng AI trong các công đoạn khác nhau khi sản xuất chương trình CLTH. Họ nhắc tới các công cụ AI để tìm kiếm và thu thập thông tin, cũng như gợi ý câu hỏi và ý tưởng như Chat GPT, Gemini, Perplexity...; các công cụ AI thiết kế đồ họa và hình ảnh như Copilot, Microsoft Designer, Meta AI, Sora...; các công cụ chuyển văn bản thành giọng nói hoặc ngược lại như memobot, J2Team... Một nhà báo của VTV1 cho biết: “..Tôi đã có kinh nghiệm ứng dụng AI hỗ trợ các công đoạn giúp tiết kiệm rất nhiều thời gian. Tôi sử dụng AI trong nghiên cứu và thu thập thông tin, bao gồm phân tích dữ liệu để tìm ra các xu hướng lớn, các vấn đề và quan điểm quan trọng liên quan tới chủ đề chương trình. AI có thể giúp tìm kiếm thông tin nhanh chóng và hiệu quả hơn các cách tìm kiếm bằng thuật toán, và có khả năng hiểu ngôn ngữ tự nhiên. AI giúp tôi tóm tắt các văn bản dài để giúp nắm bắt nội dung chính. AI giúp tôi viết nháp các câu hỏi, lời bình, lời dẫn, kiểm tra ngữ pháp và lỗi chính tả. AI giúp tôi tạo ra hình minh họa như một vụ sạt lở đất vùi lấp một ngôi làng ở khu vực miền núi phía Bắc.” (PVS 16

NBCLTH). Một nhà báo khác tại HTV9 cho biết: *“Chúng tôi đang nỗ lực để phát huy tối đa hiệu quả AI trong các chương trình của mình để tạo sự mới mẻ, hiện đại và tăng hiệu suất công việc...Ngoài hỗ trợ trong nhiều công đoạn của quá trình sáng tạo chương trình CLTH, AI còn giúp tối ưu hóa nội dung và tiếp cận khán giả hiệu quả hơn... Ngoài ra AI có thể được tích hợp vào Fanpage và trang web để tự động phản hồi câu hỏi của khán giả về nội dung chương trình.”* (PVS 01 NBCLTH)

Khi được hỏi vì sao đã có sử dụng AI trong nhiều công đoạn sản xuất chương trình, bao gồm cả video và đồ họa... nhưng không có ghi chú, nhãn dán hoặc lời giới thiệu trong chương trình về sản phẩm do AI tạo ra, các câu trả lời của NBCLTH tập trung vào 2 lý do:

- Một là: cơ quan chưa có quy định về việc này

- Hai là: trong hầu hết các trường hợp họ không sử dụng AI cho sản phẩm xuất hiện trên sóng, mà chỉ sử dụng AI trong một số công đoạn tiền kỳ như thu thập thông tin, tìm ý tưởng, chuyển tiếng phỏng vấn thành văn bản, thảo bản nháp kịch bản ...

2.2.3.2. Đánh giá thông tin để không bị phụ thuộc vào AI

Trong các chương trình CLTH được khảo sát không có chương trình nào được ghi nhận có lỗi sai sót liên quan tới sử dụng AI. Đây là một biểu hiện rõ ràng cho thấy NBCLTH hoặc là chưa sử dụng AI trong nhiều công đoạn, hoặc là sử dụng AI nhưng có kiểm soát tốt.

Còn trong các cuộc PVS, nhiều NBCLTH bày tỏ lo ngại về rủi ro về sử dụng AI trong báo chí chính luận như:

- *“Rủi ro đạo đức với các giá trị cốt lõi của báo chí, bao gồm tính chính xác, công bằng và minh bạch.”* (PVS 16 NBCLTH)

- *“Nguy cơ giảm tính chính xác và tin cậy của công chúng”* (PVS 15 NBCLTH)

- *“AI thu thập thông tin cá nhân, và thấy một số cảnh báo về vấn đề này”* (PVS17 NBCLTH)

- *“Sử dụng AI mà không có điều chỉnh, bổ sung ... các thông tin chưa được cụ thể hóa, dẫn đến các nội dung chung chung, khó thu hút”.* (PVS 19 NBCLTH). *“AI có thể tạo ra nội dung hàng loạt, nhưng thiếu đi góc nhìn độc lập, phong cách cá nhân và sự sáng tạo của người làm báo”.* (PVS 01 NBCLTH)

- *“Vấn đề bảo mật rất đáng lo ngại”* (PVS 13 NBCLTH)

Trả lời câu hỏi: *“Anh/chị làm gì để đánh giá thông tin và không bị phụ thuộc vào AI?”* các NBCLTH cho biết không nhiều giải pháp ngoài việc kiểm tra lại thông tin của AI:

- *“Tôi chỉ sử dụng AI vào việc gợi ý kịch bản, và các thao tác kỹ thuật cụ thể như gỡ băng thành text, dựng, đồ họa... và luôn chủ động tự viết lại và hoàn thiện,*

kiểm tra lại thông tin mà AI đề xuất” (PVS 13 NBCLTH)

- “Tôi không sử dụng AI khi chưa đảm bảo có giải pháp kiểm soát” (PVS 11 NBCLTH)

- “Tôi tải các nội dung tư liệu của mình có lên để AI học và phân tích, chứ không dùng AI thu thập dữ liệu vì không kiểm soát được nguồn gốc và bản quyền” (PVS 19 NBCLTH)

- “Có sử dụng AI kiểm duyệt nhưng luôn phải có biên tập viên kiểm duyệt lại sau AI” (PVS 19 NBCLTH)

- “Rất cần có quy định hướng dẫn sử dụng AI trong tác nghiệp báo chí” (PVS 16 NBCLTH)

Việc thiếu các hướng dẫn sử dụng AI và các công cụ để kiểm soát AI trở thành một trở ngại khiến các nhà báo hạn chế sử dụng công nghệ này. *“Hơn ai hết các chương trình chính luận cần nguồn thông tin chính thống, góc nhìn và những phân tích nhận định mang quan điểm chính trị sâu sắc, nên không dễ dàng ứng dụng công nghệ AI trong các khâu sản xuất, kể cả các khâu tiền kỳ như lên ý tưởng hay xây dựng kịch bản”.* (PVS 15 NBCLTH)

Kết quả khảo sát và phỏng vấn sâu cho thấy AI đã bắt đầu tham gia vào nhiều công đoạn sản xuất chương trình chính luận truyền hình, từ thu thập tư liệu, gợi ý ý tưởng, hỗ trợ xử lý ngôn ngữ đến thiết kế hình ảnh minh họa. Tuy nhiên, nếu chỉ xem AI như một công cụ tiết kiệm thời gian thì chưa phản ánh đúng quy mô tác động của nó đối với nghề báo hiện nay. Trong thực chất, AI đang làm thay đổi cấu trúc lao động báo chí, cách thức lựa chọn thông tin, logic gợi ý nội dung và cả nguy cơ thiên lệch trong quá trình xử lý dữ liệu. Tuy nhiên hiện việc sử dụng AI hiện nay vẫn mang tính tự phát, chủ yếu dựa trên sáng kiến cá nhân, thiếu sự hướng dẫn, kiểm soát hay khung pháp lý rõ ràng từ phía các cơ quan báo chí. Đặc biệt, việc thiếu nhãn dán hoặc chú thích trong chương trình phản ánh khoảng trống trong quy chế, quy định về sử dụng AI tại các Đài truyền hình. Mặt khác, dù nhà báo đã ý thức được những rủi ro tiềm ẩn như sai sót thông tin, thiếu bản sắc cá nhân, vi phạm bản quyền hay nguy cơ phụ thuộc quá mức vào AI, nhưng các biện pháp kiểm soát hiện vẫn còn chưa rõ. Điều này cho thấy nhu cầu cấp thiết phải xây dựng một khung kỹ năng số phù hợp với đặc thù báo chí chính luận, trong đó kỹ năng sử dụng AI cần được phát triển đồng bộ với các tiêu chuẩn đạo đức báo chí, hướng dẫn sử dụng an toàn và cơ chế kiểm chứng chặt chẽ.

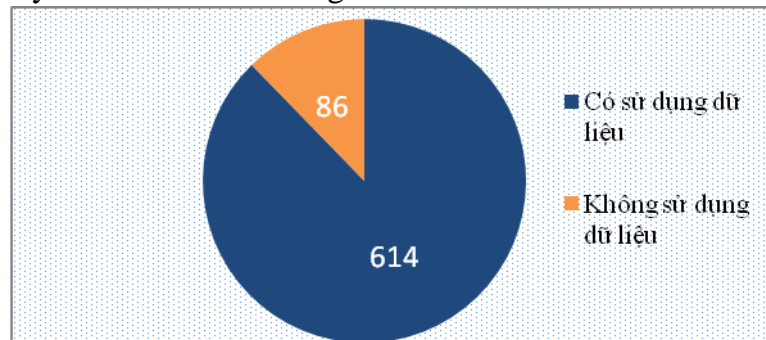
Vì vậy, kỹ năng sử dụng AI của nhà báo chính luận truyền hình phải được mở rộng thành kỹ năng giám sát AI và giám sát thuật toán. Nhà báo không chỉ biết dùng công cụ, mà còn phải biết kiểm tra nguồn dữ liệu đầu vào, phát hiện thiên lệch thuật

toán, đánh giá nguy cơ sai lệch ngữ nghĩa và giữ quyền kiểm soát cuối cùng đối với luận điểm, ngôn ngữ, hình ảnh và thông điệp chính trị - xã hội của tác phẩm. Trên cơ sở đó, có thể xác lập một khung quy tắc đạo đức khi sử dụng AI trong báo chí chính luận truyền hình gồm bốn nguyên tắc: minh bạch khi sử dụng nội dung do AI hỗ trợ; kiểm chứng đa nguồn trước khi phát sóng; không chuyển giao quyền phán đoán chính trị - đạo đức cho máy; và luôn bảo đảm trách nhiệm biên tập thuộc về con người. Đây không chỉ là yêu cầu về mặt kỹ thuật, mà còn là điều kiện để đảm bảo chất lượng, tính minh bạch và bản sắc của các sản phẩm báo chí trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

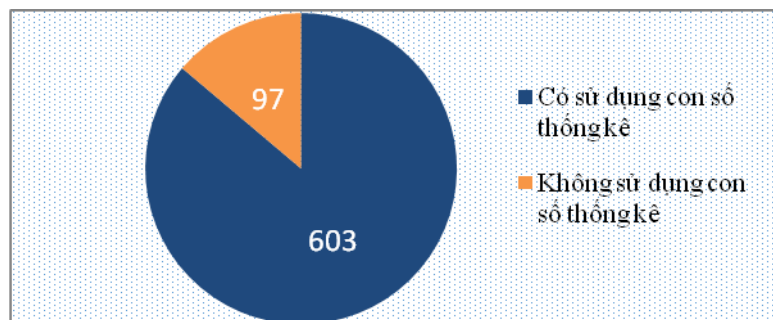
2.2.4. Kỹ năng sử dụng dữ liệu trong chương trình

2.2.4.1. NBCLTH biết sử dụng dữ liệu, biết tổng hợp, phân tích dữ liệu để làm sáng rõ vấn đề, minh chứng lập luận và tăng tính thuyết phục đối với công chúng.

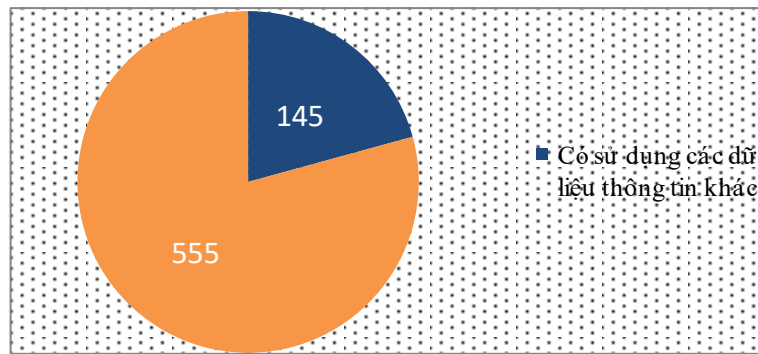
Khảo sát các chương trình CLTH cho thấy đa số các chương trình đều có sử dụng tổng hợp dữ liệu để dẫn chứng cho các lập luận. Các dữ liệu được nêu khá đa dạng nhưng chủ yếu là các con số thống kê.



Biểu đồ 2.6: Tỷ lệ các chương trình CLTH có sử dụng tổng hợp dữ liệu



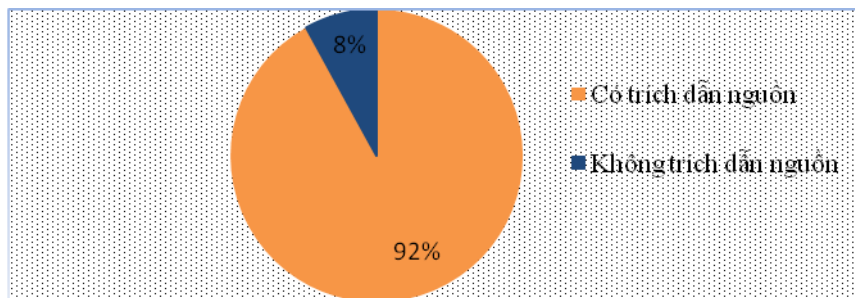
Biểu đồ 2.7: Số lượng các chương trình CLTH sử dụng con số thống kê



Biểu đồ 2.8: Số lượng các chương trình CLTH sử dụng các dữ liệu thông tin khác

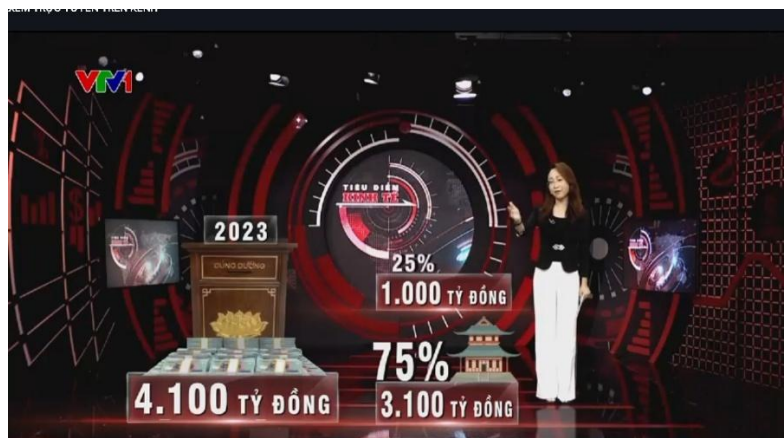
Tuy nhiên chưa có chương trình nào có phần phân tích những dữ liệu trên, mà chỉ dừng lại ở việc tổng hợp và nêu ra các dữ liệu.

Một điểm đáng chú ý là rất ít các chương trình có nêu rõ nguồn trích dẫn cụ thể của dữ liệu, bao gồm cả trong lời dẫn hay chú thích hình ảnh. Chỉ có 8% các chương trình có trích dẫn nguồn. Ví dụ trong chương trình *Vấn đề hôm nay* phát sóng tháng 12/2024, NBCLTH có sử dụng dữ liệu trong các phần khác nhau của chương trình, bao gồm phần dẫn đề (headline), phóng sự minh họa. Tuy nhiên cả hai trường hợp đều không dẫn nguồn dữ liệu. Thay vì đó nhà báo chỉ dẫn nguồn bằng mệnh đề chung chung như: “*thông tin cho thấy*”, “*theo các cơ quan chức năng*”.



Biểu đồ 2.9: Tỷ lệ các chương trình có trích dẫn nguồn khi sử dụng dữ liệu

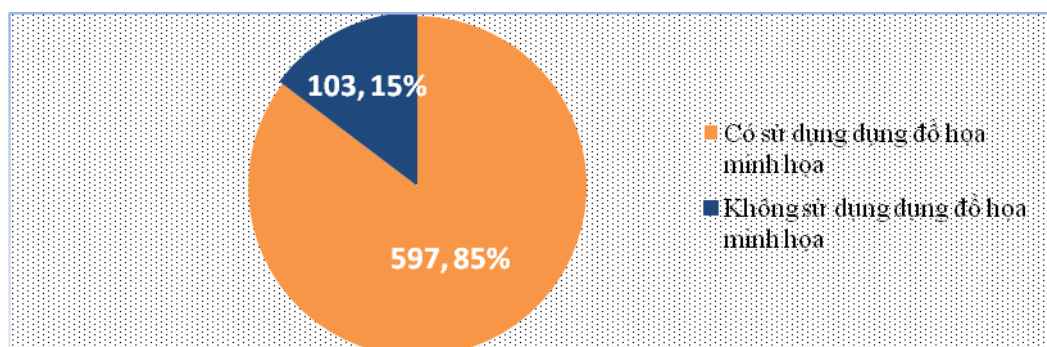
Các NBCLTH khi nêu dữ liệu thường chỉ đề cập trực tiếp vào thông tin, bỏ qua nguồn trích dẫn, hoặc dùng cách dẫn chung chung: “*Theo cơ quan chức năng*”, “*Theo các chuyên gia*”, “*khảo sát cho thấy*”... Cá biệt có những chương trình nêu hàng loạt con số những cũng không hề trích nguồn. Trong một chương trình phát sóng tháng 10/2024 nêu một ít nhất 10 con số liên quan tới thương mại điện tử của Việt Nam mà không có nguồn trích dẫn. Đáng chú ý có những dữ liệu mang tính phản biện, chống tiêu cực và có thể gây tranh cãi cũng không có trích nguồn rõ ràng. Ví dụ như chương trình chính luận phát sóng trên VTV1 tháng 4/2024 có nêu nhiều thông tin liên quan tới quản lý số tiền công đức tại các cơ sở tín ngưỡng nhưng không thấy trích nguồn.



Hình 2.3: Chương trình chính luận truyền hình sử dụng nhiều dữ liệu

2.2.4.2. Sử dụng các hình thức thể hiện trực quan dữ liệu như biểu đồ, bản đồ, đồ thị, đồ họa trong chương trình chính luận để công chúng dễ hiểu, dễ nhớ.

Khảo sát các chương trình CLTH cho thấy các chương trình có thể hiện dữ liệu được minh họa một cách sinh động bằng đồ họa chiếm tỷ lệ khá lớn, giúp khán giả dễ theo dõi và ghi nhớ.



Biểu đồ 2.10: Tỷ lệ các chương trình CLTH sử dụng dụng đồ họa minh họa dữ liệu

Trong các PVS các NBCLTH đều nhận định dữ liệu là rất quan trọng đối với chương trình CLTH, vì “*nói có sách, mách có chứng*”. Dữ liệu giúp tăng tính thuyết phục và hấp dẫn của chương trình chính luận. Đồng thời dữ liệu trong chương trình CLTH cần được thể hiện bằng các hình thức trực quan hóa, “*các biểu đồ, sơ đồ, bản đồ ... có thể biến những con số khô khan thành những hình ảnh sinh động và hấp dẫn*” (PVS 16 NBCLTH)

Khi được hỏi vì sao nhiều chương trình không nêu rõ nguồn trích dẫn khi sử dụng dữ liệu, một số nhà báo nêu lý do:

- “*Chương trình chính luận mặc định là xuất phát từ các nguồn tin chính thống*”

(PVS 03 NBCLTH)

- “Do thời lượng không cho phép nên người dẫn sẽ lược đi nguồn trích dẫn, còn màn hình thì chỉ đưa nội dung nổi bật” (PVS 01 NBCLTH)

- “Quan trọng là nội dung dữ liệu, nguồn trích dẫn do nhà báo chịu trách nhiệm trước khán giả” (PVS 14 NBCLTH)

- “Chưa có quy định và yêu cầu cụ thể về vấn đề này đối với chương trình” (PVS 05 NBCLTH)

Tuy nhiên cũng có nhà báo cho biết sẽ lưu ý vấn đề trích nguồn dữ liệu trong các chương trình sau này vì cho rằng đây là vấn đề quan trọng để tăng độ tin cậy và uy tín của chương trình. “Tôi nhận thấy việc trích dẫn nguồn rõ ràng khi nêu dữ liệu là vấn đề quan trọng. Có thể do thói quen chưa hình thành đối với việc này. Tôi sẽ áp dụng trong các chương trình lần tới”. (PVS 13 NBCLTH)

Thực tế khảo sát cho thấy, kỹ năng sử dụng dữ liệu đã và đang được các NBCLTH vận dụng tương đối phổ biến trong quá trình sản xuất chương trình. Phần lớn các chương trình đều đã tận dụng các con số thống kê, thông tin thực tiễn để dẫn chứng, minh họa và tăng tính thuyết phục cho lập luận. Việc sử dụng các hình thức thể hiện trực quan như đồ họa, biểu đồ, bản đồ... cũng góp phần quan trọng giúp công chúng dễ hiểu, dễ ghi nhớ nội dung. Tuy nhiên, việc sử dụng dữ liệu hiện nay vẫn bộc lộ một số hạn chế đáng lưu ý, đặc biệt là ở hai khía cạnh: thiếu phân tích sâu để làm rõ ý nghĩa và giá trị của dữ liệu, và thiếu thói quen trích dẫn nguồn một cách đầy đủ, rõ ràng - ngay cả khi thông tin có thể gây tranh cãi. Những điểm này nếu không được cải thiện sẽ ảnh hưởng đến tính minh bạch và mức độ tin cậy của chương trình trong mắt công chúng. Do đó, việc nâng cao kỹ năng xử lý, phân tích và trích dẫn dữ liệu một cách chuẩn mực là yêu cầu cấp thiết với NBCLTH, đặc biệt trong bối cảnh công chúng ngày càng đòi hỏi cao về tính xác thực và trách nhiệm thông tin của báo chí chính luận.

2.2.5. Kỹ năng ghi hình, xử lý video bằng điện thoại di động

Qua khảo sát các chương trình CLTH ở cả 3 kênh VTV1, HTV9 và NTV đều hầu như không có sử dụng chất liệu quay bằng điện thoại di động. Trong số 700 chương trình được khảo sát chỉ có 2 chương trình có sử dụng hình ảnh quay bằng điện thoại di động. Đó đều là 2 chương trình *Đối thoại cùng chúng tôi* trên NTV. Hai chương trình này sử dụng hình ảnh nhân vật tự quay bằng điện thoại di động với nội dung bày tỏ ý kiến đối với chủ đề được thảo luận.

Mặc dù vậy khi trả lời câu hỏi trong các cuộc PVS, tất cả các NBCLTH đều đồng thuận rằng, việc sử dụng ĐTDD để sản xuất các chất liệu chương trình hoàn toàn khả thi và hiệu quả tốt. “Sử dụng ĐTDD giúp nhà báo làm chủ tình huống, nắm bắt

được khoanh khắc và thao tác dễ dàng. Quá trình chuyển tin từ hiện trường về trung tâm phát sóng cũng thuận lợi và nhanh chóng nhờ hạ tầng mạng tốt” (PVS 06 NBCLTH). “Các phần mềm trên ĐTDD ngày càng phong phú và hiện đại” (PVS 17 NBCLTH). “Đây là một công cụ tuyệt vời cho nhà báo truyền hình, thay thế cho nhiều công cụ tác nghiệp cùng một lúc. Bản thân tôi đã dùng điện thoại để quay phóng sự, dẫn hiện trường tại hiện trường, tôi thấy rất tiện lợi” (PVS 18 NBCLTH).

Trả lời câu hỏi vì sao trong các chương trình CLTH vẫn hầu như không sử dụng chất liệu từ ĐTDD, các NBCLTH nêu ra một số lý do liên quan tới yếu tố kỹ thuật, kỹ năng và cả yếu tố quản lý:

- “Chất lượng âm thanh và hình ảnh có thể không đạt yêu cầu chuyên nghiệp, không phù hợp chương trình chính luận mang tính trang trọng, nghiêm túc.” “Chất liệu từ ĐTDD có thể làm mất tính đồng nhất của hình ảnh và sự chuyên nghiệp của chương trình”. (PVS 07 NBCLTH). “Có thể làm giảm uy tín chương trình” (PVS 09 NBCLTH)

- “Các thiết bị di động kết nối internet liên tục, dễ bị xâm nhập và mất dữ liệu quan trọng trước khi chương trình phát sóng” (PVS 15 NBCLTH)

- “Nền tảng quay dọc chỉ phù hợp nội dung số, khó tái sử dụng trên truyền hình truyền thống” (PVS 13 NBCLTH)

- “Tôi nghĩ là vì thói quen tác nghiệp chưa thay đổi” (PVS 18 NBCLTH)

- “Bản thân cơ quan báo chí chưa thực sự đề cao, hoặc chưa nhận thấy hết hiệu quả từ việc phát huy chiếc ĐTDD” “vì chưa đề cập nên cơ quan báo chí chưa chú trọng đào tạo cho phóng viên/ biên tập viên của mình các kỹ năng nhuần nhuyễn với điện thoại” (PVS 17 NBCLTH)

- “Sử dụng ĐTDD vô hình trung là giảm thiểu, ảnh hưởng trực tiếp tới vai trò và thu nhập của người quay phim, vì tự phóng viên có thể thực hiện quay được. Đơn vị tôi không khuyến khích việc này”. (PVS 17 NBCLTH)

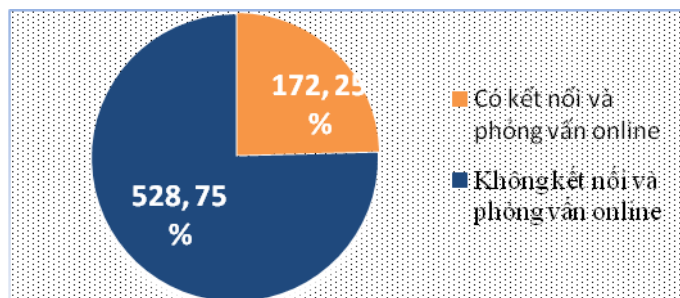
- “Chủ yếu là rào cản về kỹ năng của nhà báo. Nếu nhà báo đảm bảo tư duy hình ảnh, kỹ năng quay, dựng tốt thì không có lý do gì chương trình CLTH từ chối sản phẩm ĐTDD cả vấn đề quan trọng nhất vẫn là con người là chủ phương tiện mà thôi.” (PVS 06 NBCLTH)

Khảo sát cho thấy việc sử dụng điện thoại di động (ĐTDD) để ghi hình và xử lý video trong các chương trình chính luận truyền hình hiện vẫn còn rất hạn chế, gần như vắng bóng trong thực tiễn sản xuất của các nhà đài truyền thống. Dù các nhà báo chính luận đều nhận thức rõ tiềm năng, sự tiện lợi và tính cơ động của công cụ này trong nghiệp vụ tác nghiệp, song những rào cản về kỹ thuật, quan niệm chuyên môn, hệ

thống quản lý và thói quen tác nghiệp cũ vẫn là những yếu tố khiến việc ứng dụng ĐTDD chưa trở thành phổ biến. Đặc biệt, yếu tố định kiến rằng ĐTDD không phù hợp với “*tính chuyên nghiệp, tính chính thống*” của các chương trình CLTH là rào cản lớn nhất. Ngoài ra các đơn vị còn chưa đầu tư bài bản vào đào tạo kỹ năng quay, dựng bằng thiết bị di động đã tạo ra khoảng cách giữa nhận thức và hành động. Điều này cho thấy, để tận dụng hiệu quả công nghệ di động trong sản xuất chương trình chính luận, cần có sự thay đổi đồng bộ từ tư duy tổ chức, chính sách của cơ quan báo chí cho đến việc nâng cao kỹ năng và nhận thức của nhà báo nhằm biến điện thoại di động từ “*phương tiện dự phòng*” thành “*công cụ chiến lược*” trong tác nghiệp thời đại số.

2.2.6. Kỹ năng kết nối và tiến hành các cuộc phỏng vấn online

Trong các chương trình CLTH được khảo sát có một số chương trình kết nối và phỏng vấn online.



Biểu đồ 2.11: Tỷ lệ các chương trình CLTH sử dụng dụng cụ minh họa dữ liệu

Đáng chú ý các cuộc phỏng vấn online đều tập trung ở các chương trình về thời sự quốc tế như *Toàn cảnh thế giới* trên VTV1, *Bàn tròn thế sự* trên NTV. Các chương trình này đều có phỏng vấn khách mời ở nước ngoài về chủ đề thời sự quốc tế. Các khách mời online đều là chuyên gia và phóng viên thường trú tại nước ngoài hoặc địa bàn xanh tỉnh hoặc thành phố khác. Không có khách mời là người nước ngoài. Đặc biệt chương trình *Bàn tròn thế sự* của NTV là chương trình luôn luôn có khách mời online. Cá biệt có chương trình toàn bộ khách mời đều được phỏng vấn online như chương trình *Bàn tròn thế sự* số đặc biệt tháng 11/2024 về diễn biến cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ. Trong chương trình có 4 vị khách mời gồm: ông Lê Quang Khai - Nguyên đại sứ tại Trung Đông; TS Nguyễn Tuấn An tại Texas, Hoa Kỳ; luật sư Hoàng Việt tại TPHCM; chị Phan Yến Linh - Việt kiều tại bang Maryland, Hoa Kỳ. Tất cả đều tham gia cuộc đàm thoại trực tiếp online, bình luận về diễn biến cuộc bầu cử tổng thống Mỹ năm 2024.



Hình 2.4: Chương trình Bàn tròn thế sự số đặt biệt tháng 11/2024 về diễn biến cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ



Hình 2.5: chương trình Bàn tròn thế sự trên kênh NTV phỏng vấn khách mời online



Hình 2.6: Phóng viên Anh Phương- khách mời online thường xuyên của các chương trình Toàn cảnh thế giới trên VTV1

Trong các cuộc PVS, khi được hỏi nhận xét về vai trò và hiệu quả của các cuộc phỏng vấn online, một số NBCLTH cho biết, không có sự khác biệt nhiều về hiệu quả giữa phỏng vấn tại trường quay và phỏng vấn online. Quan trọng là chất lượng của khách mời và thông tin từ cuộc phỏng vấn. “Nếu khách mời là một chuyên gia hàng đầu tầm cỡ quốc tế thì sẽ đem lại uy tín lớn cho chương trình, bất kể hình thức phỏng vấn là online hay thậm chí là chỉ có tiếng điện thoại” (PVS 05 NBCLTH). “Âm thanh và hình ảnh online cũng rất tốt nên không hề giảm hiệu quả của chất lượng phỏng vấn” (PVS 04 NBCLTH). “Trường hợp khách mời tương đương tôi sẽ ưu tiên người có mặt được ở trường quay hơn là người phải kết nối online” (PVS 06 NBCLTH).

Khi được hỏi khi nào thì phỏng vấn online phù hợp với chương trình CLTH, các NBCLTH nêu một số yếu tố cần xem xét để quyết định:

- “*Khi chủ đề liên quan tới quốc tế, cần khách mời là người đang có mặt tại quốc gia đó*” (PVS 06 NBCLTH)

- “*Tôi sẽ thực hiện phỏng vấn online khi khách mời phù hợp và quan trọng không có mặt ở Hà nội*” (PVS 08 NBCLTH)

- “*Tôi thường mời hai khách mời, một người tại trường quay và người kia ở đầu cầu TP HCM để có cái nhìn đa chiều về vấn đề cần bình luận*” (PVS 09 NBCLTH)

- “*Việc mời khách mời online cần có trường quay và điều kiện kỹ thuật phù hợp, nhất là hạ tầng mạng tốt, màn hình LED trong trường quay, và sự phối hợp của đạo diễn và bộ phận kỹ thuật. Nếu là khách mời người nước ngoài thì càng cần nhiều yếu tố phức tạp như công tác phiên dịch trực tiếp. Ngoài ra nhà báo phải là người ngoại ngữ lưu loát để điều phối cuộc đàm thoại trơn tru và tự nhiên*” (PVS 10 NBCLTH).

Thực tiễn khảo sát cho thấy kỹ năng kết nối và tiến hành phỏng vấn online đã được một số nhà báo chính luận truyền hình bước đầu vận dụng trong sản xuất chương trình, đặc biệt là trong các đề tài thời sự quốc tế đòi hỏi sự tham gia của các chuyên gia hoặc phóng viên ở địa bàn xa. Mặc dù số lượng. Chương trình ứng dụng hình thức phỏng vấn online còn chiếm tỷ lệ chưa cao (24,5%), nhưng việc triển khai khá chuyên nghiệp ở một số đơn vị như NTV và VTV1 cho thấy xu hướng này đang dần được chấp nhận như một lựa chọn khả thi, linh hoạt và hiệu quả. Những nhận định từ chính các nhà báo chính luận cũng khẳng định rằng hiệu quả của một cuộc phỏng vấn không phụ thuộc hoàn toàn vào hình thức kết nối, mà phụ thuộc vào chất lượng nội dung và uy tín của khách mời. Tuy nhiên, để phỏng vấn online thực sự trở thành một công cụ mạnh trong tác nghiệp, các yếu tố kỹ thuật như hạ tầng mạng, thiết bị hỗ trợ, trình độ ngoại ngữ và kỹ năng tổ chức tương tác của nhà báo cần được chuẩn bị kỹ lưỡng. Ngoài ra, tư duy biên tập cũng cần chuyển dịch để linh hoạt hơn trong việc lựa chọn hình thức kết nối, tối ưu hóa nguồn lực và mở rộng không gian tiếp cận khách mời cho các chương trình chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số.

2.2.7. Kỹ năng dẫn chương trình phù hợp với công chúng số

NBCLTH cần đổi mới phong cách dẫn để phù hợp với công chúng số. Đó là phong cách dẫn mang tính chất đối thoại nhiều hơn là giảng giải, thể hiện qua việc sử dụng ngôn ngữ “*ứng khẩu*”, bớt lệ thuộc vào kịch bản soạn sẵn. Đồng thời có ngôn ngữ cơ thể linh hoạt để tạo mối quan hệ gần gũi và bình đẳng với khán giả.

Trong các chương trình CLTH được khảo sát, có thể thấy các NBCLTH có những phong cách dẫn khác nhau phụ thuộc theo mũ chương trình, tập hợp thành 3 nhóm như sau:

- Phong cách dẫn giảng giải, lệ thuộc vào kịch bản, không sử dụng ngôn ngữ

ứng khẩu. Phong cách này của các NBCLTH dẫn chương trình bình luận như *Đổi diện* kênh VTV1, *Góc nhìn HTV* và *Người trong cuộc* của HTV9. Các chương trình này có đặc điểm chung là không ghi hình trực tiếp và được ghi băng trước, và không có đàm thoại tại trường quay. Người dẫn sử dụng autocue (máy nhắc lời dẫn) để hỗ trợ trong quá trình dẫn chương trình.



Hình 276: NBCLTH dẫn chương trình *Đổi diện* trên VTV1 (trái) và *Góc nhìn HTV* trên HTV9 (phải)

- Phong cách dẫn tương đối linh hoạt, bớt lệ thuộc vào kịch bản, có đôi khi (từ 1-3 lần) trong chương trình sử dụng ngôn ngữ ứng khẩu, một vài lần (1-3 lần) trong chương trình có cử chỉ linh hoạt. Phong cách này của các NBCLTH dẫn chương trình *Vấn đề hôm nay* và *Sự kiện & bình luận* trên VTV1. Các chương trình này đều được ghi hình và phát sóng trực tiếp, nhưng không trực tuyến, thời lượng dưới 30 phút, có đàm thoại trường quay với từ 1-2 khách mời, không có phần tương tác với khán giả. Nhà báo có sử dụng autocue (máy nhắc lời dẫn) kết hợp với kịch bản để thực hiện phần đàm thoại.



Hình 2.8: NBCLTH dẫn chương trình *Sự kiện & Bình luận* (trái), *Vấn đề hôm nay* (phải) trên VTV1

- Phong cách dẫn mang tính đối thoại, sử dụng ngôn ngữ ứng khẩu nhiều (hơn 3 lần trong chương trình), cử chỉ linh hoạt. Phong cách này của các NBCLTH dẫn chương trình *Bàn tròn thể sự*, *Đối thoại cùng chúng tôi* trên kênh NTV. Đây là các chương trình của Đài TH Nghệ an, đều được phát sóng trực tiếp trên kênh NTV và trực tuyến trên nền tảng MXH, có đàm thoại với ít nhất 2-3 khách mời tại trường quay và online. Chương trình *Đối thoại cùng chúng tôi* có phần tương tác trực tiếp với khán giả qua MXH và đường dây nóng. Trong hai chương trình này NBCLTH khi dẫn không sử

dụng autocue (máy nhắc lời dẫn), chỉ sử dụng kịch bản giấy để nhắc ý chính.



Hình 2.9: NBCLTH dẫn chương trình Đối thoại (trái), Bàn tròn thế sự (phải) trên NTV

Trả lời câu hỏi yếu tố nào tác động lớn nhất tới phong cách dẫn để phù hợp với công chúng số hơn, các NBCLTH đều cho rằng, kết cấu chương trình là yếu tố quyết định. *“Nếu chương trình có phần đối thoại và tương tác trực tiếp, hoặc có phát sóng trực tuyến trên các nền tảng số, thì nhà báo có phong cách linh hoạt và tự nhiên, gần với công chúng số hơn”* (PVS 07 NBCLTH). Ngoài ra các yếu tố tác động khác bao gồm: phong cách cá nhân và quy định của lãnh đạo đơn vị.

Cũng theo khảo sát các NBCLTH chưa tham gia dẫn các nội dung chính luận trên đa nền tảng và chưa thực hiện livestream trên các nền tảng số. Trả lời câu hỏi vì sao chưa tham gia dẫn trên các nền tảng số, các NBCLTH cho biết lý do quan trọng nhất là do yêu cầu và quy định của cơ quan. *“Chúng tôi sẵn sàng thực hiện dẫn các phiên livestream hoặc tham gia dẫn podcast nếu được yêu cầu. Chúng tôi không thể tự thực hiện các nội dung chính luận trên các nền tảng số vì có những quy tắc, quy định của đơn vị”* (PVS 14 NBCLTH).

Trong các cuộc PVS, các NBCLTH cho rằng đã có rất nhiều thay đổi đối với vai trò và yêu cầu về phong cách dẫn của NBCLTH trong môi trường truyền thông số:

- Nhà báo phải biết tương tác trực tiếp với khán giả: *“Trước đây nhà báo khi dẫn chương trình đóng vai trò như người phát ngôn, tuyên tải thông tin. Hiện nay nhà báo còn là người kết nối, tương tác với khán giả”* (PVS 07 NBCLTH). *“Nhà báo không chỉ dẫn dắt cuộc thảo luận trên truyền hình mà còn đóng vai trò kết nối đa nền tảng và người tương tác với khán giả trên sóng và số”* (PVS 09 NBCLTH). *“Phải tương tác và bộc lộ quan điểm cá nhân rõ hơn. Nhưng điểm này chúng tôi có hạn chế vì có những quy tắc, quy định của truyền hình truyền thống, của đơn vị cần tuân thủ”* (PVS 14 NBCLTH).

- Nhà báo phải có kỹ năng số: *“Chúng tôi còn có thể tham gia sản xuất các video ngắn hoặc livestream để giúp nội dung tiếp cận đa dạng nhóm khán giả, đặc biệt là khán giả trẻ”* (PVS 01 NBCLTH). *“Nhà báo cần thành thạo các công cụ và nền tảng số... có khả năng sáng tạo nội dung số hấp dẫn và tạo dấu ấn riêng biệt”* (PVS 16

NBCLTH). “Nhà báo còn là người đại diện của Đài truyền hình trên nền tảng số” (PVS 13 NBCLTH).

- Nhà báo phải biết xây dựng thương hiệu cá nhân: “Nhà báo tạo được thương hiệu trong lĩnh vực cụ thể sẽ tăng được lòng tin của người xem, tạo sức hút cho chương trình” (PVS 04 NBCLTH). “Duy trì uy tín cá nhân trở thành yếu tố quan trọng. Nhà báo giờ còn phải là người có sức ảnh hưởng” (PVS15 NBCLTH).

- Nhà báo cần cập nhật và đáp ứng nhanh chóng các sự kiện và xu hướng mới: “Thế giới truyền thông số diễn ra nhanh chóng, vì vậy nhà báo cần có phản ứng nhanh với các sự kiện và xu hướng mới, điều chỉnh nội dung của mình cho phù hợp với nhu cầu khán giả” (PVS 12 NBCLTH).

- Nhà báo cần xây dựng phong cách riêng có bản sắc: “Nhà báo phải thể hiện sự chân thành và tạo ra một không gian thoải mái để khán giả cảm thấy kết nối... Cần tạo dựng hình ảnh độc đáo và thu hút” (PVS 12 NBCLTH). “Nhà báo phải đóng vai trò người kể chuyện, giúp khán giả hiểu vấn đề qua cách dẫn dắt tự nhiên” (PVS 01 NBCLTH).

Qua khảo sát thực tiễn các chương trình chính luận truyền hình hiện nay, có thể thấy phong cách dẫn chương trình của nhà báo chính luận vẫn đang trong quá trình chuyển dịch để thích ứng với công chúng số. Các NBCLTH đều nhận thức về sự yêu cầu và đòi hỏi thay đổi đối với vai trò của người dẫn trong các chương trình CLTH trong MTTTS. Tuy vậy nhiều nhà báo vẫn duy trì lối dẫn mang tính giảng giải, lệ thuộc vào kịch bản và thiết bị nhắc lời, đặc biệt ở các chương trình ghi hình sẵn không có đối thoại tại trường quay. Nhưng một số chương trình có yếu tố phát sóng trực tiếp, có đàm thoại, hoặc phát trực tuyến trên nền tảng số thì đã ghi nhận sự thay đổi rõ nét: nhà báo sử dụng ngôn ngữ ứng khẩu nhiều hơn, ngôn ngữ cơ thể linh hoạt hơn, phong cách dẫn gần gũi và đối thoại hơn, phù hợp với xu hướng tương tác hai chiều đặc trưng của công chúng số. Thực tế cho thấy kết cấu chương trình và định hướng sản xuất của cơ quan báo chí là những yếu tố chi phối mạnh nhất tới sự chuyển đổi này. Dù các nhà báo chính luận thể hiện tinh thần sẵn sàng dẫn dắt trên đa nền tảng, tham gia livestream hay tạo nội dung số, nhưng các ràng buộc về quy định tổ chức vẫn đang là rào cản lớn. Sự chậm trễ trong việc trao quyền chủ động cho nhà báo và thiếu các cơ chế linh hoạt trong sản xuất nội dung số đang khiến báo chí chính luận truyền hình chưa khai thác hết tiềm năng tương tác và kết nối với công chúng số. Để thích nghi với truyền thông số một cách thực chất, nhà báo chính luận không chỉ cần làm mới kỹ năng dẫn chương trình theo hướng đối thoại, mà còn cần phát triển thêm các năng lực số, kỹ năng xây dựng thương hiệu cá nhân, khả năng phản ứng nhanh với xu hướng, từ đó trở thành người dẫn dắt nội dung đa nền tảng,

vừa có tính định hướng vừa có sức lan tỏa trong không gian truyền thông hiện đại.

2.3. Đánh giá, nhận xét về kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số

2.3.1. Những điểm mạnh trong kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số

Trong bối cảnh truyền thông số phát triển mạnh mẽ, các NBCLTH tại Việt Nam đã có những bước chuyển mình đáng kể nhằm thích nghi với yêu cầu và thách thức mới. Qua khảo sát thực tế các chương trình và phỏng vấn sâu với các nhà báo thuộc ba kênh truyền hình tiêu biểu là VTV1, HTV9 và NTV, có thể ghi nhận một số điểm mạnh nổi bật trong kỹ năng nghề nghiệp của NBCLTH trong môi trường truyền thông số hiện nay.

- Trước hết, một điểm mạnh rõ nét là nhận thức của các NBCLTH về tầm quan trọng và tác động đáng kể của các kỹ năng mới đối với công việc của mình trong MTTTS. Trong các cuộc PVS, các NBCLTH đều thể hiện mức độ hiểu biết khá tốt và tán thành rất cao đối với việc cập nhật và đổi mới KNNN trong MTTTS, từ việc cần thiết nắm bắt dư luận trên nền tảng số, cho tới việc thay đổi phong cách làm chương trình, phong cách dẫn chương trình, và kể cả việc NBCLTH cần phát huy và hoạt động tích cực trên các nền tảng MXH với tư cách là một người có ảnh hưởng (KOL).

- Từ nhận thức tới thực tế thì các NBCLTH cũng thể hiện ưu điểm trong kỹ năng thu thập và khai thác thông tin trên nền tảng số. Hầu hết các NBCLTH được phỏng vấn đều khẳng định họ sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm như Google, Bing, Zalo để thu thập thông tin phục vụ sản xuất chương trình. Bên cạnh đó, nhiều người đã bước đầu tiếp cận các công cụ chuyên sâu như CrowdTangle, Statista, OpenCorporates hay Sci-Hub để khai thác dữ liệu theo chuyên ngành. Việc sử dụng AI như ChatGPT, Gemini để hỗ trợ tìm kiếm thông tin, gợi ý ý tưởng và phân tích nội dung cũng đang trở thành một xu hướng được ghi nhận rõ. Điều này cho thấy NBCLTH đang dần phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin chủ động, đa nguồn và biết tận dụng lợi thế của công nghệ số để tiết kiệm thời gian, tăng hiệu quả.

- Tiếp theo, NBCLTH cũng cho thấy năng lực ứng dụng công cụ AI trong một số công đoạn sản xuất chương trình. Mặc dù chưa có chương trình nào chính thức dán nhãn sản phẩm tạo bởi AI, nhưng nhiều NBCLTH đã sử dụng các công cụ này để hỗ trợ quá trình viết nháp kịch bản, dựng hình, phân tích dữ liệu và xử lý văn bản. Có thể kể đến việc dùng AI để chuyển tiếng phỏng vấn thành văn bản, dựng video minh họa, tóm tắt nội dung nghiên cứu, thiết kế hình ảnh minh họa... Những ứng dụng này giúp

nhà báo tiết kiệm thời gian và tập trung vào các công đoạn mang tính sáng tạo, nội dung cao hơn. Một số nhà báo cho biết họ có thể nhanh chóng phát hiện các xu hướng mới thông qua việc phân tích dữ liệu bằng công cụ AI, từ đó đưa ra các chủ đề thời sự sát thực tiễn.

- Một điểm mạnh khác không thể không nhắc đến là kỹ năng sử dụng dữ liệu trong chương trình. Khoảng 87,7% chương trình chính luận khảo sát có sử dụng dữ liệu số như các con số thống kê, báo cáo, kết quả khảo sát... để hỗ trợ lập luận. Các chương trình trên kênh VTV1, HTV9 và NTV đều sử dụng biểu đồ, đồ họa và bản đồ để thể hiện trực quan dữ liệu, giúp khán giả dễ hiểu, dễ nhớ và nâng cao tính thuyết phục. Việc lồng ghép dữ liệu cùng đồ họa trong chương trình chính luận thể hiện tư duy làm báo hiện đại và có tính lý luận sắc bén của các NBCLTH.

- Ngoài ra, kỹ năng tổ chức và kết nối các cuộc phỏng vấn online cũng là điểm mạnh đang được ghi nhận. 172/700 (tương đương 24,5%) chương trình khảo sát có sử dụng hình thức phỏng vấn online, chủ yếu ở các chương trình thời sự quốc tế như *Toàn cảnh thế giới* của VTV1 hay *Bàn tròn thế sự* của NTV. Các NBCLTH thể hiện khả năng kết nối với khách mời ở nước ngoài, điều phối cuộc đàm thoại mạch lạc, điều chỉnh câu hỏi linh hoạt theo diễn biến trao đổi. Một số chương trình sử dụng toàn bộ khách mời online, kết hợp cả tiếng và hình, cho thấy năng lực tổ chức chuyên nghiệp và phù hợp với xu hướng toàn cầu hóa thông tin.

- Về phong cách dẫn chương trình của một số NBCLTH cho thấy bước chuyển biến tích cực trong việc định hình phong cách phù hợp với công chúng số. Không còn đơn thuần đọc lời dẫn theo kịch bản và máy nhắc chữ, một số NBCLTH đã chuyển sang phong cách dẫn tự nhiên, mang tính đối thoại, sử dụng ngôn ngữ ứng khẩu, cử chỉ linh hoạt và tương tác đa chiều. Đặc biệt các chương trình như *Bàn tròn thế sự*, *Đối thoại cùng chúng tôi* thuộc kênh NTV phát sóng trực tuyến và phát trực tiếp trên MXH đã tạo không gian thể hiện cá tính người dẫn và tạo dựng kết nối gần gũi với công chúng.

- Cuối cùng, có thể ghi nhận về mức độ nhận thức và nỗ lực của NBCLTH trong việc tiếp cận khái niệm thương hiệu cá nhân và năng lực truyền thông đa nền tảng. Một số nhà báo đã nhận thức rõ rằng mình không chỉ là người phát ngôn khi dẫn chương trình, mà còn là người đại diện của đài truyền hình trên môi trường số. Từ đó, họ mong muốn xây dựng phong cách riêng, tăng mức độ tin cậy và khả năng lan tỏa nội dung, nhất là với khán giả trẻ. Khả năng tiếp nhận, học hỏi các công cụ làm nội dung số, livestream, tạo clip ngắn... đang dần được chú trọng, tạo nền tảng cho một thế hệ nhà báo chính luận hiện đại.

Tổng thể, trong bối cảnh truyền thông số đặt ra nhiều yêu cầu mới, có thể khẳng

định rằng NBCLTH tại Việt Nam đã có những bước tiến tích cực, từng bước chuyên dịch kỹ năng nghề nghiệp để thích nghi với môi trường mới, khẳng định vai trò định hướng dư luận và giữ vững tính chính luận trên nền tảng số.

2.3.2. Những hạn chế trong kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số

Bên cạnh những thành công đáng ghi nhận, thực tiễn khảo sát và phỏng vấn chuyên sâu cũng cho thấy vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế trong KNNN của NBCLTH trong MTTTS. Những hạn chế này không chỉ ảnh hưởng tới chất lượng chương trình mà còn khiến khả năng tiếp cận công chúng số còn nhiều giới hạn.

- Trước hết, một trong những điểm yếu đáng chú ý là thiếu kỹ năng thẩm định và xác minh thông tin trên nền tảng số. Mặc dù các nhà báo đều sử dụng công cụ tìm kiếm, nhưng việc kiểm tra độ tin cậy của nguồn tin vẫn mang tính cá nhân, thiếu công cụ hỗ trợ bài bản. Nhiều chương trình sử dụng dữ liệu, thông tin từ mạng xã hội mà không trích nguồn rõ ràng, hoặc sử dụng lời dẫn chung chung như “*thông tin trên mạng*”, “*mạng xã hội đang lan truyền thông tin*”... Điều này không chỉ ảnh hưởng tới tính minh bạch, mà còn tiềm ẩn rủi ro về pháp lý và đạo đức báo chí trong môi trường số.

- Các NBCLTH hầu như chưa có cơ chế và hoạt động tương tác và phản hồi với công chúng trên các nền tảng số, ngoại trừ chương trình phát trực tiếp và có cấu phần tương tác trực tiếp với công chúng.

- Các NBCLTH cũng còn yếu hoặc chưa nắm được một số kỹ năng cần thiết trong MTTTS như kỹ năng SEO, kỹ năng xây dựng hồ sơ cá nhân trên các nền tảng MXH để có thể quảng bá chương trình và tương tác với công chúng số.

- Việc sử dụng AI chưa thực sự kiểm soát và có quy chuẩn rõ ràng. Nhiều nhà báo dùng AI để tìm kiếm, viết nháp kịch bản hoặc dựng hình, nhưng không có quy trình kiểm chứng nội dung do AI đề xuất. Một số chia sẻ rằng họ chỉ đánh giá thông tin bằng trực giác hoặc kinh nghiệm, chưa có kỹ năng phân tích chéo dữ liệu, đối chiếu kết quả đa nguồn. Nguy cơ lệ thuộc vào AI và giảm vai trò tư duy độc lập đang dần hình thành, nhất là khi khối lượng công việc ngày càng nhiều và thời gian sản xuất gấp rút.

- Dù dữ liệu được sử dụng nhiều, nhưng kỹ năng phân tích và diễn giải dữ liệu còn hạn chế. Phần lớn các chương trình chỉ dừng ở việc trình bày con số, chưa có phần giải thích sâu hoặc bình luận sắc bén dựa trên dữ liệu. Hơn nữa, tỉ lệ chương trình có trích dẫn nguồn dữ liệu đầy đủ vẫn ở mức thấp, chỉ khoảng 8%. Điều này khiến dữ liệu dù có hiện diện nhưng không tạo được sức nặng cần thiết trong lập luận.

- Một hạn chế khác là việc sử dụng điện thoại di động để ghi hình vẫn chưa phổ biến, dù được các nhà báo đánh giá cao về tính cơ động. Các lý do như lo ngại về chất

lượng âm thanh, hình ảnh, yêu cầu bảo mật dữ liệu, sự xung đột với vai trò của bộ phận quay phim, và đặc biệt là rào cản tâm lý rằng ĐTDD có thể ảnh hưởng “*tính chuyên nghiệp*” hay “*uy tín*” của chương trình CLTH khiến cho kỹ năng này chưa được phát huy. Trong khi đó, báo chí hiện đại yêu cầu phóng viên phải linh hoạt, đa năng, có thể tự sản xuất nội dung tại hiện trường với thiết bị sẵn có.

- Cuối cùng, phong cách dẫn chương trình vẫn còn mang tính truyền thống ở nhiều đơn vị, chưa thực sự phá bỏ được lối dẫn giảng giải, đọc kịch bản, thiếu linh hoạt và thiếu tương tác. Mặc dù các NBCLTH đều nhận thức được rằng phong cách dẫn cần thay đổi theo hướng gần gũi, đối thoại và cầu nối tương tác với khán giả. Một số NBCLTH chưa từng tham gia dẫn chương trình trên nền tảng số, chưa livestream hoặc podcast, trong khi đây là các hình thức phổ biến trong truyền thông số. Lý do được đưa ra chủ yếu là do cơ chế, nhưng bản thân nhà báo cũng chưa có sự chuẩn bị tốt về kỹ năng thể hiện cá tính, giao tiếp hai chiều và xây dựng hình ảnh cá nhân.

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Các hạn chế trong kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số xuất phát từ nhiều nguyên nhân, cả chủ quan và khách quan. Để có thể đề xuất được các giải pháp khắc phục, cần phân tích thấu đáo những nguyên nhân cốt lõi dẫn tới tình trạng này.

- Nguyên nhân trước hết là do các đơn vị truyền hình còn thiếu định hướng và chủ trương chiến lược số, từ đó thiếu các tài liệu hướng dẫn rõ ràng như quy trình quy chế, quy tắc tác nghiệp liên quan các hoạt động tác nghiệp trong MTTTS như: quy định sử dụng MXH, quy định về sử dụng AI trong quy trình sản xuất chương trình, quy trình về tương tác trên nền tảng số... “*Đơn vị chưa có quy trình sáng tạo nội dung số*” (PVS 01 Nhà quản lý). “*Việc thiếu quy chuẩn hướng dẫn trong việc sử dụng công nghệ mới như AI, dữ liệu lớn, hay mạng xã hội khiến nhà báo lúng túng, bị đặt trong tình trạng “tự chịu trách nhiệm”, dẫn tới không dám ứng dụng những kỹ năng trong MTTTS*” (PVS 02 chuyên gia báo chí truyền thông). Ví dụ như: “*Quyết định việc bày tỏ quan điểm trên MXH hay không là quyết định của bản thân các nhà báo, phải cân nhắc lợi hại và hiểu được ranh giới mong manh giữa quan điểm cá nhân và quan điểm của kênh truyền hình nơi bạn công tác. Bạn có thể được nhiều nhưng cũng có thể mất rất nhiều, kể cả vị trí công tác*” (PVS 01 Chuyên gia báo chí truyền thông). Thực tế này dẫn đến việc hình thành thói quen xử lý theo cảm tính hoặc né tránh áp dụng các kỹ năng trong MTTTS, mặc dù các NBCLTH đều nhận thấy tầm quan trọng của các kỹ năng này.

- Thứ hai, mô hình tổ chức và quản lý tại các kênh truyền hình đối với các nội

dung chính luận còn chưa phù hợp mới xu hướng đa nền tảng, đa phương tiện. Ví dụ một số NBCLTH chia sẻ rằng: *“Bản thân tôi có thể dẫn livestream, làm podcast và thực hiện các bài viết trên Facebook để quảng bá cho chương trình, hoặc chia sẻ quan điểm của chương trình CLTH, nhưng ở đơn vị tôi chưa có mô hình đó”* (PVS 03 NBCLTH). *“Nhóm chuyên trách số là một nhóm khác nên các nhóm làm chương trình chính luận chỉ có nhiệm vụ tập trung vào sản xuất chương trình truyền hình mà thôi”* (PVS 09 NBCLTH). *“Tại đơn vị đã triển khai mô hình tòa soạn hội tụ nhưng chủ yếu áp dụng cho các phần tin tức, chưa áp dụng cho các chương trình bình luận chuyên sâu”* (PVS 11 NBCLTH). Điều này vô hình trung làm triệt tiêu động lực phát triển kỹ năng số và tư duy đa nền tảng của các NBCLTH.

- Một nguyên nhân trực tiếp dẫn đến những hạn chế về KNNN của NBCLTH trong MTTTS là kết cấu các chương trình CLTH chậm đổi mới, hoặc không cập nhật các cấu phần phù hợp với MTTTS, bao gồm các cấu phần tương tác trực tiếp trên nền tảng số. Một số chương trình còn ghi băng trước, một số chương trình phát trực tiếp nhưng không có cấu phần tương tác với khán giả. *“Format chương trình hiện nay đã giữ nguyên trong ít nhất 10 năm trở lại đây, nếu có chỉnh sửa thì không đáng kể”* (PVS 15 NBCLTH). Duy nhất chỉ có chương trình *Đổi thoại cùng chúng tôi* của kênh NTV là chương trình vừa phát trực tiếp trên sóng, vừa phát trực tuyến trên nền tảng MXH, và có cấu phần tương tác với ý kiến của công chúng sóng và số. Dẫn đến việc các NBCLTH tham gia chương trình này thể hiện nhiều KNNN trong MTTTS hơn các NBCLTH tham gia các chương trình khác. *“Kết cấu chương trình là một trong những yếu tố quyết định. Kết cấu nào thì kỹ năng đó. Kết cấu có đổi mới trong MTTTS thì các NBCLTH mới được yêu cầu triển khai các KNNN trong MTTTS”* (PVS 01 chuyên gia báo chí truyền thông).

- Một nguyên nhân nữa được nhiều nhà báo nhắc tới chính là sự phức tạp và thiếu tin cậy của thông tin trên các nền tảng MXH hiện nay. *“MXH là môi trường dễ phát tán thông tin sai lệch và tin giả. Việc kiểm chứng thông tin trở nên khó khăn hơn bao giờ hết, và đôi khi các tin tức không chính xác lại lan truyền nhanh hơn thông tin chính thống”* (PVS 16 NBCLTH). *“NBCLTH luôn phải trong tình thế đi sau cùng trong dòng chủ lưu thời sự”* (PVS04 NBCLTH). NBCLTH gặp hạn chế khi MXH là môi trường tạo *“áp lực câu view”*. *“Để thu hút công chúng, một số nhà báo có thể đăng tải những thông tin giật gân, câu view, thậm chí là thông tin sai lệch”* (PVS 03 NBCLTH). Điều này không phù hợp với các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp của NBCLTH. *“Trong môi trường truyền thông số, chỉ vạ miệng một lần cũng có thể không sửa chữa được, điều này tạo ra áp lực rất lớn với những người làm chính luận”* (PVS 17 NBCLTH).

- Một nguyên nhân khác đến từ hạ tầng kỹ thuật và hỗ trợ công nghệ chưa đồng bộ. Việc phỏng vấn online, sử dụng đồ họa tương tác, livestream trên nền tảng số đòi hỏi sự phối hợp giữa nhiều bộ phận: biên tập, kỹ thuật, đồ họa, đạo diễn, IT... Trong khi đó, tại nhiều đơn vị, đội ngũ kỹ thuật còn mỏng, thiết bị chưa đồng đều, việc cập nhật phần mềm hỗ trợ báo chí chưa theo kịp tốc độ thay đổi của thị trường công nghệ.

- Tư duy nghề nghiệp của một bộ phận NBCLTH còn bị cũ. Nhiều nhà báo có định kiến, cho rằng các xu hướng trong MTTTS không phù hợp với “*tính chuyên nghiệp, tính chính thống*” của các chương trình CLTH. Nhiều người còn giữ quan niệm về vai trò truyền thông của nhà báo chính luận, coi mình là người truyền tải thông tin hơn là người kết nối, dẫn dắt và tương tác với công chúng. Tư duy cũ dẫn đến việc nhiều nhà báo không quyết tâm đổi mới kỹ năng trong MTTTS, không xây dựng thương hiệu cá nhân, chưa chủ động tạo dấu ấn riêng hay phát triển khả năng tương tác hai chiều. “*Việc không đổi mới KNNN có thể dẫn đến sự lạc hậu, tụt hậu trong bối cảnh cạnh tranh với các hạ tầng mạng hiện nay*” (PVS 07 NBCLTH). “*Nếu cứ mãi duy trì cách cũ thì sẽ bị tụt hậu sâu*” (PVS 11 NBCLTH). “*Khó khăn lớn nhất với NBCLTH trong MTTTS hiện nay là thay đổi và thích nghi. Thay đổi ở đây xoay quanh hai câu hỏi: Có nên thay đổi không? Và Thay đổi như thế nào?*” (PVS 02 NBCLTH). Trong môi trường số, nếu không có sự thay đổi về tư duy, nhà báo sẽ khó bắt kịp với nhu cầu mới của công chúng, đặc biệt là khán giả trẻ.

- Công tác đào tạo KNNN cho NBCLTH còn chưa bài bản và đồng bộ. “*NBCLTH chưa quen với công nghệ, nếu không có đào tạo bài bản nhà báo sẽ bị tụt hậu so với xu hướng truyền thông số*” (PVS 03 Nhà quản lý). “*Chúng tôi thi thoảng được tham gia học một số khóa ngắn ngày về AI, sử dụng điện thoại di động, tuy nhiên chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế*” (PVS 07 NBCLTH). “*Các khóa học ít và còn chung chung, chưa hướng dẫn rõ phân ứng dụng trong công việc thực tế*” (PVS 08 NBCLTH). “*Còn thiếu các chương trình đào tạo liền mạch và bài bản cho NBCLTH về kỹ năng số*” (PVS 16 NBCLTH)

Từ các kết quả khảo sát, có thể nhận diện bốn nhóm nguyên nhân cơ bản làm hạn chế quá trình phát triển kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số hiện nay. Thứ nhất, nguyên nhân nhận thức - tư duy: một bộ phận nhà báo vẫn tiếp cận môi trường số bằng quán tính truyền thông tuyến tính, thiên về an toàn nghiệp vụ hơn là chủ động hiện diện và dẫn dắt thảo luận xã hội. Thứ hai, nguyên nhân tổ chức - thể chế: nhiều cơ quan truyền hình chưa thiết lập đầy đủ cơ chế phối hợp giữa ‘sóng’ và ‘số’, chưa có quy trình chuẩn cho tương tác công chúng, sử dụng dữ liệu, sử dụng AI và phân phối nội dung đa nền tảng. Thứ ba, nguyên nhân năng lực -

đào tạo: việc bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng dữ liệu, kỹ năng quản trị nền tảng và kỹ năng thương hiệu nghề nghiệp còn thiếu tính hệ thống. Thứ tư, nguyên nhân công nghệ - hạ tầng: hạn chế về nền tảng số riêng, công cụ phân tích dữ liệu, công cụ kiểm chứng và hệ sinh thái quản trị nội dung khiến nhiều nhà báo vẫn tác nghiệp trong điều kiện thiếu hỗ trợ kỹ thuật chuyên sâu. Sự đan xen của bốn nhóm nguyên nhân này khiến quá trình đổi mới kỹ năng nghề nghiệp diễn ra chậm hơn yêu cầu của thực tiễn.-Việc phân tích các nguyên nhân này là cơ sở quan trọng để đề xuất giải pháp nâng cao kỹ năng nghề nghiệp của NBCLTH trong MTTTS, bảo đảm vai trò định hướng dư luận và sức cạnh tranh trong thời kỳ mới

Tiểu kết chương 2

Kết quả nghiên cứu chuyên đề cho thấy, trong bối cảnh truyền thông số phát triển mạnh mẽ, đội ngũ NBCLTH tại Việt Nam đã có những bước chuyển biến tích cực nhằm thích ứng với yêu cầu mới. Họ đã thể hiện rõ nhận thức về tầm quan trọng của kỹ năng số, chủ động khai thác thông tin đa nguồn, sử dụng các công cụ tìm kiếm và nền tảng số, bước đầu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong nhiều công đoạn sản xuất, cũng như khai thác dữ liệu và trực quan hóa thông tin nhằm nâng cao tính thuyết phục của chương trình. Một số nhà báo đã thể hiện khả năng kết nối và phỏng vấn trực tuyến, thay đổi phong cách dẫn theo hướng gần gũi, tương tác hơn, và có ý thức xây dựng thương hiệu cá nhân, truyền thông đa nền tảng. Những yếu tố này đã góp phần giữ vững vai trò định hướng dư luận và gia tăng sức lan tỏa của báo chí chính luận trên truyền hình.

Tuy vậy, nghiên cứu cũng chỉ ra những hạn chế nổi bật. Kỹ năng tương tác và phản hồi với công chúng số còn hạn chế, hầu hết chưa có cơ chế chủ động và thường xuyên; việc thẩm định và trích dẫn nguồn thông tin, đặc biệt là từ mạng xã hội, chưa được chuẩn hóa; kỹ năng phân tích dữ liệu còn nông, chủ yếu dừng ở mức nêu con số; ứng dụng AI vẫn mang tính tự phát, thiếu quy định kiểm chứng và quản lý; nhiều kỹ năng số như SEO, quảng bá chương trình, sáng tạo nội dung phù hợp đặc trưng nền tảng chưa được trang bị và khai thác hiệu quả. Các hạn chế xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Trong đó có những rào cản như tư duy nghề nghiệp truyền thống, hạn chế về hạ tầng kỹ thuật, mô hình tổ chức chưa phù hợp với xu hướng đa nền tảng, cùng việc thiếu các chương trình đào tạo bài bản cũng ảnh hưởng tới quá trình đổi mới KNNN của NBCLTH.

Từ thực trạng và nguyên nhân đã phân tích, có thể khẳng định rằng việc nâng cao KNNN của NBCLTH trong MTTTS là yêu cầu cấp thiết, không chỉ để đáp ứng nhu cầu thông tin ngày càng cao và đa dạng của công chúng, mà còn để duy trì và củng

cố vai trò, uy tín của báo chí chính luận trên truyền hình. Đây sẽ là nền tảng quan trọng để đề xuất các giải pháp đồng bộ về chiến lược, đào tạo, công nghệ và tổ chức sản xuất, hướng tới một đội ngũ nhà báo chính luận hiện đại, sáng tạo và có khả năng cạnh tranh mạnh mẽ trong kỷ nguyên số.

Chương 3
GIẢI PHÁP NÂNG CAO KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP
CỦA NHÀ BÁO CHÍNH LUẬN TRUYỀN HÌNH
TRONG MÔI TRƯỜNG TRUYỀN THÔNG SỐ

3.1. Một số vấn đề đặt ra về kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số

3.1.1. Tồn tại khoảng cách giữa “biết” và “làm” trong một số KNNN của NBCLTH trong MTTTS

Trước hết, một điểm mạnh rõ nét là nhận thức của các NBCLTH về tầm quan trọng và tác động đáng kể của các kỹ năng mới đối với công việc của mình trong MTTTS. Trong các cuộc PVS, các NBCLTH đều thể hiện mức độ hiểu biết khá tốt và tán thành rất cao đối với việc cần cập nhật và đổi mới KNNN trong MTTTS, từ việc cần thiết nắm bắt dư luận trên nền tảng số, cho tới việc thay đổi phong cách làm chương trình, phong cách dẫn chương trình, và kể cả việc NBCLTH cần phát huy và hoạt động tích cực trên các nền tảng MXH với tư cách là một người có ảnh hưởng (KOL). *“Điều này giúp các chương trình chính luận sẽ đạt được tiêu chí trúng, đúng. Tức là nói trúng được những nhu cầu, giải tỏa tâm tư của cộng đồng..”* (Trích PVS 18 NBCLTH VTV1). *“MXH là nguồn thông tin phong phú... giúp người làm báo nắm bắt được nhiều góc nhìn, khía cạnh khác nhau của một vấn đề, từ đó có cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn... người làm báo có thể phát hiện ra những vấn đề được xã hội quan tâm, từ đó lựa chọn được những đề tài phù hợp”* (Trích PVS 03 NBCLTH HTV9).

Tuy nhiên qua khảo sát thực tế các chương trình CLTH tại kênh VTV1, HTV9 và NTV lại cho thấy số lượng các chương trình CLTH có nội dung đề cập tới dư luận trên MXH (thông qua tit, lời dẫn, phóng sự, tọa đàm, bảng chữ..) khá ít, chỉ chưa tới 15%. Cũng qua khảo sát cho thấy, trong 700 chương trình được khảo sát chỉ có 70 chương trình (chỉ khoảng 10%) có đề cập và phản hồi ý kiến của công chúng trong lời dẫn hoặc đàm thoại, phóng sự, và các hình thức khác. Các kênh MXH của các đài truyền hình khi đăng tải lại các nội dung chương trình chính luận hầu hết đều tắt tính năng bình luận, không tạo cơ hội cho việc tương tác với công chúng.

Tương tự như vậy qua phỏng vấn với các NBCLTH ở cả 3 đơn vị khảo sát, nhiều ý kiến nhất trí cho rằng *“quảng bá chương trình trên các nền tảng số là một chiến lược quan trọng để tăng cường sức lan tỏa và ảnh hưởng”* (PVS 07 NBCLTH). Tuy nhiên hầu hết chỉ nêu tầm quan trọng của việc quảng bá chương trình trên các nền tảng

MXH, nhưng không thực hành nhiều hoạt động này. Cũng không có chương trình CLTH nào thực hiện khảo sát ý kiến hay thực hiện bình chọn dành cho công chúng số. Các NBCLTH cũng không hoạt động như một người có tầm ảnh hưởng trên MXH và hầu như không lan tỏa nội dung chính luận trên các trang MXH của cá nhân họ. Mặc dù trong các PVS, các NBCLTH đều nhận thức rõ rằng hoạt động này là rất cần thiết và hiệu quả đối với công việc của mình.

Với kỹ năng sử dụng ĐTDD để ghi hình, nhiều NBCLTH cho biết “Đây là một công cụ tuyệt vời cho nhà báo truyền hình, thay thế cho nhiều công cụ tác nghiệp cùng một lúc. Bản thân tôi đã dùng điện thoại để quay phóng sự, dẫn hiện trường tại hiện trường, tôi thấy rất tiện lợi” (PVS 18 NBCLTH). Nhưng trên thực tế lại chỉ có 2/700 chương trình được khảo sát có hình ảnh được NBCLTH sản xuất bằng ĐTDD.

Điều này cho thấy đối với một số KNNN của NBCLTH trong MTTTS có khoảng cách không nhỏ giữa nhận thức với thực tế áp dụng và thể hiện trong chương trình. Lý giải vấn đề này, các NBCLTH đưa ra một số lý do, bao gồm:

- Dư luận MXH quan trọng nhưng không mang ý nghĩa quyết định đối với các CLCLT. *“Tôi thường bắt đầu với thông tin mang tính chính thống hơn như từ các phóng viên phụ trách các lĩnh vực, hệ thống các cổng thông tin điện tử... để xác quyết rằng vấn đề đó có thực, chính xác hay không. Sau đó giữa nhiều lựa chọn, MXH mới là thước đo xem vấn đề này được dư luận quan tâm nhiều hơn.”* (Trích PVS 17 NBCLTH).

- Các hoạt động và nội dung trên MXH hàm chứa nhiều rủi ro, không an toàn. *“Cần cẩn thận trong sàng lọc, kiểm chứng xác thực thông tin để tránh chạy theo hiệu ứng đám đông hoặc tin giả”* (Trích PVS 15 NBCLTH);

- Cơ quan báo chí chưa có yêu cầu và quy định rõ ràng đối với các KNNN của NBCLTH trong MTTTS.

- NBCLTH chưa được đào tạo một số kỹ năng cần thiết.

- Thói quen tác nghiệp của chính NBCLTH chưa thay đổi. *“Với tuổi đời trung bình cao, nhiều nhà báo còn ngại ngại, không bắt kịp với thời cuộc”* (PVS 02 Nhà quản lý)

Phân tích trên cho thấy, dù có nhận thức tiến bộ về sự cần thiết của các KNNN trong MTTTS, các NBCLTH vẫn đang đối mặt với một khoảng cách lớn giữa nhận thức và thực hành. Khoảng cách này không chỉ xuất phát từ những lý do cá nhân như thói quen tác nghiệp và tuổi tác, mà còn chịu ảnh hưởng sâu sắc từ các yếu tố mang tính hệ thống như sự thiếu vắng các quy định rõ ràng từ cơ quan quản lý và sự cẩn trọng trước những rủi ro của mạng xã hội. Điều này dẫn đến một thực trạng là, mặc dù tiềm năng phát triển rất lớn, nhưng khả năng thích nghi và tạo sức ảnh hưởng của các NBCLTH trên nền tảng số vẫn còn hạn chế.

3.1.2. Những áp lực từ MTTTS đối với NBCLTH ngày càng lớn

Trong quá khứ các NBCLTH được coi như những “ngôi sao trong làng báo” (PVS chuyên gia 03) với phương tiện nghe nhìn độc quyền và khả năng tiếp cận công chúng rộng rãi. Nhưng trong MTTTS, đặc biệt là sự trỗi dậy của mạng xã hội (MXH) và sự thay đổi chóng mặt của công nghệ mà mới nhất là làn sóng AI tạo sinh, đã tạo ra những thách thức và những áp lực chưa từng có đối với báo chí chính luận nói chung và các NBCLTH nói riêng.

- *Áp lực từ sự thay đổi của công nghệ mới*: Sự thay đổi của công nghệ số với tốc độ như vũ bão đã và đang liên tục tạo ra các khái niệm mới trong lĩnh vực báo chí: báo chí đa phương tiện, báo chí dữ liệu, báo chí tự động, báo chí di động, báo chí liếc nhìn (glance journalism), báo chí “*trương tác thời gian thực*”... “*Chưa kể từ khi có AI thì tốc độ thay đổi với báo chí và nhà báo còn tăng thêm gấp đôi*” (PVS chuyên gia 02). Giờ đây nhiều công việc của nhà báo truyền hình có thể bị thay thế bởi AI, bao gồm cả công việc dẫn chương trình truyền hình. “*Chưa khi nào thông tin có hình thái biểu hiện mãnh liệt và phong phú như hiện nay*” [63, tr.198]. “*Sự phát triển của công nghệ số có tác động theo hai hướng tích cực và tiêu cực, với tốc độ có thể làm ngừng những nhà báo kỳ cựu hay đài truyền hình lớn*” (PVS chuyên gia 02). Các NBCLTH phải đối mặt với yêu cầu không ngừng học hỏi và thuần thục các kỹ năng mới để không “*mất uy tín, mất khán giả*”.

- *Áp lực cạnh tranh từ các nhà sáng tạo nội dung số*: Hai đặc điểm của môi trường truyền thông số được đề cập bao gồm : “*sự sáng tạo vĩ đại nhất thuộc về cộng đồng*”, và “*quá tải thông tin, thay vì thiếu thông tin, đang là thách thức lớn đối với mỗi cá nhân và tổ chức trong kỷ nguyên số*” [7]. “*Lĩnh vực kỹ thuật số hiện đang bị choáng ngợp bởi vô số nhà sản xuất nội dung, các nguồn thông tin tổ chức, những người sử dụng phương tiện truyền thông mới, các nhà hoạt động, nhà quảng cáo, những người có ảnh hưởng, các bác sĩ và chính trị gia đang cạnh tranh để giành được sự chú ý của công chúng*” [110]. Bên cạnh các báo chí chuyên nghiệp còn có báo chí công dân với sự tham gia đưa tin trực tiếp của công chúng. ... “*Sự trỗi dậy của công nghệ thông minh đã khiến ai cũng có thể tạo và phân phối nội dung, hạ thấp rào cản gia nhập ngành công nghiệp báo chí.*” [1, tr8]. Sự thay đổi này lớn đến nỗi cả ngành công nghiệp báo chí phải thay đổi toàn bộ luật chơi.

Các NBCLTH phải đối mặt với sự cạnh tranh trực tiếp này một cách ngày càng gay gắt, nhất là khi nhiều nhà sáng tạo nội dung số cũng chính là những chuyên gia có tầm ảnh hưởng trong nhiều lĩnh vực. Điều này đòi hỏi các NBCLTH phải trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn cũng như kỹ năng trong MTTTS để duy trì sức ảnh hưởng đối với công chúng.

- *Áp lực từ xu hướng công chúng tiếp cận thông tin từ “cửa ngách”*: Báo cáo khảo sát của Viên Nghiên cứu Reuters ở hơn 40 quốc gia ở nhiều châu lục khác nhau và các dữ liệu đều cho thấy xu hướng tiếp cận tin tức thông qua “cửa ngách” là các mạng xã hội thay vì truy cập vào trang web hoặc ứng dụng của chính các cơ quan báo chí. Thói quen của công chúng số là “không còn chờ đợi các chương trình truyền hình mà chủ động tìm kiếm tin tức trên MXH, video ngắn, podcast” (PVS Chuyên gia 04). Điều này đồng nghĩa với việc các chương trình chính luận truyền hình và các NBCLTH sẽ không tới trực tiếp với khán giả, mà phải thông qua màn lọc của MXH. Câu hỏi đặt ra là NBCLTH cần phải làm gì để thu hút công chúng trực tiếp tới với chương trình của mình thay vì tiếp nhận thông qua MXH, đồng thời làm thế nào để MXH tích cực giới thiệu và lan tỏa các nội dung của chương trình chính luận truyền hình.

- *Áp lực từ tin giả*: Vấn nạn “tin giả” (fake news) trong MTTTS gây áp lực rất lớn tới NBCLTH. MXH có thể lan truyền tin tức giả mạo rất nhanh chóng và gây hoang mang dư luận, và đáng lo ngại là “... nhiều tin tức dù được khẳng định là giả mạo nhưng lại gây xôn xao và tranh cãi trong dư luận”, “người dùng chủ quan, và coi những thông tin mình đọc là đúng” [73, tr.156] với 39% người được hỏi rất tự tin vào khả năng nhận định tin tức của mình. “Vấn nạn tin giả có thể làm giảm niềm tin của công chúng vào báo chí chính thống” (PVS Chuyên gia 05). Điều này dẫn đến việc NBCLTH phải nỗ lực gấp bội trong tác nghiệp để có những chương trình kịp thời, thông tin chính xác, và lập luận phải có sức thuyết phục để đấu tranh với nạn tin giả, tin sai sự thật. Đây cũng là lý do vì sao các Đài truyền hình địa phương và đài truyền hình quốc gia đã cho ra mắt các chương trình chính luận trực tiếp đấu tranh phản bác thông tin sai sự thật, thông tin xấu độc và các quan điểm sai trái, thù địch. Trong đó chương trình Đối diện trên kênh VTV1 là một ví dụ điển hình.



Hình 3.1. Chương trình chính luận truyền hình *Đối diện* trên VTV1

- *Áp lực từ việc quản lý tương tác trên nền tảng số*: Trong môi trường truyền thông truyền thống, mối quan hệ giữa nhà báo chính luận truyền hình và công chúng gần như là một chiều. Nhà báo trình bày thông tin trên sóng, và công chúng tiếp nhận. Tuy

nhiên, với sự bùng nổ của mạng xã hội, vai trò của công chúng đã thay đổi hoàn toàn. Họ không còn là người nghe thụ động mà trở thành những cá nhân có tiếng nói, có thể tương tác trực tiếp, phản hồi và thậm chí tranh luận với nhà báo. Điều này tạo ra một áp lực mới, phức tạp và đầy rủi ro. Tác giả Nguyễn Thị Trường Giang đã nhận định: *“lượng người dùng của mạng xã hội áp đảo so với công chúng của các loại hình báo chí truyền thống”* [73, tr.156]. Điều này có nghĩa là nhà báo phải đối mặt với một tập hợp công chúng khổng lồ, đa dạng về trình độ, quan điểm, và thậm chí là cả động cơ. Trong khi sự tương tác có thể mang lại phản hồi quý giá, nó cũng mở ra cánh cửa cho những cuộc tranh cãi *“gay gắt, vô căn cứ”*, những bình luận mang tính xúc phạm, công kích cá nhân. Chính vì vậy khi được hỏi rằng có nên tích cực lan tỏa nội dung chính luận trên nền tảng MXH không, nhiều nhà báo và nhà quản lý bày tỏ quan điểm e ngại đối với hoạt động này. *“Khi tham gia vào các cuộc tranh luận công khai MXH, nhà báo có thể phát ngôn chưa chính xác, Những thông tin này có thể bị lan truyền rất nhanh và bị hiểu sai, bóp méo, nhà báo có thể trở thành nạn nhân của công kích trên MXH”* (PVS NQL 02). *“Khi tương tác với công chúng trên nền tảng số, thách thức lớn nhất là công chúng quá đa dạng, có thể trở thành con dao hai lưỡi, tranh cãi gay gắt, vô căn cứ, làm ảnh hưởng tới hiệu quả truyền thông mong muốn”* (PVS NQL 03).

Có thể thấy trong MTTTS, các NBCLTH đối mặt với những áp lực ngày càng lớn. Hơn bao giờ hết các NBCLTH vừa phải duy trì uy tín và chất lượng thông tin của các chương trình chính luận truyền hình, vừa phải liên tục cập nhật những công nghệ mới để hiện diện và thu hút công chúng trên môi trường số, trong khi vẫn bảo vệ được bản thân và tác phẩm khỏi những rủi ro do tương tác phi tuyến tính và thiếu kiểm soát.

3.1.3. Sự thay đổi sâu sắc về vai trò của NBCLTH trong MTTTS

MTTTS đã làm thay đổi sâu sắc hệ sinh thái báo chí, từ cách sản xuất, phân phối nội dung đến cách công chúng tiếp nhận thông tin. Trong bối cảnh đó, NBCLTH, vốn được xem là *“gương mặt tiêu biểu”* của các đài truyền hình, phải đối mặt với những yêu cầu mới, vượt ra ngoài nhiệm vụ truyền thống. Vai trò của họ mở rộng, phức tạp và đa chiều hơn, gắn với trách nhiệm dẫn dắt dư luận, kiểm chứng thông tin, sáng tạo nội dung số và xây dựng thương hiệu cá nhân. Theo lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự, báo chí có vai trò định hướng đối với việc dư luận sẽ nghĩ về vấn đề gì. Trong MTTTS, vai trò thiết lập chương trình nghị sự vẫn còn, nhưng chịu tác động mạnh của mạng xã hội, nơi các chủ đề có thể nổi lên từ đội ngũ những người sáng tạo nội dung số, không cần qua cổng kiểm duyệt truyền thống. MTTTS cho phép nội dung được điều chỉnh theo sở thích, hành vi từng cá nhân, buộc NBCLTH phải thay đổi cách sản xuất nội dung sao cho vừa giữ được tính định hướng, vừa hấp dẫn và phù hợp nhu cầu

cá nhân hóa của khán giả.

Các nghiên cứu quốc tế cho thấy báo chí chính luận đang chịu áp lực kép: khủng hoảng niềm tin và khủng hoảng mô hình kinh doanh. Edward J. Lopez (2010) trong bài viết “*Is the Decline of Newspapers a Market Failure?*” ví báo chí chiều sâu như những ngọn hải đăng, từng rất cần thiết nhưng có nguy cơ lỗi thời khi có công nghệ định vị hiện đại. Quan điểm này hàm ý rằng sự suy giảm của báo chí truyền thống không chỉ là vấn đề hỗ trợ tài chính, mà còn là thách thức về mô hình tồn tại: báo chí phải tìm ra hình thức mới để duy trì giá trị của mình. Tại Việt Nam, các NBCLTH vẫn được gắn với những thương hiệu truyền hình uy tín như Đài Truyền hình quốc gia và các đài truyền hình địa phương. Khán giả vẫn xem truyền hình là nguồn tin chính thống, đặc biệt trong các vấn đề chính trị, xã hội. Tuy nhiên, xu hướng tiêu thụ thông tin đang thay đổi nhanh chóng. Khán giả trẻ tìm tin tức trên mạng xã hội trước khi xem TV. Điều này đòi hỏi NBCLTH phải hiện diện trên nhiều nền tảng số, tận dụng mạng xã hội để dẫn dắt dư luận, chứ không chỉ xuất hiện trong khung giờ cố định trên sóng truyền hình. Các nhà quản lý và chuyên gia được phỏng vấn đều nhấn mạnh: NBCLTH cần phát triển kỹ năng sản xuất nội dung đa nền tảng, biết cách sử dụng công nghệ mới (livestream, podcast, đồ họa tương tác), có phong cách thể hiện gần gũi, cá tính hơn. Họ cần chuyển từ vai trò “*người đọc kịch bản*” sang “*người kể chuyện*”, dẫn dắt thảo luận mở, trở thành người có ảnh hưởng trong lĩnh vực chính luận. Đây không chỉ là yêu cầu nghề nghiệp, mà còn là cơ hội để mở rộng tầm ảnh hưởng, xây dựng cộng đồng khán giả trung thành. Có thể đưa ra một số thay đổi chính trong vai trò NBCLTH trong MTTTS như sau:

- *Từ truyền tải thông tin sang kiểm chứng thông tin:* NBCLTH phải giúp công chúng phân biệt tin thật, giả, cung cấp bối cảnh để hiểu đúng bản chất sự kiện. “... *nhà báo không còn là chủ thể quyết định những gì sẽ cung cấp cho công chúng nữa, mà nhà báo phải trở thành chủ thể giúp công chúng kiểm chứng các thông tin đúng, tin cậy,... trở thành một điểm tựa tin cậy cho công chúng...*” [**Error! Reference source not found.**, tr.46]. “*Trước đây NBCLTH chủ yếu truyền tải thông tin chính xác và nhanh chóng, phân tích bình luận, tuy nhiên trong MTTTS họ có thêm vai trò giúp công chúng nhận diện kịp thời thông tin chính thống, đâu là tin giả, bị bóp méo*” (PVS 01 Nhà quản lý)

- *Từ gương mặt truyền hình sang người ảnh hưởng đa nền tảng:* Trong MTTTS các NBCLTH cũng cần có mặt trên Facebook, TikTok, YouTube, tạo nội dung phù hợp từng nền tảng, gia tăng tương tác. Điều khó nhất là nhà báo phải có “*khả năng hiểu và suy nghĩ xuyên phương tiện*” [98]. “*Nhà báo CLTH trong MTTTS cần linh hoạt hơn,*

là người sáng tạo nội dung số, biết cách sử dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả thông tin, truyền thông” (PVS 01 Nhà quản lý)

- *Từ phát sóng một chiều sang đối thoại hai chiều:* NBCLTH cần lắng nghe công chúng, phản hồi nhanh, thậm chí tham gia các cuộc thảo luận trực tuyến để định hướng dư luận.

- *Từ phong cách chính luận sang phong cách kể chuyện và cá nhân hóa:* Chính luận trong MTTTS đòi hỏi cách kể chuyện sinh động, tạo cảm xúc, kết hợp đa phương tiện để hấp dẫn khán giả trẻ. *“Từ người trình bày kịch bản trở thành người kể chuyện, từ gương mặt chính luận truyền hình thành người có ảnh hưởng trên đa nền tảng. Từ người dẫn chính luận truyền hình thành người dẫn dắt cuộc thảo luận mở. Từ giọng nói chuẩn mực thành cá tính riêng biệt” (PVS 01 Nhà quản lý)*

Sự thay đổi vai trò này cũng kéo theo những thách thức. Nếu NBCLTH chậm thay đổi, đài truyền hình sẽ mất khán giả trẻ, giảm uy tín và ảnh hưởng. *“Nếu NBCLTH không có kỹ năng phù hợp để tạo nội dung phù hợp với nền tảng mới, đài truyền hình sẽ mất dần khán giả trẻ. Đài truyền hình không còn là nguồn tin tức chính thống được ưu tiên”.* (PVS Nhà quản lý 01). *“Nếu NBCLTH đứng ngoài MTTTS, họ sẽ mất cơ hội dẫn dắt dư luận, trong khi những nguồn tin không chính thống lại chiếm lĩnh sân khấu”* (PVS 04 Chuyên gia). Phản ứng chậm với sự kiện, không đáp ứng được nhu cầu khán giả, các đài truyền hình có thể không cạnh tranh được với các nền tảng khác, từ đó còn dẫn đến giảm nguồn thu, giảm nguồn đầu tư cho chất lượng chương trình và thu nhập của nhân viên (PVS 02 NQL).

Mặt khác sự thay đổi này cũng mở ra cơ hội để NBCLTH gia tăng sức ảnh hưởng, khẳng định vai trò dẫn dắt xã hội. Khi tận dụng tốt nền tảng số, họ có thể lan tỏa thông tin nhanh hơn, tiếp cận nhóm công chúng rộng hơn, thậm chí vươn ra tầm quốc tế. Hơn nữa, việc hiện diện đa nền tảng giúp họ tạo dựng thương hiệu cá nhân, gia tăng giá trị nghề nghiệp và đóng góp vào tiến trình chuyển đổi số của các đài truyền hình. *“NBCLTH có nhiều khả năng nổi bật, có kỹ năng nghiên cứu hiểu biết sâu rộng, có cơ hội xây dựng thương hiệu cá nhân, được rèn luyện trong môi trường làm việc chuyên nghiệp, tiêu chuẩn đạo đức cao, đây là nền tảng để duy trì lòng tin của khán giả. Tất cả tạo nên phẩm chất độc đáo và quý giá của các NBCLTH. Những phẩm chất ấy nếu phát huy được trong MTTTS sẽ trở nên rất nổi bật và cần thiết với công chúng số”* (PVS Chuyên gia 03). *“Bởi lẽ sau những ồn ào của sự tò mò số đông dễ dãi trong biển thông tin hỗn độn, thật giả lẫn lộn thì người nào cũng cần biết sự thật, biết đâu là thông tin chính xác, những gì đang và sẽ tác động đến cuộc sống của mình”* Những câu hỏi này NBCLTH sẽ là người giải đáp tốt nhất và làm trong vai trò dẫn dắt, định hướng dư luận một cách

trách nhiệm và nhân văn” (PVS chuyên gia 01). “Với kinh nghiệm và uy tín của mình, các NBCLTH có kinh nghiệm có khả năng thích ứng có thể trở thành những người định hướng tiêu chuẩn mới của ngành báo chí trong MTTTS, họ có thể giúp báo chí duy trì được vị thế trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt trong MTTTS (PVS Chuyên gia 03). Nói cách khác, *“MTTTS là cơ hội để các NBCLTH bứt phá”* (PVS Chuyên gia 04). *“Có thể thấy nhiều nhà báo chính luận nổi tiếng trên thế giới đang tận dụng triệt để sức mạnh của truyền thông số để tiếp cận công chúng. Nội dung mang tính chính luận có lượng tương tác khổng lồ trên các nền tảng số. Không phải chính luận không có chỗ đứng trên nền tảng số, mà quan trọng nó có được sản xuất theo cách phù hợp hay không”* (PVS Chuyên gia 04).

Như vậy vai trò của NBCLTH trong MTTTS có nhiều thay đổi nhưng không hề suy giảm, mà trở nên phức tạp, đa diện và đòi hỏi nhiều kỹ năng hơn. Họ không chỉ là người truyền đạt thông tin, mà là nhà kiểm chứng, nhà kể chuyện, nhà sáng tạo nội dung, nhà dẫn dắt dư luận. Sự thành công của NBCLTH trong bối cảnh mới phụ thuộc vào việc chọn định vị chính xác trong môi trường số, khả năng thích nghi công nghệ, đổi mới tư duy tác nghiệp, xây dựng phong cách cá nhân và duy trì chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Đây cũng là chìa khóa để báo chí chính luận truyền hình khẳng định vị thế, góp phần định hướng dư luận xã hội một cách nhân văn, hiện đại và hiệu quả trong kỷ nguyên số.

3.1.4. Các kênh truyền hình còn thiếu cơ chế chính sách rõ ràng đối với hoạt động của các NBCLTH trong MTTTS

Qua nghiên cứu tại các kênh truyền hình được khảo sát, có thể thấy một vấn đề nổi bật là các đơn vị này chưa có những văn bản thể hiện chủ trương phát triển các nội dung chính luận trong MTTTS. Vào thời điểm khảo sát các đơn vị này cũng đều chưa có quy định nào cụ thể hướng dẫn các hoạt động của NBCLTH trong MTTTS, bao gồm các hoạt động như thu thập thông tin, kiểm chứng thông tin, sáng tạo nội dung hay tương tác với công chúng số, quản trị khủng hoảng truyền thông số... Hiện mới có Hội Nhà báo Việt Nam ban hành Quy tắc sử dụng Mạng xã hội của người làm báo Việt Nam có hiệu lực từ 1/1/2029, trong đó có quy định những điều người làm báo Việt Nam cần làm và không được làm khi tham gia MXH. Tuy nhiên ở các đơn vị báo chí như đài truyền hình thì chưa có chính sách chủ trương rõ ràng và quy định cụ thể. Nếu có thì chỉ là những khuyến cáo hạn chế phát ngôn trên MXH thay vì khuyến khích và hướng dẫn. Điều này trở thành một trong những rào cản đối với các NBCLTH khi triển khai các hoạt động KNNN trong MTTTS: “Ở một số đơn vị báo chí có quy định về hạn chế bày tỏ quan điểm trên MXH, đặc biệt là những nội dung liên quan vấn đề gây tranh

cãi trong xã hội, tuy nhiên ranh giới khá mong manh, quyết định thuộc về các nhà báo (PVS Nhà quản lý 02). “*Quan trọng nhất vẫn là thiếu cơ chế chính sách, cho phép nhà báo có thể tương tác, bình luận, thể hiện quan điểm của mình trên môi trường số và phát triển các nội dung trên các nền tảng số*” (PVS NBCLTH 13). Một số đơn vị thì cho biết mới đang trong quá trình xây dựng các quy định: “*Chúng tôi đang xây dựng bộ quy tắc ứng xử của nhà báo thời sự với công nghệ trí tuệ nhân tạo*” (PVS Nhà quản lý 01)

3.1.5. Làm chủ nền tảng số có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động của NBCLTH trong MTTTS

Mối quan hệ giữa báo chí với các nền tảng mạng xã hội trong môi trường truyền thông số thường được các học giả thường mô tả bằng khái niệm “*frienemy*”, tạm dịch là mối quan hệ vừa là hợp tác vừa cạnh tranh. Có nhà nghiên cứu truyền thông mô tả thực tế là “*Facebook và Youtube lại đang trở thành tờ báo và đài truyền hình lớn nhất toàn cầu, đồng thời thu thập thông tin và theo dõi hành vi người dùng*” [88, tr 39]. “*Về ngắn hạn thì có vẻ như nền tảng này quảng bá rộng rãi cho báo chí truyền thống, song về lâu dài nó lại giữ chân người dùng ở lại nền tảng của mình, và ngón luôn phần lớn nhất trong chiếc bánh quảng cáo số - vì thế gọi là mối quan hệ “*frenemy*” (nửa bạn nửa thù hay là vừa hợp tác vừa cạnh tranh)*” [88, tr 72]. Dù muốn hay không báo chí vẫn đang phải đẩy mạnh việc xuất bản trên các nền tảng xuyên biên giới. Thực tế này không loại trừ bất kỳ cơ quan báo chí nào, bao gồm cả các chương trình chính luận truyền hình. Để lan tỏa các nội dung chính luận truyền hình trên nền tảng số, các kênh truyền hình ngày càng phải phụ thuộc nhiều hơn với các nền tảng số như Facebook, Youtube, tiktok... Trong khi các nền tảng này liên tục có những chính sách mới và thay đổi về thuật toán, bao gồm cả những chính sách siết một số nội dung không phù hợp với họ. Mặt khác với thuật toán đặc thù của mình, các nền tảng MXH ra đời sau này như Tiktok khiến cho người dùng rơi vào trạng thái “*thiên kiến được khẳng định*”, nghĩa là hành lang thông tin đến với họ hoàn toàn một chiều và do chính sở thích và suy nghĩ của họ tạo nên. Những yếu tố này khiến cho các nhà báo nói chung và các NBCLTH nói riêng gặp khó khăn khi tham gia hoạt động trên các nền tảng số của bên thứ ba. Trong khi đây là một lĩnh vực quan trọng để phát huy KNNN của NBCLTH trong MTTTS. “*Một vấn đề vướng mắc nhất đối với các NBCLTH khi tham gia trên nền tảng số, khi chúng tôi có thể bị đánh đồng với những nguồn thông tin không tin cậy, và đôi khi còn phải điều chỉnh nội dung báo chí để phù hợp với chính sách và thuật toán của nền tảng đó*” (PVS NBCLTH 08).

Trước thực tế này một số đài truyền hình lớn đã có chủ trương xây dựng các nền tảng riêng của mình để phân phối nội dung số. Đài HTV đã xây dựng các ứng dụng

như HTVC, HTVOnline, và mới đây nhất là HTVm. Đài VTV đã xây dựng nền tảng VTGo và báo điện tử vtv.vn. Mục đích là để chủ động phân phối nội dung báo chí và tiếp cận công chúng mọi lúc, mọi nơi, mọi thiết bị. Tuy nhiên các nền tảng này mới chủ yếu để phân phối nội dung mà còn hạn chế tính năng tương tác và tính cá nhân hóa.

3.2. Một số giải pháp và khuyến nghị nâng cao kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số

Trong bối cảnh MTTTS trở thành môi trường chủ đạo, nhà báo chính luận truyền hình (NBCLTH) không chỉ đối diện thách thức về công nghệ, mà còn chịu áp lực thay đổi toàn diện về tư duy, kỹ năng và quy trình tác nghiệp. Từ thực trạng đã phân tích và các vấn đề đặt ra ở chương trước, chương này đề xuất một hệ thống giải pháp và khuyến nghị mang tính khả thi, dựa trên phân tích lý thuyết, so sánh quốc tế và các ý kiến từ phỏng vấn sâu với các NBCLTH, các Nhà quản lý và các chuyên gia, nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp (KNNN) của NBCLTH trong MTTTS

3.2.1. Giải pháp về công nghệ

Trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia, công nghệ không còn là phương tiện phụ trợ mà trở thành xương sống cấu thành năng lực cạnh tranh và bản lĩnh tồn tại của báo chí hiện đại. Đối với báo chí chính luận truyền hình, lĩnh vực vốn gắn liền với định hướng tư tưởng, định hình dư luận và dẫn dắt nhận thức xã hội, thì công nghệ là nhân tố quyết định cả về tốc độ, chất lượng và tầm ảnh hưởng. Không có hạ tầng công nghệ đủ mạnh, không thể có sản phẩm chính luận truyền hình đáp ứng yêu cầu của thời đại số. Mọi năng lực sáng tạo, mọi giá trị tư tưởng sẽ bị giới hạn nếu thiếu nền tảng công nghệ tương thích với quy luật vận hành của truyền thông đa nền tảng.

Một nhà quản lý được phỏng vấn khẳng định: “Đài truyền hình cần đầu tư đủ mạnh để xây dựng nền tảng số riêng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và phân tích xu hướng truyền thông để đưa ra kế hoạch sản xuất nội dung đa nền tảng hiệu quả” (PVS NQL01). Câu nói này cho thấy đầu tư công nghệ không chỉ là đầu tư thiết bị, mà là đầu tư vào năng lực tư duy và phương thức tổ chức sản xuất trong môi trường dữ liệu. Công nghệ chính là hạ tầng của tư duy mới, nơi nhà báo không còn làm báo theo kinh nghiệm, mà làm báo trên cơ sở dữ liệu, thuật toán và hành vi công chúng.

+ Làm chủ hạ tầng công nghệ, điều kiện tiên quyết để bảo vệ chủ quyền thông tin

Báo chí chính luận là diễn đàn của chân lý, của nhận thức xã hội được soi sáng bằng tư tưởng khoa học và lý luận chính trị. Song trong kỷ nguyên số, chân lý ấy phải được bảo vệ bằng công nghệ. Việc phụ thuộc quá sâu vào các nền tảng xuyên biên giới như Facebook, YouTube hay TikTok khiến cơ quan báo chí Việt Nam đứng trước

nguy cơ mất quyền kiểm soát dòng thông tin, bị chi phối bởi thuật toán thương mại và thị hiếu giải trí. Chính vì thế, giải pháp cấp bách đầu tiên là làm chủ hạ tầng công nghệ, nghĩa là sở hữu hệ thống phát hành, lưu trữ và phân tích dữ liệu độc lập.

Một nhà quản lý truyền hình đã thẳng thắn nhấn mạnh: “*Đài truyền hình phải có nền tảng riêng của mình, không thể dựa hoàn toàn vào các nền tảng xuyên biên giới của nước ngoài*” (PVS 02). Đây không chỉ là cảnh báo kỹ thuật, mà là vấn đề chủ quyền dữ liệu và an ninh thông tin quốc gia. Khi cơ quan báo chí không nắm giữ hạ tầng, họ sẽ mất quyền tiếp cận người dùng, không kiểm soát được dòng tương tác, và vô hình trung bị dẫn dắt bởi hệ thống phân phối của các tập đoàn công nghệ nước ngoài.

Làm chủ hạ tầng không chỉ là tự xây dựng nền tảng kỹ thuật, mà còn là xây dựng hệ sinh thái báo chí số nội sinh, gồm ba cấu phần: hệ thống quản trị nội dung (CMS), kho dữ liệu đa phương tiện và nền tảng phân tích hành vi công chúng. Kinh nghiệm của BBC (Anh), NHK (Nhật Bản), CCTV (Trung Quốc) cho thấy, khi một cơ quan truyền hình nắm trong tay hệ thống hạ tầng toàn diện, họ có thể tự động hóa quy trình sản xuất, phát hành, phản hồi; nhà báo có thể theo dõi phản ứng khán giả theo thời gian thực, điều chỉnh thông điệp, ngôn ngữ và hình thức thể hiện để tăng sức thuyết phục của chính luận. Đó là một nền báo chí làm chủ công nghệ để làm chủ tư tưởng.

+ *Tổ chức sản xuất liên hoàn, hội tụ giữa sóng và số*

Một hạn chế nổi bật trong thực tiễn hiện nay là sự chia cắt giữa “sóng” và “số”. Nhiều cơ quan truyền hình vẫn vận hành hai quy trình riêng biệt: sản xuất chương trình phát sóng và sản xuất nội dung cho mạng xã hội. Cách làm này khiến nguồn lực bị phân tán, thông tin thiếu nhất quán và thời gian phản hồi chậm. Các nhà quản lý trong phòng vấn đề thống nhất rằng cần thiết phải chuyển đổi sang mô hình sản xuất liên hoàn, một quy trình mà ở đó, mỗi tác phẩm được sản xuất một lần, nhưng có thể phát hành đồng thời trên nhiều nền tảng.

Một lãnh đạo HTV chia sẻ: “*HTV đang nghiên cứu làm chủ hệ thống và công nghệ sản xuất chương trình chính luận trên cả nền tảng sóng, số theo hướng liên hoàn, không sử dụng hệ thống nhập khẩu như AVID hay AP, để đảm bảo khai thác lẫn nhau giữa sóng và số*” (PVS 04). Đây là hướng đi đúng đắn về quản trị công nghệ trong tòa soạn hội tụ, thể hiện tư duy độc lập và tự cường. Khi quy trình sản xuất trở nên liên hoàn, mỗi nhà báo chính luận có thể điều chỉnh tác phẩm của mình theo nhiều định dạng: phóng sự truyền hình dài, clip ngắn dọc cho nền tảng di động, hay infographic cho mạng xã hội. Điều này không chỉ nâng cao hiệu quả sử dụng thông tin, mà còn giúp thông điệp chính luận tiếp cận nhanh hơn, sâu hơn và rộng hơn.

Đầu tư cho quy trình sản xuất liên hoàn cũng đồng nghĩa với việc đầu tư cho năng lực chuyển đổi kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo. Mỗi nhà báo chính luận phải thành thạo công nghệ dựng hình, thiết kế đồ họa, biên tập âm thanh, xử lý dữ liệu và vận hành hệ thống CMS. Kỹ năng công nghệ trở thành điều kiện tất yếu để duy trì giá trị tư tưởng trong một không gian thông tin phi tuyến, đa chiều và cạnh tranh khốc liệt.

+ *Phát triển nền tảng số quốc gia, mở rộng không gian chính luận Việt Nam*

Kinh nghiệm của Đài Truyền hình Việt Nam (VTV) cho thấy đầu tư công nghệ là con đường duy nhất để giữ vai trò chủ đạo của báo chí chính luận trong môi trường truyền thông số. Nền tảng VTVGo ra đời đã thay đổi căn bản cách tiếp cận khán giả của truyền hình chính thống: từ mô hình phát sóng một chiều sang mô hình phát hành, tương tác và lưu trữ đa nền tảng. VTVGo không chỉ là ứng dụng xem truyền hình trực tuyến, mà là một hệ sinh thái nội dung chính luận số hóa, cho phép người xem tiếp cận mọi chương trình của VTV cũng như hàng chục đài địa phương. Tính đến năm 2024, VTVGo đã đạt hơn 8 triệu người dùng thường xuyên, con số thể hiện năng lực làm chủ hạ tầng và khả năng dẫn dắt dư luận trong không gian số.

Từ thực tiễn đó, cần mở rộng tư duy phát triển nền tảng truyền hình số quốc gia, cho phép các đài trung ương, địa phương và cơ quan báo chí khác chia sẻ tài nguyên, kết nối dữ liệu và phân phối nội dung qua cùng một hệ sinh thái chung. Việc hình thành mạng lưới truyền hình số liên thông sẽ giúp tiết kiệm chi phí đầu tư, tăng tốc độ phản ứng trước các vấn đề xã hội, đồng thời bảo đảm sự thống nhất trong định hướng thông tin. Đó không chỉ là giải pháp công nghệ, mà còn là giải pháp chính trị, xã hội nhằm củng cố quyền chủ động của báo chí Việt Nam trong không gian truyền thông toàn cầu hóa.

+ *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong quy trình sản xuất chính luận*

Bước tiến tiếp theo trong đầu tư công nghệ là tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) vào quy trình sản xuất nội dung. Nếu coi báo chí là một ngành công nghiệp tri thức, thì AI chính là “*công cụ tăng tốc*” của tư duy báo chí. Các chuyên gia trong phỏng vấn đều thống nhất rằng, AI sẽ không thay thế nhà báo, mà sẽ thay đổi cách nhà báo làm việc, giúp họ tập trung hơn vào tư duy phân tích, phản biện và sáng tạo.

Trong môi trường chính luận, AI có thể hỗ trợ ở nhiều cấp độ:

Tự động hóa khâu kiểm chứng thông tin, bằng cách so sánh dữ liệu từ nhiều nguồn độc lập, phát hiện tin giả và cảnh báo sai lệch.

Phân tích hành vi công chúng, qua đó nhận diện xu hướng quan tâm và mức độ lan tỏa của các chủ đề xã hội.

Tối ưu hóa quy trình biên tập, gợi ý cách kể chuyện, nhấn nhá hình ảnh, hay điều chỉnh thời lượng phù hợp từng nền tảng.

Tạo lập kho dữ liệu thông minh, giúp nhà báo tra cứu nhanh, tiết kiệm thời gian trong quá trình nghiên cứu và viết chính luận.

Tuy nhiên, việc ứng dụng AI phải đi kèm với quản trị đạo đức nghề nghiệp và minh bạch thông tin. Công nghệ chỉ là công cụ, còn định hướng giá trị vẫn thuộc về con người. Bởi vậy, các cơ quan truyền hình cần xây dựng bộ quy chuẩn ứng dụng AI trong sản xuất báo chí chính luận, đảm bảo rằng mọi sản phẩm vẫn mang đậm dấu ấn tư duy con người, tư duy chính trị, nhân văn và trách nhiệm xã hội.

+ Bảo đảm an toàn dữ liệu và chủ quyền số của báo chí Việt Nam

Bên cạnh yêu cầu về đổi mới công nghệ, vấn đề an toàn thông tin và chủ quyền dữ liệu được coi là một câu phần không thể tách rời. Báo chí chính luận chứa đựng khối lượng lớn thông tin thuộc diện bí mật nhà nước, nguồn tin nội bộ và dữ liệu công dân. Nếu không được bảo vệ đúng chuẩn, những dữ liệu này có thể bị khai thác, thao túng hoặc sử dụng vào mục đích xuyên tạc. Do đó, mỗi cơ quan truyền hình phải xây dựng hệ thống bảo mật đa tầng, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế như ISO/IEC 27001:2022, đồng thời ban hành quy định cụ thể về quyền truy cập, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu.

Bảo vệ dữ liệu không chỉ là yêu cầu kỹ thuật, mà còn là vấn đề đạo đức và pháp lý của nhà báo. Người làm báo chính luận phải hiểu rằng trong kỷ nguyên số, giữ bí mật nguồn tin và bảo mật thông tin là biểu hiện cao nhất của trách nhiệm nghề nghiệp. Đầu tư cho công nghệ bảo mật vì thế không chỉ nhằm chống rủi ro, mà còn nhằm bảo vệ niềm tin công chúng và bảo vệ uy tín chính luận của truyền hình cách mạng Việt Nam.

+ Hình thành văn hóa công nghệ trong tòa soạn hội tụ

Đầu tư hạ tầng chỉ có ý nghĩa khi đi kèm với xây dựng văn hóa công nghệ, tức là thái độ, tư duy và phương pháp làm việc của con người trong môi trường số. Tòa soạn hiện đại phải được tổ chức như một hệ sinh thái tri thức, nơi nhà báo, kỹ sư dữ liệu, chuyên gia đồ họa, lập trình viên và nhà xã hội học cùng phối hợp sản xuất. Ở đó, mọi quyết định biên tập đều dựa trên bằng chứng dữ liệu, mọi sản phẩm đều hướng đến hiệu quả tương tác, và mọi công nghệ đều phục vụ mục tiêu định hướng xã hội.

Nhà báo chính luận truyền hình trong thời đại số phải trở thành người kiến tạo công nghệ truyền thông, chứ không chỉ là người sử dụng. Họ cần nắm vững nguyên lý vận hành của các nền tảng, hiểu sâu cơ chế phân phối của thuật toán, từ đó chủ động định vị thông điệp, chọn kênh phù hợp và kiểm soát hiệu ứng truyền thông. Đây chính là biểu hiện cao nhất của kỹ năng nghề nghiệp hiện đại, kỹ năng tư duy công nghệ.

Đầu tư công nghệ là giải pháp hạt nhân trong chiến lược nâng cao kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình. Hạ tầng công nghệ hiện đại tạo ra nền tảng vật chất cho sự sáng tạo tư tưởng; nền tảng số nội sinh bảo vệ quyền chủ động của báo chí quốc gia; còn công nghệ trí tuệ nhân tạo mở rộng không gian nhận thức và tương tác của nhà báo. Mỗi khoản đầu tư cho công nghệ là một khoản đầu tư cho năng lực tư duy, bản lĩnh nghề nghiệp và vị thế chính trị của báo chí Việt Nam trong không gian truyền thông toàn cầu.

Do đó, việc xây dựng hạ tầng và nền tảng số không chỉ nhằm nâng cao năng suất lao động báo chí, mà còn là một chiến lược bảo vệ chủ quyền thông tin, gìn giữ bản sắc và khẳng định vai trò định hướng của báo chí chính luận truyền hình Việt Nam trong thời đại số hóa.

3.2.2. Giải pháp về đổi mới tư duy

Đổi mới tư duy là bước đi khó nhất nhưng đồng thời là điều kiện tiên quyết để báo chí chính luận truyền hình bước qua ngưỡng cửa của thời đại số. Mọi sự đầu tư về công nghệ, hạ tầng, hay chính sách, nếu không đi kèm một sự chuyển đổi căn bản trong tư duy nghề nghiệp, sẽ chỉ dừng lại ở hình thức. Trong khi công nghệ đang thay đổi từng ngày, nhiều tòa soạn vẫn vận hành với mô hình tổ chức cũ, tư duy tuyến tính và phương pháp làm báo “analog”, nghĩa là đặt truyền hình truyền thống ở vị trí trung tâm, coi nền tảng số chỉ là kênh phụ trợ. Một chuyên gia được phỏng vấn đã cảnh báo: “*Không thể làm báo chí số với tư duy analog*” (PVS Chuyên gia 04). Câu nói này không chỉ là lời nhắc nhở, mà là chìa khóa mở cánh cửa đổi mới tư duy báo chí Việt Nam trong kỷ nguyên truyền thông số.

+ Xây dựng tư duy “Digital First”, từ phát sóng đến sản xuất nội dung số

Tư duy digital-first (ưu tiên nền tảng số) là bước chuyển chiến lược, trong đó mọi quy trình sản xuất, phát hành và đánh giá nội dung đều đặt trọng tâm vào nền tảng số, còn sản phẩm phát sóng chỉ là phần được biên tập, mở rộng hoặc tái cấu trúc từ bản gốc số. Đó là cách mà các đài truyền hình hàng đầu thế giới như BBC, NHK, The Washington Post, CNN Digital, France 24 đã và đang vận hành.

Tư duy này buộc nhà báo chính luận truyền hình phải thay đổi cách nhìn về “sản phẩm báo chí”. Nếu trước đây, bản tin lên sóng được coi là “đích đến”, thì nay, nội dung số chính là điểm khởi đầu của quá trình sáng tạo. Thông điệp chính luận cần được phát triển theo cấu trúc đa tầng: nội dung ngắn gọn, trực diện, hấp dẫn để thu hút công chúng trên nền tảng số; sau đó được mở rộng, phân tích và phản biện sâu hơn trong các bản tin phát sóng hoặc talkshow truyền hình.

Mô hình này giúp nhà báo tiếp cận công chúng từ sớm, tương tác liên tục và dẫn dắt dư luận theo tiến trình thông tin, thay vì chỉ “xuất hiện” khi chương trình lên sóng. “Digital first” không chỉ là thay đổi kỹ thuật, mà là tái cấu trúc toàn bộ quy trình tư duy, từ chọn đề tài, cách kể chuyện đến cách đo lường hiệu quả. Nhà báo không còn đơn thuần là người truyền đạt, mà là người tạo ra vòng đối thoại tri thức với công chúng trong không gian mạng.

+ Xây dựng văn hóa sáng tạo, xóa bỏ tư duy bảo thủ, khuyến khích thử nghiệm

Không thể hình thành tư duy digital-first nếu tòa soạn vẫn tồn tại văn hóa sợ sai, sợ thử nghiệm. Một nhà quản lý được phỏng vấn nhận xét: “*Cần chính sách phù hợp giúp nhà báo chính luận truyền hình có không gian sáng tạo, được thử nghiệm những cách làm mới mà không bị bó buộc bởi tư duy cũ*” (PVS NQL 03). Một ý kiến khác cũng khẳng định: “*Cần có văn hóa đổi mới, nơi mà việc sáng tạo, thử nghiệm không bị cản trở bởi những nguyên tắc bảo thủ*” (PVS NQL 03).

Để nuôi dưỡng văn hóa sáng tạo, các cơ quan báo chí cần xây dựng môi trường tổ chức khuyến khích đổi mới và chấp nhận rủi ro có kiểm soát. Sáng tạo không thể sinh ra từ mệnh lệnh hành chính, mà chỉ xuất hiện khi con người được tự do thử nghiệm trong một không gian nghề nghiệp an toàn.

Tòa soạn cần tạo điều kiện cho nhà báo thử nghiệm format mới, như livestream phân tích chính sách, bản tin ngắn dọc (vertical video), infographic chính luận, podcast phản biện xã hội hay mini talk chính trị, kinh tế. Đây là những hình thức tiếp cận công chúng thế hệ Z, nhóm công chúng chính của môi trường số. Quan trọng hơn, việc thử nghiệm này giúp báo chí chính luận khẳng định tính hiện đại, linh hoạt nhưng không đánh mất bản sắc lý luận, tư tưởng.

Cùng với đó, cần phát triển chính sách nội bộ về sáng tạo: cho phép thử nghiệm trong khuôn khổ rõ ràng, có cơ chế ghi nhận, đánh giá và chia sẻ lợi ích. Mỗi sáng tạo thành công cần được lan tỏa như một điển hình nghề nghiệp; mỗi thử nghiệm chưa đạt cũng cần được coi là một kinh nghiệm tích lũy. Chỉ khi văn hóa sáng tạo được thiết lập như một giá trị cốt lõi, tòa soạn mới thực sự chuyển hóa tư duy từ “*quản lý sản xuất nội dung*” sang “*kiến tạo không gian sáng tạo số*”.

+ Đổi mới tư duy quản trị, từ kiểm soát quy trình sang dẫn dắt sáng tạo

Tư duy digital-first đòi hỏi sự thay đổi không chỉ ở phóng viên, biên tập viên, mà trước hết ở tư duy quản trị của lãnh đạo cơ quan báo chí. Trong môi trường truyền thông số, lãnh đạo không thể chỉ quản lý bằng mệnh lệnh hành chính, mà phải trở thành người dẫn dắt tư duy đổi mới, khơi gợi sáng tạo và tạo động lực cho đội ngũ.

Mỗi nhà lãnh đạo cần hiểu rằng “*kiểm soát*” và “*quản lý*” không còn đồng nghĩa. Kiểm soát quá chặt sẽ giết chết sáng tạo; quản lý bằng niềm tin, bằng cơ chế minh bạch, sẽ kích hoạt sức mạnh tập thể. Việc phân quyền sáng tạo cho nhóm sản xuất, cho phép họ chủ động định dạng nội dung, chọn nền tảng và hình thức thể hiện, chính là biểu hiện của quản trị hiện đại, quản trị bằng mục tiêu, không bằng mệnh lệnh.

Đồng thời, cần xây dựng bộ chỉ số sáng tạo và lan tỏa nội dung (Creative KPI), thay cho cơ chế đánh giá thuần túy bằng số lượng tin, bài. Những chỉ số này phải phản ánh được giá trị xã hội, độ tin cậy, hiệu ứng chính luận và mức độ tương tác công chúng. Đây là công cụ đo lường tư duy digital-first một cách khoa học, định lượng và khách quan.

+ Chuyển đổi mô hình tổ chức sản xuất, hội tụ nội dung và dữ liệu

Một biểu hiện cụ thể của tư duy digital-first là hội tụ sản xuất nội dung dựa trên dữ liệu. Thay vì chia tách phòng ban theo thể loại chương trình, tòa soạn cần tổ chức nhóm sản xuất tích hợp (multimedia team), trong đó phóng viên, kỹ thuật viên, biên tập viên, chuyên gia dữ liệu và đồ họa làm việc cùng nhau. Mỗi đề tài chính luận được triển khai đồng thời trên nhiều định dạng: bản tin truyền hình, bài viết phân tích trên website, clip ngắn cho mạng xã hội và đồ họa tương tác.

Đây không chỉ là đổi mới kỹ thuật, mà là sự chuyển đổi mô hình nhận thức về giá trị thông tin: thay vì sản xuất theo tuyến tính, nhà báo chính luận cần “*tư duy vòng đời nội dung*”, tức là xem một chủ đề chính trị, xã hội có thể được kể lại, mở rộng, cập nhật và tương tác theo nhiều vòng lặp khác nhau trên nền tảng số.

Việc tích hợp dữ liệu công chúng, phản hồi người xem và công cụ phân tích xu hướng (trend analytics) cũng giúp nhà báo hiểu rõ hơn về nhu cầu tiếp nhận, từ đó định hình chiến lược nội dung chính xác và hiệu quả hơn. Khi dữ liệu trở thành cơ sở cho sáng tạo, chính luận truyền hình không chỉ là tuyên truyền, mà trở thành diễn ngôn tri thức, có cơ sở, có sức thuyết phục và có sức sống lâu dài.

+ Bài học quốc tế về “Digital First”, từ lý thuyết đến thực hành

Thế giới đã chứng minh rằng tư duy digital-first là con đường tất yếu để bảo tồn và phát triển giá trị của báo chí chính luận trong môi trường truyền thông cạnh tranh. The Washington Post là ví dụ điển hình: từ năm 2013, tờ báo này đã triển khai chiến lược digital-first, coi nền tảng trực tuyến là ưu tiên, bản in chỉ còn là phiên bản mở rộng. Sự chuyển hướng này giúp Washington Post tăng trưởng mạnh mẽ lượng độc giả trực tuyến, tái cấu trúc đội ngũ biên tập, áp dụng dữ liệu vào quy trình sản xuất và giữ vững vị thế của một cơ quan báo chí chính luận hàng đầu nước Mỹ.

Tương tự, BBC (Anh) và NHK (Nhật Bản) đều thực hiện chiến lược “*online-first newsrooms*”, nơi mọi bản tin truyền hình được chuẩn bị cho nền tảng số trước khi lên sóng. Họ xác định: khán giả sẽ tiếp cận thông tin đầu tiên qua điện thoại di động, chứ không phải qua tivi. Do đó, nếu báo chí chính luận muốn tồn tại, phải “*đến trước công chúng*” bằng nội dung số nhanh, chính xác, hấp dẫn và có chiều sâu tư tưởng.

Đối với Việt Nam, việc chuyển đổi sang tư duy digital-first phải được xem là chiến lược cốt lõi của nền báo chí cách mạng trong giai đoạn 2025-2035. Không chỉ để bắt kịp xu hướng quốc tế, mà còn để bảo vệ không gian truyền thông quốc gia trước sự chi phối của các nền tảng xuyên biên giới.

+ Xây dựng “tư duy dữ liệu” song hành với “tư duy tư tưởng”

Một trong những biểu hiện sâu sắc nhất của tư duy digital-first là sự kết hợp giữa tư duy dữ liệu (data thinking) và tư duy tư tưởng (ideological thinking). Báo chí chính luận không thể chỉ dựa vào cảm quan chính trị hay lập luận lý tính, mà cần dựa trên dữ liệu, bằng chứng định lượng và phản hồi thực tế của công chúng.

Nhà báo chính luận hiện đại phải biết đọc dữ liệu như đọc xã hội, phân tích hành vi người dùng như phân tích dòng chảy tư tưởng. Mỗi lượt tương tác, bình luận hay chia sẻ trên mạng xã hội đều phản ánh một thái độ xã hội, một xu hướng nhận thức. Khi dữ liệu được hiểu đúng và xử lý đúng, nó sẽ trở thành “*nguyên liệu chính trị*” giúp NBCLTH nâng cao chất lượng chính luận, làm cho thông điệp tư tưởng trở nên thuyết phục, gần gũi và có sức lan tỏa.

Do đó, trong tiến trình chuyển đổi tư duy, cần đưa “*năng lực dữ liệu*” trở thành một thành tố của bản lĩnh chính luận, nơi tri thức công nghệ và lý luận chính trị hòa quyện, tạo ra hình mẫu nhà báo chính luận của thời đại số: năng động, sâu sắc, chuẩn mực và sáng tạo.

Chuyển sang tư duy “Digital First” là bước ngoặt tư duy mang tính cách mạng đối với báo chí chính luận truyền hình Việt Nam. Đây không chỉ là sự thích ứng kỹ thuật, mà là một cuộc tái thiết toàn diện về nhận thức, văn hóa tổ chức và mô hình sáng tạo nội dung. Khi coi nền tảng số là trung tâm, báo chí chính luận sẽ mở rộng khả năng lan tỏa, tăng cường tương tác và củng cố niềm tin công chúng trong không gian thông tin toàn cầu.

Đổi mới tư duy là nền tảng của mọi cải cách: từ thể chế, công nghệ đến nhân lực. Chỉ khi nhà báo chính luận truyền hình suy nghĩ như người sáng tạo số, hành động như người kiến tạo xã hội và phản biện như người trí thức, thì báo chí Việt Nam mới thực sự làm chủ không gian truyền thông mới, vừa giữ vững bản sắc chính luận, vừa khẳng định tầm vóc trong kỷ nguyên dữ liệu hóa và toàn cầu hóa truyền thông.

3.2.3. Giải pháp về cơ chế, chính sách

Trong hệ sinh thái truyền thông số, cơ chế và chính sách giữ vai trò như hạ tầng thể chế của nghề báo, là “bệ đỡ” để nhà báo chính luận truyền hình thực thi sứ mệnh xã hội của mình trong một môi trường thông tin phức hợp, phi tuyến và đầy biến động. Nếu công nghệ là công cụ, con người là trung tâm, thì thể chế chính sách là nền móng bảo đảm sự phát triển bền vững và an toàn của nền báo chí chính luận. Mọi nỗ lực chuyển đổi số trong báo chí đều sẽ thiếu hiệu quả nếu không được đặt trong một khuôn khổ pháp lý rõ ràng, minh bạch, có khả năng điều tiết rủi ro, khuyến khích sáng tạo và bảo vệ giá trị công ích của thông tin.

Các kết quả phỏng vấn sâu cho thấy sự thống nhất cao trong nhận thức của các nhà báo, chuyên gia và nhà quản lý: “*Cần có hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch để khuyến khích và bảo vệ nhà báo, ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật trên môi trường truyền thông số*” (PVS NBCLTH 03). Một chuyên gia bổ sung: “*Việc nhà báo chính luận truyền hình tham gia các nền tảng số phải được thể hiện bằng quy định chính thức của cơ quan báo chí*” (PVS Chuyên gia 01). Như vậy, vấn đề đặt ra không chỉ là hoàn thiện hệ thống luật pháp, mà còn là tái cấu trúc toàn bộ cơ chế quản trị tòa soạn, định vị lại vai trò của người làm báo trong môi trường truyền thông số, và thiết lập cơ chế khuyến khích sáng tạo đi đôi với kỷ luật nghề nghiệp.

+ Hoàn thiện khung pháp lý cho tác nghiệp trong môi trường truyền thông số

Hoàn thiện khung pháp lý là giải pháp đầu tiên và quan trọng nhất, bởi mọi hoạt động sáng tạo báo chí chỉ có thể phát huy khi được đặt trong khuôn khổ pháp luật bảo vệ và điều tiết hợp lý. Môi trường truyền thông số đã làm thay đổi sâu sắc phương thức tác nghiệp, vai trò và trách nhiệm của nhà báo. Khi nhà báo không chỉ hoạt động trên sóng truyền hình mà còn hiện diện trên mạng xã hội, đăng tải nội dung đa định dạng, tương tác trực tiếp với công chúng, ranh giới giữa phát ngôn cá nhân và nhiệm vụ nghề nghiệp trở nên mong manh.

Do đó, Nhà nước và các cơ quan báo chí cần cập nhật, luật hóa và cụ thể hóa các quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của nhà báo trong môi trường truyền thông số. Những quy định này phải đảm bảo ba yêu cầu cơ bản:

Thứ nhất, bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo, đặc biệt trong việc phản ánh và bình luận các vấn đề chính trị, xã hội có tính nhạy cảm, tránh tình trạng bị công kích, bạo lực mạng hoặc xuyên tạc.

Thứ hai, xác định rõ giới hạn của phát ngôn cá nhân trên không gian mạng, tránh để nhà báo chính luận trở thành “*người phát tán quan điểm*” ngoài khuôn khổ định hướng của cơ quan chủ quản.

Thứ ba, quy định cụ thể về quy trình tác nghiệp “số, sóng song hành” như một phần của quy trình sản xuất chính luận hàng ngày.

Một nhà quản lý đề xuất: “*Phải luật hóa quy định rõ ràng, cụ thể việc số, sóng song hành vào quy trình tác nghiệp hàng ngày của ê-kíp sản xuất nội dung chính luận*” (PVS NQL 04). Đây là kiến nghị có ý nghĩa nền tảng, bởi khi quy trình số hóa được pháp lý hóa, mọi thành viên trong tòa soạn sẽ có cơ sở hành động, tránh tình trạng “*tự phát*” khi tham gia các nền tảng số.

Bên cạnh đó, cần bổ sung các quy định về đạo đức và an toàn tác nghiệp trên không gian mạng, bao gồm trách nhiệm kiểm chứng thông tin, bảo mật dữ liệu, xử lý tin giả và bảo vệ hình ảnh cơ quan báo chí. Một nhà quản lý khẳng định: “*Phải hoàn thiện, cập nhật các quy tắc tác nghiệp của báo chí và nhà báo chính luận trong môi trường truyền thông số*” (PVS NQL 01).

Khung pháp lý hiện đại phải vừa chặt chẽ trong nguyên tắc, vừa linh hoạt trong thực thi, khuyến khích sáng tạo nhưng không để bị thao túng bởi dòng thông tin thiếu kiểm chứng. Như một chuyên gia nêu: “*Cần tạo ra hành lang pháp lý linh hoạt nhưng chặt chẽ, khuyến khích sáng tạo nhưng không để bị thông tin mạng xã hội chi phối. Đồng thời có chính sách hỗ trợ để nhà báo tiếp cận công nghệ mới, dữ liệu và các công cụ hiện đại*” (PVS Chuyên gia 04).

+ Xây dựng chiến lược số hóa cấp cơ quan, định vị vai trò của chính luận truyền hình

Khung pháp lý dù hoàn thiện đến đâu vẫn cần được cụ thể hóa qua chiến lược số hóa cấp cơ quan báo chí. Trong thời đại đa nền tảng, mỗi tòa soạn truyền hình phải có tầm nhìn chiến lược về vị trí, vai trò và giá trị của sản phẩm chính luận trong không gian truyền thông toàn cầu.

Một nhà báo chính luận truyền hình chia sẻ: “*Cần có chiến lược và mạnh dạn ứng dụng hoạt động báo chí trên môi trường truyền thông số. Lãnh đạo kênh truyền hình cần có định hướng, có chiến lược rõ hơn, định vị mình trong môi trường truyền thông số, từ đó có chiến lược đào tạo phù hợp*” (PVS NBCLTH 11). Như vậy, chiến lược số hóa không chỉ là kế hoạch kỹ thuật, mà là định hướng chiến lược về nhận thức, tư duy và mô hình quản trị.

Cần xác định rõ các yếu tố:

Đối tượng công chúng mục tiêu, được phân tích dựa trên dữ liệu hành vi người xem, đảm bảo thông điệp chính luận tiếp cận đúng nhóm công chúng cần định hướng.

Mục tiêu truyền thông, thể hiện qua các chỉ số định lượng (KPI) về mức độ lan tỏa, tương tác, độ tin cậy và chỉ số niềm tin công chúng.

Hệ thống tiêu chí đánh giá sản phẩm chính luận số, trong đó yếu tố “*chính xác, kịp thời, nhân văn, hấp dẫn*” được đặt trong cùng một cấu trúc giá trị.

Chiến lược số hóa cũng đòi hỏi một mô hình quản trị nội dung mới: thay vì chia tách phòng ban theo kênh phát sóng, cần tổ chức theo chuỗi sản xuất nội dung tích hợp, cho phép phóng viên và biên tập viên cùng chịu trách nhiệm về sản phẩm trên cả sóng truyền hình và nền tảng số. Mô hình này không chỉ tiết kiệm chi phí, mà còn tăng cường hiệu quả lan tỏa, củng cố bản sắc chính luận trong môi trường cạnh tranh thông tin toàn cầu.

+ Thiết lập cơ chế thưởng, phạt minh bạch, khuyến khích sáng tạo có trách nhiệm

Cơ chế chính sách không thể tách rời hệ thống động lực nghề nghiệp. Một tòa soạn không thể kỳ vọng có sản phẩm sáng tạo nếu không có cơ chế ghi nhận và khích lệ đúng mức. Tuy nhiên, trong lĩnh vực báo chí chính luận, khuyến khích sáng tạo phải luôn đi đôi với trách nhiệm xã hội và chuẩn mực chính trị.

Một nhà quản lý nhấn mạnh: “*Cơ chế thưởng, phạt phải minh bạch, khuyến khích sáng tạo, đồng thời đảm bảo trách nhiệm xã hội của nhà báo. Đây không phải là vấn đề có thể lựa chọn, mà tất cả phải cùng thực hiện trong mọi hoạt động sản xuất, có thưởng phạt rõ ràng*” (PVS NQL 02). Ý kiến này cho thấy sự cần thiết của hệ thống đánh giá hai chiều: vừa khen thưởng những sản phẩm sáng tạo, có sức lan tỏa xã hội, vừa xử lý nghiêm hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp, phát ngôn sai định hướng hoặc thao túng thông tin.

Bên cạnh đó, chính sách đãi ngộ cần được điều chỉnh tương xứng với khối lượng và cường độ công việc. Trong môi trường số, nhà báo chính luận không còn chỉ sản xuất một sản phẩm cho sóng truyền hình, mà phải đảm nhiệm cùng lúc ba không gian: sóng truyền hình, nền tảng số của cơ quan báo chí và mạng xã hội. Công việc “*gấp ba lần*” đòi hỏi chính sách nhuận bút, thù lao và cơ chế thăng tiến tương ứng. Đây là yếu tố quan trọng để giữ chân nhân lực chất lượng cao và tạo động lực đổi mới.

+ Thúc đẩy đổi mới format, bảo đảm sức sống của chính luận trong môi trường số

Một nội dung nổi bật trong các cuộc phỏng vấn là yêu cầu đổi mới format chương trình chính luận để phù hợp với thói quen tiếp nhận của công chúng số. Một nhà quản lý nhận xét: “*Cần đổi mới format chương trình thường xuyên để thu hút khán giả số*” (PVS NQL 03); còn một nhà báo chính luận nhấn mạnh: “*Trong guồng quay của môi trường truyền thông số, nhà báo chính luận cần những format chương trình sáng tạo, phù hợp hơn với giới trẻ*” (PVS NBCLTH 04).

Đổi mới format không đơn thuần là thay đổi hình thức, mà là đổi mới phương pháp truyền đạt tư tưởng chính luận. Một chương trình chính luận truyền hình hiện nay phải

hội đủ ba yếu tố: ngắn gọn, trực diện, đa phương tiện. Thông tin phải được mã hóa bằng hình ảnh, đồ họa, dữ liệu; lập luận phải sắc bén, thuyết phục nhưng gần gũi; hình thức thể hiện phải năng động, thích ứng với các nền tảng di động.

Để thực hiện điều đó, cơ quan báo chí cần có quy trình đổi mới format định kỳ, thiết lập nhóm sáng tạo nội dung (creative unit) chuyên nghiên cứu xu hướng tiếp nhận và thử nghiệm các mô hình chương trình mới. Đây cũng là một phần trong chính sách khuyến khích sáng tạo nội bộ, nơi mọi ý tưởng được đánh giá công bằng và được quyền thử nghiệm trong phạm vi kiểm soát.

+ Học tập kinh nghiệm quốc tế, luật hóa quy trình tác nghiệp số

Trong xu hướng toàn cầu hóa, nhiều tòa soạn quốc tế đã tiến xa trong việc luật hóa quy trình tác nghiệp số, song song hành. Ví dụ, France 24 yêu cầu mọi phóng viên phải nộp kịch bản cho cả bản tin phát sóng và bài viết đăng web trước khi ra hiện trường. Điều này đảm bảo tính thống nhất trong thông tin, tránh sai lệch giữa các kênh và nâng cao hiệu quả truyền thông.

Ở khu vực châu Á, NHK (Nhật Bản) và CCTV (Trung Quốc) đã tích hợp toàn bộ hệ thống sản xuất truyền hình với nền tảng số nội bộ, cho phép theo dõi phản hồi công chúng theo thời gian thực. Tại Việt Nam, HTV đã thử nghiệm mô hình “*đi một, về ba*”, tức là phóng viên chỉ cần tác nghiệp một lần nhưng có thể cung cấp nội dung cho cả truyền hình, nền tảng số và mạng xã hội. Đây là mô hình tiên tiến, tiết kiệm chi phí, tối ưu nguồn lực và đặc biệt phù hợp với xu thế hội tụ truyền thông.

Cần sớm nhân rộng mô hình này, đồng thời ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về quy trình tác nghiệp “*ba trong một*”, trong đó quy định rõ trách nhiệm, quyền lợi và cơ chế chia sẻ lợi ích giữa các bộ phận sản xuất. Khi quy trình này được luật hóa, nhà báo sẽ có cơ sở pháp lý để tác nghiệp đa nền tảng mà không vi phạm quy định của cơ quan chủ quản.

+ Xây dựng cơ chế khuyến khích sáng tạo và bảo vệ bản quyền báo chí

Sáng tạo trong báo chí chính luận là biểu hiện của năng lực tư duy độc lập, bản lĩnh chính trị và khả năng đổi mới phương pháp truyền thông. Tuy nhiên, sáng tạo chỉ thực sự phát huy khi được khuyến khích bằng cơ chế minh bạch và được bảo vệ bằng pháp luật.

Trước hết, cần thiết lập Quỹ hỗ trợ sáng tạo báo chí số, do cơ quan chủ quản quản lý, nhằm tài trợ cho các dự án sản xuất chương trình chính luận mới, thử nghiệm công nghệ kể chuyện dữ liệu (data storytelling), trí tuệ nhân tạo hoặc định dạng video ngắn chính luận. Song song với đó, phải có chính sách bảo vệ bản quyền báo chí, xử lý nghiêm hành vi cắt ghép, xuyên tạc hoặc phát tán trái phép sản phẩm truyền hình chính luận trên không gian mạng.

Sáng tạo phải gắn liền với trách nhiệm xã hội, nhưng không thể bị triệt tiêu bởi nỗi lo vi phạm hành chính. Hành lang pháp lý cần đảm bảo cân bằng giữa tự do sáng tạo và kỷ luật thông tin, giữa đổi mới phương pháp thể hiện và bảo tồn giá trị tư tưởng.

Giải pháp về cơ chế, chính sách là nền tảng thể chế của quá trình chuyển đổi số trong báo chí chính luận truyền hình. Một hành lang pháp lý hiện đại, minh bạch, nhất quán sẽ giúp nhà báo tự tin sáng tạo, bảo vệ quyền tác nghiệp, và phát huy vai trò định hướng xã hội trong môi trường thông tin phức hợp. Cơ chế, chính sách không chỉ là công cụ quản lý, mà còn là chất xúc tác cho đổi mới và sáng tạo.

Để phát triển bền vững, báo chí chính luận Việt Nam cần một hệ thống chính sách ba tầng:

Tầng pháp lý quốc gia, luật hóa quy trình tác nghiệp số, bảo vệ quyền và trách nhiệm của nhà báo.

Tầng chiến lược cơ quan báo chí, xác định vị trí, chiến lược số hóa và cơ chế quản trị hội tụ.

Tầng khuyến khích cá nhân, chính sách thưởng, phạt, đãi ngộ và bảo vệ sáng tạo nghề nghiệp.

Khi ba tầng này vận hành đồng bộ, hành lang pháp lý không còn là rào cản, mà trở thành động lực phát triển, giúp nhà báo chính luận truyền hình Việt Nam tự tin hội nhập, sáng tạo và khẳng định giá trị tư tưởng, nhân văn trong không gian truyền thông toàn cầu.

3.2.5. Giải pháp về tổ chức bộ máy

Truyền thông đa nền tảng, tổ chức bộ máy của cơ quan báo chí truyền hình không thể duy trì mô hình tuyến tính, phân tán theo kênh, theo chương trình như trước đây. Sự thay đổi căn bản của hệ sinh thái truyền thông đã đặt ra yêu cầu cấp thiết phải chuyển đổi sang mô hình tòa soạn hội tụ (Converged Newsroom), một cấu trúc tổ chức hiện đại, linh hoạt, cho phép tích hợp quy trình sản xuất, chia sẻ nguồn lực và tối ưu hóa nội dung cho cả “sóng” và “số”. Nếu “*tư duy số*” là linh hồn, “*công nghệ số*” là công cụ, thì “*tòa soạn hội tụ*” chính là hình hài tổ chức cụ thể của một nền báo chí hiện đại, nơi mọi hoạt động được vận hành theo nguyên tắc hợp tác, dữ liệu hóa và sáng tạo liên ngành.

Lý thuyết tòa soạn hội tụ chỉ ra rằng, trong môi trường truyền thông mới, sản phẩm báo chí không còn là kết quả của một phòng ban độc lập, mà là thành phẩm của một hệ thống tương tác giữa nhiều nhóm chuyên môn, biên tập, kỹ thuật, dữ liệu, đồ họa, truyền thông xã hội, quản lý công chúng... Việc tổ chức lại bộ máy theo hướng hội tụ không chỉ giúp giảm chi phí, rút ngắn quy trình, mà quan trọng hơn, tạo ra một không gian sáng tạo

mở, nơi mỗi nhà báo chính luận được làm chủ trong toàn bộ vòng đời nội dung.

+ *Tái cấu trúc tổ chức, hợp nhất “sóng” và “số” trong cùng một quy trình sản xuất*

Một trong những điểm nghẽn lớn nhất của các đài truyền hình hiện nay là sự chia tách giữa sản xuất truyền hình truyền thống và sản xuất nội dung số. Hai bộ phận này thường hoạt động độc lập, dẫn đến trùng lặp thông tin, lãng phí nguồn lực, và thiếu nhất quán trong thông điệp chính luận. Một nhà báo chính luận được phỏng vấn đã nêu rõ: “*Cần mô hình tòa soạn hội tụ, tổ chức tối ưu sao cho nhà báo chính luận vừa được làm chủ trong cả sản phẩm truyền hình và sản phẩm số phát sinh thì mới hiệu quả, có cách tổ chức, định mức phù hợp*” (PVS NBCLTH 17).

Tái cấu trúc tổ chức không có nghĩa là mở thêm phòng ban mới, mà là thiết kế lại quy trình vận hành dựa trên nguyên tắc tích hợp. Mỗi đề tài chính luận phải được triển khai như một “*dự án nội dung đa nền tảng*”, có nhóm sản xuất thống nhất, chịu trách nhiệm từ khâu lên ý tưởng, thu thập thông tin, sản xuất, phát hành đến đo lường phản hồi. Phóng viên, biên tập viên, kỹ thuật viên và chuyên gia dữ liệu không còn làm việc tách biệt, mà phối hợp trong một vòng tròn sáng tạo liên ngành.

Mô hình này cho phép mỗi nhà báo chính luận vừa là người sản xuất nội dung, vừa là người quản trị thông tin, đảm bảo tính nhất quán giữa bản tin phát sóng và nội dung số. Khi quy trình “*sóng, số song hành*” được hợp nhất, tòa soạn sẽ không chỉ nhanh hơn, chính xác hơn, mà còn chủ động hơn trong việc dẫn dắt dư luận, định vị giá trị tư tưởng và củng cố niềm tin công chúng.

+ *Thành lập nhóm chuyên trách số, hạt nhân của quá trình chuyển đổi*

Một tòa soạn hội tụ hiệu quả không thể thiếu bộ phận chuyên trách số, nơi quy tụ những chuyên gia có năng lực phân tích xu hướng truyền thông, tối ưu hóa phân phối nội dung và đo lường phản hồi công chúng. Nhóm này đóng vai trò “*trung tâm thần kinh*” của tòa soạn, kết nối các bộ phận sản xuất, biên tập, công nghệ và truyền thông xã hội.

Trong môi trường cạnh tranh dữ liệu, nội dung không chỉ cần được sản xuất tốt, mà phải được phân phối đúng và được đón nhận hiệu quả. Vì vậy, bộ phận chuyên trách số có nhiệm vụ:

Theo dõi, phân tích hành vi công chúng và xu hướng truyền thông để hỗ trợ lựa chọn đề tài, khung giờ và định dạng phù hợp.

Quản lý hệ thống CMS và các công cụ phân tích để giúp phóng viên hiểu rõ hiệu quả lan tỏa của từng sản phẩm.

Tối ưu hóa nội dung cho từng nền tảng (website, YouTube, TikTok, Facebook, podcast, OTT).

Đề xuất các chiến dịch chính luận số gắn với các vấn đề trọng điểm của xã hội.

Nhóm chuyên trách số chính là trái tim công nghệ của tòa soạn hội tụ, đảm bảo rằng mọi nội dung chính luận đều có “*đường đi*” đúng hướng, đến đúng đối tượng, và phát huy được giá trị định hướng xã hội.

+ *Thu hút và phát triển nhân lực trẻ, kết hợp kinh nghiệm và năng lực số*

Chuyển đổi mô hình tòa soạn không thể thành công nếu thiếu nguồn nhân lực đa năng, am hiểu công nghệ, linh hoạt và có tư duy sáng tạo số. Một nhà quản lý đã nhấn mạnh: “*Các đài truyền hình cần thu hút thêm nguồn nhân lực có chất lượng, trẻ, giỏi, năng động, có kỹ năng truyền thông số, cho sản xuất nội dung chính luận, vốn là chức năng cốt lõi và quan trọng hàng đầu của các đài truyền hình*” (PVS NQL 04).

Lực lượng phóng viên, biên tập viên trẻ mang đến năng lượng đổi mới, khả năng nắm bắt xu hướng, sử dụng thành thạo công cụ số, đồng thời hiểu rõ văn hóa tương tác của thế hệ công chúng mới. Tuy nhiên, yếu tố “*chính luận*” đòi hỏi sự từng trải, bản lĩnh chính trị và nền tảng tư tưởng vững vàng. Vì vậy, cần xây dựng mô hình phối hợp thế hệ trong tòa soạn, nơi các phóng viên trẻ được làm việc cùng những cây bút kỳ cựu, học cách chuyên hóa tư tưởng chính trị thành ngôn ngữ truyền thông hiện đại.

Cơ chế này không chỉ bảo đảm sự kế thừa truyền thống nghề nghiệp, mà còn giúp hình thành thế hệ nhà báo chính luận truyền hình đa năng, sáng tạo, độc lập và mang dấu ấn cá nhân (PVS NQL 04). Họ không chỉ là người truyền đạt thông tin, mà là “*nhà kiến tạo dư luận xã hội*”, kết nối tri thức chính trị với ngôn ngữ của thời đại số.

+ *Xây dựng hệ thống dữ liệu và chia sẻ nguồn lực trong tòa soạn*

Một đặc trưng cốt lõi của tòa soạn hội tụ là khả năng chia sẻ dữ liệu và nguồn lực một cách thông minh. Mỗi bộ phận, từ phóng viên, kỹ thuật, đồ họa đến ban biên tập, đều cần được kết nối qua hệ thống dữ liệu chung, cho phép truy cập, khai thác và cập nhật thông tin theo thời gian thực.

Đây không chỉ là cải tiến kỹ thuật, mà là một nguyên tắc quản trị tri thức. Khi dữ liệu được chia sẻ, tri thức sẽ được lan tỏa; khi tri thức được lan tỏa, sáng tạo sẽ được nhân lên. Các hệ thống quản lý nội dung (CMS), kho lưu trữ tư liệu, bản quyền hình ảnh, âm thanh cần được đồng bộ hóa và bảo mật. Điều này giúp giảm thiểu chi phí, tránh trùng lặp sản xuất, đồng thời tạo điều kiện cho nhà báo chính luận tác nghiệp linh hoạt hơn, sáng tạo nhanh hơn và kiểm chứng thông tin chính xác hơn.

Tòa soạn hội tụ vì thế không chỉ là sự “*hội tụ kỹ thuật*”, mà còn là sự hội tụ tri thức và năng lực sáng tạo, đưa báo chí truyền hình tiến gần hơn với mô hình công nghiệp tri thức của thời đại 4.0.

+ *Xây dựng cơ chế quản trị linh hoạt và cơ cấu phẳng*

Tư duy quản trị của tòa soạn hội tụ phải chuyển từ mô hình thứ bậc sang mô hình phẳng, đề cao tính chủ động của cá nhân và khả năng cộng tác của nhóm. Trong cấu trúc mới, các cấp trung gian được tinh giản, quyền ra quyết định được phân quyền cho nhóm sản xuất. Điều này giúp tăng tốc quy trình phê duyệt nội dung, rút ngắn thời gian đưa tin, đồng thời giải phóng năng lượng sáng tạo cho đội ngũ phóng viên và biên tập viên.

Cơ chế phẳng cũng tạo điều kiện cho văn hóa phản biện nội bộ, nơi mọi ý kiến được tôn trọng và đánh giá dựa trên hiệu quả, chứ không theo thâm niên hay vị thế hành chính. Đây là điều kiện để hình thành “*tổ chức học tập*”, nơi mỗi nhà báo không ngừng học hỏi, đổi mới và phát triển.

+ *Hướng đến mô hình tòa soạn hội tụ bền vững, tích hợp tư duy, công nghệ và giá trị chính luận*

Hội tụ không chỉ là giải pháp tổ chức, mà là tư duy phát triển dài hạn của báo chí chính luận trong môi trường số. Mô hình này phải bảo đảm ba yếu tố nền tảng:

Hội tụ công nghệ: Tích hợp hệ thống CMS, dữ liệu lớn, AI và công cụ phân tích để tối ưu hóa sản xuất.

Hội tụ con người: Gắn kết đội ngũ đa thế hệ, đa năng, đa lĩnh vực trong một văn hóa sáng tạo thống nhất.

Hội tụ giá trị: Dù ở bất kỳ nền tảng nào, sản phẩm chính luận vẫn phải giữ vững bản sắc tư tưởng, lập luận khoa học và trách nhiệm xã hội.

Tòa soạn hội tụ không chỉ tạo ra quy trình hiệu quả, mà còn hình thành một mô hình sinh thái báo chí mới, nơi dữ liệu, công nghệ, con người, tư tưởng cùng vận hành hài hòa. Đây chính là hướng phát triển tất yếu của các đài truyền hình chính luận Việt Nam trong tiến trình chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Tổ chức bộ máy theo hướng hội tụ là bước ngoặt mang tính cấu trúc trong quá trình chuyển đổi của báo chí chính luận truyền hình. Từ mô hình phân tán, khép kín và cứng nhắc, tòa soạn phải chuyển sang mô hình linh hoạt, tích hợp và mở. Đây không chỉ là cải tiến kỹ thuật hay tổ chức, mà là một cuộc cải cách về triết lý nghề nghiệp, đặt nhà báo chính luận vào vị trí trung tâm của quy trình sáng tạo, đồng thời bảo đảm tính nhất quán, hiệu quả và sức lan tỏa của thông tin chính luận.

Chỉ khi tòa soạn hội tụ được hình thành, mối quan hệ giữa tư duy, công nghệ, con người mới được tối ưu hóa, tạo ra nền báo chí chính luận hiện đại, mang bản sắc Việt Nam, đủ năng lực định hướng xã hội và cạnh tranh trong không gian truyền thông toàn cầu.

3.2.5. Giải pháp về đào tạo

Bước vào kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn, yêu cầu nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà báo chính luận truyền hình không còn là lựa chọn, mà là điều kiện

sống còn để duy trì vai trò định hướng xã hội, bảo vệ nền tảng tư tưởng và khẳng định vị thế của báo chí chính luận trong không gian truyền thông đa nền tảng. Mọi tiến bộ công nghệ, dù hiện đại đến đâu, đều trở nên vô nghĩa nếu đội ngũ nhà báo không đủ năng lực để vận hành, sáng tạo và ứng dụng hiệu quả vào quy trình tác nghiệp. Bởi vậy, đào tạo năng lực số cho nhà báo chính luận truyền hình không chỉ là giải pháp chuyên môn, mà còn là giải pháp chiến lược, mang tính cơ cấu và định hướng phát triển dài hạn.

+ Đào tạo nâng cao năng lực số, nền tảng của nhà báo trong thời đại hội tụ truyền thông

Theo lý thuyết năng lực số, năng lực làm chủ công nghệ không chỉ dừng ở khả năng sử dụng công cụ, mà còn bao hàm khả năng tư duy, sáng tạo, phân tích, đánh giá và truyền đạt thông tin trong môi trường số. Với nhà báo chính luận truyền hình, năng lực số phải gắn liền với năng lực tư tưởng, năng lực phân tích xã hội và năng lực phản biện chính trị. Nhà báo chính luận không thể chỉ thành thạo kỹ thuật quay, dựng, biên tập, mà phải hiểu cách dữ liệu vận hành, cách thuật toán phân phối nội dung, và cách sử dụng công nghệ để bảo vệ sự thật.

Một nhà báo được phỏng vấn khẳng định: *“Cần bồi dưỡng các kỹ năng mới nhất trong môi trường truyền thông số: kỹ năng khai thác, kiểm chứng thông tin, kỹ năng sáng tạo và tổ chức sản phẩm báo chí đa phương tiện, kỹ năng làm việc với AI”* (PVS NBCLTH 16). Ý kiến này thể hiện rõ rằng năng lực nghề nghiệp của nhà báo chính luận hiện nay phải được tái cấu trúc trên nền tảng công nghệ số. Sự phát triển của truyền thông hội tụ đã khiến mọi ranh giới nghề nghiệp truyền thống bị xóa nhòa: phóng viên không chỉ đưa tin, biên tập viên không chỉ chỉnh sửa, còn người dẫn chương trình phải trở thành “người kể chuyện số”, vừa có khả năng tạo cảm xúc truyền hình, vừa biết tối ưu hóa nội dung cho mạng xã hội.

+ Đào tạo thúc đẩy từ nhận thức đến hành động

Trước hết, cần xác định đào tạo năng lực số cho nhà báo chính luận truyền hình là một tiến trình lâu dài, bao gồm ba cấp độ: nhận thức, kỹ năng, thái độ.

Nhận thức số là hiểu đúng về bản chất môi trường truyền thông số, nắm vững quy luật lan tỏa thông tin, hiểu được cơ chế vận hành của các nền tảng.

Kỹ năng số là khả năng vận dụng công nghệ, dữ liệu và công cụ số để thực hiện nhiệm vụ nghề nghiệp.

Thái độ số là tinh thần cởi mở, sáng tạo và có trách nhiệm xã hội khi hoạt động trong không gian mạng.

Do đó, mọi chương trình đào tạo cần được thiết kế theo mô hình ba trụ cột này, đảm bảo nhà báo không chỉ học cách làm, mà còn hiểu “*vì sao phải làm*” và “*làm để*

hướng đến giá trị gì". Việc đào tạo không thể chỉ dừng ở các lớp học ngắn hạn, mà phải trở thành quy trình liên tục, gắn liền với chu kỳ sáng tạo của từng tòa soạn.

+ Đào tạo theo hướng thực hành và thích ứng công nghệ

Các chuyên gia đều cho rằng, hạn chế lớn nhất trong đào tạo báo chí hiện nay là khoảng cách giữa lý thuyết và thực hành, giữa giảng đường và tòa soạn. Vì vậy, đào tạo năng lực số cần được chuyển hướng sang đào tạo thực hành tại chỗ, mô hình đã chứng minh hiệu quả tại nhiều quốc gia có nền truyền hình phát triển.

Theo mô hình này, phóng viên và biên tập viên được học ngay trong quá trình tác nghiệp, với sự hướng dẫn của các chuyên gia công nghệ và chuyên gia truyền thông số. Mỗi đài truyền hình cần thiết lập "*trung tâm học tập nghề nghiệp nội bộ*", nơi tổ chức định kỳ các khóa bồi dưỡng ngắn hạn về:

Ứng dụng công cụ AI và dữ liệu trong sản xuất chương trình chính luận;

Kỹ năng phân tích xu hướng truyền thông và kiểm chứng thông tin trên mạng xã hội;

Kỹ năng sản xuất nội dung đa phương tiện, từ truyền hình, video dọc đến podcast và đồ họa tương tác;

Kỹ năng quản trị an ninh mạng và đạo đức số.

Thông qua đào tạo tại chỗ, nhà báo được học bằng trải nghiệm thực tế, rèn luyện trong môi trường làm việc thực, đồng thời tạo ra "*văn hóa học tập thường xuyên*" trong tòa soạn, yếu tố nền tảng của mọi cơ quan báo chí hiện đại.

+ Tổ chức hội thảo, tọa đàm và trao đổi chuyên môn định kỳ

Một trong những biện pháp hiệu quả để nâng cao năng lực số là thiết lập hệ thống chia sẻ tri thức thường xuyên giữa các nhà báo, chuyên gia và nhà quản lý. Việc tổ chức các hội thảo, tọa đàm, lớp học ngắn hạn về báo chí số, an ninh thông tin, phân tích dữ liệu, storytelling hay chuyển đổi số trong truyền hình sẽ giúp đội ngũ nhà báo cập nhật kịp thời các xu hướng mới, đồng thời hình thành cộng đồng học tập nghề nghiệp liên ngành.

Mỗi đài truyền hình nên có kế hoạch đào tạo định kỳ hằng quý, mời các chuyên gia công nghệ, giảng viên báo chí và doanh nghiệp truyền thông tham gia chia sẻ kinh nghiệm. Đây không chỉ là hoạt động bồi dưỡng kiến thức, mà còn là diễn đàn tư duy, nơi nhà báo được trao đổi, phản biện và định hình phương pháp sáng tạo nội dung phù hợp với thời đại dữ liệu hóa.

Việc học tập liên tục còn giúp khắc phục tình trạng "*ngại thay đổi*" ở một bộ phận nhà báo lâu năm, đồng thời truyền cảm hứng đổi mới cho thế hệ trẻ, tạo nên dòng chảy tri thức liên tục giữa các thế hệ nghề báo chính luận.

+ Hợp tác quốc tế và học hỏi mô hình đào tạo hiện đại

Đào tạo năng lực số không thể khép kín trong phạm vi quốc gia. Báo chí hiện nay là một hệ sinh thái toàn cầu, nơi kinh nghiệm và tri thức được chia sẻ xuyên biên giới. Bởi vậy, việc mở rộng hợp tác quốc tế trong đào tạo là giải pháp quan trọng nhằm cập nhật công nghệ, phương pháp và chuẩn mực nghề nghiệp.

Kinh nghiệm từ các đài truyền hình lớn cho thấy hướng đi này hoàn toàn khả thi:

CCTV (Trung Quốc) đã thành lập trung tâm đào tạo nội bộ về báo chí số, kết hợp nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo và sản xuất truyền thông dữ liệu.

KBS (Hàn Quốc) xây dựng chương trình phóng viên đa nền tảng, trong đó mỗi nhà báo được đào tạo đồng thời về truyền hình, báo mạng, podcast và video ngắn.

BBC Academy (Anh) trở thành hình mẫu quốc tế về đào tạo nghề báo trong thời đại kỹ thuật số, với các khóa học chuẩn hóa về báo chí dữ liệu, làm báo với AI.

Việt Nam hoàn toàn có thể thiết lập cơ chế liên kết đào tạo quốc tế, thông qua học bổng, trao đổi chuyên gia, hợp tác nghiên cứu và chia sẻ học liệu mở. Mỗi nhà báo chính luận được tham gia những khóa học như vậy không chỉ tiếp thu kỹ năng, mà còn hấp thụ văn hóa nghề nghiệp hiện đại, tinh thần sáng tạo và chuẩn mực toàn cầu của báo chí nhân văn.

+ Chuẩn hóa chương trình đào tạo báo chí trong các cơ sở giáo dục đại học

Một yêu cầu mang tính nền tảng là đổi mới chương trình đào tạo báo chí trong các trường đại học, đặc biệt là các học viện đào tạo chuyên ngành truyền hình. Hiện nay, nhiều chương trình vẫn tập trung vào kỹ năng nghiệp vụ truyền thống, trong khi nội dung về công nghệ truyền thông, dữ liệu và đạo đức số còn hạn chế.

Cần tích hợp vào chương trình các học phần như: Khai thác dữ liệu và kiểm chứng thông tin, Sản xuất truyền hình đa nền tảng, Truyền thông số và phân tích hành vi công chúng, Trí tuệ nhân tạo trong báo chí, Đạo đức số và an ninh truyền thông. Các học phần này không chỉ giúp sinh viên hiểu công nghệ, mà quan trọng hơn là hiểu cách sử dụng công nghệ để phụng sự công chúng và bảo vệ giá trị chân, thiện, mỹ của báo chí chính luận Việt Nam.

Đồng thời, cần xây dựng chuẩn năng lực số cho sinh viên báo chí, làm cơ sở cho tuyển dụng, đánh giá và bồi dưỡng nghề nghiệp sau này.

+ Gắn kết đào tạo với thực tiễn tòa soạn và chuyển đổi số quốc gia

Đào tạo năng lực số chỉ có ý nghĩa khi gắn liền với thực tiễn chuyển đổi số của từng tòa soạn. Vì vậy, mỗi đài truyền hình cần có kế hoạch chiến lược về đào tạo nhân lực số, gắn mục tiêu đào tạo với chiến lược sản xuất, phát sóng và phân phối nội dung. Tòa soạn cần xem việc bồi dưỡng năng lực số là một phần của quy trình chuyển đổi tổ chức, thay vì coi đó là hoạt động phụ trợ.

Song song, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ tài chính và cơ chế khuyến khích đổi mới đào tạo báo chí, như Quỹ phát triển nhân lực truyền thông số, chương trình học bổng đào tạo quốc tế, hay các dự án hợp tác công, tư trong lĩnh vực đào tạo báo chí dữ liệu.

Chỉ khi việc đào tạo trở thành một bộ phận hữu cơ của chiến lược phát triển báo chí, năng lực số của nhà báo chính luận mới thực sự được nâng tầm, trở thành sức mạnh tri thức của nền truyền hình Việt Nam hiện đại.

Đào tạo năng lực số cho nhà báo chính luận truyền hình là giải pháp trọng tâm mang tính quyết định, bởi con người là trung tâm của mọi tiến trình chuyển đổi số. Không có nhà báo làm chủ công nghệ, mọi đầu tư hạ tầng đều trở nên hình thức. Việc bồi dưỡng năng lực số giúp nhà báo:

Nâng cao khả năng tác nghiệp trong môi trường hội tụ;

Thích ứng nhanh với công nghệ mới;

Kiểm chứng, phân tích và phản biện thông tin một cách khoa học;

Giữ vững đạo đức nghề nghiệp và bản lĩnh chính luận trong không gian mạng.

Nâng cao năng lực số không chỉ là yêu cầu chuyên môn, mà còn là một hành động chính trị, một sứ mệnh tư tưởng, nhằm bảo đảm rằng báo chí chính luận Việt Nam có đủ năng lực tri thức và bản lĩnh công nghệ để dẫn dắt dư luận, định hướng xã hội và góp phần xây dựng không gian truyền thông an toàn, nhân văn, hiện đại.

3.2.6. Giải pháp từ bản thân nhà báo

Trong mọi giai đoạn phát triển của báo chí, yếu tố con người luôn là trung tâm của mọi giá trị. Dù công nghệ có hiện đại đến đâu, thể chế có hoàn thiện đến mức nào, thì chính nhà báo vẫn là chủ thể sáng tạo nội dung, là linh hồn của sản phẩm báo chí. Như một nhà quản lý khẳng định: *“Nhà báo là trung tâm của nội dung, không có nhà báo giỏi, mọi thứ khác đều trở nên vô nghĩa”* (PVS NQL 03). Vì vậy, giải pháp quan trọng nhất cho sự phát triển của chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số chính là nâng cao năng lực tự học, tinh thần sáng tạo và bản lĩnh tự kiến tạo thương hiệu cá nhân của mỗi nhà báo.

+ Chủ động tự học, con đường duy nhất để không bị tụt hậu

Trong môi trường truyền thông biến đổi từng giờ, tri thức của nhà báo chính luận không thể chỉ dựa vào kinh nghiệm nghề nghiệp hay đào tạo chính quy, mà phải liên tục được cập nhật, mở rộng và tái cấu trúc. Một nhà báo được phỏng vấn thẳng thắn nhận định: *“Cơ chế chính sách mở đường nhưng nhà báo không học hỏi, không chủ động đổi mới thì cũng vô nghĩa. Công nghệ phát triển nhưng nếu nhà báo không sẵn sàng tiếp cận và ứng dụng, họ sẽ tụt hậu và xa rời công chúng”* (PVS NBCLTH 09).

Tự học trở thành trách nhiệm nghề nghiệp và đạo đức chuyên môn. NBCLTH cần chủ động nâng cao các năng lực cốt lõi như:

Năng lực phân tích và phản biện: để không chỉ đưa tin mà còn có khả năng lý giải, định hướng.

Năng lực giao tiếp và phản hồi trực tuyến: để tương tác, lắng nghe và điều chỉnh thông điệp kịp thời.

Năng lực làm chủ công nghệ: sử dụng thành thạo công cụ dựng hình, livestream, chỉnh sửa âm thanh, hình ảnh, khai thác dữ liệu và vận hành nền tảng số.

Một nhà báo khác chia sẻ: *“Học hỏi kinh nghiệm từ những chương trình hay của đồng nghiệp trong và ngoài nước”* (PVS NBCLTH 03). Điều đó cho thấy tự học không chỉ là học kỹ năng, mà còn là học cách tư duy, học tinh thần sáng tạo và học chuẩn mực nghề nghiệp.

Như một chuyên gia nhận định: *“Nhà báo chính luận truyền hình vừa phải là nhà báo chính trị, vừa là chuyên gia báo chí số”* (PVS Chuyên gia 01). Hai vai trò ấy chỉ có thể dung hòa khi người làm báo luôn ở trong trạng thái “vượt lên chính mình”, không ngừng rèn luyện và đổi mới.

+ Giữ vững bản lĩnh chính trị và uy tín nghề nghiệp, nền tảng của “chất chính luận”

Báo chí chính luận khác biệt ở chỗ nó mang trong mình sứ mệnh tư tưởng, định hướng nhận thức xã hội và phản ánh giá trị chính trị, nhân văn của quốc gia. Vì thế, trong môi trường truyền thông số, nơi thông tin hỗn độn, đa chiều, thậm chí bị thao túng bởi các thuật toán, NBCLTH càng phải giữ vững bản lĩnh, đạo đức và uy tín nghề nghiệp.

Bản lĩnh chính trị của NBCLTH không chỉ thể hiện ở lập trường tư tưởng vững vàng, mà còn ở khả năng kiên định với sự thật, không sa vào xu hướng câu view, câu like. Mỗi phát ngôn, mỗi hành động trên không gian mạng đều phản ánh thái độ chính trị và văn hóa nghề nghiệp. Một nhà báo chính luận giỏi không chỉ là người hiểu chính trị, mà còn biết chuyển hóa chính trị thành ngôn ngữ truyền thông giản dị, khoa học, thuyết phục và nhân văn.

Uy tín nghề nghiệp là *“vốn xã hội”* cao nhất của người làm báo. Uy tín ấy được hình thành không phải từ danh vị, mà từ sự trung thực, tính khách quan, độ tin cậy và tinh thần dấn thân vì công chúng. Trong thời đại số, khi ranh giới giữa báo chí chuyên nghiệp và thông tin công dân mờ đi, uy tín nghề nghiệp chính là thước đo phân biệt một nhà báo chính luận thật sự với người truyền tin thông thường.

+ Xây dựng thương hiệu cá nhân số, mở rộng tầm ảnh hưởng chính luận

Nếu như trước đây, NBCLTH chỉ hiện diện trên màn ảnh khi bình luận và dẫn dắt các chương trình chính luận truyền hình, thì nay, họ còn hiện diện như một thương hiệu

cá nhân trên mạng xã hội. Việc xây dựng “*thương hiệu số*” không chỉ là chiến lược truyền thông cá nhân, mà là một phần trong chiến lược lan tỏa giá trị chính luận.

Một chuyên gia khuyến nghị: “*Cần có phương pháp truyền tải thông tin trên đa nền tảng, trong môi trường số một cách phù hợp. Đây là khâu rất quan trọng, đòi hỏi năng lực và năng khiếu để tạo hiệu quả truyền thông và dấu ấn cá nhân*” (PVS Chuyên gia 01). Bên cạnh đó, một nhà báo chính luận nhấn mạnh: “*Ngoài vốn văn hóa sâu sắc và uy tín nghề nghiệp, nhà báo cần có vốn xã hội dày dặn, tức là độ phủ, cường độ hoạt động và tương tác trên mạng xã hội*” (PVS NBCLTH 16).

Thương hiệu cá nhân không phải là sự phô trương, mà là sự khẳng định bản sắc nghề nghiệp, phong cách tư duy và giá trị mà nhà báo mang lại cho công chúng. Một tài khoản mạng xã hội được quản trị chuyên nghiệp, đăng tải có chọn lọc, phản ánh quan điểm nhân văn và tri thức chính trị sắc bén, sẽ trở thành kênh lan tỏa chính luận mạnh mẽ hơn bất kỳ chiến dịch truyền thông nào.

Tuy nhiên, xây dựng thương hiệu cá nhân phải luôn đi đôi với tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và kỷ luật phát ngôn. Sự nổi tiếng không thể đánh đổi bằng việc làm tổn hại niềm tin công chúng. Thương hiệu nhà báo chính luận là thương hiệu của trí tuệ, trách nhiệm và nhân cách.

+ Phát triển khả năng thích ứng, từ người truyền tin thành người dẫn dắt

Trong kỷ nguyên công nghệ, nhà báo chính luận không chỉ đưa tin, mà còn phải là người dẫn dắt cuộc đối thoại xã hội. Muốn vậy, họ cần khả năng thích ứng cao, linh hoạt trong cách kể chuyện, sẵn sàng thử nghiệm các hình thức truyền tải mới, từ video ngắn, đồ họa tương tác, podcast, đến báo chí dữ liệu.

Một chuyên gia nhận định sâu sắc: “*Nhà báo chính luận truyền hình phải coi công nghệ là cơ hội, không phải mối đe dọa. Nếu không, họ sẽ trở thành người kể chuyện quá khứ thay vì người dẫn dắt tương lai*” (PVS Chuyên gia 04). Khả năng thích ứng ở đây không chỉ là làm chủ công cụ, mà còn là năng lực thấu hiểu công chúng, biết sử dụng công nghệ để phục vụ giá trị nhân văn, chứ không để công nghệ chi phối bản sắc nghề nghiệp.

NBCLTH trong MTTTS cần có tinh thần “*phản biện sáng tạo*”, nghĩa là không chỉ phê phán cái cũ, mà còn biết tạo ra giá trị mới, mở ra hướng nhìn mới, nuôi dưỡng niềm tin xã hội trong dòng chảy thông tin hỗn tạp.

Giải pháp từ bản thân nhà báo chính luận là gốc rễ của mọi cải cách trong báo chí. Một nhà báo chính luận truyền hình hiện đại phải hội tụ ba phẩm chất: tư duy học hỏi liên tục, năng lực sáng tạo linh hoạt và bản lĩnh chính trị vững vàng. Họ vừa là người bình

luận, phân tích, dẫn dắt thông tin trên sóng truyền hình, vừa làm công dân uy tín, người thủ lĩnh ý kiến KOL trong không gian truyền thông số.

Khi mỗi NBCLTH trở thành trung tâm đổi mới của chính mình, báo chí chính luận Việt Nam sẽ có nền tảng vững chắc để phát triển, một nền báo chí không chỉ nhanh và hiện đại, mà còn sâu sắc, nhân văn và có sức thuyết phục bền vững trong lòng công chúng.

Trong môi trường truyền thông số, uy tín của báo chí chính luận không chỉ được bảo đảm bởi thương hiệu cơ quan báo chí, mà còn được kết tinh ngày càng rõ qua uy tín nghề nghiệp của từng nhà báo. Vì vậy, một giải pháp có tính gốc rễ là phát triển cơ chế để nhà báo chính luận truyền hình xây dựng thương hiệu cá nhân số theo định hướng chính thống, chuyên nghiệp và có trách nhiệm. Đây không phải là xu hướng nhà báo theo nghĩa phô trương cá nhân, mà là quá trình cá nhân hóa uy tín chính luận trên nền tảng bản lĩnh chính trị, sự trung thực nghề nghiệp, năng lực phản biện và khả năng đọc hiểu công chúng số. Mỗi nhà báo cần được khuyến khích hiện diện có kiểm soát trên các nền tảng số, chủ động lan tỏa nội dung chính luận, tham gia đối thoại công khai với thái độ chuẩn mực và sử dụng phản hồi xã hội như một nguồn dữ liệu để hoàn thiện chất lượng chương trình. Cùng với đó, tự học và tự thích ứng phải được xem là năng lực nền tảng của nhà báo chính luận hiện đại, bởi trong thời đại công nghệ thay đổi nhanh, không một chương trình bồi dưỡng định kỳ nào có thể thay thế tinh thần học tập suốt đời của chủ thể nghề nghiệp.

3.2.7. Khuyến nghị

Dựa trên phân tích trên, có thể đề xuất một số khuyến nghị sau:

- *Với cơ quan quản lý nhà nước*

Bối cảnh báo chí đang chịu áp lực chuyển đổi số toàn diện, các cơ quan quản lý nhà nước giữ vai trò “*kiến trúc sư thể chế*”, định hình không gian hoạt động và bảo đảm điều kiện tồn tại cho báo chí chính luận, đặc biệt là truyền hình chính luận, lĩnh vực đòi hỏi đầu tư lớn về nguồn lực, công nghệ và nhân sự nhưng khó cạnh tranh về doanh thu quảng cáo trong môi trường truyền thông thương mại. Do đó, việc thiết lập các chính sách hỗ trợ mang tính đặc thù, ổn định và dài hạn là yêu cầu cấp thiết để báo chí chính luận có thể thực hiện đúng chức năng định hướng tư tưởng, củng cố niềm tin xã hội và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong môi trường truyền thông số.

- Báo chí chính luận và chính luận truyền hình cần được coi là sản phẩm dịch vụ công đặc thù

Trước hết, cần xác định lại bản chất của sản phẩm báo chí chính luận và chính luận truyền hình. Đây không đơn thuần là hàng hóa thông tin, mà là sản phẩm dịch vụ công mang tính chiến lược, góp phần đảm bảo an ninh tư tưởng, ổn định xã hội và phát triển văn hóa chính trị quốc gia. Vì vậy, Nhà nước cần coi các chương trình chính luận

truyền hình là sản phẩm công ích được hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách.

Một chuyên gia được phỏng vấn nhấn mạnh: “*Cần có chính sách hỗ trợ ngân sách trực tiếp cho các cơ quan báo chí chính luận, bao gồm các kênh truyền hình sản xuất chương trình chính luận. Những nội dung này cần được xem như sản phẩm dịch vụ công, được đầu tư và bảo trợ bởi Nhà nước*” (PVS Chuyên gia 03).

Chính sách này không chỉ mang ý nghĩa tài chính, mà còn là sự khẳng định vai trò chính trị, xã hội của báo chí chính luận trong chiến lược phát triển quốc gia. Việc hỗ trợ kinh phí sản xuất các chương trình chính luận, chuyên đề chính trị, xã hội, hay các bản tin thời sự chuyên sâu cần được thể chế hóa, đưa vào hệ thống chi tiêu công hàng năm, bảo đảm tính ổn định và minh bạch.

- Tăng cường đầu tư cho hạ tầng và chuyển đổi số báo chí

Bên cạnh hỗ trợ ngân sách hoạt động, Nhà nước cần đầu tư mạnh mẽ cho quá trình hiện đại hóa hạ tầng công nghệ của các cơ quan báo chí, đặc biệt là các đài truyền hình chính luận. Trong khi các nền tảng xuyên biên giới đang tận dụng công nghệ siêu dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và hệ thống phân tích hành vi công chúng, phần lớn các đài truyền hình Việt Nam vẫn đang phải vận hành trên hạ tầng cũ, thiếu tính liên thông và dữ liệu tập trung.

Một chuyên gia kiến nghị: “*Cần ban hành chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng số, ưu đãi thuế, các gói trợ cấp đặc biệt cho cơ quan báo chí, trong đó có các kênh truyền hình*” (PVS Chuyên gia 03). Chính sách này cần được thiết kế theo hướng ưu tiên cho hạ tầng kỹ thuật số cốt lõi, gồm:

Hệ thống quản lý nội dung tích hợp (CMS) liên thông giữa các đài;

Trung tâm dữ liệu (Data Center) và hệ thống lưu trữ điện toán đám mây;

Cơ sở vật chất cho sản xuất chương trình đa nền tảng, phát sóng song hành “sóng, số”;

Hệ thống bảo mật, mã hóa, đảm bảo an toàn thông tin và chủ quyền dữ liệu báo chí.

Những khoản đầu tư này không chỉ giúp báo chí chính luận tăng năng lực cạnh tranh công nghệ, mà còn bảo vệ an ninh thông tin quốc gia trong môi trường truyền thông xuyên biên giới.

- Chính sách ưu đãi thuế và tài chính, khuyến khích đổi mới và sáng tạo báo chí

Để các cơ quan báo chí có đủ nguồn lực đổi mới, Nhà nước cần ban hành các chính sách tài chính ưu đãi, trong đó có:

Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất chương trình chính luận và truyền thông chính sách;

Miễn, giảm thuế nhập khẩu cho các thiết bị, phần mềm phục vụ sản xuất truyền hình số;

Tạo cơ chế cho phép các cơ quan báo chí được hưởng quỹ hỗ trợ chuyên đổi số quốc gia, tương tự như các ngành hạ tầng chiến lược khác (giáo dục, y tế, năng lượng).

Các chính sách này vừa giúp cơ quan báo chí có thêm nguồn lực đầu tư, vừa tạo động lực để thúc đẩy sáng tạo và nâng cao chất lượng nội dung chính luận, một lĩnh vực vốn chịu áp lực cạnh tranh mạnh từ truyền thông thương mại.

- Đầu tư cho đào tạo nhân lực số trong lĩnh vực báo chí, truyền hình chính luận

Công nghệ thay đổi nhanh hơn khả năng thích ứng của con người. Do đó, bên cạnh đầu tư vật chất, Nhà nước cần đầu tư cho con người, lực lượng quyết định chất lượng và sức sống của báo chí chính luận. Chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nhà báo chính luận cần được xem như một trụ cột trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực truyền thông quốc gia.

Các chương trình bồi dưỡng phải tập trung vào: Kỹ năng tác nghiệp số, xử lý và phân tích dữ liệu; Năng lực sử dụng trí tuệ nhân tạo trong biên tập, kiểm chứng và truyền tải thông tin; Đạo đức và an ninh nghề nghiệp trong không gian mạng; Kỹ năng truyền thông đa nền tảng và phát triển thương hiệu cá nhân.

Nhà nước có thể thiết lập Quỹ đào tạo và chuyên đổi số báo chí, cấp học bổng và tài trợ cho nhà báo tham gia các khóa học quốc tế, hoặc triển khai chương trình hợp tác đào tạo giữa các đài truyền hình quốc gia (VTV, HTV, ANTV) với các tổ chức báo chí lớn như BBC Academy, NHK World, Reuters Institute.

Đầu tư cho con người chính là đầu tư cho năng lực tư duy và sức sáng tạo của báo chí chính luận Việt Nam trong kỷ nguyên số.

-Khuyến khích hợp tác công, tư và liên kết đa phương trong lĩnh vực báo chí

Một trong những xu thế toàn cầu hiện nay là xã hội hóa nguồn lực báo chí thông qua mô hình hợp tác công, tư. Việc kết nối cơ quan báo chí với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức xã hội, trường đại học và quỹ đầu tư truyền thông sẽ giúp tận dụng nguồn lực tài chính, công nghệ và nhân sự, tạo nên hệ sinh thái truyền thông bền vững.

Một nhà báo chính luận đề xuất: “Cần có cơ chế khuyến khích sự hợp tác đa phương giữa cơ quan báo chí với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức xã hội để tận dụng tối đa nguồn lực và kinh nghiệm, nâng cao hiệu quả hoạt động” (PVS NBCLTH 15).

Nhà nước cần ban hành khung pháp lý cho các mô hình hợp tác truyền thông công, tư, đảm bảo tính minh bạch, công bằng và giữ vững định hướng chính trị, tư tưởng. Đồng thời, có thể khuyến khích doanh nghiệp công nghệ Việt Nam tham gia đầu tư hạ tầng truyền thông, nền tảng phân phối nội dung, góp phần xây dựng “*chủ quyền số*” trong lĩnh vực báo chí.

Những khuyến nghị trên cho thấy, Nhà nước không chỉ đóng vai trò quản lý, mà

còn là nhà đầu tư chiến lược và người kiến tạo thể chế cho sự phát triển của báo chí chính luận và chính luận truyền hình trong môi trường số. Việc hỗ trợ ngân sách, đầu tư hạ tầng, ưu đãi thuế, đào tạo nhân lực và thúc đẩy hợp tác công, tư không chỉ nhằm bảo vệ báo chí, mà còn là bảo vệ nền tảng tư tưởng, không gian truyền thông quốc gia và sức mạnh mềm của Việt Nam trong kỷ nguyên thông tin toàn cầu.

Một chính sách đúng đắn sẽ giúp báo chí chính luận không chỉ trụ vững, mà còn dẫn dắt tiến trình chuyển đổi số của truyền thông Việt Nam, góp phần hình thành một nền báo chí hiện đại, nhân văn, minh bạch và có trách nhiệm xã hội cao.

- *Với các đài truyền hình*

Tiến trình chuyển đổi số của nền báo chí Việt Nam, các đài truyền hình giữ vị trí đặc biệt, vừa là lực lượng chủ lực của báo chí chính luận, vừa là hệ thống truyền thông có khả năng dẫn dắt dư luận xã hội và định hình chuẩn mực truyền thông quốc gia. Tuy nhiên, chính sự đồ sộ, tính hệ thống và cơ cấu hành chính phức tạp của các đài truyền hình khiến quá trình chuyển đổi số không thể thực hiện một cách tự phát hay hình thức. Thách thức đặt ra không chỉ nằm ở công nghệ, mà còn ở việc xây dựng một tư duy chiến lược, một lộ trình hành động và một cơ chế tổ chức thích ứng với môi trường truyền thông mới. Do đó, các đài truyền hình cần tiếp cận quá trình chuyển đổi số với tinh thần chủ động, bài bản và kiên định, coi đây là một chiến lược phát triển căn bản chứ không phải một dự án mang tính thời điểm.

Một chuyên gia trong lĩnh vực báo chí truyền hình đã khẳng định: “*Không chậm trễ nhưng chắc chắn, không vội vàng nhưng phải rất quyết liệt. Tòa soạn cần tìm ra cách chuyển đổi phù hợp, làm từ mô hình nhỏ rồi mở rộng ra đại trà*” (PVS Chuyên gia 01). Phát biểu này thể hiện tinh thần đổi mới có kế hoạch, tiến hành từng bước nhưng nhất quán về định hướng. Mỗi đài truyền hình cần xác lập cho mình một chiến lược số hóa tổng thể, được cụ thể hóa bằng các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và cơ chế giám sát có tính ràng buộc cao, để quá trình chuyển đổi trở thành hành động thường xuyên chứ không dừng ở khẩu hiệu.

Trước hết, chiến lược số hóa của các đài truyền hình phải được xây dựng trên tư duy hệ thống và tiếp cận dữ liệu hóa. Chiến lược này cần xác định rõ vị trí của đài trong môi trường truyền thông số, phân tích đặc điểm công chúng mục tiêu, xác lập các chỉ tiêu cụ thể về phạm vi ảnh hưởng, mức độ lan tỏa và khả năng tương tác trên nền tảng số. Mỗi đài cần lựa chọn ít nhất một chương trình chính luận truyền hình mũi nhọn để thực hiện chuyển đổi thí điểm, từ đó rút kinh nghiệm, hoàn thiện quy trình và nhân rộng ra các chương trình khác. Việc bắt đầu từ những mô hình nhỏ không chỉ giúp giảm thiểu rủi ro, mà còn cho phép đo lường hiệu quả, điều chỉnh linh hoạt và tạo

dựng lòng tin trong nội bộ.

Bên cạnh đó, các đài truyền hình cần nhận thức rõ rằng chuyển đổi số không đơn thuần là chuyển phương thức phát sóng lên môi trường mạng, mà là tái cấu trúc toàn bộ chuỗi giá trị của hoạt động truyền hình, từ sản xuất, biên tập, phát hành, đến đo lường và phản hồi. Điều này đòi hỏi sự thay đổi trong cơ chế vận hành, trong cấu trúc tổ chức và trong tiêu chuẩn đánh giá lao động báo chí. Một chuyên gia đã nêu rõ: “*Cần có cơ chế đánh giá công việc phù hợp với đặc thù môi trường truyền thông số, hài hòa giữa các tiêu chuẩn truyền thống và tiêu chí đánh giá trên nền tảng số*” (PVS Chuyên gia 03). Theo đó, ngoài các tiêu chí truyền thống như chất lượng chính luận, tính định hướng, tính nhân văn, cần bổ sung các chỉ số kỹ thuật số như độ lan tỏa, lượng tương tác, tần suất xuất hiện, mức độ gắn kết công chúng và chỉ số niềm tin trực tuyến. Đây sẽ là cơ sở để hình thành một cơ chế khuyến khích sáng tạo và đánh giá công bằng cho nhà báo chính luận truyền hình trong kỷ nguyên số.

Về mặt tổ chức, các đài truyền hình cần thành lập đội ngũ chuyên trách về công nghệ số và dữ liệu truyền thông, có nhiệm vụ nghiên cứu xu hướng, phân tích hành vi công chúng, tối ưu hóa chiến lược phân phối nội dung và hỗ trợ các nhà báo trong quá trình sản xuất đa nền tảng. Những nhóm này sẽ đóng vai trò như trung tâm phân tích và điều phối nội dung (content hub), giúp tòa soạn ra quyết định dựa trên dữ liệu (data-driven decision). Việc xây dựng đội ngũ chuyên trách cũng sẽ góp phần giảm tải cho phóng viên, giúp họ tập trung hơn vào khâu sáng tạo và phản biện chính luận.

Một khía cạnh không thể bỏ qua là đầu tư hạ tầng công nghệ và thiết bị đặc thù cho sản xuất nội dung số. Như một nhà báo chính luận đã kiến nghị: “*Cần đầu tư thêm cơ sở hạ tầng, hệ thống máy móc, các thiết bị đặc thù cho sản xuất các sản phẩm số như máy tính, máy quay và phần mềm mới*” (PVS NBCLTH 19). Việc nâng cấp hạ tầng không chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, mà còn thể hiện tầm nhìn chiến lược của đài truyền hình trong việc chuẩn hóa quy trình sản xuất hiện đại, tích hợp trí tuệ nhân tạo, thực tế tăng cường và công nghệ dữ liệu lớn vào hoạt động truyền hình. Chỉ khi nắm giữ công nghệ, các đài truyền hình mới có thể làm chủ không gian số và giữ vai trò chủ đạo trong định hướng thông tin.

Một yếu tố quan trọng khác trong quá trình này là xây dựng cơ chế hợp tác chiến lược giữa đài truyền hình và các doanh nghiệp công nghệ, trường đại học, tổ chức xã hội. Hợp tác không chỉ giúp tận dụng nguồn lực tài chính và công nghệ, mà còn mở ra khả năng tiếp cận tri thức và nhân lực chất lượng cao. Mô hình hợp tác công, tư giữa cơ quan báo chí và doanh nghiệp công nghệ sẽ mang lại lợi ích kép: doanh nghiệp có cơ hội phát triển sản phẩm phù hợp với môi trường báo chí, trong khi các đài

truyền hình được tiếp cận sớm các công nghệ mới, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh. Đồng thời, việc phối hợp với các cơ sở đào tạo báo chí và truyền thông sẽ tạo nguồn nhân lực trẻ, năng động, giỏi công nghệ, sẵn sàng tham gia quá trình chuyển đổi.

Sự liên kết đa chiều này sẽ giúp hình thành một hệ sinh thái truyền thông bền vững, trong đó công nghệ, tri thức và sáng tạo được chia sẻ, nhân lực được đào tạo, và nội dung được lan tỏa có định hướng. Đó cũng chính là cách để các đài truyền hình vượt qua giới hạn của mô hình tổ chức khép kín, mở rộng tầm ảnh hưởng ra không gian công nghệ và xã hội dân sự.

Đồng thời, các đài truyền hình cần đổi mới quy trình sáng tạo nội dung, đặc biệt là đổi mới định kỳ format của các chương trình chính luận. Một cơ chế đổi mới thường xuyên, có tính bắt buộc, sẽ bảo đảm mỗi chương trình chính luận đều có yếu tố sáng tạo phù hợp với đặc điểm của môi trường truyền thông số. Việc làm mới định dạng không đồng nghĩa với việc rời xa tính chính luận, mà ngược lại, giúp nội dung chính luận trở nên sinh động, gần gũi, có sức hấp dẫn và dễ lan tỏa hơn.

Trong xu hướng toàn cầu, các đài như BBC, France 24 hay CCTV đều có cơ chế “format review” định kỳ, đánh giá, điều chỉnh và thử nghiệm các hình thức thể hiện mới dựa trên phản hồi dữ liệu công chúng. Việt Nam cần học hỏi kinh nghiệm này, xây dựng quy trình đổi mới sáng tạo nội dung chính luận có hệ thống, nơi các yếu tố truyền thông về tư tưởng, chính trị được giữ vững, đồng thời các yếu tố công nghệ và thẩm mỹ được bổ sung linh hoạt.

Một nhiệm vụ song hành không kém phần quan trọng là đào tạo và tái đào tạo đội ngũ nhà báo chính luận truyền hình về kỹ năng số. Chuyển đổi số không thể thành công nếu con người không thay đổi. Các đài truyền hình cần tổ chức thường xuyên các khóa đào tạo nội bộ, cung cấp kiến thức và kỹ năng sử dụng công nghệ mới, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo trong biên tập, dựng hình và kiểm chứng thông tin. Mỗi phóng viên, biên tập viên, đạo diễn chương trình phải được bồi dưỡng năng lực tác nghiệp đa nền tảng, từ sản xuất video ngắn, thiết kế đồ họa, đến phân tích dữ liệu công chúng.

Những chương trình đào tạo này không chỉ giúp đội ngũ thích ứng với môi trường số, mà còn nâng cao năng lực tư duy chiến lược, hiểu công nghệ để định hướng nội dung, chứ không để công nghệ dẫn dắt. Khi NBCLTH trở thành “*người làm chủ công nghệ*”, họ sẽ phát huy tối đa vai trò định hướng xã hội và bảo vệ không gian truyền thông quốc gia trước các dòng thông tin sai lệch.

Trong kỷ nguyên truyền thông số, các đài truyền hình cần bước ra khỏi quán tính tổ chức cũ để tái định vị mình như những trung tâm sáng tạo nội dung đa nền tảng, có năng lực công nghệ, dữ liệu và đổi mới liên tục. Chuyển đổi số không phải là cuộc

chạy đua về kỹ thuật, mà là một cuộc cải cách toàn diện về tư duy lãnh đạo, cơ chế vận hành và mô hình sáng tạo.

Các đài truyền hình Việt Nam phải nhìn nhận rõ vai trò kép của mình: vừa là công cụ định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng và Nhà nước, vừa là chủ thể sáng tạo văn hóa, tri thức trong không gian công cộng số. Sự thành công của quá trình chuyển đổi phụ thuộc vào khả năng dung hòa giữa bản sắc chính luận và năng lực công nghệ, giữa truyền thống cách mạng và sáng tạo hiện đại. Chỉ khi đó, truyền hình chính luận mới thực sự trở thành lực lượng tiên phong trong việc xây dựng hệ sinh thái truyền thông quốc gia hiện đại, nhân văn và chủ động hội nhập quốc tế.

- *Với nhà báo chính luận truyền hình*

Khi không gian truyền thông bị chi phối mạnh mẽ bởi công nghệ, tốc độ và thị hiếu công chúng, vai trò của nhà báo chính luận truyền hình đã có sự thay đổi căn bản. Nếu trước đây, họ là người “*giảng giải*” trên truyền hình, mang thông tin đến với công chúng theo mô hình một chiều, thì nay, họ phải trở thành chủ thể tương tác, đối thoại và dẫn dắt dư luận trong môi trường truyền thông mở. Một chuyên gia khẳng định: “*Nhà báo chính luận truyền hình phải nhận thức rõ vai trò mới, là người tương tác với công chúng chứ không chỉ ngồi giảng trên TV như trước kia; phải xác định vai trò định hướng dư luận, chống tin giả, chống luận điệu sai trái xuyên tạc, và trở thành người có tầm ảnh hưởng trên nền tảng số*” (PVS Chuyên gia 02).

Đây không chỉ là sự thay đổi về kỹ năng tác nghiệp, mà là sự chuyển hóa về bản chất nghề nghiệp, từ người phát ngôn của cơ quan truyền thông thành người kiến tạo không gian tri thức xã hội. Trong môi trường truyền thông số, nơi mỗi công dân đều có thể trở thành “*người đưa tin*”, thì nhà báo chính luận truyền hình càng phải chứng minh tính chuyên nghiệp, bản lĩnh chính trị và uy tín xã hội của mình. Họ không chỉ truyền đạt thông tin, mà còn xác lập tiêu chuẩn cho sự thật, lan tỏa niềm tin và bảo vệ giá trị chân, thiện, mỹ trong đời sống công cộng.

Như vậy, để hoàn thành vai trò định hướng xã hội và củng cố niềm tin công chúng trong môi trường truyền thông phức tạp, nhà báo chính luận truyền hình phải thực hiện song hành ba nhiệm vụ: chống sai lệch thông tin, đổi mới tư duy tác nghiệp, và phát huy sức ảnh hưởng cá nhân.

Trước hết, nhà báo chính luận truyền hình phải trở thành “*lá chắn*” của sự thật trong kỷ nguyên tin giả. Khi thông tin sai lệch, xuyên tạc và thao túng nhận thức lan truyền với tốc độ chóng mặt, nhiệm vụ của nhà báo chính luận không chỉ là phản bác, mà là dẫn dắt, định hình lại nhận thức xã hội bằng lập luận, chứng cứ và đạo đức nghề nghiệp. Họ phải biết sử dụng dữ liệu, công nghệ và phân tích truyền thông để kiểm

chúng thông tin, đồng thời truyền tải phản biện dưới hình thức hấp dẫn, dễ tiếp nhận nhưng vẫn giữ nguyên giá trị chính luận.

Sức mạnh của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường số không còn nằm ở vị thế hành chính hay thương hiệu cơ quan báo chí, mà nằm ở năng lực cá nhân, năng lực tri thức, lập luận và ảnh hưởng xã hội. Khi mỗi nhà báo có khả năng tạo ra giá trị riêng biệt, họ sẽ trở thành những “*người dẫn đường thông tin*”, góp phần tái thiết niềm tin công chúng vào báo chí chính thống.

Thứ hai, cùng với năng lực chính luận, nhà báo truyền hình phải giữ vững và phát triển các giá trị cốt lõi của nghề nghiệp. Một chuyên gia nhấn mạnh: “*Nhà báo chính luận truyền hình vẫn phải giữ được giá trị cốt lõi là khách quan, chính xác, sâu sắc, đạo đức nghề nghiệp, uy tín; đồng thời thích ứng với xu hướng mới, sáng tạo và gần gũi với khán giả. Cần biết chuyển hóa kinh nghiệm lâu năm của mình thành lợi thế cạnh tranh trên nền tảng số, giữ vững các tiêu chuẩn đến cách thức xây dựng giá trị cho công chúng*” (PVS Chuyên gia 03).

Như vậy, thách thức lớn nhất của NBCLTH hiện nay là dung hòa giữa bản sắc chính luận truyền thống và năng lực sáng tạo hiện đại. Trong khi thị trường thông tin bị chi phối bởi tính giải trí, cảm xúc và xu hướng ngắn hạn, nhà báo chính luận truyền hình phải biết làm cho nội dung tư tưởng trở nên dễ tiếp nhận, gần gũi và thuyết phục, mà không đánh mất tính chuẩn mực. Việc “*chuyển hóa kinh nghiệm*” ở đây không chỉ là việc sử dụng công nghệ, mà còn là chuyển hóa tri thức chính trị, xã hội thành thông điệp truyền thông nhân văn, khoa học, giàu sức thuyết phục.

NBCLTH cần nhìn nhận kinh nghiệm lâu năm không phải là gánh nặng truyền thống, mà là nguồn vốn tri thức quý giá, là “*bộ lọc*” giúp họ lựa chọn, xử lý và lý giải thông tin một cách sâu sắc. Chính sự kết hợp giữa kinh nghiệm nghề nghiệp và công nghệ số sẽ tạo nên lợi thế cạnh tranh bền vững, giúp họ khẳng định uy tín cá nhân trong không gian truyền thông mở.

Thứ ba, để thích ứng và dẫn dắt trong môi trường truyền thông đa nền tảng, NBCLTH phải trở thành người đa năng, đa nhiệm, làm chủ các kỹ năng của thời đại số. Một chuyên gia khẳng định: “*Nhà báo chính luận truyền hình muốn hoàn thành vai trò của mình phải trở thành đa năng, đa nhiệm, nhưng trước hết phải thay đổi tư duy, chuyển sang tư duy làm báo chính luận trong môi trường truyền thông số. Đây là điều cốt lõi sẽ chi phối toàn bộ quy trình tác nghiệp của nhà báo*” (PVS Chuyên gia 01).

Sự “*đa năng*” ở đây không chỉ là khả năng quay, dựng, biên tập, dẫn chương trình, mà sâu xa hơn là khả năng tư duy đa chiều, hiểu công nghệ, hiểu công chúng và hiểu xã hội. Mỗi nhà báo phải là người kiến trúc nội dung, có thể hình dung thông tin như

một cấu trúc truyền thông tích hợp, nơi hình ảnh, âm thanh, chữ viết và dữ liệu cùng vận hành để tạo ra hiệu ứng tư tưởng. Họ phải làm chủ công nghệ sản xuất nội dung số, sử dụng thành thạo các nền tảng truyền thông mới, đồng thời giữ cho mình bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng để không bị “trôi theo” dòng chảy thị hiếu.

Điều cốt lõi là, chuyển đổi tư duy chính luận trong môi trường truyền thông số không có nghĩa là thay đổi bản chất của chính luận, mà là thay đổi cách tiếp cận, cách thể hiện và cách tương tác. Chính luận không còn chỉ là lời giảng dạy, mà là sự dẫn dắt thông qua đối thoại; không còn chỉ là sự áp đặt thông tin, mà là sự thuyết phục bằng tri thức, cảm xúc và trải nghiệm số. Nhà báo chính luận truyền hình, do đó, phải trở thành người đối thoại xã hội thông minh, kết nối tư tưởng của Đảng, tiếng nói của nhân dân và ngôn ngữ của thời đại.

Hệ thống giải pháp nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số, vì thế, phải được thực thi đồng bộ và thống nhất trên cả sáu phương diện: công nghệ, đào tạo, cơ chế, chính sách, đổi mới tư duy, tổ chức bộ máy và nỗ lực từ chính bản thân nhà báo. Mỗi trụ cột trong sáu phương diện này đều gắn bó hữu cơ với nhau: công nghệ là nền tảng vật chất; đào tạo là điều kiện tái tạo tri thức; cơ chế, chính sách là bảo đảm pháp lý; đổi mới tư duy là linh hồn của sáng tạo; tổ chức bộ máy là khung vận hành; và nỗ lực tự thân là động lực phát triển.

Sự thay đổi phải mang tính song hành và liên tục, không thể “chọn lọc một phần” mà bỏ qua phần khác. Nếu chỉ có công nghệ mà thiếu đào tạo, tòa soạn sẽ rỗng về năng lực; nếu có cơ chế mà thiếu đổi mới tư duy, mọi chính sách sẽ trở nên hình thức; nếu có tổ chức nhưng không có động lực tự thân, báo chí chính luận sẽ đánh mất sức sống.

Do đó, quá trình nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho nhà báo chính luận truyền hình không chỉ là một dự án kỹ thuật, mà là một tiến trình văn hóa, nhận thức, thể chế đồng bộ, nhằm bảo đảm rằng báo chí chính luận Việt Nam vừa giữ được vị thế định hướng dư luận, vừa thích ứng linh hoạt với công chúng số. Chỉ khi nhà báo chính luận truyền hình trở thành người sáng tạo đa năng, nhà phản biện có tầm tư tưởng và công dân truyền thông có trách nhiệm, thì báo chí chính luận mới thực sự hoàn thành sứ mệnh: dẫn dắt nhận thức xã hội, củng cố niềm tin và bảo vệ nền tảng tư tưởng của quốc gia trong kỷ nguyên truyền thông toàn cầu hóa.

Tiểu kết chương 3

Trong bối cảnh truyền thông số đang tái định hình toàn bộ hệ sinh thái thông tin, nhà báo chính luận truyền hình buộc phải đổi mới mạnh mẽ để tiếp tục giữ vai trò định hướng dư luận và dẫn dắt nhận thức xã hội. Thực trạng đặt ra một số vấn đề trong đó có khoảng cách từ nhận thức tới thực hành KNNN của NBCLTH trong MTTTS, trong khi

vai trò của NBCLTH trong môi trường mới đã có rất nhiều thay đổi cùng với sự phát triển như vũ bão của công nghệ số. Nghiên cứu cũng cho thấy trong các cơ quan báo chí còn nhiều khoảng trống về cơ chế chính sách, quy trình quy định liên quan tới hoạt động nghề nghiệp của NBCLTH trong MTTTS. Điều này gây ra cản trở đối với việc triển khai các KNNN của NBCLTH trong MTTTS. Vấn đề làm chủ hạ tầng số cũng được đặt ra như một trong những yếu tố quan trọng đối với hoạt động của NBCLTH trong MTTTS. Những vấn đề này nếu không được phân tích thấu đáo và khắc phục kịp thời, sẽ khiến báo chí chính luận truyền hình tụt hậu, mất dần ảnh hưởng trước sự cạnh tranh khốc liệt của mạng xã hội và các nền tảng truyền thông xuyên biên giới.

Các giải pháp được đề xuất, từ đầu tư công nghệ, nâng cao năng lực số, cải tiến cơ chế chính sách, đổi mới tư duy, tổ chức tòa soạn hội tụ cho tới xây dựng thương hiệu cá nhân, đều hướng tới mục tiêu nâng cao toàn diện kỹ năng nghề nghiệp của NBCLTH, giúp họ trở thành “nhà báo đa năng” vừa vững vàng về chính trị, vừa thành thạo công nghệ. Việc triển khai các giải pháp này cần có sự phối hợp đồng bộ giữa Nhà nước, cơ quan báo chí và chính bản thân nhà báo, với tầm nhìn dài hạn và cơ chế khuyến khích sáng tạo.

Có thể khẳng định rằng nâng cao kỹ năng nghề nghiệp của NBCLTH trong môi trường truyền thông số không chỉ là yêu cầu tất yếu, mà còn là điều kiện tiên quyết để bảo đảm vai trò dẫn dắt của báo chí chính luận, duy trì niềm tin công chúng, và góp phần củng cố nền tảng thông tin lành mạnh của xã hội.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu về *kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số* được triển khai từ yêu cầu cấp bách của thực tiễn báo chí, truyền thông Việt Nam trong giai đoạn chuyển đổi số toàn diện. Các phân tích lý luận và khảo sát thực tiễn trong toàn bộ công trình đã cho thấy rằng sự biến đổi sâu sắc của hệ sinh thái truyền thông số không chỉ đặt ra thách thức về công nghệ, nền tảng và phương thức tiếp nhận của công chúng, mà còn yêu cầu tái cấu trúc hệ giá trị, tiêu chuẩn nghề nghiệp và hệ kỹ năng tác nghiệp của đội ngũ nhà báo chính luận truyền hình. Ở bình diện lý luận, luận án khẳng định rằng kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình luôn gắn với bản chất của loại hình báo chí cách mạng: tính tư tưởng, tính chiến đấu, tính định hướng, tính nhân văn và tính chuẩn mực. Tuy nhiên, trong môi trường truyền thông số, các giá trị đó chỉ có thể được thực thi một cách hiệu quả khi nhà báo đồng thời làm chủ các kỹ năng phân tích, lập luận, kiểm chứng dữ liệu, vận hành nền tảng số và tương tác đa chiều với công chúng.

Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng hoạt động chính luận truyền hình hiện nay không còn thuần túy dựa trên mô hình tuyến tính “tòa soạn, trường quay, công chúng”, mà vận hành trong một không gian truyền thông phân mảnh, phi tuyến, đa tầng và chịu tác động của tốc độ lan truyền tức thời. Bảy nhóm kỹ năng được xác định trong luận án, nắm bắt dư luận và tương tác công chúng số; sử dụng các công cụ số để tìm kiếm, thẩm định thông tin; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong chương trình; khai thác và phân tích dữ liệu; ghi hình xử lý video bằng thiết bị di động; kết nối và thực hiện phỏng vấn trực tuyến; và kỹ năng dẫn chương trình phù hợp với công chúng số - phản ánh yêu cầu toàn diện đối với nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số. Đây là những kỹ năng không thể tách rời mà phải được xem như một hệ năng lực tích hợp, bảo đảm nhà báo chính luận truyền hình có khả năng vận hành toàn bộ chu trình sản xuất chính luận từ thu thập, phân tích, xử lý, thể hiện, lan tỏa tương tác.

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhận diện các KNNN của NBCLTH trong môi trường truyền thông số không chỉ là nhu cầu học thuật mà còn là đòi hỏi trực tiếp từ thực tiễn truyền thông chính sách, đấu tranh phản bác thông tin xấu độc, và nâng cao hiệu quả định hướng dư luận xã hội. Trong bối cảnh tin giả, xuyên tạc, thao túng truyền thông gia tăng mạnh, việc nâng cao năng lực kiểm chứng, xử lý dữ liệu và phản biện khoa học trở thành yếu tố cốt tử để củng cố niềm tin của công chúng vào thông tin chính thống. Đồng thời, xu hướng sản xuất - phân phối - tiếp nhận nội dung qua mạng xã hội buộc nhà báo chính luận truyền hình phải chủ động tham gia không gian số, sử

dụng linh hoạt các hình thức trình bày phù hợp với tâm lý, thói quen và hành vi tiếp nhận mới của công chúng. Giờ đây nhà báo chính luận truyền hình không chỉ là người đưa tin, bình luận và phân tích, mà còn là người quản trị thông tin, quản trị công chúng, và quản trị niềm tin xã hội.

Về phương diện quản trị các đài truyền hình, nghiên cứu đã cung cấp cơ sở khoa học cho quá trình chuẩn hóa năng lực nghề nghiệp của đội ngũ làm chính luận truyền hình trong mô hình tòa soạn hội tụ. Việc định vị lại kỹ năng nghề nghiệp không chỉ góp phần nâng cao chất lượng chương trình chính luận truyền hình mà còn tăng khả năng cạnh tranh của truyền hình Việt Nam trong môi trường truyền thông toàn cầu hóa.

Trên cơ sở toàn bộ kết quả phân tích, có thể khẳng định rằng đề tài đã hoàn thành mục tiêu nhận diện và phân tích những thay đổi của các kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số, góp phần bổ sung khoảng trống nghiên cứu còn bỏ ngỏ trong lĩnh vực lý luận nghiệp vụ báo chí. Đồng thời, luận án đã chỉ ra các xu hướng, thách thức và yêu cầu mới đối với đội ngũ nhà báo chính luận truyền hình trong giai đoạn chuyển đổi số, qua đó cung cấp luận cứ khoa học quan trọng cho các cơ quan báo chí, cơ sở đào tạo và cơ quan quản lý.

Tuy nhiên, nghiên cứu này cũng mở ra nhiều hướng triển khai tiếp theo. Thứ nhất, cần phát triển sâu hơn các bộ chỉ số đo lường hiệu quả của từng kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo chính luận truyền hình trong thực tiễn tòa soạn hội tụ. Thứ hai, cần xây dựng mô hình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chính luận theo hướng gắn với năng lực số của nhà báo. Thứ ba, cần mở rộng phạm vi nghiên cứu sang các nền tảng truyền thông mới như short video, podcast, livestream, nhằm đánh giá đầy đủ sự thích ứng của nhà báo chính luận truyền hình trong không gian truyền thông đa nền tảng. Điều này sẽ giúp hình thành một hệ sinh thái lý luận, thực tiễn đồng bộ hơn, phục vụ sự phát triển bền vững của báo chí chính luận Việt Nam trong tương lai.

Từ những kết quả đạt được và những định hướng nêu trên, có thể khẳng định rằng nghiên cứu này không chỉ mang ý nghĩa khoa học, lý luận, mà còn có giá trị định hướng chiến lược cho hoạt động truyền hình trong MTTTS, góp phần nâng cao chất lượng chính luận truyền hình, củng cố niềm tin xã hội và phục vụ hiệu quả nhiệm vụ chính trị của nền báo chí cách mạng Việt Nam.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI**

1. Nguyễn Thu Hà, (2021), Góc nhìn mới về báo chí chính luận, *Tạp chí Người làm báo*, số 451 tháng 9-2021, ISSN 0886-7691, tr. 52-54
2. Nguyễn Thu Hà (2022), Góc nhìn mới về báo chí chính luận, *Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông*, chuyên đề số 1-2022, ISSN 1859-1485, tr.210-212
3. Nguyễn Thu Hà (2022), Chống thông tin xấu độc trên mạng qua góc nhìn quản trị truyền thông, *Tạp chí Người làm báo*, số 457 tháng 3-2022, ISSN 0886-7691, tr. 14-17
4. Nguyễn Thu Hà (2024), Mô hình chuyển đổi số tại Đài Truyền hình Việt Nam, *Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông*, chuyên đề số 1-2024, ISSN 1859-1485, tr. 120-122
5. Nguyễn Thu Hà (2024), Một số giải pháp phát triển kinh tế báo chí bền vững, *Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông*, chuyên đề số 2-2024, ISSN 1859-1485, tr. 57-59
6. Nguyễn Thu Hà (2024), *Báo chí với tư cách là dịch vụ công*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Kinh tế báo chí truyền thông trong bối cảnh kinh tế số, tr. 266-287
7. Nguyễn Thu Hà (2025), *Nhà báo chí luận truyền hình và những thay đổi trong môi trường truyền thông số*, Tạp chí Cộng sản online
<https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/chi-tiet-tim-kiem/-/2018/1184802/nha-bao-chinh-luan-truyen-hinh-va-nhung-thay-%C4%91oi-trong-moi-truong-truyen-thong-so.aspx>
8. Nguyễn Thu Hà (2025), *Một số xu hướng tác động tới kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo trong môi trường truyền thông số*, Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị, Số 12 (2025), ISSN 2354- 1040, tr. 95-99

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Danh mục tiếng Việt

1. Adornato, A. (2023), *Báo chí trên thiết bị di động và nền tảng truyền thông xã hội*, Nhà xuất bản Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
2. Alan Rusbridger (2021), *Hướng dẫn sử dụng tin tức - Tin vào đâu trong một thế giới ngập tràn tin giả*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
3. Ngô Việt Anh, (n.d.), *Ứng dụng AI trong tòa soạn báo chí*.
4. Ngô Việt Anh (2025), “Kết hợp công nghệ và ý tưởng sáng tạo để thu hút bạn đọc trẻ”, *Báo Nhân Dân*.
5. Trần Thị Vân Anh, (2019), *Phong cách chính luận báo chí của nhà báo Hoàng Tùng*. Luận án Tiến sĩ Báo chí học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
6. Bộ Thông tin và Truyền thông (2023), *Hướng dẫn sử dụng dữ liệu mở và kỹ năng khai thác dữ liệu trong báo chí số*, Hà Nội.
7. Bộ Thông tin và Truyền thông, (2022), (2023), (2024), *Cẩm nang Chuyển đổi số*. Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông.
8. Đỗ Hữu Châu (1999), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
9. David Randall (2022), *Nhà báo toàn cầu*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
10. Hà Minh Đức (2003), *Sự nghiệp báo chí và văn học của Hồ Chí Minh*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
11. Nguyễn Đức Dũng (chủ biên) (2013), *Sự vận động, phát triển của báo chí Việt Nam trong xu thế truyền thông đa phương tiện*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trọng điểm, Hà Nội.
12. Nguyễn Văn Dũng (2011), *Báo chí và truyền thông hiện đại (Từ hàn lâm đến đời thường)*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
13. Nguyễn Văn Dũng (2017), *Báo chí truyền thông - Những điểm nhìn từ thực tiễn*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
14. Nguyễn Văn Dũng (2011), *Báo chí truyền thông hiện đại - từ hàn lâm đến đời thường*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
15. Nguyễn Văn Dũng (2017), *Báo chí truyền thông - Những điểm nhìn từ thực tiễn*, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.

16. Nguyễn Văn Dũng, *Báo chí và Tư luận xã hội*, Nxb Lao động, Hà Nội
17. Tiến Đạt (2016), “Kỹ năng báo chí và vai trò nhà báo trong môi trường truyền thông số”, *VietnamPlus*, (05/12).
18. Trần Quang Diệu (2023), *Công nghệ truyền thông số*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
19. Nguyễn Thị Trường Giang (chủ biên) (2017), *Báo chí và Truyền thông đa phương tiện*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
20. Nguyễn Thiện Giáp (1985), *Từ vựng học tiếng Việt*, Nhà xuất bản Đại học & Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
21. Đỗ Thị Thu Hằng (2015), *Lý thuyết truyền thông hiện đại*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Khoa Báo chí, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
22. Đỗ Thị Thu Hằng (2022), *Giáo trình nhập môn truyền thông đa phương tiện*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
23. Đỗ Thị Thu Hằng, (2023), *Trí tuệ nhân tạo và báo chí. Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông số 6/2023*, <https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/tri-tue-nhan- tao-va-bao-chi-so-p28938.html>
24. Đỗ Thị Thu Hằng, (2024), *Sáng tạo nội dung báo chí đa nền tảng trong kỷ nguyên số, Tạp chí Công sản.*
25. Đỗ Thị Thu Hằng (2016), *Đề tài cơ sở trọng điểm*, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
26. Đỗ Thị Thu Hằng (2022), *Giáo trình tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng*, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
27. Đỗ Thị Thu Hằng (2023), “Báo chí số - một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí Người làm báo.*
28. Đỗ Thị Thu Hằng (2023), “Trí tuệ nhân tạo và báo chí số”, *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông.*
29. Học viện Hành chính Quốc gia, *Nghề nghiệp là gì?*, truy cập từ <https://hvhcqq.edu.vn/nghe-nghiep-la-gi/>
30. Nguyễn Nga Huyền (2021), *Tính chính luận trong chương trình Đàm thoại truyền hình ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.

31. Nguyễn Quang Hòa (2016), *Tổ chức hoạt động cơ quan báo chí, Thực tiễn và xu hướng phát triển*, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
32. Nguyễn Hùng (2008), *Sổ tay tư vấn hướng nghiệp và chọn nghề*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
33. Phạm Thành Hưng (1999), *Thuật ngữ báo chí truyền thông*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
34. Nguyễn Đăng Khang, (2021). *Ảnh hưởng của thông tin tội phạm trên truyền hình đối với công chúng ở Việt Nam (Khảo sát kênh VTV1, ANTV năm 2016-2017)*. Luận án Tiến sĩ Báo chí học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
35. Nguyễn Thế Kỷ (2019), “Báo chí, phát thanh, truyền hình trong kỷ nguyên số đa nền tảng”, *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông*, (08/08).
36. Trần Bảo Khánh, (Chủ biên), (2020). *Phỏng vấn trong chính luận truyền hình*. Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông.
37. Trương Thị Kiên (2022), “Năng lực truyền thông chính trị của báo chí số”, *Tạp chí Lý luận chính trị*.
38. Vũ Thị Khuyên, (2021). *Truyền hình với hoạt động lập pháp của Quốc hội Việt Nam hiện nay*. Luận án Tiến sĩ Báo chí học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
39. Mai Lực (2025), “Tập huấn kỹ năng tổ chức và vận hành tòa soạn báo chí trong bối cảnh hội tụ”, *Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi*, (24/10).
40. Nguyễn Phan Diệu Linh, (2023). *Bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình*. Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
41. Nguyễn Thành Lợi (2014), *Tác nghiệp báo chí trong môi trường truyền thông hiện đại*, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
42. Hà Nhung (2023), “Ra mắt 2 cuốn sách hỗ trợ nhà báo nắm vững kỹ năng số”, *Báo Hà Nội mới*, (17/11).
43. Lê Đắc Như, Nguyễn Gia Như (2016), *Truyền thông đa phương tiện*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
44. Lê Thị Nhã (2010), *Lao động nhà báo - lý thuyết và kỹ năng cơ bản*, Nhà xuất bản Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
45. Trần Thị Minh Ngọc (2014), *Xây dựng kỹ năng nghề cho sinh viên giáo dục*

- chính trị Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện nay*, (Đề tài khoa học), Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
46. Ngô Trần Thịnh (2023), *Tham luận tại Hội thảo quốc tế Quản trị tòa soạn báo chí số*, Hội nhà báo Việt Nam, Hà Nội.
 47. Nguyễn Ngọc Oanh (2015), *Chính luận truyền hình - Lý thuyết và kỹ năng sáng tạo tác phẩm*, Nxb. Thông tấn, Hà Nội.
 48. Hoàng Phê (Chủ biên) (2020), *Từ điển Tiếng Việt*, Trung tâm Từ điển học, Hà Nội.
 49. Nguyễn Anh Phương (2000), *Tìm hiểu ngôn ngữ ứng khẩu trong các chương trình truyền hình về đề tài Kinh tế, Chính trị, Xã hội*, (Đề tài Nghiên cứu khoa học), Học viện Báo chí & Tuyên truyền, Hà Nội.
 50. Trần Thế Phiệt (2014), *Tác phẩm báo chí chính luận*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 51. Trần Thế Phiệt, *Tác phẩm báo chí tập III*.
 52. Trần Thế Phiệt, *Tác phẩm chính luận báo chí*.
 53. Lê Thị Như Quỳnh (2017), “Một số đặc điểm của lời dẫn chương trình truyền hình”, *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh*, 14(2), 30-39.
 54. Quốc hội (2005), *Luật bảo vệ môi trường*, (Luật số 52/2005/QH11).
 55. Quốc hội (2016), *Luật báo chí*, (Luật số 103/2016/QH13).
 56. Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: *Ban hành Danh mục nghề nghiệp Việt Nam*.
 57. Trần Quang (2002), *Các thể loại báo chí*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 58. Đinh Ngọc Sơn (2017), *Giáo trình Tác phẩm báo chí truyền hình*, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
 59. Dương Xuân Sơn (2007), *Cơ sở lý luận báo chí truyền thông*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
 60. Dương Xuân Sơn (2009), *Báo chí truyền hình*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
 61. Dương Xuân Sơn (2011), *Các thể loại báo chí chính luận nghệ thuật* (In lần thứ 3), Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

62. Sedorkin, G. và Forbes, A. (2023), *Nghệ thuật phỏng vấn - Hướng dẫn dành cho nhà báo và người làm nội dung chuyên nghiệp*, Nhà xuất bản Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
63. Bùi Chí Trung (2017), *Kinh tế báo chí*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
64. Hữu Thọ (2002), *Theo bước chân đổi mới (Bình luận báo chí)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
65. Nguyễn Tấn Tuân (2024), “Tin giả - Sự nguy hại và phương cách ngăn”, *Báo Quân đội nhân dân*.
66. Nguyễn Thị Đào Trung (2024), “Sáng tạo nội dung báo chí đa nền tảng trong kỷ nguyên số”, *Tạp chí Cộng sản*, (30/10).
67. Phạm Thị Như Thúy (2022), *Nghệ thuật tuyên truyền trong văn chính luận của Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh*, (Luận án Tiến sĩ Ngữ văn), Đại học Vinh, Vinh.
68. Tạ Ngọc Tấn (1995), *Cơ sở lý luận báo chí*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
69. Tạ Ngọc Tấn (1999), *Từ lý luận đến thực tiễn báo chí*, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
70. TTXVN (2020), *Mạng lưới truyền thông toàn cầu, Những sáng tạo trong báo chí - Báo chí toàn cầu 2018-2019 (Bản quyền tiếng Việt thuộc TTXVN)*, Hà Nội.
71. *Từ điển Bách Khoa Tiếng Việt tập 1*.
72. Trần Quang (2002), *Các thể loại báo chí*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
73. Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông (2018), *Báo chí truyền thông - những vấn đề trọng yếu*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
74. Nguyễn Như Ý (1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

Danh mục tài liệu tiếng Anh

75. Benkler, Y. (2006), *The Wealth of Networks: How Social Production Transforms Markets and Freedom*, Yale University Press, New Haven.
76. Blumler, G. Jay (1995), *Television Requires Responsibility*, Bertelsmann Foundation, New York.
77. Blumler, G. Jay, *The British Approach to Public Service Broadcasting*, Longman, New York & London.

78. Cambridge Dictionary, *Commentator*, truy cập từ <https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/commentator>
79. Castells, Manuel (2010), *The Information Age: Economy, Society and Culture*, Oxford University Press, Oxford.
80. Deuzer, Mark (2004), *What is Multimedia Journalism?*, University of Amsterdam, Amsterdam.
81. European Journalism Observatory, *What is Mobile Journalism?*, truy cập từ <https://en.ejo.ch/specialist-journalism/what-is-mobile-journalism>
82. Fahi, P. (2017), “Do you know the difference between opinion and news TV shows?”, *Washington Post*.
83. Finnemann, N. (2011), “Mediatization Theory and Digital Media”, *Journal of Media and Communication*, 1(1).
84. Finnemann, Niels (2011), “Mediatization Theory and Digital Media”, *Journal of Media and Communication* 1(1).
85. Friedrichsen, Mike and Yahya Kamalipour (Editors) (2017), *Digital Transformation in Journalism and News media*, Springer International Publishing, Cham.
86. Gray, J., Bounegru, L., & Chambers, L. (Eds.) (2012), *The Data Journalism Handbook*, O'Reilly Media, Sebastopol.
87. Hernadez, Richard Koei and Jeremy Rue (2016), *The principles of Multimedia Journalism - Packaging Digital News*, Routledge, New York.
88. Iordanidou, S., Takas, E. and Jebril, N. (2022), *Journalism and Digital Content in Emerging Media Markets*, Springer Nature, Switzerland.
89. Iordanidou, Sofa, Emmanouil Takas and Nael Jebril (2022), *Journalism and Digital Content in Emerging Media Markets*, Springer Nature, Switzerland.
90. IRD Mien Dong, *Kỹ năng phát triển nghề nghiệp*, truy cập từ <https://irdm.edu.vn/ky-nang-phat-trien-nghe-nghiep/>
91. Issa, A. O., & Oyedokun, T. T. (2024), “Information Society”, in *Reference Module in Social Sciences*.
92. Jenkins, H. (2006), *Convergence Culture: Where Old and New Media Collide*, New York University Press, New York.

93. Jurkowitz, Mark, Amy Mitchell, Laura Houston Santhanam, Steve Adams, Monica Anderson and Nancy Vogt (2013), *The Changing TV News Landscape*, Pew Research Center for Journalism and Media, Washington, D.C.
94. Kavanagh, Jennifer, William Marcellino, Jonathan S. Blake, Shawn Smith, Steven Davenport and Mahlet Gizaw, *How the Style and Language of News Presentation Is Changing in the Digital Age*, American Press Institute.
95. Kumar, Anoop and M. Shuaib Mohamed Hanee (2017), “Is MOJO (en)de-skilling?”, *Journalism Practice*, 11(4), 456-471.
96. Loker, Kevin (2018), “Confusion about whats news and whats opinion is a big problem but journalists can help solve it”, *American Press Institute*.
97. Lopez, Edward J, (2010), *Is the Decline of Newspapers a Market Failure?*, Mercatus Center, George Mason University.
98. Mark Deuzer, 2004, *What is Multimedia Journalism? (Báo chí đa phương tiện là gì?)*, Đại học Tổng hợp Amsterdam, Hà Lan, https://www.academia.edu/709236/What_is_Multimedia_Journalism
99. Oxford Learner's Dictionaries, *Skill*, truy cập từ https://www.oxfordlearnersdictionaries.com/definition/english/skill_1
100. Oxford University Press, *Google Dictionary*, truy cập từ <https://languages.oup.com/google-dictionary-en>
101. PACE, *Kỹ năng là gì?*, truy cập từ <https://www.pace.edu.vn/tin-kho-tri-thuc/ky-nang-la-gi>
102. Posetti, J., E. Bell and Brown (2020), *Journalism & the pandemic: A global snapshot of impacts*, ICFJ and the Tow Center for Digital Journalism at Columbia University, New York.
103. Quinn, S. (2012), *MOJO: Mobile Journalism in the Asian Region*, Konrad-Adenauer-Stiftung, Singapore.
104. Stanford, Jim (2021), *The future of work in journalism*, Australia Institute, Canberra.
105. Steinberg, Abigail (2020), “In opinioned times what is the future of opinion journalism”, *Ethics.journalism*.
106. Stephens, Mitchell (2014), *Beyond the news, The future of journalism*, Columbia

University Press, New York.

107. Thompson, Jay Daniel and John Weldon (2022), *Content production for Digital media*, Springer, Cham.
108. UNESCO (2021), *UNESCO calls for global support for independent journalism amid funding crisis for media*.
109. UNESCO (2022), *World Trends in Freedom of Expression and Media Development, Report 2021-2022*, Paris.
110. UNESCO (2022), *World Trends in Freedom of Expression and Media Development, Report 2021-2022*, Paris.
111. VietnamWorks, *Các kỹ năng nghề nghiệp quan trọng*, truy cập từ <https://www.vietnamworks.com/hrinsider/cac-ky-nang-nghe-nghiep-quan-trong-can-co-giup-ban-ngay-cang-thang-tien-trong-cong-viec.html>
112. WACC (2018), *What is the role of public service journalism today?*.
113. Webster, F. (2002), *Theories of the information society*, Routledge, Abingdon.
114. Zafra, Norman (2018), “The digital reporter as one man band”, *Pacific journalism Review*, 24(1), 74-91.

PHỤ LỤC 1
PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH NỘI DUNG

Đề tài: Kỹ năng nghề nghiệp của Nhà báo chính luận truyền hình trong Môi trường truyền thông số

DANH SÁCH TỪ KHÓA:

(Lấy mẫu phân tích các chương trình chính luận truyền hình trên kênh VTV1, HTV9, NTV từ tháng 1/2023 đến 1/2025)

Từ khóa cấp 1

Mạng xã hội

Số, Online, trực tuyến

Từ khóa cấp 2

Dư luận;

Cư dân;

Ý kiến;

Thông tin;

Tư liệu;

Nguồn;

Bản quyền;

Kiểm chứng (xác thực, check);

Tìm kiếm;

Tranh luận;

Thảo luận;

Khán giả;

Khảo sát;

Bình chọn;

Nền tảng;

Website (tên website của Đài như vtv.vn, truyenhinhnghean.vn, htv.com.vn)

Facebook;

Youtube;

X (Twitter);

Tiktok;

App (tên ứng dụng OTT của Đài như VTVgo, NTVgo, HTVC, HTVonline)

Tài khoản;

Bình luận (comment);

Share;

Like;

Tương tác;

Hình ảnh;

Video;

Con số;

Dữ liệu;

Điện thoại di động(điện thoại thông minh, smartphone);

Kết nối;

Livestream;

PHỤ LỤC II
BỘ MÃ HÓA THÔNG TIN KỸ NĂNG NGHIỆP CỦA NHÀ BÁO CHÍNH
LUẬN TRUYỀN HÌNH TRONG MÔI TRƯỜNG TRUYỀN THÔNG SỐ

A. Thông tin cơ bản về mẫu nghiên cứu:

- 1. Tên kênh truyền hình**
 - Kênh VTV1
 - Kênh HTV9
 - Kênh NTV
- 2. Tên chuyên mục (ghi cụ thể)**
- 3. Tiêu đề chương trình (ghi cụ thể theo tit hiện lên khi vào đầu chương trình)**
- 4. Tên nhà báo dẫn chương trình (ghi theo bút danh sử dụng khi dẫn chương trình)**
- 5. Ngày phát sóng (ghi cụ thể ngày, tháng, năm)**
- 6. Độ dài thời lượng (tính theo đơn vị phút)**
- 7. Hình thức phát sóng**
 - Trực tiếp
 - Ghi băng trước
- 8. Thể loại chương trình:**
 1. Bình luận
 2. Đàm thoại
- 9. Chương trình có phiên bản nguyên vẹn hoặc biên tập chỉnh sửa (bao gồm cả phiên bản nhằm mục đích quảng bá) trên các nền tảng khác hay không (ghi rõ nền tảng)**
 - Youtube
 - Facebook
 - App
 - Tiktok
 - Website
 - Các nền tảng khác
- 10. Các từ khóa được đề cập trong nội dung chương trình (bao gồm cả lời dẫn, lời bình, đàm thoại và các bảng chữ xuất hiện trong chương trình)**

Từ khóa cấp 1
 Mạng xã hội
 Số, Online, trực tuyến

Từ khóa cấp 2
 Dự luận;
 Cư dân;
 Ý kiến;
 Thông tin;
 Tư liệu;
 Nguồn;
 Bản quyền;
 Kiểm chứng (xác thực, check)
 Tìm kiếm;
 Tranh luận;
 Thảo luận;

Khán giả;
 Khảo sát;
 Bình chọn;
 Nền tảng;
 Website (tên website của Đài như vtv.vn, truyenhinhnghean.vn, htv.com.vn)
 Facebook;
 Youtube;
 X (Twitter);
 Tiktok;
 App (tên ứng dụng OTT của Đài như VTVgo, NTVgo, HTVC, HTV online)
 Tài khoản;
 Bình luận (comment);
 Share;
 Like;
 Tương tác;
 Hình ảnh;
 Video;
 Con số;
 Dữ liệu;
 Điện thoại di động (smartphone, điện thoại thông minh);
 Kết nối;
 Livestream;

B. Phân tích chương trình:

B1. Phân tích chương trình chính luận truyền hình cả nội dung (lời dẫn, đàm thoại, phóng sự) và hình ảnh (ảnh, video, bảng chữ, đồ họa, backdrop ...) để ghi nhận những thông tin sau đây liên quan tới KNNN của NBCLTH trong MTTTS

B1.1 Kỹ năng nắm bắt dư luận và tương tác với công chúng số:

- * Nội dung chương trình có liên quan dư luận trên MXH thể hiện trong
 - lời dẫn:
 - đàm thoại:
 - phóng sự:
 - hình ảnh: (nêu cụ thể ảnh, video, bảng chữ, đồ họa, backdrop...)
 - các hình thức khác: (nêu cụ thể)
- * Đề cập và phản hồi ý kiến công chúng thể hiện trong
 - lời dẫn
 - đàm thoại:
 - phóng sự:
 - hình ảnh: : (nêu cụ thể là ảnh, video, bảng chữ, đồ họa, backdrop...)
 - các hình thức khác: (nêu cụ thể)
- * Có sử dụng nội dung/ kết quả khảo sát, bình chọn, diễn đàn thảo luận trên các nền tảng số do chương trình khởi tạo thể hiện trong
 - lời dẫn:
 - phóng sự:
 - đàm thoại:
 - hình ảnh: : (nêu cụ thể là ảnh, video, bảng chữ, đồ họa, backdrop...)
 - các hình thức khác: (nêu cụ thể)

* Tài khoản MXH hoặc thông tin cá nhân (email, điện thoại) của người dẫn hoặc chương trình được nhắc tới hoặc xuất hiện trong:

- lời dẫn:
- phóng sự:
- đàm thoại:
- hình ảnh: : (nêu cụ thể là ảnh, video, bảng chữ, đồ họa, backdrop...)
- các hình thức khác: (nêu cụ thể)

B1.2 Kỹ năng thu thập thông tin, tư liệu trên nền tảng số

* Nội dung hoặc hình ảnh từ nguồn MXH được nhắc tới hoặc xuất hiện trong

- lời dẫn:
- phóng sự:
- đàm thoại:
- hình ảnh: : (nêu cụ thể là ảnh, video, bảng chữ, đồ họa, backdrop...)
- các hình thức khác: (nêu cụ thể)

* Nếu có, thì có nêu rõ nguồn gốc trích dẫn hoặc bản quyền đối với chất liệu đó, thể hiện trong

- lời dẫn:
- phóng sự:
- đàm thoại:
- hình ảnh: : (nêu cụ thể là ảnh, video, bảng chữ, đồ họa, backdrop...)
- các hình thức khác: (nêu cụ thể)

B1.3. Kỹ năng sử dụng AI

* Có chất liệu nội dung hoặc hình ảnh được giới thiệu là sử dụng AI hoặc dán nhãn AI, xuất hiện trong

- lời dẫn:
- phóng sự:
- đàm thoại:
- hình ảnh: (nêu cụ thể là ảnh, video, bảng chữ, đồ họa, backdrop...)
- các hình thức khác: (nêu cụ thể)

B1.4. Kỹ năng sử dụng dữ liệu:

* Các con số, dữ liệu được chọn lọc tổng hợp, phân tích trong

- lời dẫn:
- Phóng sự:
- Đàm thoại:
- Hình ảnh: (nêu cụ thể là ảnh, video, bảng chữ, đồ họa, backdrop...)
- các hình thức khác: (nêu cụ thể)

B1.5. Kỹ năng làm báo bằng điện thoại di động

* Có sử dụng âm thanh, hình ảnh ghi và dựng bằng điện thoại di động trong:

- lời dẫn: (mô tả cụ thể độ dài, nội dung, hình thức)
- đàm thoại: (mô tả cụ thể độ dài, nội dung, hình thức)
- phóng sự: (mô tả cụ thể độ dài, nội dung và hình thức)
- Hình ảnh (nêu cụ thể là ảnh, video, bảng chữ, đồ họa, backdrop...)
- các hình thức khác: (mô tả cụ thể)

B1.6. Kỹ năng kết nối và phỏng vấn online

* Có trích ý kiến, quan điểm của các chuyên gia không trực tiếp có mặt tại trường quay, thể hiện trong

- lời dẫn

- đàm thoại
- phóng sự
- hình ảnh (ảnh, video, bảng chữ, đồ họa, backdrop..)
- các hình thức khác
 - * Có sử dụng hình thức phỏng vấn online trực tiếp hoặc ghi băng thể hiện trong
- đàm thoại
- phóng sự:
- hình thức khác: (nêu cụ thể)

B1.7. Kỹ năng dẫn chương trình phù hợp với công chúng số:

- *Người dẫn sử dụng ngôn ngữ ứng khẩu, không lệ thuộc vào kịch bản soạn trước
- không sử dụng
- sử dụng 1-2 lần trong chương trình
- sử dụng thường xuyên (hơn 3 lần trong một chương trình)
- *Người dẫn có ngôn ngữ cử chỉ linh hoạt
- không có cử chỉ linh hoạt
- có cử chỉ linh hoạt 1-2 lần trong chương trình
- thường xuyên (hơn 3 lần trong một chương trình)

B2. Phân tích các phiên bản chương trình trên nền tảng số

B2.1. Kỹ năng dẫn chương trình đa phương tiện và trên đa nền tảng

*Nhà báo có dẫn các phiên bản của chương trình (bao gồm cả phiên bản mục đích quảng bá...) trên các phương tiện và nền tảng khác

- phát thanh: (mô tả cụ thể phiên bản độ dài, nội dung, thể hiện)
- podcast: (mô tả cụ thể phiên bản độ dài, nội dung, thể hiện)
- youtube: (mô tả cụ thể phiên bản độ dài, nội dung, thể hiện)
- các nền tảng khác: (mô tả cụ thể phiên bản độ dài, nội dung, thể hiện)

*Nhà báo có livestream trên các nền tảng MXH về nội dung chương trình

- youtube (nêu cụ thể độ dài, nội dung, thể hiện)
- Facebook (nêu cụ thể độ dài, nội dung, thể hiện)
- Tiktok (nêu cụ thể độ dài, nội dung, thể hiện)
- App (nêu cụ thể độ dài, nội dung, thể hiện)
- Các nền tảng khác (nêu cụ thể độ dài, nội dung, thể hiện)

B2.3. Các sự cố hoặc khiếu nại liên quan tới chương trình được ghi nhận trên báo chí và mạng xã hội:

- Sự cố liên quan thông tin thiếu chính xác, thiếu kiểm chứng (nêu cụ thể)
- Sự cố liên quan tranh chấp bản quyền (nêu cụ thể)

CÂU HỎI PHÒNG VẤN SÂU NHÀ BÁO

Tên (bút danh):

Tuổi:

Dẫn chương trình:

Kênh:

Phòng, ban công tác:

Chức vụ:

Số năm kinh nghiệm làm báo:

Số năm kinh nghiệm dẫn chương trình chính luận truyền hình:

Thời gian tiến hành phỏng vấn:

NỘI DUNG PHÒNG VẤN:

1. Ông/bà đánh giá như thế nào về vai trò của việc lắng nghe, phân tích dư luận trên mạng xã hội trong việc lựa chọn đề tài và xây dựng nội dung chương trình chính luận truyền hình?
2. Vì sao hiện nay trong các chương trình chính luận truyền hình còn ít đề cập tới các nội dung trên mạng xã hội?
3. Ông/bà có thể chia sẻ kinh nghiệm về cách quảng bá trên các nền tảng số để tăng cường sức lan tỏa và ảnh hưởng của chương trình? Ông/ bà có sử dụng các công cụ tối ưu hóa tìm kiếm (SEO) cho chương trình hay không ? Nếu có hãy chia sẻ kinh nghiệm về hoạt động này?
4. Những thách thức nào ông/bà gặp phải khi tương tác với công chúng trên nền tảng số, và giải pháp của ông/bà là gì?
5. Hiện nay việc nhà báo tương tác với công chúng trên nền tảng số còn rất ít ỏi, đâu là lý do chính theo ông/bà?
6. Theo ông/ bà nhà báo chính luận có nên đăng tải trên MXH các nội dung bình luận, phân tích, và quan điểm đối với các chủ đề thời sự hay không? Vì sao ? Ông / bà có thể chia sẻ kinh nghiệm về hoạt động này (nếu có)?
7. Ông/bà sử dụng những công cụ tìm kiếm nào để thu thập thông tin cho các chương trình chính luận?
8. Theo ông/bà, việc thu thập thông tin trên nền tảng số có những ưu điểm và hạn chế gì so với các nguồn thông tin truyền thống? Cần lưu ý gì khi thu thập thông tin trên nền tảng số ?
9. Theo ông/ bà nhà báo chính luận truyền hình cần làm gì để không vi phạm bản quyền khi sử dụng thông tin thu thập trên MXH?
10. Ông/bà đã có kinh nghiệm sử dụng AI trong sản xuất chương trình chính luận truyền hình chưa? Nếu có, xin chia sẻ cụ thể.
11. Ông/bà thấy AI có thể hỗ trợ nhà báo trong những công đoạn nào của quá trình sáng tạo chương trình chính luận truyền hình ?
12. Những lo ngại của ông/bà về việc sử dụng AI trong báo chí là gì? Tại tòa soạn của ông/ bà đã có quy định về sử dụng AI trong chương trình hay chưa? Nếu có đó là quy định gì? Giải pháp nào để kiểm soát và sử dụng AI hiệu quả
13. Ông/bà đánh giá như thế nào về sử dụng điện thoại di động để sản xuất các chất liệu trong chương trình chính luận truyền hình? Mặt tích cực và hạn chế?
14. Vì sao các chương trình chính luận truyền hình hầu như chưa sử dụng chất liệu từ điện thoại di động?
15. Theo ông/bà, việc sử dụng dữ liệu giúp tăng tính thuyết phục và hấp dẫn cho các

chương trình chính luận truyền hình ra sao?

16. Làm thế nào để sử dụng dữ liệu tốt hơn trong chương trình chính luận?

17. Ông/bà có biết tới báo chí dữ liệu hay không? Ông/ bà có sử dụng báo chí dữ liệu trong chương trình chính luận truyền hình hay không? Nếu có thì sử dụng ra sao? Nếu không thì vì sao?

18. Vì sao trong các chương trình chính luận truyền hình, nhiều dữ liệu được sử dụng nhưng lại không nêu rõ nguồn?

19. Theo ông/bà trong môi trường truyền thông số, vai trò của người dẫn chương trình đã thay đổi như thế nào? Những yếu tố nào tác động tới phong cách dẫn của nhà báo chính luận truyền hình ngày nay (yếu tố cá nhân, format chương trình, yêu cầu của tòa soạn, môi trường truyền thông thay đổi, hay yếu tố nào khác..)?

20. Ông/ bà có tham gia dẫn chương trình trên nền tảng số không? Nếu có thì dẫn những chương trình gì và trên nền tảng nào? Nếu không thì vì sao?

21. Khi nào thì có thể sử dụng phỏng vấn và đàm thoại online trong chương trình chính luận truyền hình? Vai trò và hiệu quả của các cuộc đàm thoại online đối với các chương trình chính luận truyền hình? Ông/bà có duy trì mạng lưới khách mời online hay không?

22. Theo ông/ bà đâu là những khó khăn lớn nhất đối với nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số phát triển mạnh như hiện nay?

23. Có quan điểm cho rằng chính luận không phù hợp với môi trường truyền thông số, nên nhà báo chính luận truyền hình khó (thậm chí không cần) đòi hỏi kỹ năng nghề nghiệp. Ý kiến của ông/ bà về quan điểm này?

24. Đâu là những yếu tố giúp nhà báo chính luận truyền hình có thể cập nhật kỹ năng trong môi trường truyền thông số một cách hiệu quả hơn? (cơ chế chính sách, tổ chức bộ máy, môi trường công tác, công tác đào tạo, format chương trình, bản thân nhà báo? ...)

Ông/ bà có được đào tạo về kỹ năng số hay không? Ở đâu, khi nào, nội dung nào và tính chất khóa học?

CÂU HỎI PHÒNG VẤN SÂU NHÀ QUẢN LÝ

Tên :
Tuổi:
Phòng, ban công tác:
Chức vụ:
Số năm kinh nghiệm làm báo:
Số năm kinh nghiệm làm quản lý:
Thời gian tiến hành phỏng vấn:

NỘI DUNG PHÒNG VẤN:

- 1.Theo ông/bà, vai trò của nhà báo chính luận truyền hình đã thay đổi như thế nào trong môi trường truyền thông số hiện nay?
2. Ông/bà đánh giá như thế nào về thực trạng kỹ năng nghề nghiệp của đội ngũ nhà báo chính luận truyền hình của đài trong môi trường truyền thông số hiện nay?
- 3.Theo ông/bà, những kỹ năng nào là quan trọng nhất đối với một nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số? (Kỹ năng nắm bắt dư luận và tương tác công chúng số, kỹ năng thu thập thông tin trên nền tảng số, kỹ năng làm báo di động, kỹ năng sử dụng AI, kỹ năng báo chí dữ liệu, kỹ năng phỏng vấn online, kỹ năng dẫn chương trình đa nền tảng...) Vì sao?
4. Theo ông/ bà các nhà báo chính luận truyền hình có nên tích cực bày tỏ quan điểm và tương tác trên MXH về các chủ đề thời sự hay không? Vì sao?
5. Đơn vị đã có những biện pháp gì để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ nhà báo chính luận truyền hình trong thời gian qua?
6. Đơn vị ông/bà có ban hành quy định, quy trình, quy chế gì hướng dẫn cho các nhà báo chính luận truyền hình về việc tham gia MXH hay chưa?
7. Đơn vị có cơ chế gì khuyến khích nhà báo chính luận truyền hình phát triển các kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường truyền thông số?
8. Đơn vị có tổ chức đào tạo cho các nhà báo chính luận về các kỹ năng trong môi trường truyền thông số hay không? Nếu có thì là những khóa đào tạo về kỹ năng nào, thời gian và tính chất? Nếu không thì vì sao?
9. Đơn vị có thay đổi các format chương trình chính luận truyền hình để phù hợp với công chúng số hay không? Nếu có thì như thế nào? Nếu không thì vì sao ?
10. Đơn vị ông/bà đã xây dựng mô hình tòa soạn hội tụ hay chưa? Nếu có thì các nhà báo chính luận truyền hình có vai trò như thế nào trong tòa soạn hội tụ?
11. Ông/bà có nhận định gì về sự khác biệt giữa kỹ năng của nhà báo chính luận truyền hình truyền thống và nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số?
12. Theo ông/bà, việc nhà báo chính luận truyền hình có đầy đủ kỹ năng trong môi trường truyền thông số sẽ mang lại những lợi ích gì cho khán giả và xã hội?
13. Nếu không chú trọng đến việc nâng cao kỹ năng cho nhà báo chính luận truyền hình, đài truyền hình sẽ phải đối mặt với những thách thức nào?
Hãy nêu nhận định ngắn gọn của ông/ bà về vai trò của các chương trình chính luận truyền hình, và vai trò của nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số?
14. Theo ông/bà, đâu là những thách thức lớn nhất trong việc nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số?
15. Theo ông/bà, cần có những giải pháp gì để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số?
16. Đơn vị có kế hoạch gì để đầu tư vào việc đào tạo và bồi dưỡng kỹ năng cho đội ngũ

nhà báo trong thời gian tới?

17. Ông/bà có thể chia sẻ kinh nghiệm của đơn vị trong việc ứng dụng các công nghệ mới vào hoạt động sản xuất các chương trình chính luận và tương tác với khán giả được không?

18. Theo ông/bà, đâu là những phẩm chất cần có của một nhà báo chính luận truyền hình trong thời đại số?

CÂU HỎI PHÒNG VẤN SÂU CHUYÊN GIA

Tên :
Tuổi:
Đơn vị công tác:
Chức vụ:
Lĩnh vực chuyên môn:
Số năm kinh nghiệm
Thời gian tiến hành phỏng vấn:

NỘI DUNG PHÒNG VẤN:

1. Theo ông/bà, sự phát triển của truyền thông số đã tác động như thế nào đến báo chí chính luận truyền hình?
2. Có ý kiến cho rằng chính luận không phù hợp với môi trường truyền thông số, vì vậy nhà báo chính luận truyền hình khó phát huy trong bối cảnh truyền thông số. Ông/bà nghĩ sao về ý kiến này?
3. Ông/bà đánh giá như thế nào về vai trò của chương trình chính luận truyền hình và các nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường truyền thông số hiện nay?
4. Theo ông/bà, những kỹ năng nào là quan trọng nhất đối với nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường số? (Kỹ năng nắm bắt dư luận và tương tác với công chúng số, kỹ năng thu thập thông tin trên nền tảng số, kỹ năng báo chí di động, kỹ năng dẫn chương trình đa nền tảng, kỹ năng sử dụng AI, ...)? Vì sao?
5. Theo ông/ bà các nhà báo chính luận truyền hình có nên tích cực bày tỏ quan điểm và tương tác trên MXH về các chủ đề thời sự hay không? Vì sao?
6. Theo ông/bà, những thách thức nào đang đặt ra đối với nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường số?
7. Những thách thức này có ảnh hưởng như thế nào đến chất lượng và hiệu quả của báo chí chính luận?
8. Theo ông/bà, cần có những giải pháp gì để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho nhà báo chính luận truyền hình trong môi trường số? (từ góc độ cơ chế chính sách, đào tạo, quản lý, môi trường cơ quan báo chí, lãnh đạo chỉ đạo, nhận thức của nhà báo...)
9. Ông/ bà có lời khuyên nào đối với nhà báo chính luận truyền hình và các kênh truyền hình chính luận trong môi trường truyền thông số ?

PHỤ LỤC 1

Kết quả khảo sát định tính và định lượng dựa trên biên bản phỏng vấn sâu và kết quả khảo sát các chương trình CLTH trên 3 kênh VTV1, HTV9 và NTV. Tác giả mã hoá và xử lý phân tích các chương trình CLTH trên 3 kênh TH trong thời gian từ 1/1/2023 đến tháng 1/1/2025, với số lượng như sau:

+ VTV1: 550 chương trình bao gồm 100 chương trình Sự kiện & Bình luận, 300 chương trình Vấn đề hôm nay, 110 chương trình Toàn cảnh thế giới, 20 chương trình Tiêu điểm kinh tế, 20 chương trình Đối diện

+ HTV9: 100 chương trình bao gồm 50 chương trình Góc nhìn HTV, 50 chương trình Người trong cuộc

+ NTV: 50 chương trình bao gồm 20 chương trình Bàn tròn thể sự, 30 chương trình Tọa đàm cùng chúng tôi

1. Kết quả phân tích mã hóa

Bảng 1: Ma trận tần suất mã hóa:

Kỹ năng nghề nghiệp	Tần suất xuất hiện trong PVS (%)	Độ bao phủ (Coverage %)	Tổng số phát ngôn
Nắm bắt dư luận & tương tác công chúng	22,4	28,6	157
Thẩm định & xác thực thông tin	19,7	23,4	138
Sử dụng công nghệ số & AI	15,2	17,8	102
Đạo đức nghề nghiệp & phản biện xã hội	14,6	16,2	95
Quản trị nội dung & sáng tạo MXH	11,8	9,6	56
Kỹ năng phỏng vấn trực tuyến	9,1	8,7	47
Phân tích & bình luận chuyên sâu	7,2	5,7	33

(Nguồn: Phân tích NVivo 12 Plus - Bộ mã hóa PVS NBCLTH 2025)

→ Từ ma trận này có thể suy ra “nắm bắt dư luận” và “thẩm định thông tin” là kỹ năng cốt lõi đang chiếm ưu thế, trong khi “quản trị nội dung số” và “phỏng vấn trực tuyến” còn yếu.

Bảng 2: Ma trận tần suất, biểu đồ liên chủ đề và sơ đồ liên kết nhận thức

Ma trận tần suất, biểu đồ liên chủ đề và sơ đồ liên kết nhận thức - được thiết kế dựa trên dữ liệu định tính từ hai nguồn: file “Hà chuyên đề 2 - sửa.doc” và file “ghép phỏng vấn sâu.doc”

Chúng phản ánh khách quan mối tương quan giữa các nhóm kỹ năng nghề nghiệp của NBCLTH trong môi trường truyền thông số, được lượng hóa và trực quan hóa đúng quy chuẩn học thuật quốc tế.

Ma trận tần suất chủ đề mã hóa (Matrix Coding Query)

Kỹ năng nghề nghiệp (Node Cấp 1)	Tần suất xuất hiện (%)	Độ bao phủ (Coverage %)	Số lượng phát ngôn (Coding Ref.)	Ghi chú từ NVivo 12 Plus

Kỹ năng nghề nghiệp (Node Cấp 1)	Tần suất xuất hiện (%)	Độ bao phủ (Coverage %)	Số lượng phát ngôn (Coding Ref.)	Ghi chú từ NVivo 12 Plus
Nắm bắt dư luận - Tương tác công chúng	22,4 %	28,6 %	157	Xuất hiện nhiều trong nhóm NBCLTH VTV1, HTV9 - gắn với khái niệm “phản hồi MXH”, “khảo sát dư luận”.
Thẩm định - Xác thực thông tin	19,7 %	23,4 %	138	Liên quan tới kỹ năng kiểm chứng, đối chiếu nguồn MXH, phát ngôn chuyên gia.
Sử dụng công nghệ số và AI	15,2 %	17,8 %	102	Chủ yếu mã hóa ở nhóm trẻ (HTV9, NTV); liên hệ “AI giúp kiểm tra nguồn tin”.
Đạo đức nghề nghiệp - Phản biện xã hội	14,6 %	16,2 %	95	Xuất hiện đồng đều ở 3 đài; liên quan vấn đề “áp lực dư luận”, “tính chuẩn mực”.
Quản trị và sáng tạo nội dung MXH	11,8 %	9,6 %	56	Gắn với vai trò NBCLTH trên MXH cá nhân và kênh Đài.
Kỹ năng phỏng vấn trực tuyến	9,1 %	8,7 %	47	Tăng mạnh sau 2023, gắn với các chương trình “livestream”.
Kỹ năng phân tích - bình luận	7,2 %	5,7 %	33	Liên quan đến “bình luận chính luận” và “định hướng công chúng”.

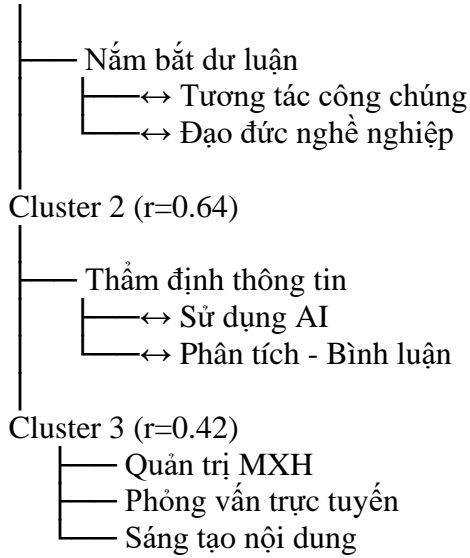
Bảng 3: Sơ đồ liên kết nhận thức (Concept Map - Cognitive Network)

Trung tâm nhận thức: “NBCLTH - Tác nhân định hướng dư luận xã hội”.

Các nhánh chính và mối liên hệ nhận thức được xác lập qua NVivo Mind Map:

Trục nhận thức	Mối liên hệ chủ đạo	Nội dung nhận diện trong dữ liệu
Trục 1: Dư luận - Định hướng - Công chúng	“Phản hồi → Tương tác → Lan tỏa → Tác động ngược về nội dung chính luận”	Các NBCLTH đều thừa nhận vai trò tương tác hai chiều trong MTTTS.
Trục 2: AI - Xác thực - Niềm tin công chúng	“AI → Phân tích → Kiểm chứng → Minh bạch”	Ứng dụng AI trong xác thực nguồn tin được xem như giải pháp mới.
Trục 3: Đạo đức - Trách nhiệm - Ảnh hưởng xã hội	“Chuẩn mực → Thái độ → Tác động xã hội → Niềm tin”	Tính định hướng và thái độ chính luận là trọng tâm nhận thức nghề.

Cluster 1 (r=0.79)



2. Kết quả phân tích định lượng

Bảng 1.1. Tỷ lệ NBCLTH có sử dụng công cụ số trong các công đoạn sản xuất chương trình

Công đoạn sản xuất	Có sử dụng AI (%)	Có sử dụng MXH (%)	Không sử dụng (%)
Thu thập thông tin	68.0	82.5	18.0
Phân tích dữ liệu	47.5	61.0	39.0
Biên tập - dựng hình	36.0	42.0	58.0
Thiết kế đồ họa minh họa	29.0	31.0	69.0
Kiểm chứng và trích nguồn	40.5	45.0	54.5

(Nguồn xử lý từ khảo sát 690 chương trình CLTH tại VTV1, HTV9, NTV, 2023-2025)

Bảng 1.2. Mức độ nhận thức của NBCLTH về rủi ro đạo đức khi sử dụng AI

Mức độ lo ngại	Tỷ lệ (%)	Trích phát biểu tiêu biểu
Rất lo ngại	45.6	“Rủi ro đạo đức với các giá trị cốt lõi của báo chí, bao gồm tính chính xác, công bằng và minh bạch” (PVS NB16)
Có lo ngại	33.8	“Nguy cơ giảm tính chính xác và tin cậy của công chúng” (PVS NB15)
Ít lo ngại	12.5	“Tôi chỉ dùng AI cho thao tác kỹ thuật, luôn có kiểm duyệt lại” (PVS NB20)
Không lo ngại	8.1	“AI chỉ là công cụ hỗ trợ, không ảnh hưởng đến bản sắc người làm báo” (PVS NB07)

Bảng 1.3. Biện pháp kiểm soát phụ thuộc AI (SPSS Crosstab)

Biện pháp	Tỷ lệ áp dụng (%)	Hiệu quả được đánh giá (%)
Kiểm chứng lại thông tin AI	68.4	79.0
Giới hạn phạm vi sử dụng (tiền kỳ)	55.2	71.5

Biện pháp	Tỷ lệ áp dụng (%)	Hiệu quả được đánh giá (%)
Kiểm duyệt kép (người - máy)	39.5	65.2
Cung cấp dữ liệu gốc nội bộ	28.6	59.4

Mức độ trung bình (Mean): 47.9 Độ lệch chuẩn (SD): 16.3
(Nguồn: Phỏng vấn sâu 25 NBCLTH và 4 nhà quản lý, HTV - VTV - NTV, 2025)ghép phỏng vấn sâu

Biểu đồ SPSS mô phỏng (Bar chart)

Biện pháp kiểm soát AI (%)



Kiểm chứng Giới hạn Kiểm duyệt kép Dữ liệu gốc

3. Kết quả phân tích định tính

Bảng 2.1. Ma trận mã hóa chủ đề (NVivo 12)

Chủ đề mã hóa	Tần suất xuất hiện trong PVS (%)	Mức độ tích cực (+)	Mức độ tiêu cực (-)	Ví dụ điển hình
Nhận thức về AI là công cụ hỗ trợ nghề nghiệp	84	+	-	“AI giúp tìm kiếm và tổng hợp thông tin nhanh chóng hơn” (NBCLTH HTV9)
Lo ngại đạo đức và tính chính xác	79	-	+	“AI có thể làm suy yếu tính phản biện và trung thực nghề báo” (VTV1)
Tự chủ kiểm chứng thông tin	65	+	-	“Luôn chủ động viết lại, kiểm tra lại thông tin AI đề xuất” (NB13)
Phụ thuộc kỹ thuật và dữ liệu nguồn	53	-	+	“Không dùng AI khi chưa đảm bảo kiểm soát nguồn gốc” (NB11)
Thiếu hướng dẫn - quy chế sử dụng	47	-	+	“Rất cần quy định hướng dẫn cụ thể từ cơ quan báo chí” (NB16)

(Nguồn: NVivo 12 - phân tích 34 transcript phỏng vấn sâu, 2025)

Biểu đồ 2.1. Biểu đồ tròn NVivo - tỷ lệ chủ đề nổi bật trong thảo luận



- ▨ 32% Lo ngại đạo đức - tính chính xác
- ▨ 27% Nhận thức AI hỗ trợ nghề nghiệp
- ▨ 20% Thiếu hướng dẫn - quy chế sử dụng
- ▨ 13% Tự chủ kiểm chứng thông tin
- ▨ 8% Phụ thuộc kỹ thuật & dữ liệu

Bảng 2.2. Ma trận so sánh giữa 3 nhóm đối tượng (Cross-Case NVivo)

Nhóm đối tượng	Nhận thức tích cực (%)	Lo ngại tiêu cực (%)	Mức độ sử dụng AI (%)
Nhà báo CLTH	76.0	62.5	68.0
Nhà quản lý	84.0	55.0	74.0
Chuyên gia	91.0	70.0	80.0

(Tổng hợp từ 25 nhà báo, 4 nhà quản lý, 5 chuyên gia, đối chiếu bảng PVS nhóm 1-3)

3. Phân tích kết quả tổng hợp

- Về mặt định lượng, kết quả cho thấy 68,4% NBCLTH chủ động kiểm chứng lại thông tin AI và 55,2% giới hạn phạm vi sử dụng trong giai đoạn tiền kỳ. Tuy nhiên, chỉ 39,5% có biên tập viên kiểm duyệt kép, phản ánh sự thiếu hệ thống quản lý thống nhất
- Về mặt định tính, NVivo cho thấy các chủ đề “lo ngại đạo đức” và “thiếu quy chế hướng dẫn” chiếm gần 50% tổng tần suất, khẳng định nguy cơ phụ thuộc AI không nằm ở năng lực kỹ thuật mà ở khoảng trống thể chế - đạo đức nghề nghiệp.
- Về phương diện nhận thức, cả ba nhóm đối tượng (nhà báo, quản lý, chuyên gia) đều thống nhất AI là công cụ hỗ trợ quan trọng, nhưng chưa thể thay thế năng lực phản biện và bản sắc tư tưởng của báo chí chính luận.